

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 11  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT  
Môn: NGỮ VĂN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2370/ QĐ-BGDĐT ngày 29  
tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2024**

- 1. Chủ trì biên soạn tài liệu: Vụ Giáo dục thường xuyên**
- 2. Tham gia biên soạn Phần chung về Chương trình GDTX cấp THPT**
  - TS. Hoàng Đức Minh - Chủ biên**
  - TS. Đồng Văn Bình - Thành viên**
  - ThS. Lại Thị Thu Thúy - Thành viên**
- 3. Tham gia biên soạn phần môn học Ngữ văn**
  - PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Vân - Chủ biên**
  - TS. Nguyễn Thị Hương Lan - Thành viên**
  - TS. Phùng Thị Vân Anh - Thành viên, Thư ký**

## LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/7/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT) có hiệu lực bắt đầu từ khóa tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023. Theo quy định của Thông tư số 12, sách giáo khoa của Chương trình GDTX dùng chung sách giáo khoa của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở GDTX, GV tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX cấp THPT và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX đã tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT các môn học Toán học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lý, Hóa học và Sinh học.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp GV, cán bộ quản lý tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX).

Nội dung tài liệu cấu trúc gồm 3 phần:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai. Giới thiệu Chương trình GDTX cấp THPT môn học Ngữ văn: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình lớp 11 môn Ngữ văn, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Phần thứ ba. Hướng dẫn tổ chức dạy học môn học Ngữ văn lớp 11 Chương trình GDTX cấp THPT: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất của từng nội dung/chủ đề cũng như cách thức tổ chức tiến hành dạy học để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện. Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

**Các tác giả**

## KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Các từ viết tắt	Viết đầy đủ
1	CD	Cánh điều
2	CTST	Chân trời sáng tạo
3	ĐGĐK	Đánh giá định kì
4	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
5	GDTX	Giáo dục thường xuyên
6	GV	Giáo viên
7	GDPT	Giáo dục phổ thông
8	GDDT	Giáo dục đào tạo
9	HV	Học viên
10	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
11	KHBD	Kế hoạch bài dạy
12	KHGD	Kế hoạch giáo dục
13	KNTT	Kết nối tri thức với cuộc sống
14	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
15	TCM	Tổ chuyên môn
16	THCS	Trung học cơ sở
17	THPT	Trung học phổ thông
18	PPDH	Phương pháp dạy học
19	QTDH	Quá trình dạy học
20	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

# MỤC LỤC

<b>KÝ HIỆU VIẾT TẮT</b> .....	4
<b>Phần thứ nhất</b> .....	7
<b>NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG</b> .....	7
<b>I. MỤC TIÊU</b> .....	7
<b>II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC</b> .....	7
1. Yêu cầu về phẩm chất .....	7
2. Yêu cầu về năng lực .....	7
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	8
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học .....	13
<b>III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC</b> .....	14
1. Nội dung giáo dục .....	14
2. Thời lượng giáo dục .....	16
<b>Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT</b> .....	17
<b>IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC</b> .....	18
1. Định hướng về phương pháp giáo dục .....	18
2. Hình thức tổ chức dạy học .....	18
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục.....	19
<b>Phần thứ hai</b> .....	21
<b>GIỚI THIỆU MÔN NGỮ VĂN LỚP 11 TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT</b> .....	21
<b>I. MỤC TIÊU MÔN NGỮ VĂN CẤP THPT</b> .....	21
1. Mục tiêu chung.....	21
2. Mục tiêu cụ thể.....	21
<b>II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC</b> .....	22
1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	22
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù.....	22
<b>III. NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN NGỮ VĂN LỚP 11</b> .....	23
1. Nội dung cốt lõi môn Ngữ văn lớp 11 .....	23
2. Nội dung các chuyên đề học tập .....	28
<b>IV. HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX MÔN NGỮ VĂN LỚP 11</b> .....	29
1. Thời lượng dạy học môn Ngữ văn lớp 11 .....	29
2. Định hướng đổi mới PPDH môn Ngữ văn .....	30
3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn .....	30

4. Hướng dẫn về thiết bị dạy học .....	32
<b>Phần thứ ba</b> .....	33
<b>HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN LỚP 11</b> .....	33
<b>I. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỌC, VIẾT, NÓI VÀ NGHE</b> ...	33
1. Hướng dẫn tổ chức dạy học Đọc và thực hành tiếng Việt .....	33
2. Hướng dẫn tổ chức dạy học Viết .....	54
3. Hướng dẫn tổ chức dạy học Nói và Nghe .....	58
<b>II. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY</b> .....	61
<b>A. HƯỚNG DẪN CHUNG</b> .....	61
1. Phân tích yêu cầu cần đạt của Chương trình .....	61
2. Xác định mục tiêu dạy học .....	62
3. Xác định phương pháp và cách thức tổ chức dạy học.....	64
<b>B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA</b> .....	667
(1) <b>Bộ SGK Chân trời sáng tạo: Bài 9. Những chân trời kí ức (truyện, truyện kí)</b> .....	67
(2) <b>Bộ SGK Kết nối tri thức với cuộc sống: Bài 2. Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình</b> .....	101
(3) <b>Bộ SGK Cánh diều: Bài 4. Văn bản thông tin</b> .....	145
<b>III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP</b> .....	168
<b>IV. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ</b> .....	196
1. Xây dựng chuẩn đánh giá theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn 11 GDTX.....	196
2. Thiết kế bộ đề đánh giá định kì (bài test) dựa trên chuẩn năng lực .....	202
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	225

---

---

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH  
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**I. MỤC TIÊU**

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình GDPT 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực; phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

**II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC**

**1. Yêu cầu về phẩm chất**

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**2. Yêu cầu về năng lực**

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực khoa học; năng lực công nghệ; năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ.

### 3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

#### a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

<b>Phẩm chất</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<b>Yêu nước</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.</li><li>- Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</li><li>- Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.</li><li>- Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.</li><li>- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.</li></ul>
<b>Nhân ái</b>	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác.</li><li>- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</li><li>- Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.</li></ul>
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.</li><li>- Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.</li></ul>
<b>Chăm chỉ</b>	
Ham học	<ul style="list-style-type: none"><li>- Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.</li><li>- Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.</li></ul>
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng.</li><li>- Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động.</li></ul>



	- Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
<b>Trung thực</b>	- Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
<b>Trách nhiệm</b>	
Trách nhiệm với bản thân	- Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Trách nhiệm đối với gia đình	- Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. - Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.
Trách nhiệm với nhà trường và xã hội	- Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của nhà trường và xã hội. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.
Trách nhiệm với môi trường sống	- Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

<b>Năng lực</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<b>Năng lực tự chủ và tự học</b>	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.

Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan.</li> <li>- Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực.</li> <li>- Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống.</li> <li>- Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.</li> </ul>
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh được hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới.</li> <li>- Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới trong cuộc sống.</li> </ul>
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân.</li> <li>- Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân.</li> <li>- Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.</li> </ul>
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.</li> <li>- Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.</li> <li>- Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.</li> <li>- Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.</li> </ul>

<b>Năng lực giao tiếp và hợp tác</b>	
Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.</li> <li>- Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.</li> <li>- Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.</li> <li>- Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp.</li> <li>- Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.</li> </ul>
Thiết lập và phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.</li> <li>- Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.</li> </ul>
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.

Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.</li> <li>- Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương.</li> <li>- Biết tìm đọc tài liệu phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.</li> </ul>
<b>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp;</li> <li>- Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động.</li> <li>- Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao.</li> </ul>

	- Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

#### **4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học**

##### ***a) Năng lực ngôn ngữ***

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

##### ***b) Năng lực tính toán***

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

##### ***c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)***

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lí...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

#### ***d) Năng lực công nghệ***

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kĩ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

#### ***đ) Năng lực tin học***

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

#### ***e) Năng lực thẩm mĩ***

Năng lực thẩm mĩ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mĩ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mĩ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mĩ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mĩ đối với HV ở mỗi lớp học được quy định trong Chương trình môn Ngữ văn.

### **III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp THCS theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

#### **1. Nội dung giáo dục**

Chương trình GDTX cấp THPT bao gồm: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là môn học lựa chọn); các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

Học viên chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp. Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào các mạch nội dung chính: hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Sinh hoạt dưới cờ do Ban Giám đốc phối hợp với Đoàn thanh niên phụ trách; hoạt động giáo dục theo chủ đề do GV chủ nhiệm hoặc GV bộ môn phụ trách theo các chủ đề được quy định trong Chương trình GDPT 2018; sinh hoạt lớp do GV chủ nhiệm phụ trách.

c) Các chuyên đề học tập

- Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Các môn học: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm GDTX).

- Chuyên đề học tập của môn học do GV dạy môn học đó tổ chức thực hiện. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm GDTX có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

đ) Hoạt động giáo dục tự chọn: Nội dung giáo dục địa phương

- Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

## **2. Thời lượng giáo dục**

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.



Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

**Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT:**

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
<b>Môn học bắt buộc</b>	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
<b>Môn học lựa chọn</b>	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
<b>Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc ( 3 cụm chuyên đề của môn học)</b>		105	105	105
<b>Hoạt động giáo dục bắt buộc</b>	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
<b>Môn học tự chọn</b>	Ngoại ngữ	105	105	105
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105
<b>Hoạt động giáo dục tự chọn</b>	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
<b>Tổng số tiết học/năm học (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)</b>		<b>752</b>	<b>752</b>	<b>752</b>
<b>Số tiết học trung bình/tuần (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)</b>		<b>21,5</b>	<b>21,5</b>	<b>21,5</b>
<b>Tổng số tiết học/năm học (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)</b>		<b>997</b>	<b>997</b>	<b>997</b>
<b>Số tiết học trung bình/tuần (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)</b>		<b>28,5</b>	<b>28,5</b>	<b>28,5</b>

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT và sự lựa chọn của HV về các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập, môn học tự chọn và hoạt động giáo dục tự chọn, các trung tâm GDTX xây dựng các tổ hợp môn học và kế hoạch giáo dục của trung tâm trên cơ sở vừa bảo đảm đáp ứng nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trung tâm.

#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

##### **1. Định hướng về phương pháp giáo dục**

- Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể...

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

##### **2. Hình thức tổ chức dạy học**

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc lựa chọn và tổ chức dạy học Chương trình GDTX cấp THPT do các trung tâm GDTX quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình.

##### **3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục**

###### **a) Mục tiêu đánh giá**

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác,

kip thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

#### b) Phương thức đánh giá

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc, các hoạt động giáo dục bắt buộc và các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

- Phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do GV phụ trách môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, GV có thể dựa trên quan sát, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do trung tâm GDXT tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT.

- Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

#### c) Yêu cầu đánh giá

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định tại Phần những vấn đề chung và Chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn (nếu có), các hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

- Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình GDĐT cấp THPT.
- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

---

---

**GIỚI THIỆU MÔN NGỮ VĂN LỚP 11  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT**

**I. MỤC TIÊU MÔN NGỮ VĂN CẤP THPT**

**1. Mục tiêu chung**

Hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn Ngữ văn giúp HV khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

Góp phần giúp HV phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Ngữ văn giúp HV phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các văn bản thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.

**2. Mục tiêu cụ thể**

Giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất đã được hình thành ở THCS; mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể: có bản lĩnh, cá tính, có lí tưởng và hoài bão, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

Tiếp tục phát triển các năng lực đã hình thành ở cấp THCS với các yêu cầu cần đạt cao hơn: đọc hiểu được cả nội dung tường minh và hàm ẩn của các loại văn bản với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; đọc hiểu với yêu cầu phát triển tư duy phản biện; vận dụng được các kiến thức về đặc điểm ngôn từ văn học, các xu hướng – trào lưu văn học, phong cách tác giả, tác phẩm, các yếu tố bên trong và bên ngoài văn bản để hình thành năng lực đọc độc lập. Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh tổng hợp (kết hợp các phương thức biểu đạt và các thao tác nghị luận), đúng quy trình, có chủ kiến, đảm bảo logic và có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; có khả

năng nghe và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; biết tham gia và có chủ kiến, cá tính, có thái độ tranh luận phù hợp trong tranh luận.

Phát triển năng lực văn học với yêu cầu: phân biệt được tác phẩm văn học và các tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác; phân tích và nhận xét được đặc điểm của ngôn ngữ văn học; phân biệt được cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong văn học; nhận biết và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học dựa vào đặc điểm phong cách văn học; có trí tưởng tượng phong phú, biết thưởng thức, tiếp nhận và đánh giá văn học; tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

## **II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC**

### **1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung**

Môn Ngữ văn góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học được quy định tại mục II thuộc phần thứ nhất trình bày những vấn đề chung về chương trình GDĐT cấp THPT.

### **2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù**

Đối với cấp THPT, HV cần đạt được yêu cầu về năng lực đặc thù cụ thể như sau:

#### ***a) Năng lực ngôn ngữ***

- Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt và kiến thức về bối cảnh lịch sử, xã hội, tư tưởng, triết học và quan niệm thẩm mỹ của các thời kì để hiểu các văn bản khó hơn (thể hiện qua dung lượng, độ phức tạp và yêu cầu đọc hiểu).

- Biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của văn bản, cách viết và kiểu văn bản. HV có cách nhìn, cách nghĩ về con người và cuộc sống theo cảm quan riêng; thấy được vai trò và tác dụng của việc đọc đối với bản thân.

- Viết thành thạo kiểu văn bản nghị luận và thuyết minh về các đề tài gắn với đời sống và định hướng nghề nghiệp; viết đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt, kiểu lập luận và yếu tố nghệ thuật; có chủ kiến về một vấn đề xã hội.

- Viết được văn bản nghị luận và văn bản thông tin có đề tài tương đối phức tạp; văn bản nghị luận yêu cầu phân tích, đánh giá, so sánh giá trị của tác phẩm văn học; bàn về những vấn đề phù hợp với đối tượng HV, đòi hỏi cấu trúc và kiểu lập luận tương đối phức tạp, bằng chứng cần phải tìm kiếm từ nhiều nguồn; văn bản thuyết minh viết về những vấn đề có tính khoa học dưới hình thức một báo cáo nghiên cứu đúng quy ước; tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.

- Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ, những trải nghiệm và ý tưởng của cá nhân đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản; thể hiện được một cách nhìn, cách nghĩ, cách sống mang đậm cá tính.

- Biết tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau; có thái độ cầu thị và văn hoá tranh luận phù hợp; có khả năng nghe thuyết trình và đánh giá được nội dung và hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; có hứng thú thể hiện chủ kiến, cá tính trong tranh luận; trình bày vấn đề khoa học một cách tự tin, có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; nắm được phương pháp, quy trình tiến hành một cuộc tranh luận.

### ***b) Năng lực văn học***

- Phân tích và đánh giá văn bản văn học dựa trên những hiểu biết về phong cách nghệ thuật và lịch sử văn học. Nhận biết được đặc trưng của hình tượng văn học và một số điểm khác biệt giữa hình tượng văn học với các loại hình tượng nghệ thuật khác (hội hoạ, âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc); phân tích và đánh giá được nội dung tư tưởng và cách thể hiện nội dung tư tưởng trong một văn bản văn học; nhận biết và phân tích được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, câu chuyện, cốt truyện và cách kể chuyện; nhận biết và phân tích được một số đặc điểm phong cách nghệ thuật trong văn học dân gian, trung đại và hiện đại; phong cách nghệ thuật của một số tác giả, tác phẩm lớn.

- Nêu được những nét tổng quát về lịch sử văn học dân tộc (quá trình phát triển, các đề tài và chủ đề lớn, các tác giả, tác phẩm lớn; một số giá trị nội dung và hình thức của văn học dân tộc) và vận dụng vào việc đọc tác phẩm văn học.

- Tạo lập được một số kiểu văn bản văn học thể hiện khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng bằng hình thức ngôn từ mang tính thẩm mỹ.

## **III. NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN NGỮ VĂN LỚP 11**

### **1. Nội dung cốt lõi môn Ngữ văn lớp 11**

Nội dung cốt lõi của môn Ngữ văn lớp 11 GDTX bao gồm các kiến thức cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học và yêu cầu cần đạt về các mạch kỹ năng Đọc, Viết, Nói và Nghe. Cụ thể như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<b>KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT</b> 1. Cách giải thích nghĩa của từ 2. Lỗi về thành phần câu và cách sửa 3.1. Biện pháp tu từ lập cấu trúc, đối: Đặc điểm và tác dụng	<b>ĐỌC</b> <b>ĐỌC HIỂU</b> <b>Văn bản văn học</b> <b>Đọc hiểu nội dung</b> - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>3.2. Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng</p> <p>3.3. Kiểu văn bản và thể loại</p> <p>- Văn nghị luận: Mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với các luận đề; sự phù hợp giữa nội dung với nhan đề của văn bản; mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; các yếu tố thuyết minh, tự sự và biểu cảm trong văn bản nghị luận; bài nghị luận về một vấn đề xã hội; bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa, kiến trúc,...)</p> <p>- Văn bản thông tin: Vai trò của các dữ liệu, thông tin trong việc thể hiện ý tưởng, nội dung chính hay thông điệp của văn bản; một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; nhan đề, mục đích và thái độ của người viết văn bản; bài thuyết minh tổng hợp</p> <p>3.4. Cách trình bày tài liệu tham khảo trong một báo cáo nghiên cứu</p> <p>4.1. Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói</p> <p>4.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...</p> <p><b>KIẾN THỨC VĂN HỌC</b></p> <p>1.1. Chủ thể sáng tạo, thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản</p> <p>1.2. Văn bản có nhiều chủ đề, chủ đề chính và chủ đề phụ; các chủ đề</p>	<p>của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.</p> <p>- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.</p> <p><b>Đọc hiểu hình thức</b></p> <p>- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.</p> <p>- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả ngôn ngữ,...</p> <p>- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p> <p>- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.</p> <p>- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện,...</p>



Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>mang đặc trưng văn hoá dân tộc (tính dân tộc) và các chủ đề mang tính phổ biến trên thế giới (tính nhân loại)</p> <p>1.3. Đặc điểm của ngôn ngữ văn học và tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học</p> <p>2.1. Đặc điểm của truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm, truyện ngắn hiện đại, bi kịch, kí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả ngôn ngữ,...</li> <li>- Truyện ngắn hiện đại: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn và sự thay đổi điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</li> <li>- Bi kịch: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc,...</li> <li>- Sự kết hợp hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí</li> <li>- Tuỳ bút hoặc tản văn: cái tôi trữ tình, kết cấu, ngôn ngữ,...</li> </ul> <p>2.2. Xung đột (mâu thuẫn) bên trong và xung đột bên ngoài</p> <p>2.3. Ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ</p> <p>2.4. Vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố hình thức trong thơ: ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trên văn bản</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tuỳ bút hoặc tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.</li> </ul> <p><b>Liên hệ, so sánh, kết nối</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.</li> <li>- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.</li> </ul> <p><b>Đọc mở rộng</b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 28 văn bản văn học (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.</p> <p><b>Văn bản nghị luận</b></p> <p><b>Đọc hiểu nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản.</li> <li>- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.</li> <li>- Xác định được nội dung và ý nghĩa của văn bản. Nhận biết được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết.</li> </ul> <p><b>Đọc hiểu hình thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phân tích được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>3.1. Cách so sánh hai văn bản văn học viết về cùng một đề tài</p> <p>3.2. Những hiểu biết cơ bản về Nguyễn Du giúp cho việc đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu của ông</p> <p>3.3. Quan điểm của người viết và quan điểm của người đọc</p> <p><b>NGŨ LIỆU</b></p> <p>1.1. Văn bản văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử thi, truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại</li> <li>- Thơ, truyện thơ Nôm</li> <li>- Bi kịch</li> <li>- Truyện kí, tùy bút hoặc tản văn</li> </ul> <p>1.2. Văn nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị luận xã hội</li> <li>- Nghị luận văn học</li> </ul> <p>1.3. Văn bản thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận</li> <li>- Báo cáo nghiên cứu</li> </ul> <p>2. Gợi ý chọn văn bản: xem danh mục gợi ý</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.</li> </ul> <p><b>Liên hệ, so sánh, kết nối</b></p> <p>Thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.</p> <p><b>Đọc mở rộng</b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 7 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p> <p><b>Văn bản thông tin</b></p> <p><b>Đọc hiểu nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.</li> <li>- Phân tích được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết.</li> </ul> <p><b>Đọc hiểu hình thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.</li> <li>- Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.</li> </ul> <p><b>Liên hệ, so sánh, kết nối</b></p> <p>Thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.</p> <p><b>Đọc mở rộng</b></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 14 văn bản thông tin (bao gồm cả một số văn bản được</p>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<p>hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.</p> <p><b>VIẾT</b></p> <p><b><i>Quy trình viết</i></b></p> <p>Biết viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.</p> <p><b><i>Thực hành viết</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có mở đầu và kết thúc; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.</li> <li>- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng; nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.</li> <li>- Viết được bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.</li> <li>- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.</li> </ul> <p><b>NÓI VÀ NGHE</b></p> <p><b><i>Nói</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội; kết cấu bài có ba phần rõ ràng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.</li> </ul>

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	<p>- Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân (ví dụ: tác phẩm văn học, tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội họa).</p> <p>- Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.</p> <p><b>Nghe</b></p> <p>Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nêu được nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình. Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.</p> <p><b>Nói nghe tương tác</b></p> <p>Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hóa.</p>

## 2. Nội dung các chuyên đề học tập

Chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 11 xây dựng 3 chuyên đề học tập giúp HV có định hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HV.

Cụ thể:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<b>CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP</b>	
<b>Chuyên đề 11.1. TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM</b>	
<p>1. Các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam</p> <p>2. Cách viết một báo cáo nghiên cứu</p> <p>3. Một số vấn đề có thể nghiên cứu về văn học trung đại Việt Nam</p>	<p>- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.</p> <p>- Biết viết một báo cáo nghiên cứu.</p> <p>- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học trung đại Việt Nam.</p>

4. Yêu cầu của việc thuyết trình một vấn đề của văn học trung đại Việt Nam	- Biết thuyết trình một vấn đề của văn học trung đại Việt Nam.
<b>Chuyên đề 11.2. TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI</b>	
1. Bản chất xã hội – văn hoá của ngôn ngữ 2. Các yếu tố mới của ngôn ngữ: những điểm tích cực và hạn chế 3. Cách vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp	- Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hoá. - Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại. - Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.
<b>Chuyên đề 11.3. ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC</b>	
1. Khái niệm phong cách nghệ thuật, sự nghiệp văn chương của một tác giả 2. Một số yêu cầu và cách thức đọc một tác giả văn học 3. Cách viết bài giới thiệu về một tác giả văn học 4. Thực hành đọc và viết về một số tác giả văn học lớn 5. Yêu cầu của việc thuyết trình về một tác giả văn học	- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của một tác giả lớn. - Biết cách đọc một tác giả văn học lớn. - Bước đầu biết viết bài giới thiệu về một tác giả văn học đã đọc. - Bước đầu vận dụng được những hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về những tác giả văn học khác. - Biết thuyết trình về một tác giả văn học.

## **IV. HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX MÔN NGỮ VĂN LỚP 11**

### **1. Thời lượng dạy học môn Ngữ văn lớp 11**

- Thời lượng thực hiện chương trình GDTX cấp THPT môn Ngữ văn lớp 11 là 105 tiết, thực hiện trong 35 tuần.

- Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục: do GV chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học. Tuy nhiên, cần bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa các thành phần sau:

- Giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kĩ năng (trọng tâm là rèn luyện kĩ năng thực hành, vận dụng).

- Giữa các kiểu, loại văn bản đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều hơn cho đọc văn bản văn học).

- Giữa các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe (dành thời lượng nhiều hơn cho việc rèn luyện kĩ năng đọc).

Cụ thể thời lượng tiết học dành cho các kĩ năng ở từng lớp như sau:

<b>Đọc</b>	<b>Viết</b>	<b>Nói và nghe</b>	<b>Đánh giá định kì</b>
61	24	12	8

Thời lượng dạy học các chuyên đề:

<b>Chuyên đề</b>	<b>Số tiết</b>
Chuyên đề 1: Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại	10
Chuyên đề 2: Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại	15
Chuyên đề 3: Đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học	10

## **2. Định hướng đổi mới PPDH môn Ngữ văn**

- Tổ chức các phương pháp dạy học phong phú, đa dạng để HV hình thành cách học, cách tiếp nhận và tạo lập văn bản. HV được thực hành, luyện tập, vận dụng nhiều thể loại văn bản khác nhau, từ đó có khả năng học suốt đời và khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. GV là người tổ chức, hướng dẫn HV từng bước hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực nêu trong mục tiêu của chương trình.

- Đối với HV GDTX, GV cần khai thác kinh nghiệm của người học; chú ý tích hợp những nội dung kiến thức tích hợp nội môn và liên môn.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học phù hợp với đối tượng người học và tình hình thực tế của trung tâm. Khuyến khích GV sử dụng những hình thức học bằng tham quan, dã ngoại, phỏng vấn, trải nghiệm, thực hiện dự án, tạo cơ hội để HV học thông qua trải nghiệm

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

## **3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn**

### **a) Mục tiêu đánh giá**

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, từ đó để hướng dẫn

hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

### ***b) Nội dung đánh giá***

- Đánh giá phẩm chất trong môn Ngữ văn chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HV trong các mối quan hệ. Đồng thời, qua việc đọc hiểu, viết, nói và nghe từ các ngữ liệu, các vấn đề được đề cập, GV có thể đánh giá các phẩm chất của HV (yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm).

- Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đọc, viết, nói nghe trong chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 11. Cụ thể:

+ Đánh giá kĩ năng đọc: cần tập trung vào yêu cầu hiểu về nội dung, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý tưởng của người viết; xác định các đặc điểm về phương thức thể hiện, nhất là về mặt thể loại, loại văn bản và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những mức độ tư duy khác nhau; phân tích, nhận xét về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân, thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản, liên hệ giữa các văn bản với đời sống.

+ Đánh giá kỹ năng viết: cần tập trung vào yêu cầu tạo lập văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ, trình bày.

+ Đánh giá kỹ năng nói và nghe: cần tập trung vào chủ đề và mục tiêu; sự tự tin của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kỹ năng nghe, cần chú ý đến yêu cầu nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

+ Đánh giá năng lực chung: thông qua các hình thức và công cụ đánh giá (đánh giá cá nhân, đánh giá theo nhóm) để đánh giá các năng lực chung (tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).

### ***b) Cách thức đánh giá***

- Có hai hình thức đánh giá: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

+ Đánh giá thường xuyên: được thực hiện trong suốt quá trình dạy học, thông qua kết quả trả lời những câu hỏi, qua ý kiến phát biểu, tranh luận, thảo luận của HV. Đánh giá thường xuyên do GV tổ chức, hình thức đánh giá gồm:

GV đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện dựa trên quan sát, ghi chép hàng ngày về HV.

+ Đánh giá định kỳ: được diễn ra ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối kỳ, cuối năm) do cơ sở giáo dục thực hiện để phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kỳ được thực hiện thông qua đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết luận (một hoặc nhiều câu), có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (gồm những câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (gồm những câu hỏi mở) để đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực viết của HV về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong chương trình. Việc ra đề kiểm tra định kỳ cần được đổi mới cách thức đánh giá, sử dụng và khai thác ngữ liệu đảm bảo yêu cầu đánh giá năng lực của HV, khắc phục tình trạng học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để kiểm tra năng lực hiểu văn bản.

#### **4. Hướng dẫn về thiết bị dạy học**

- Các địa phương đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị dạy học để thực hiện Chương trình GDĐT môn Ngữ văn lớp 11 theo các quy định của Bộ GDĐT;

- Thiết bị dạy học được thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học ban hành theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT.

- Chương trình GDĐT môn Ngữ văn lớp 11 sử dụng các bộ SGK được biên soạn theo Chương trình GDPT 2018. Các cơ sở GDĐT lựa chọn, sử dụng bộ SGK để tổ chức quá trình dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình GDĐT theo quy định trong từng năm học.



---

---

## HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN LỚP 11

### I. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỌC, VIẾT, NÓI VÀ NGHE

#### 1. Hướng dẫn tổ chức dạy học Đọc và thực hành tiếng Việt

##### 1.1. Đọc hiểu văn bản truyện

###### 1.1.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản truyện

Ở lớp 10, HV đã được làm quen với thể loại truyện, đã hình thành những tri thức cơ bản về thể loại này. Ở lớp 11, yêu cầu cần đạt của Chương trình đòi hỏi phải khai thác sâu đặc điểm thi pháp của thể loại truyện, vì thế GV cần nắm vững kiến thức về thể loại truyện, từ đó có thể định hướng tổ chức các hoạt động dạy học theo thể loại, giúp HV đọc hiểu văn bản truyện. Việc dạy học các văn bản truyện được thể hiện ở việc đáp ứng những yêu cầu cần đạt sau:

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.

- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

###### 1.1.2. Các kiến thức cơ bản về truyện

Một số tri thức về truyện (đã học ở lớp 10) cần được củng cố:

- Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm và có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận.

- Cốt truyện trong tác phẩm truyện được tạo nên bởi sự kiện (hoặc chuỗi sự kiện). Sự kiện là sự việc, biến cố dẫn đến những thay đổi mang tính bước

ngoặt trong thế giới nghệ thuật hoặc bộc lộ những ý nghĩa nhất định với nhân vật hay người đọc – điều chưa được họ nhận thấy cho đến khi nó xảy ra.

- Yếu tố cốt lõi làm nên sức cuốn hút cho câu chuyện là tình huống truyện. Tình huống truyện gắn với sự kiện nổi bật nhất, với hoàn cảnh đặc biệt “bắt buộc con người ở vào một tình thế phải bộc lộ ra cái phần tâm can nhất, cái phần ẩn náu sâu kín nhất, thậm chí có khi là khoảnh khắc chứa đựng cả một đời người, một đời nhân loại”. Có thể xác định ba loại tình huống truyện phổ biến trong tác phẩm truyện: tình huống hành động, tình huống tâm lý, tình huống nhận thức.

- Người kể chuyện là một loại nhân vật do nhà văn tạo ra để thay mình kể câu chuyện. Đó là người chứng kiến hoặc tham gia vào câu chuyện, phát hiện ý nghĩa và có nhu cầu kể lại câu chuyện đó. Người kể chuyện không chỉ đơn thuần kể câu chuyện mà còn thực hiện việc dẫn dắt, định hướng cho người đọc thông qua lời kể của mình. Người kể chuyện có thể được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau. Xét về sự hiểu biết của người kể chuyện với câu chuyện được kể, có người kể chuyện toàn tri và người kể chuyện hạn tri. Xét về biểu hiện đánh giá, có người kể chuyện chủ quan và người kể chuyện khách quan.

- Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất, có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. Sự thay đổi người kể chuyện là có ý đồ nghệ thuật của tác giả. Mỗi ngôi kể thường mang đến cách nhìn nhận, đánh giá riêng khiến câu chuyện được kể trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa.

Một số tri thức về truyện cần được đi sâu ở lớp 11:

- Câu chuyện (còn gọi là truyện gốc) là yếu tố cơ bản của tác phẩm truyện, bao gồm chuỗi sự kiện đã được sắp xếp, tổ chức theo dụng ý nghệ thuật của nhà văn, được trình bày thông qua một người kể, một điểm nhìn, với một giọng điệu cụ thể. Câu chuyện là phương tiện để nhà văn miêu tả tính cách, thể hiện số phận nhân vật, trình bày gương mặt đời sống theo quan niệm của mình. Diễn biến của câu chuyện vừa có tác dụng lôi cuốn người đọc vừa góp phần tạo ra ý nghĩa nhân sinh cho truyện kể.

- Điểm nhìn trong truyện kể có liên quan đến người kể chuyện. Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng “tôi” hoặc dùng một hình thức tự xưng tương đương. Tùy theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất hoặc là nhân vật chính (có thể là nhân vật trung tâm trong số nhân vật chính), nhân vật phụ, người chứng kiến, người kể lại câu chuyện được nghe từ người khác hoặc xuất hiện với vai trò tác giả “lộ diện”.

Người kể chuyện ngôi thứ nhất thường là người kể chuyện hạn tri (không biết hết mọi chuyện). Khi nhận định về nhân vật, sự việc trong khả năng bao quát có hạn của mình, người kể chuyện ngôi thứ nhất thường thể hiện một điểm nhìn, một giọng kể, một thái độ đánh giá nhất định. Ngay cả khi người kể chuyện cố tỏ ra khách quan cũng khó tránh khỏi những yếu tố chủ quan thể hiện qua cách tổ chức điểm nhìn trong lời kể.

- Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm, không tham gia vào các sự việc, chỉ được nhận biết qua lời kể. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy trở thành người kể chuyện toàn tri. Song người kể chuyện ngôi thứ ba có sử dụng quyền năng toàn tri hay không còn tùy thuộc vào chiến lược trần thuật cụ thể của từng tác phẩm. Khi người kể chuyện ngôi thứ ba kể như một người “biết hết” về nhân vật, sự việc, tăng cường trực tiếp thể hiện thái độ đánh giá nhân vật, sự việc, lời người kể chuyện trở thành một trong những phương tiện đặc biệt quan trọng triển khai tư tưởng chủ đề, cảm hứng chủ đạo của tác phẩm. Trong trường hợp này, phương thức trần thuật của tác phẩm được gọi là trần thuật chủ quan. Tuy nhiên người kể chuyện ngôi thứ ba cũng có thể kể chuyện như một người “không biết hết” về nhân vật, sự việc, chỉ nương theo điểm nhìn của một hay một vài nhân vật, không trực tiếp thể hiện thái độ đánh giá nhân vật, sự việc. Khi đó, phương thức trần thuật của tác phẩm được gọi là trần thuật khách quan. Trong trường hợp này, tư tưởng chủ đề, cảm hứng chủ đạo không thể hiện nhiều qua lời người kể chuyện mà toát lên từ toàn bộ tổ chức tác phẩm.

- Người kể chuyện dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể. Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc họa bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá đối với sự việc, nhân vật. Lời của người kể chuyện phân biệt với lời của nhân vật, được hiểu là lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật trong hình thức lời nói trực tiếp hay gián tiếp. Từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận. Vai trò của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lý giải và mức độ định hướng đọc qua việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học.

### **1.1.3. Tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản truyện**

Quy trình dạy học đọc hiểu văn bản truyện cũng tương tự quy trình dạy học hiểu các văn bản thuộc những thể loại, loại văn bản khác, gồm các bước: khởi động trước khi đọc; đọc văn bản; trả lời câu hỏi hay thực hiện các yêu cầu sau khi đọc; viết ngắn về văn bản. Tuy nhiên, việc đọc hiểu văn bản truyện có một số điểm riêng cần lưu ý:

- Tìm hiểu tri thức về truyện: GV cần hướng dẫn HV tìm hiểu trước nội dung tri thức ngữ văn để vừa ôn lại những tri thức đã học về thể loại truyện ở lớp 10, vừa có những hiểu biết ban đầu trước khi học các văn bản truyện.

- Đọc (thành tiếng/ diễn cảm) văn bản: văn bản truyện thường dài, khó có thể đọc hết trên lớp (trước khi đi sâu phân tích). Vì vậy, GV cần yêu cầu HV đọc trước văn bản ở nhà và tập tóm tắt cốt truyện hay vẽ sơ đồ thể hiện các nội dung chính được văn bản đề cập. Ở trên lớp, GV có thể chỉ cho HV đọc diễn cảm một số đoạn quan trọng.

- Khám phá văn bản (tìm hiểu bố cục, trả lời các câu hỏi hay thực hiện một số yêu cầu được đặt sau văn bản): Với văn bản truyện (cụ thể ở đây là truyện ngắn hiện đại), cần đặc biệt chú ý tới tình huống truyện, hệ thống chi tiết, tính cá thể hoá của lời nhân vật, sự thay đổi điểm nhìn trần thuật, hình thức kết cấu mở ngoặc,... Nhìn chung, tất cả những điều này đã được hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong SGK nhắc đến. Vì vậy, việc tận dụng những câu hỏi đã cho sẵn để hướng dẫn HV khám phá VB luôn là điều cần thiết.

- Với từng văn bản truyện, bên cạnh việc khám phá những đặc điểm chung về thể loại truyện được thể hiện qua văn bản, cần tập trung vào hướng dẫn HV phân tích yếu tố nổi bật trong mỗi văn bản theo yêu cầu cần đạt của Chương trình. Chẳng hạn, có thể chú ý đến vai trò của người kể chuyện khi kể lại câu chuyện hoặc nét đặc sắc khi xây dựng tình huống truyện, diễn biến câu chuyện,... Qua đó hướng dẫn HV tiếp nhận những yếu tố nội dung như: cảm hứng, thông điệp, tình cảm, cảm xúc,...

Một số lưu ý về dạy học văn bản truyện đối với từng bộ SGK:

(1) **SGK Cánh diều**: khi dạy học văn bản truyện, cần định hướng để HV nắm bắt được các tri thức về chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề, tác dụng của sự thay đổi điểm nhìn trong truyện, giá trị văn hoá và triết lí nhân sinh trong văn học,... thông qua việc đọc hiểu các văn bản truyện: *Chí Phèo* (Nam Cao), *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân), *Tấm lòng người mẹ* (trích Những người khốn khổ của V. Hu-gô), từ đó vận dụng để đọc hiểu các văn bản

truyện, đặc biệt là các tác phẩm truyện ngắn của các nhà văn hiện thực và lãng mạn sáng tác trước Cách mạng tháng Tám 1945.

(2) **SGK Chân trời sáng tạo**: các văn bản truyện xoay quanh chủ đề con người với môi trường sống xung quanh (“Sống với biển rừng bao la”), với các tác phẩm: *Chiều sương* (Bùi Hiển), *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp), *Kiến và người* (Trần Duy Phiên). Do vậy, khi đọc hiểu các tác phẩm, HV cần nắm bắt và vận dụng các tri thức ngữ văn như khái niệm truyện ngắn, cốt truyện của truyện ngắn hiện đại, nhân vật, điểm nhìn ngôi thứ ba và sự thay đổi điểm nhìn,... để tìm hiểu các văn bản theo “mã” thể loại; đồng thời cần phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống, biết liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản.

(3) **SGK Kết nối tri thức với cuộc sống**: HV đọc hiểu các văn bản truyện ngắn hiện đại *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Chí Phèo* (Nam Cao) và thực hành đọc truyện ngắn *Cải ơi* (Nguyễn Ngọc Tư), tập trung nhận diện, phân biệt câu chuyện và truyện kể, nhận diện và phân tích điểm nhìn trong truyện kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật, phân tích các chi tiết tiêu biểu, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm, nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản, nhận ra những giá trị của văn bản, thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người.

## **1.2. Đọc hiểu văn bản truyện thơ**

### **1.2.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu truyện thơ**

Chương trình GDTX quy định những yêu cầu cần đạt về đọc hiểu truyện thơ ở lớp 11 như sau:

- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.
- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả ngôn ngữ,...

### **1.2.2. Các kiến thức cơ bản về truyện thơ**

Truyện thơ (gồm truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm) thuộc loại tự sự và mang hình thức giống thơ. Do vậy chúng có mang một số đặc điểm của cả truyện và thơ. Cụ thể:

- Truyện thơ cũng thuộc loại tự sự và hình thức thơ giống sử thi nhưng ra đời muộn hơn. Nếu sử thi có nội dung chính là những sự kiện lịch sử của cộng đồng, dân tộc thì truyện thơ chủ yếu thể hiện nội dung thế sự hoặc đời tư. Truyện

thơ đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện bức tranh xã hội với nhiều mâu thuẫn phức tạp.

- Phần lớn truyện thơ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là truyện thơ dân gian. Còn trong văn học của người Kinh ở Việt Nam, truyện thơ phát triển mạnh mẽ vào giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX; tuyệt đại bộ phận truyện thơ được sáng tác bằng tiếng Việt, được gọi chung là “truyện thơ Nôm”, gồm 2 bộ phận là truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học.

- Truyện thơ Nôm bình dân hay truyện thơ dân gian là hai khái niệm không đồng nhất. Khái niệm truyện thơ Nôm bình dân chỉ một bộ phận sáng tác ngôn từ bằng tiếng Việt của dân tộc Việt (Kinh) trong khi truyện thơ dân gian chỉ chung một loại hình sáng tác dân gian, không giới hạn dân tộc nào. Ngoài ra, từ “bình dân” được dùng để chỉ tính đại chúng của tác phẩm cùng chất lượng ngôn ngữ nghệ thuật tương đối thấp của nó (trong sự so sánh với tác phẩm được xếp vào loại bác học), chứ không nhằm xác định một tác phẩm nào đó là sáng tác dân gian với đầy đủ các thuộc tính của loại hình nghệ thuật này như tính tập thể, tính vô danh, tính truyền miệng, tính dị bản,...

- Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyền thuyết, cổ tích, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. Các truyện thơ dân gian kế thừa truyền thống của dân ca kết hợp hài hoà yếu tố tự sự và trữ tình, đã thể hiện một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo. Ngôn ngữ trong truyện thơ dân gian giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống gần bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,...

- Truyện thơ Nôm là loại hình tác phẩm tự sự độc đáo của văn học trung đại Việt Nam, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát. Truyện thơ Nôm có khả năng phản ánh hiện thực rộng lớn: từ tôn giáo, lịch sử, xã hội đến cuộc sống đời thường; đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại. Trong đó nổi bật là cảm hứng khẳng định tình yêu tự do và cuộc đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình, tôn vinh vẻ đẹp của người phụ nữ; phê phán, tố cáo xã hội đương thời; thể hiện khát vọng sống tự do, giấc mơ công lí,... Đặc biệt, chủ đề tình yêu tự do vượt lên mọi rào cản của gia đình và xã hội bao trùm cả hai nhóm truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học. Cốt truyện của truyện thơ Nôm thường được tổ chức theo kết cấu: *Gặp gỡ - Chia li - Đoàn tụ*. Nhân vật của truyện thơ Nôm gồm nhiều kiểu người thuộc nhiều tầng

lớp xã hội, được khắc hoạ ở cả hai phương diện: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động,...) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí). Ngôn ngữ đối thoại, độc thoại nội tâm, ngôn ngữ nửa trực tiếp và bút pháp tả cảnh ngụ tình đã được sử dụng thành công trong việc khám phá thế giới nội tâm và khắc hoạ tính cách của nhân vật.

### **1.1.3. Tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản truyện thơ**

- Khi thuyết minh về khái niệm *truyện thơ dân gian* và nêu dẫn chứng về các tác phẩm thuộc loại hình sáng tác này, không nên đánh đồng truyện thơ dân gian (vốn chỉ phổ biến trong đời sống văn hoá, tinh thần của một số dân tộc thiểu số Việt Nam – ở đây chỉ giới hạn vấn đề trong văn học Việt Nam) với *truyện thơ Nôm bình dân* – một loại hình sáng tác có đặc trưng nội dung và thẩm mỹ riêng, thường được các nhà nghiên cứu xếp vào loại *truyện Nôm*, vốn thịnh hành trong đời sống văn hoá, tinh thần của người Việt trong các thế kỉ XVIII, XIX.

- Truyện thơ dân gian thuộc loại hình tự sự, vì vậy, khi hướng dẫn HV đọc hiểu, GV cần sử dụng các khái niệm, thuật ngữ vốn được xem là công cụ đắc lực để khám phá văn bản truyện: *cốt truyện, nhân vật, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, tâm lí nhân vật,...* Bên cạnh đó, cần chú ý phân tích một số yếu tố của “thơ” giúp cho mạch truyện và tâm lí, tính cách nhân vật được nổi bật, chẳng hạn: ngôn ngữ, giọng điệu, bút pháp tả cảnh ngụ tình, biện pháp tu từ,... Một điều đáng chú ý khác: Do các văn bản truyện thơ dân gian giàu yếu tố tự sự và trữ tình, nên trong quá trình hướng dẫn đọc hiểu, GV có thể gợi ý cho HV so sánh cách kể một câu chuyện trong truyện thơ dân gian với cách kể một câu chuyện trong thơ trữ tình (vấn đề này cần phải được xét trên một số bình diện cơ bản như: tính chất hoàn chỉnh hay không hoàn chỉnh của câu chuyện, hệ thống sự kiện; mục tiêu của việc kể chuyện; sự đan cài giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình;...).

- Khi hướng dẫn HV đọc hiểu truyện thơ Nôm, bên cạnh những điểm chung của truyện thơ, cần chú ý: mỗi nhóm truyện thơ Nôm có thể mạnh riêng trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Truyện thơ Nôm bình dân có sức hấp dẫn của ngôn từ bình dị, dân dã với nhiều khẩu ngữ, thành ngữ, tục ngữ, nhiều hình ảnh lấy từ cuộc sống đời thường của nhân dân; truyện thơ Nôm bác học lại có thể mạnh của hệ thống từ Hán Việt, điển cố,.. được sử dụng theo xu hướng Việt hoá, nhiều yếu tố Hán đã hoà nhập vào ngôn ngữ tiếng Việt một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn. Đồng thời, cả truyện thơ Nôm bình dân và bác học đều sử dụng một cách điêu luyện thể thơ lục bát, kết hợp được tinh hoa của ngôn ngữ bác học và

bình dân, tận dụng được tài sản vô giá của dân tộc và góp phần làm giàu thêm tiếng mẹ đẻ.

### **1.3. Đọc hiểu văn bản thơ trữ tình**

#### **1.3.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu thơ trữ tình**

Chương trình Ngữ văn GDTX quy định những yêu cầu cần đạt về đọc hiểu thơ trữ tình ở lớp 11 như sau:

- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.
- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.

#### **1.3.2. Các kiến thức cơ bản về thơ trữ tình**

Một số tri thức về thơ (đã học ở lớp 10) cần được củng cố:

- Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới. Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

- Nhân vật trữ tình là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

- Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là những ấn tượng thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

- Vận thơ là sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Vận có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.

- Nhịp điệu là những điểm ngắt hay ngừng theo chu kỳ nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mỹ về thế giới.

- Nhạc điệu là cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương



thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, ngắt nhịp, điệu, phối hợp thành điệu bằng – trắc,...

- Đối là cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng, sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (tương phản).

- Thi luật là toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ.

- Thể thơ là sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.

Một số tri thức về thơ cần được đi sâu ở lớp 11:

- *Cấu tứ* là khái niệm phức tạp, khái niệm này vốn được dùng để nhận diện và "miêu tả" quá trình hình thành của một tác phẩm văn học, nhất là tác phẩm thơ trữ tình. Tuy nhiên, trong thực tế, nó vẫn thường được dùng để chỉ tổ chức của bài thơ với tư cách là một chỉnh thể nghệ thuật. Vì vậy, trong một số ngữ cảnh nhất định, có thể tạm thay thế khái niệm *cấu tứ* bằng khái niệm *tổ chức nghệ thuật của bài thơ*. Tất nhiên, khi nói về cấu tứ, cần tránh việc miêu tả đơn thuần bài thơ có những phần, đoạn, hình ảnh nào. Điều quan trọng là nêu được cái "bí quyết" trong cách tổ chức bài thơ, khiến bài thơ thể hiện được trọn vẹn, chân thực nhất tổng thể cảm giác, cảm xúc, suy tư và những phát hiện của nhà thơ về thế giới, trong đó có những điều mà chính tác giả cũng khó có thể nói được một cách rõ ràng bằng ngôn ngữ luận lí. Nói đến cấu tứ, cần kết nối với khái niệm "tứ". Tứ là xương sống của bài thơ, làm điểm tựa cho sự phát triển của hình tượng thơ, là sự hình dung của nhà thơ về cách triển khai bài thơ, chi phối việc nhà thơ lựa chọn giọng điệu, hình ảnh, ngôn từ phù hợp, đảm bảo cho bài thơ xuất hiện như một chỉnh thể nghệ thuật sống động.

- *Yếu tố tượng trưng* trong thơ chỉ một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù, ở đó người nghệ sĩ thường dùng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả hoặc gọi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm. Đây là một khái niệm định tính, không phải định lượng, không thể khoanh vùng một cách rạch ròi đâu là yếu tố tượng trưng trong số các yếu tố cấu tạo của văn bản như câu, đoạn, chi tiết, hình ảnh,... Yếu tố tượng trưng là cái được cảm nhận xuyên qua ý nghĩa của văn bản, qua tổng hoà các thủ pháp được tác giả vận dụng. Ngay cả khi ta chỉ ra được một vài thủ pháp cụ thể thì các thủ pháp đó cũng không thể được đồng nhất với yếu tố tượng

trung. Điều đáng nhận mạnh khác là khi nói về yếu tố tượng trưng, cần phải phân biệt loại và cấp độ của nó. Yếu tố tượng trưng có thể được hiểu là một tính chất phổ biến của tác phẩm văn học, của thơ, một khi hình ảnh, hình tượng được xây dựng có hàm nghĩa khái quát, gợi nhiều liên tưởng, suy ngẫm sâu xa và không gắn chặt với một cách diễn giải, cắt nghĩa duy nhất. Khi được đặt trong quan hệ với thơ tượng trưng (thuộc loại hình tượng trưng hay thuộc trường phái tượng trưng), yếu tố tượng trưng được hiểu là yếu tố gắn liền với một quan niệm mới về thế giới, về mối tương giao giữa con người với vũ trụ mà với nó, mỗi chi tiết, hình ảnh được nhắc tới đều mang tính chất biểu tượng hay có ý nghĩa của một kí hiệu tượng trưng, chỉ về "thực tại" khác bên ngoài thực tại được tri giác theo kiểu thông thường.

### ***1.3.3. Tổ chức dạy học đọc hiểu thơ trữ tình***

- Các văn bản thơ tuy đa dạng về cảm hứng, thi pháp nhưng đều là những ngữ liệu hết sức phù hợp phục vụ cho việc hình thành ở HV những kiến thức cơ bản do CT quy định về cấu tứ, hình ảnh thơ (trong đó có hình ảnh mang tính tượng trưng). Hơn nữa, đây cũng là những ngữ liệu có thể giúp HV dễ dàng nhận ra hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong VB văn học và tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Đối với những bài thơ của tác giả Việt Nam, GV có thể hướng dẫn HV phân tích âm điệu, giọng điệu, vần nhịp, cách kết hợp từ ngữ,... để cảm nhận những cung bậc tâm trạng đa dạng của nhân vật trữ tình. Đối với những bài thơ được tiếp xúc qua bản dịch cần chú ý khai thác vẻ đẹp của cách tổ chức hình tượng thơ, cách tạo sự tương phản, đối lập giữa các hình ảnh.

- Khi hướng dẫn đọc hiểu các văn bản thơ, GV có thể gợi ý cho HV các phương án triển khai nội dung phân tích: cắt ngang theo bố cục cố định của thể thơ hoặc bỏ dọc theo vấn đề, theo hệ thống hình tượng. Với các bài thơ hiện đại, có thể phân tích bài thơ bằng việc xác định các mạch cảm xúc.

- Hệ thống câu hỏi sau khi đọc các văn bản thơ đều hướng tới: Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ; Nhận biết được chủ đề, thông điệp về tình yêu đối với con người, quê hương, đất nước. Đồng thời, tập trung hướng dẫn HV nhận diện và phân tích những nét độc đáo trong việc xây dựng cấu tứ của bài thơ và những yếu tố tượng trưng trong thơ. Tính chất tượng trưng được thể hiện rất khác nhau trong thơ của từng tác giả, từng thời đại, dân tộc. Muốn hiểu rõ tính chất tượng trưng đó, phải nắm được những mã văn hoá vốn tồn tại như một yếu tố nền tảng chi phối nó. Chẳng hạn, bài thơ *Nhớ đồng* của Tố Hữu có cấu tứ là nỗi nhớ đồng

quê, cũng là nỗi nhớ bước đường cách mạng của người chiến sĩ đang phải sống cảnh lao tù, được diễn tả qua nhiều hình ảnh chứa đựng nhiều sắc thái cảm xúc của tác giả. Hệ thống hình ảnh trong bài thơ *Nhớ đồng* của Tố Hữu có liên quan đến cuộc sống nông thôn Việt Nam, đồng thời có ý nghĩa tượng trưng như “đường con bước vạn đời”, “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi”, “lưng cong xuống luống cày”, “bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai” tạo nên hình tượng về con đường, đồng quê và vẻ đẹp của lao động, sự mạnh mẽ của tầng lớp cần lao.

#### **1.4. Đọc hiểu văn bản kịch**

##### **1.4.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản kịch**

Chương trình Ngữ văn GDTX quy định những yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản kịch ở lớp 11 như sau:

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.
- Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện,...

##### **1.4.2. Các kiến thức cơ bản về thể loại kịch**

Nội dung đọc hiểu về thể loại kịch ở lớp 11 là các trích đoạn thuộc loại bi kịch. Theo các đặc điểm chung của kịch, bi kịch cũng triển khai các xung đột thông qua sự dàn cảnh, luân chuyển lời đối thoại, độc thoại, hành động của nhân vật trên sân khấu. Cái bi bắt nguồn từ xung đột không thể được giải quyết một cách ôn hoà và không thể dung hoà, dẫn đến những kết cục bi thương. Cũng qua đó, những khát vọng, hành động tương ứng với lựa chọn tự do của nhân vật chính dù có dẫn đến thảm cảnh, song bao giờ cũng hào hùng, bi tráng. Do đó, bi kịch là tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người.

Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch được hiểu là hiệu ứng tiếp nhận đặc thù của bi kịch theo dõi hành động kịch căng thẳng, gay gắt, kết cục bi thảm, người tiếp nhận bi kịch có thể sợ hãi, cảm thương, xót xa như chính mình đang trải nghiệm những bé tắc trong cuộc sống cùng nhân vật, để rồi sau đó thấy căm ghét

cái đê tiện, giả dối, ngưỡng mộ và cảm phục cái cao cả, tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hoà, hy vọng hơn. Chẳng hạn, các trích đoạn kịch như: *Vĩnh biệt cửu trùng đài* (trích Vũ Như Tô - Nguyễn Huy Tưởng), *Sống hay không sống* (trích Hamlet - Séchxpia), *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Luu Quang Vũ),... đều mang lại cho người đọc, người xem “những chấn động cảm xúc mạnh mẽ”, đó là niềm thương xót, lo lắng, ái ngại trước nghịch cảnh, với kết cục bi đát, cái chết hoặc những mất mát khủng khiếp của các nhân vật Vũ Như Tô, Hăm-lét, Trương Ba,... Nhưng đó mới chỉ là hiệu ứng ban đầu và trên bề mặt. Sâu xa hơn, chính từ những mất mát, bi thương đó, các vở bi kịch đã khiến khán giả nhận ra những giá trị tốt đẹp, có ý nghĩa trong đời, thức tỉnh và đồng cảm trước sự huỷ diệt những giá trị đó. Từ đây, mỗi một khán giả có thể giải toả sự xót thương, nỗi sợ hãi thường tình, hướng tâm hồn mình tới cái cao cả, và có thêm động lực phấn đấu cho những sức mạnh tinh thần lớn lao.

Xung đột trong bi kịch là những mâu thuẫn hệ trọng, gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật như một nhân cách mạnh mẽ đấu tranh với những thế lực đối kháng mạnh mẽ hơn gấp bội. Những xung đột diễn ra căng thẳng, dẫn tới thảm họa, gây nên đau khổ tột cùng và không thể giải quyết êm thấm. Để thể hiện những xung đột như vậy, cốt truyện trong bi kịch thường xoay quanh những chủ đề như: định mệnh ngang trái, khát vọng kì vĩ không thể thành hiện thực, những mất mát lớn lao, sự nổi loạn chống lại trật tự thế giới,... Cốt truyện bi kịch được tổ chức với những mâu thuẫn căng thẳng, tình tiết, diễn biến hành động kịch phát triển gấp gáp với những tai biến bi đát và kết cục bi thảm. Bi kịch không chỉ được triển khai qua diễn biến bên ngoài (theo chuỗi sự kiện) mà cả diễn biến hành động bên trong (theo mạch tâm trạng và suy tư của nhân vật), bởi nỗi đau khổ cùng cực nhất của con người chỉ thực sự mang tính bi kịch khi nó được ý thức.

Nhân vật chính trong kịch thường là những tính cách mạnh mẽ với khát vọng khẳng định lí tưởng, đức tin, lẽ phải của mình bằng lựa chọn hành động tự do. Song lựa chọn này của nhân vật bi kịch xung đột với hoàn cảnh thực tế, hoặc vấp phải những trở ngại ngay trong bản tính cố hữu không thể vượt qua. Do vậy, nhân vật phải trải nghiệm những đau khổ, giằng xé cả về thể xác lẫn tinh thần, và cái chết nhiều khi không đau đớn bằng ý thức về sự mất mát các giá trị đời sống.

Ngôn ngữ bi kịch mang chức năng biểu hiện và thúc đẩy hành động, tô đậm xung đột. Lời thoại trong bi kịch không chỉ căng thẳng mà còn chất chứa biện luận, thể hiện những mâu thuẫn gay gắt, những suy tư, trăn trở và ý chí,

khát vọng của nhân vật. Tỷ lệ độc thoại của nhân vật bị kịch, trong tương quan với đối thoại, thường cao hơn so với các thể loại kịch khác; đôi khi, lời đối thoại của nhân vật bị kịch có khuynh hướng độc thoại hoá, mang tính tuyên ngôn, hùng biện và biểu cảm sâu sắc.

### **1.4.3. Tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản kịch**

Ở THCS đã có những văn bản đọc hiểu về bi kịch hoặc những tác phẩm kịch có yếu tố bi kịch. Tuy nhiên, theo quy định của chương trình, SGK Ngữ văn sẽ không chủ trương đào sâu vào một số khái niệm học thuật, trong đó có khái niệm *hiệu ứng thanh lọc*. Lên lớp 11, HV đã có ít nhiều vốn kiến thức về bi kịch, lại từng có điều kiện so sánh bi kịch với hài kịch (học ở lớp 8) nên việc tìm hiểu sâu về một số khái niệm then chốt của bi kịch là cần thiết. Có thể sử dụng một số câu hỏi để HV tìm hiểu và củng cố tri thức đọc hiểu văn bản kịch, chẳng hạn:

- Yếu tố cốt lõi quy định đặc điểm của hài kịch là cái hài, vậy yếu tố cốt lõi của bi kịch là gì? Cái bi là gì? Thế nào là nhân cách hành động tự do?

- Để làm nổi bật cái bi, xung đột bi kịch cần được triển khai như thế nào?

- Đặc điểm xung đột, cốt truyện bi kịch đã chi phối phẩm chất, hành động của nhân vật chính trong bi kịch ra sao?

- Vì sao việc tiếp nhận bi kịch lại có thể đem tới “hiệu ứng thanh lọc” tâm hồn?

Vì các trích đoạn bi kịch khá ngắn nên để HV có thể nắm được các vấn đề như xung đột bi kịch, nhân vật bi kịch, hiệu ứng thanh lọc của bi kịch, việc đọc – “xử lí” phân tóm tắt tác phẩm trong SGK hay việc thuật kể chi tiết hơn về cốt truyện của vở bi kịch cần được quan tâm thích đáng. Khi hướng dẫn HV đọc diễn cảm trích đoạn bi kịch, GV cần lưu ý HV về màu sắc biện luận của ngôn ngữ bi kịch – một nội dung sẽ được làm sáng tỏ hơn khi đi sâu phân tích VB.

Để cho việc dạy học tác phẩm bi kịch gây nhiều được hứng thú, ở bước hướng dẫn HV chuẩn bị bài ở nhà, GV nên gợi ý cho các em tập tái hiện vở kịch bằng hình thức trình diễn. Có thể dành phần đầu hoặc phần cuối của giờ học cho việc trình diễn này.

## **1.5. Đọc hiểu văn bản truyện kí, tuỳ bút, tản văn**

### **1.5.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản truyện kí, tuỳ bút, tản văn**

Chương trình GDTX quy định những yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản *truyện kí, tuỳ bút, tản văn* ở lớp 11 như sau:

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút hoặc tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.

### **1.5.2. Các kiến thức cơ bản về thể loại truyện kí, tùy bút, tản văn**

- Truyện kí, tùy bút, tản văn là những tiểu loại thuộc thể loại kí. Kí là ghi chép, tái hiện một cách xác thực người thật, việc thật (những hiện tượng, nhân vật, sự kiện trong đời sống), qua đó thể hiện cái nhìn, cách đánh giá, cảm xúc cá nhân của người viết.

- Truyện kí thuộc loại hình tự sự, trong đó chú trọng đến yếu tố hư cấu và phi hư cấu. Tính hư cấu thể hiện ở sự xác thực khách quan của con người và sự kiện có thật được tái hiện, ở thời gian, địa điểm diễn ra sự việc, ở các nhân chứng có khả năng xác nhận sự thật. Tuy nhiên, khi đưa các yếu tố nêu trên vào tác phẩm, nhà văn cũng cần lựa chọn, sắp xếp các chi tiết, sự kiện, cách phối hợp giữa tự sự với biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,... mang dấu ấn chủ quan của người kể. Đây chính là điều khiến cho truyện kí có màu sắc hư cấu nhất định.

- Tùy bút là một tiểu loại kí có tính tự do, phóng túng cao. Đề tài của tùy bút rất đa dạng (một cảnh quan, một địa danh, một sự kiện, nhân vật,...) có sức hút đối với người viết, từ đó tác giả tùy hứng thể hiện cách nhìn, bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc. Bố cục của tác phẩm tùy bút khá linh hoạt, tuy nhiên trong mạch ngầm của tùy bút vẫn có sự thống nhất về chủ đề. Ở tùy bút, cái tôi của người viết được thể hiện rất đậm. Tác giả có thể xuất hiện với vai người kể chuyện để miêu tả, tường thuật, bàn luận và bày tỏ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc, liên tưởng của mình. Vì thế, trong tùy bút, yếu tố trữ tình thường chiếm ưu thế, mặc dù không thiếu vắng yếu tố tự sự, nghị luận.

- Tản văn là một tiểu loại kí, dung lượng không lớn, thường là những nét chấm phá về đời sống, từ đó tác giả bộc lộ tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ của mình. Người viết tản văn có thể sử dụng linh hoạt các phương thức biểu đạt như miêu tả, nghị luận, tự sự, trữ tình, khảo cứu,... để trình bày ý kiến riêng, thể hiện thái độ, cách nhìn, cách nghĩ riêng. Tính chất tự do trong cách thức biểu hiện khiến tản văn trở nên ssa dạng, giàu khả năng tạo ra cái mới. Đề tài quen thuộc của tản văn thường là cảnh sắc thiên nhiên, văn hoá phong tục, thể sự, chân dung,... Trong tản văn, cái tôi tác giả được bộc lộ rõ nét, tuy nhiên việc bày tỏ cảm xúc qua liên hệ, liên tưởng phần nào được tiết chế hơn so với tùy bút.

### **1.5.3. Tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản truyện kí, tùy bút, tản văn**

- Quy trình dạy học đọc hiểu văn bản truyện, kí cũng tương tự quy trình dạy học đọc hiểu các văn bản thuộc những thể loại, loại văn bản khác, gồm các bước:

khởi động trước khi đọc; đọc văn bản; trả lời câu hỏi hay thực hiện các yêu cầu sau khi đọc; viết ngắn về văn bản. Tuy nhiên, việc đọc hiểu văn bản truyện, kí có một số điểm riêng cần lưu ý:

- Đọc (thành tiếng/ diễn cảm) văn bản: văn bản truyện, kí thường dài, khó có thể đọc hết trên lớp (trước khi đi sâu phân tích). Vì vậy, GV cần yêu cầu HV đọc trước văn bản ở nhà và tập tóm tắt cốt truyện hay vẽ sơ đồ thể hiện các nội dung chính được VB đề cập. Ở trên lớp, GV có thể chỉ cho HV đọc diễn cảm một số đoạn quan trọng.

- Khám phá văn bản (tìm hiểu bố cục, trả lời các câu hỏi hay thực hiện một số yêu cầu được đặt sau văn bản): Với văn bản truyện kí, cần quan tâm tính xác thực của sự kiện, nhân vật, không gian, thời gian và nét đặc thù của hư cấu nghệ thuật trong một thể loại đòi hỏi sự "chân thật" theo nghĩa hẹp,... Với tùy bút, tản văn, cần tập trung khám phá mạch liên tưởng, kết nối các đối tượng xa – gần, xưa – nay với nhau, những chi tiết gợi nhiều ấn tượng và mỹ cảm, hình tượng "cái tôi tác giả",... Nhìn chung, tất cả những điều này đã được hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong SGK nhắc đến. Vì vậy, việc tận dụng những câu hỏi đã cho sẵn để hướng dẫn HV khám phá văn bản luôn là điều cần thiết. Một số văn bản tùy bút, tản văn được lựa chọn gắn với một chủ đề cụ thể, HV cần kết nối các đặc điểm thể loại với nội dung văn bản để tiếp nhận các giá trị của văn bản theo chủ đề. Chẳng hạn các văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường), *Cõi lá* (Đỗ Phấn), *Trăng sáng trên đầm sen* (Chu Tự Thanh) – SGK Chân trời sáng tạo hướng đến những thông điệp từ thiên nhiên, với việc khám phá các giá trị văn hoá, gửi gắm những triết lí nhân sinh.

## **1.6. Đọc hiểu văn bản nghị luận**

### **1.6.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản nghị luận**

Chương trình Ngữ văn GDTX quy định những yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản nghị luận ở lớp 11 như sau:

#### *Đọc hiểu nội dung*

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản.

- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

- Xác định được nội dung và ý nghĩa của văn bản. Nhận biết được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết.

#### *Đọc hiểu hình thức*

- Nhận biết và phân tích được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết.

- Nhận biết được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

*Liên hệ, so sánh, kết nối*

- Thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do.

*Đọc mở rộng*

Trong một năm học, đọc tối thiểu 7 văn bản nghị luận (bao gồm cả văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các văn bản đã học.

### **1.6.2. Các kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận**

- Văn bản nghị luận là loại văn bản thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lý lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ. Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng, bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, xã hội, đạo đức, triết học, nghệ thuật, văn học,... Căn cứ vào đề tài và nội dung triển khai có thể chia văn bản nghị luận thành nhiều tiểu loại, trong đó nghị luận xã hội và nghị luận văn học là hai tiểu loại phổ biến, quen thuộc. Ở những bối cảnh văn hóa và thời đại khác nhau, văn bản nghị luận có những đặc điểm riêng. Tùy vào tính chất của thể văn được chọn (hịch, cáo, tựa,...) và nội dung bàn luận, các tác giả có thể sử dụng yếu tố biểu cảm và tự sự để làm tăng hiệu quả thuyết phục cho văn bản.

- Luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận: Luận đề là vấn đề tư tưởng, quan điểm, quan niệm,... được tập trung bàn luận trong văn bản. Việc chọn luận đề để bàn luận cho thấy rõ tầm nhận thức, trải nghiệm, sở trường, cách nhìn nhận cuộc sống của người viết. Thông thường luận đề của văn bản được thể hiện rõ từ nhan đề. Luận điểm là một ý kiến khái quát thể hiện tư tưởng, quan điểm của tác giả về luận đề. Nhờ hệ thống luận điểm (hệ thống ý), các khía cạnh cụ thể của luận đề mới được làm nổi bật theo một cách nhất định.

- Lý lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận: Lý lẽ, bằng chứng được gộp lại là luận cứ. Lý lẽ nảy sinh nhờ suy luận logic, được dùng để giải thích và triển khai luận điểm, giúp luận điểm trở nên sáng tỏ và vững vàng. Bằng chứng là những chứng cứ cụ thể, sinh động được khai thác từ thực tiễn hoặc từ các tài liệu sách báo nhằm xác nhận tính đúng đắn hợp lí của lý lẽ.

### **1.6.3. Tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận**

- Các văn bản này thuộc nhiều tiểu loại khác nhau: nghị luận xã hội, nghị luận văn học, nghị luận về nghệ thuật. Điều đó giúp HV nhận ra sự phong phú



của thế giới VB nghị luận, tránh được cái nhìn công thức khi phải thực hiện việc phân loại chi tiết.

- Quy trình dạy đọc hiểu văn bản nghị luận ở lớp 11 không có điểm gì khác so với quy trình dạy đọc hiểu văn bản nghị luận ở lớp 10 và ở các lớp cấp THCS. Riêng về nội dung, điểm nhấn ở các giờ dạy là tìm hiểu cấu trúc tổng thể của văn bản và việc tác giả sử dụng điểm xuyết các yếu tố như thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm nhằm làm tăng hiệu quả lập luận, thuyết phục. Để làm rõ những điều này, việc hướng dẫn HV vẽ sơ đồ lập luận rất đáng được quan tâm.

- Văn bản nghị luận là loại văn bản dùng lí lẽ, phán đoán, chứng cứ để bàn luận về một vấn đề nào đó (chính trị, xã hội, văn học nghệ thuật, triết học, đạo đức...). Do đó, khi hướng dẫn HV đọc hiểu loại văn bản này, trên cơ sở các phương pháp đọc hiểu văn bản nói chung, GV cần lựa chọn những phương pháp đặc thù, phù hợp với đặc trưng của văn bản nghị luận. GV cần tạo ra được một không gian đối thoại trong lớp học, cung cấp cho HV nền tảng để đọc hiểu trong đó GV tổ chức các hoạt động dạy học theo quy trình:

(1) Phát hiện vấn đề nêu lên trong văn bản và chia sẻ trải nghiệm về vấn đề đó;

(2) Xác định mục đích nghị luận;

(3) Tóm tắt các luận điểm và xác định mối quan hệ giữa chúng với nhau;

(4) Suy luận, phân tích thái độ, tình cảm, quan điểm của người viết đối với vấn đề nghị luận, các đối tượng liên quan và người đọc;

(5) Phân tích nghệ thuật lập luận, cách nêu chứng cứ, sử dụng ngôn ngữ, tác dụng của các biện pháp đó với từng vấn đề được trình bày trong nội dung văn bản nghị luận;

(6) Nêu khái quát giá trị của văn bản nghị luận về cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; liên hệ với thực tiễn văn học và đời sống, đánh giá khả năng tác động của văn bản nghị luận đến nhận thức và hành động của người đọc.

- Để tổ chức hiệu quả một giờ dạy học văn bản nghị luận, GV cần hướng dẫn HV: Tái hiện được bối cảnh lịch sử, thời đại, tình huống tạo nên văn bản; huy động được các ví dụ, dẫn chứng tiêu biểu ngoài văn bản để phân tích, làm sáng tỏ luận điểm trong văn bản; liên hệ thực tế. Chẳng hạn, khi dạy văn bản *Tôi có một giấc mơ* (M.L.Kinh) HV cần biết về sự kiện mà văn bản ra đời, về tác giả (nhà hoạt động nhân quyền có sức ảnh hưởng lớn) và giá trị lịch sử của văn bản (một trong những bài diễn văn xuất sắc nhất và được trích dẫn nhiều nhất trong lịch sử Hoa Kỳ), từ đó tìm hiểu những đặc điểm của văn bản, đặc biệt là

niềm ước mơ cháy bỏng của tác giả về công lí, tự do, về sự bình đẳng giữa người da đen và người da trắng, và hơn tất cả là về một nước Mỹ hùng cường.

- GV tổ chức hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm, giúp HV ngoài việc hiểu, tin vào những điều trong văn bản, còn đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và tri thức của mình; rút ra được những bài học từ việc đọc văn bản; so sánh với các tác giả, văn bản khác có liên hệ với nhau về thời gian, đề tài, chủ đề. Cần lưu ý khi dạy đọc văn bản nghị luận, GV hạn chế nêu thêm các nội dung khác mà chỉ phát triển chi tiết hoặc thêm câu hỏi gợi mở từ các câu hỏi trong SGK. Vì các câu hỏi ấy đã thể hiện đủ các yêu cầu đọc hiểu của chương trình về văn bản nghị luận.

## **1.7. Đọc hiểu văn bản thông tin**

### ***1.7.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản thông tin***

Chương trình Ngữ văn GDTX quy định những yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản thông tin ở lớp 11 như sau:

#### *Đọc hiểu nội dung*

- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

- Phân tích được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết.

#### *Đọc hiểu hình thức*

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng.

- Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.

#### *Liên hệ, so sánh, kết nối*

Thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.

#### *Đọc mở rộng*

Trong một năm học, đọc tối thiểu 14 văn bản thông tin (bao gồm cả một số văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.

### ***1.7.2. Các kiến thức cơ bản về văn bản thông tin***

- Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về một đối tượng nào đó phục vụ cho việc thông báo, giao dịch,... trong hoạt động giao tiếp. Văn bản thông tin có thể được chia thành nhiều loại nhỏ theo các tiêu chí: tính chất của thông tin, cách triển khai thông tin, cấu trúc văn bản,...

- Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin: Có nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin khác nhau cho một văn bản thông tin. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả khá quen thuộc, các tác giả thường chọn cách đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn về sự vật, hiện tượng để độc giả nhận thấy được tính phức tạp của vấn đề được đề cập đến. Cũng có khi người viết lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm. Việc triển khai ý tưởng và thông tin luôn phụ thuộc vào các yếu tố chính sau đây: đặc điểm của đối tượng được nói tới, mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc mà tác giả muốn đạt được.

### **1.7.3. Tổ chức dạy học đọc hiểu văn bản thông tin**

Khi dạy học đọc hiểu văn bản thông tin, GV cần biết cách "vượt qua" những khó khăn do các dữ liệu mang tính chuyên môn cao có trong văn bản đưa lại. Sự thực, với việc đọc hiểu một văn bản thông tin, HV không nhất thiết phải nắm và nhớ các số liệu cụ thể như nhớ các câu thơ, câu văn khi đọc hiểu văn bản văn học. Điều cần thiết là phải mô hình hoá được cách triển khai thông tin, cách tác giả đưa các phương tiện phi ngôn ngữ vào văn bản, kết hợp việc đưa tin khách quan và bình luận chủ quan,... đồng thời HV cần biết vận dụng những tri thức khoa học, văn hoá, xã hội tiếp thu từ những môn học khác và từ trải nghiệm cuộc sống để nhận diện và phân tích được cách thu thập và trình bày dữ liệu trong văn bản, góc nhìn và quan điểm của tác giả khi cung cấp các thông tin. Chẳng hạn, các văn bản *Trí thông minh nhân tạo*, *Pa-ra-lim-pich: Một lịch sử chữa lành những vết thương*,... (bộ SGK Kết nối tri thức với cuộc sống) không chỉ có mục đích cung cấp thông tin khách quan về những hiện tượng trong đời sống mà còn có thể đem đến cho người đọc những suy nghĩ, chiêm nghiệm về những vấn đề tiếp tục đặt ra từ những thông tin được cung cấp.

Để giờ dạy đọc hiểu văn bản thông tin hiệu quả, GV giao nhiệm vụ cho HV trước, trong và sau khi đọc: chuẩn bị kiến thức nền, thiết lập hồ sơ đọc, thuyết trình, thảo luận, viết báo cáo, viết suy nghĩ hoặc kế hoạch tìm hiểu vấn đề nêu trong văn bản sau bài học. Trong khi đọc văn bản, GV hướng dẫn, hỗ trợ HV hoàn thành các nhiệm vụ:

- (1) Tìm hiểu xuất xứ, nguồn văn bản, tìm hiểu về tác giả;
- (2) Đọc hiểu nội dung của văn bản (hệ thống thông tin được đề cập đến trong văn bản);
- (3) Đọc hiểu hình thức của văn bản (kiểu loại văn bản, bố cục văn bản, cách trình bày, sắp xếp thông tin trong văn bản, hình ảnh, chi tiết, nhan đề, tiêu

đề, chú thích, sơ đồ, biểu bảng, chữ viết hoa, in đậm, in nghiêng,... được sử dụng trong văn bản);

(4) Vận dụng thông tin trong văn bản (liên hệ thông tin trong văn bản với thông tin ngoài văn bản có liên quan để giải quyết các vấn đề trong học tập và cuộc sống).

## **1.8. Thực hành tiếng Việt**

### ***1.8.1. Nội dung thực hành tiếng Việt lớp 11***

Mục tiêu của việc dạy học tiếng Việt trong môn *Ngữ văn* ở cả hai cấp học (THCS và THPT) là trang bị cho HV công cụ để đọc hiểu, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo logic của khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ. Các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt không được tập hợp để tạo thành một “phân môn” riêng mà tích hợp kiến thức Ngữ văn vào bài học lấy văn bản làm trung tâm.

Nội dung dạy học thực hành tiếng Việt lớp 11 bao gồm:

- Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng.
- Lỗi về thành phần câu và cách sửa .
- Biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối: đặc điểm và tác dụng .
- Cách giải thích nghĩa của từ.
- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...
- Cách trình bày tài liệu tham khảo.

Do mục tiêu là vận dụng kiến thức tiếng Việt để thực hành, qua đó phát triển kĩ năng giao tiếp, nên ngoài kiến thức mới đưa vào bài học, HV cần vận dụng kiến thức đã học trước đó để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ, thực hiện đúng phương châm: Học tiếng Việt để vận dụng chứ không phải chỉ để ghi nhớ các khái niệm.

### ***1.8.2. Tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt***

*Thực hành tiếng Việt* thường được sắp xếp ngay sau phần đọc các văn bản chính. Mục tiêu của hoạt động thực hành tiếng Việt là dùng những kiến thức về tiếng Việt được hình thành trong bài học hoặc đã học trước đó để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ, nhất là những điểm đặc sắc trong một văn bản, nhờ thế HV có thể hiểu văn bản đã đọc một cách sâu sắc hơn, từ đó, vận dụng để đọc những văn bản khác và có thể học cả kinh nghiệm sử dụng tiếng Việt của tác giả để nâng cao kĩ năng viết của mình. Ngoài ngữ liệu đã được dẫn trong hệ thống bài tập thuộc nội dung thực hành tiếng Việt, GV có thể khai thác thêm các ngữ liệu khác được lấy từ bài đọc để HV có thêm cơ hội tìm hiểu và vận dụng cách

sử dụng ngôn ngữ trong văn bản. GV cần lưu ý bảo đảm phương châm dạy học ngôn ngữ qua ngữ cảnh để HV nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Việt, không dạy học tiếng Việt chỉ đơn thuần nhằm mục tiêu giúp HV nắm được kiến thức về tiếng Việt.

Việc đưa kiến thức tiếng Việt vào SGK Ngữ văn lớp 11 được thực hiện theo yêu cầu của Chương trình GDTX môn Ngữ văn. Các kiến thức này không bao quát đầy đủ các cấp độ và bình diện ngôn ngữ như hệ thống kiến thức trong Chương trình các lớp ở cấp THCS mà chỉ tập trung vào một số vấn đề ngôn ngữ có tính chất nâng cao.

Các bước tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt lớp 11 bao gồm:

- **Hình thành kiến thức mới:** Phần Tiếng Việt kiến thức mới không nhiều, chủ yếu là kiến thức HV đã học ở các lớp dưới. Đối với những bài không có kiến thức mới, GV giúp HV ôn lại kiến thức đã biết để thực hành. Tuy nhiên dù là hình thành kiến thức mới hay củng cố kiến thức cũ thì kiến thức đó chỉ được giới thiệu, phân tích một lần ở bài học mà nó xuất hiện đầu tiên. Ở các bài tiếp theo, GV chỉ nhắc lại nếu thấy cần thiết. GV có thể lựa chọn các phương pháp phù hợp để tổ chức cho HV tìm hiểu kiến thức mới như: chơi trò chơi, phân tích ngôn ngữ, đi từ ngữ liệu thực tế để HV tìm hiểu và rút ra khái niệm; hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích, đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa. GV có thể hình thành kiến thức mới cho HV bằng cách sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ: đi từ ngữ liệu thực tế để HV tìm hiểu và rút ra khái niệm (phương pháp quy nạp); hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích: đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa (phương pháp diễn dịch).

- **Thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ:** Sau khi HV đã biết được kiến thức (khái niệm, định nghĩa), GV cho HV thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ngữ liệu đã cho trong các khung đặt bên phải của phần *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể tìm thêm các ngữ liệu khác để HV thực hành. Hoạt động thực hành nhận biết với sự hỗ trợ của GV này là bước chuyển tiếp cần thiết giúp HV nắm vững kiến thức để hoàn thành các bài tập ở bước luyện tập, vận dụng. Tránh tình trạng chỉ cho HV nắm khái niệm rồi yêu cầu các em thực hành luôn. Ngữ liệu được dùng để thiết kế các bài tập chủ yếu được lấy từ văn bản đọc có trong bài học (Teaching language in context).

- **Luyện tập, vận dụng:** Ở hoạt động này GV có thể hướng dẫn HV làm việc cá nhân, theo cặp hoặc nhóm để hoàn thành bài tập. Ngữ liệu để thiết kế các

bài tập luyện tập, vận dụng trong SGK chủ yếu được lấy từ văn bản đọc có trong bài học. Như vậy mới đáp ứng được mục tiêu của hoạt động thực hành tiếng Việt là phục vụ cho việc đọc hiểu, giúp HV hiểu sâu hơn về tác dụng của việc sử dụng các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong văn bản. Ở hoạt động này, GV căn cứ vào thời gian của tiết học, khả năng hoàn thành của HV và số bài tập bổ sung mà GV có thể điều chỉnh linh hoạt thời gian dành cho hoạt động này. Ví dụ: Với bài tập chỉ cần nắm kiến thức đã học ở lớp trước để hoàn thành, HV có thể làm ở nhà. Ngoài ra, GV có thể tự thiết kế thêm các bài tập khác để HV luyện tập, miễn là đáp ứng điều kiện thời gian và mục tiêu dạy học.

**Lưu ý:** Tuy trong chương trình, kiến thức về các kiểu loại văn bản (văn bản tự sự, văn bản miêu tả, văn bản biểu cảm, văn bản nghị luận, văn bản thông tin) được đặt ở phần kiến thức tiếng Việt, nhưng trong SGK Ngữ văn lớp 11, nội dung này được giới thiệu ở phần *Tri thức ngữ văn* và được triển khai, vận dụng ở các phần *Đọc* và *Viết* (hoạt động thực hành viết). Nội dung "cách trình bày tài liệu tham khảo" cũng không được đặt trong tiết *Thực hành tiếng Việt* riêng mà được tích hợp vào thực hành viết báo cáo nghiên cứu, một kiểu bài mà tài liệu tham khảo được coi là một phần tất yếu phải có.

## **2. Hướng dẫn tổ chức dạy học Viết**

### **2.1. Yêu cầu cần đạt về dạy học Viết trong CT Ngữ văn lớp 11**

Theo yêu cầu của môn Ngữ văn GDTX, HV lớp 11 cần được hướng dẫn luyện tập viết như sau:

#### *Quy trình viết*

Biết viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.

#### *Thực hành viết*

- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có mở đầu và kết thúc; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng; nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.

- Viết được bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

- Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

- Có thể thấy, ở lớp 11, hoạt động viết tập trung vào hai kiểu văn bản lớn: văn bản nghị luận và văn bản thông tin (không có kiểu văn bản tự sự, văn bản miêu tả, văn bản biểu cảm). Việc tập trung vào hai kiểu văn bản lớn này phù hợp với mục tiêu dạy học viết ở cấp THPT theo yêu cầu của chương trình.

- Đối với văn bản nghị luận văn học, cần lưu ý yêu cầu viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện nhưng tập trung vào những đặc điểm trong cách kể của tác giả và viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ nhưng tập trung vào việc tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm. Việc tập trung vào một khía cạnh hay yếu tố của văn bản xét về phương diện thể loại (truyện và thơ) thể hiện sự kết nối chặt chẽ giữa viết với đọc, đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao hơn so với bài nghị luận viết về tác phẩm truyện và thơ ở các lớp dưới, tạo cơ hội cho HV được rèn luyện kỹ năng phân tích sâu một khía cạnh hay yếu tố nổi bật của tác phẩm. Nếu đặt ra yêu cầu viết văn bản nghị luận về truyện và thơ một cách chung chung thì không thể tránh khỏi sự trùng lặp với những bài viết mà HV đã thực hành nhiều lần trước đó.

- Cần lưu ý, bên cạnh kỹ năng viết văn bản nghị luận, kỹ năng viết văn bản thuyết minh cũng là một phần thiết yếu trong kỹ năng viết nói chung của HV và đóng vai trò quan trọng trong đời sống hằng ngày cũng như trong công việc của HV sau này.

- Ngoài ra, còn có kiểu bài báo cáo nghiên cứu xuất hiện ở cả ba lớp của cấp THPT. Nếu yêu cầu "viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận" ở lớp 11 không được triển khai thành các kiểu bài thuyết minh cụ thể hơn thì HV sẽ không có cơ hội rèn luyện kỹ năng viết một số kiểu VB thuyết minh rất thông dụng và hữu ích: thuyết minh về tác phẩm văn học; thuyết minh về sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội; thuyết minh về sự vật, hiện tượng trong tự nhiên. Qua việc thực hành viết các kiểu văn bản thuyết minh này, HV cũng nắm vững cách triển khai bài viết theo các cấu trúc đa dạng: theo quan hệ nhân quả, theo các thành tố của đối tượng, theo trình tự thời gian, theo phạm vi không gian ảnh hưởng của đối tượng,... Lên lớp 12, Chương trình không còn yêu cầu viết văn bản thuyết minh (ngoài viết báo cáo nghiên cứu như một lựa chọn bên cạnh viết báo cáo kết quả của bài tập dự án) mà sẽ tập trung các bài viết cho kiểu văn bản nghị luận (nghị luận văn học và nghị luận xã hội).

## **2.2. Quy trình dạy học viết**

- Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách cho HV. Vì thế khi dạy viết, GV chú trọng

yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

- GV tập trung vào yêu cầu hướng dẫn HV các bước tạo lập văn bản, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu văn bản. Thông qua thực hành, GV hướng dẫn HV phân tích các văn bản ở phần đọc hiểu và văn bản bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu văn bản, quy trình tạo lập văn bản; sử dụng các câu hỏi giúp HV xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn HV viết văn bản; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

- Ở cấp THPT, GV yêu cầu HV thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,... Ngoài việc tiếp tục phương pháp phân tích mẫu các kiểu văn bản, GV chú ý hướng dẫn kỹ thuật viết tích cực nhằm giúp HV vừa thành thạo kỹ năng tạo lập theo từng kiểu văn bản, vừa phát triển tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các văn bản thông thường, HV còn được rèn luyện tạo lập văn bản điện tử và văn bản đa phương thức.

- GV sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn HV hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho HV thực hành viết văn bản, có thể viết từng phần: mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài.

- Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà HV cần thực hiện; yêu cầu HV làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, HV cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

Quy trình dạy học viết gồm có 5 bước:

- Bước 1. Giới thiệu kiểu văn bản
- Bước 2. Hướng dẫn HV tìm hiểu yêu cầu của kiểu văn bản
- Bước 3. Hướng dẫn HV đọc và phân tích bài viết tham khảo.
- Bước 4. Tổ chức cho HV thực hành viết theo trình tự: chuẩn bị viết, tìm ý, lập dàn ý, viết, chỉnh sửa và hoàn thiện.
- Bước 5. Chấm bài, trả bài.



- Trong mỗi bước của quy trình dạy học viết, GV cần chú ý phối hợp hài hoà giữa hoạt động hướng dẫn của thầy cô và hoạt động thực hành của HV. Nghiên cứu kĩ sách giáo viên và SGK, căn cứ vào năng lực thực tế của HV để vận dụng quy trình dạy học viết thực sự sinh động và hiệu quả. Theo định hướng mở của CT, HV sẽ được thực hành viết theo những đề tài tự lựa chọn, miễn sao không đi chệch kiểu bài được quy định. Tuy nhiên, trước khi viết, GV cần thẩm định những đề tài mà HV (cá nhân hay nhóm) đề xuất, để đảm bảo những đề tài ấy có tính khả thi, không làm ảnh hưởng đến định hướng giáo dục chung và đặc biệt phải có được một hình thức diễn đạt chuẩn mực (theo mô hình dạy học viết lâu nay, đề tài là do GV ấn định, được cụ thể hoá trong một đề văn, bởi vậy, sự chính xác hay chuẩn mực của đề tài, đề văn hoàn toàn do GV chịu trách nhiệm).

*Lưu ý:* Trong khoảng 2 - 3 tiết dành cho hoạt động viết, việc tìm hiểu về bài viết tham khảo cũng như quy trình viết được trình bày trong SGK chỉ nên gói gọn trong 1 tiết. Số tiết còn lại dành cho HV tự xây dựng dàn ý bài viết và viết bài theo đề tài mình đã chọn.

- Trả bài là bước cuối cùng của quy trình dạy học viết, trước nay đã được nhiều GV chú ý đầu tư, nhưng theo tinh thần tích hợp cao của SGK Ngữ văn lớp 11, việc trả bài cần đáp ứng được những yêu cầu mới. GV cần hướng dẫn HV thực hiện việc chỉnh sửa bài chu đáo hơn, mặc dù bài viết đã được "nghiệm thu", bởi rất có thể chính bài viết đó sẽ tái xuất hiện ở hoạt động nói và nghe trong hình thức mới, là đề cương hay dàn ý của bài nói.

### **2.3. Một số lưu ý khi dạy học viết theo từng kiểu bài**

- **Kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm truyện:** Một tác phẩm truyện có nội dung hết sức phong phú và có giá trị nhiều mặt, vì vậy tùy góc nhìn, tùy mức độ thâm nhập khác nhau mà người viết có những định hướng viết không giống nhau. Để phân tích một tác phẩm truyện, HV phải biết trả lời các câu hỏi chính: Truyện viết về đề tài, vấn đề gì? Tình huống truyện được xây dựng thế nào? Tác phẩm muốn gửi thông điệp gì đến người đọc? Thông điệp đó được chuyển tải trọn vẹn qua các phương tiện nghệ thuật như thế nào?

- **Kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ:** khi phân tích một tác phẩm thơ cần chú ý những chi tiết, hình ảnh, tính chất hay những ý thơ được dùng lặp lại trong bài; chú ý đến quan hệ chỉnh thể giữa các yếu tố cấu tạo nên bài thơ (hình thức, nội dung). Khi phân tích bài thơ, mọi luận điểm cần phải được làm sáng tỏ qua việc phân tích những dẫn chứng cụ thể, là các câu thơ hay đoạn thơ đã được trích dẫn một cách chính xác. Ngôn ngữ được sử dụng trong bài phân tích về tác phẩm thơ cần có tính biểu cảm, tuy vậy cần tránh việc lạm

dụng thán từ, cũng như tránh đưa ra những nhận định chung chung thiếu căn cứ. Khi phân tích các yếu tố hình thức của thơ như vần, điệu,..., mạch cảm xúc của tác giả,... có ý nghĩa rất quan trọng.

- **Kiểu bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng):** bên cạnh việc tổ chức bài viết theo các thao tác viết bài văn nghị luận, cần chú ý đến tính đặc thù của đối tượng nghị luận, cụ thể: (1) Khi nêu thông tin khái quát về tác phẩm cần dựa vào đặc trưng loại hình của tác phẩm. Với tác phẩm điện ảnh, cần giới thiệu về nhà sản xuất, hãng phim, đạo diễn, tác giả kịch bản, dàn diễn viên,...; với tác phẩm nghệ thuật tạo hình (hội họa, điêu khắc,...) cần giới thiệu về quy mô, kích thước, chất liệu,... (2) Khi phân tích, đánh giá về tác phẩm cần sử dụng các thuật ngữ chuyên môn phù hợp, do vậy cần huy động kiến thức về các bộ môn nghệ thuật đã được học trong Chương trình.

- **Kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội:** cần lựa chọn những vấn đề xã hội đích đáng để bàn luận, những vấn đề đó được nhiều người quan tâm và không xa lạ đối với trải nghiệm của HV. Từ đó thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết; triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; sử dụng được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng xác đáng; đưa ra được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận và có lí lẽ phản bác nhằm tăng sức thuyết phục cho bài viết; rút ra được ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân.

- **Kiểu bài viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng:** bài viết cần sử dụng các thao tác viết bài văn thuyết minh để làm rõ các khía cạnh của vấn đề; nếu có sử dụng các yếu tố hỗ trợ như nghị luận, miêu tả hay biểu cảm thì cũng không được lấn át thao tác thuyết minh. Có thể triển khai bài viết theo một số dạng cấu trúc như: nguyên nhân – hệ quả - giải pháp, theo các thành tố của đối tượng, theo diễn biến trong thời gian hoặc theo không gian ảnh hưởng của đối tượng đó,... Khi tìm hiểu các thông tin để viết bài, cần chú ý quan sát thực tế, tìm hiểu qua sách báo, ghi chép cụ thể để có những dữ liệu phong phú, tin cậy.

- **Kiểu bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội:** Đối với kiểu bài này, HV phải tuân thủ quy trình nghiên cứu gồm chọn đề tài, xử lý thông tin, xác định luận điểm, xây dựng đề cương, lập kế hoạch nghiên cứu, viết báo cáo,... tuy ở mức độ thấp hơn về tính mới của thông tin, về giá trị của những phát hiện hay khả năng vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu khoa học.

### **3. Hướng dẫn tổ chức dạy học Nói và Nghe**

#### **3.1. Yêu cầu cần đạt về dạy học nói và nghe trong Chương trình Ngữ văn lớp 11**

### *Nói*

- Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội; kết cấu bài có ba phần rõ ràng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược; sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.

- Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân (ví dụ: tác phẩm văn học, tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội họa).

- Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

### *Nghe*

Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói. Nêu được nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình. Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

### *Nói nghe tương tác*

Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; tranh luận một cách hiệu quả và có văn hóa.

## **3.2. Tổ chức dạy học Nói và nghe**

- Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp HV có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói, người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách HV.

- Hoạt động nói và nghe theo chương trình GDTX môn Ngữ văn lớp 11 tuy có nội dung phong phú nhưng có thể quy về hai dạng chính: thuyết trình và thảo luận. Mỗi dạng đòi hỏi những cách tổ chức khác nhau. Với thuyết trình, theo nội dung đã xác định trong bài học, HV có thể chuẩn bị sẵn bài nói (phần nào dựa trên kết quả của hoạt động viết) và tập nói ở nhà. Trên lớp, các HV lần lượt trình bày bài nói của mình theo những đề tài riêng. Nhưng với thảo luận, việc thống nhất về chủ đề phải đi trước một bước và các ý kiến tham gia cần bám sát diễn tiến của cuộc thảo luận (không thể lặp lại nội dung của ý kiến phát biểu trước và phải trao đổi với ý kiến phát biểu trên tinh thần tán đồng hay phản đối). Rõ ràng, đây là một thử thách không nhỏ đối với HV, đòi hỏi mỗi HV phải thấu suốt chủ đề thảo luận, biết theo dõi quá trình thảo luận với sự tập trung cao độ, lại phải hết sức chủ động, linh hoạt trong việc lập ý và diễn đạt. Ở đây, vai trò của người điều hành rất quan trọng. GV cần cho HV tập làm quen dần với việc tự điều hành một buổi thảo luận. Trong Chương trình Ngữ văn lớp 11 còn

có hoạt động tranh luận/tranh biện. Đây là cơ hội tốt cho HV chia thành các nhóm tán thành và phản đối một quan điểm, một giải pháp để tranh luận, qua đó giúp các em "mài sắc" công cụ ngôn ngữ và tư duy. Việc điều hành và tham gia một cuộc tranh biện đòi hỏi nhiều kỹ năng cao hơn so với thuyết trình và thảo luận.

- Trong dạy nói, GV hướng dẫn cho HV quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho HV thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

- Trong dạy nghe, GV hướng dẫn HV cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

- Đối với kỹ năng nói nghe tương tác, GV hướng dẫn HV biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

- Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kỹ năng nghe nói cho HV. Để tạo điều kiện cho mọi HV được thực hành nói, GV linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp HV nói cho nhau nghe hoặc HV trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho HV thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà GV cung cấp.

Trong giờ nói và nghe, GV triển khai một số hoạt động sau:

- Giao nhiệm vụ: Yêu cầu HV chuẩn bị giới thiệu, thuyết trình, trình bày nội dung (đã có bài tập nêu trong SGK). Thời gian chuẩn bị tùy vào nội dung và hình thức tổ chức nhưng không cần nhiều (vì đã có nội dung từ đọc và viết).

- Tổ chức cho HV trình bày, giới thiệu, thuyết trình và lắng nghe, theo dõi nội dung đã chuẩn bị. Đây là hoạt động chính; có thể một hoặc nhiều lượt HV được trình bày.

- Tổ chức cho HV trao đổi, nhận xét, phản hồi về nội dung và kỹ năng nói của người trình bày. Từ đó, GV nhận xét về kỹ năng và nội dung nói - nghe của HV; đưa ra các uốn nắn về kỹ thuật nói - nghe (không dài dòng, tản mạn, lúng túng,...) và đặc biệt về thái độ trong khi nói - nghe. Ví dụ: người nói cần

nhìn vào các bạn, biết kết hợp lời nói với ngôn ngữ hình thể, tốc độ và âm lượng khi nói nên thế nào cho phù hợp,... Với việc nghe, cần tôn trọng người nói như tập trung nghe, hướng về người nói,... Cần có tác phong và sự tự tin khi trình bày, trao đổi,...

Dạy nói và nghe không chỉ là để phát triển kỹ năng nói và nghe mà còn là cơ hội để rèn luyện phẩm chất, thái độ, tình cảm, lối sống có văn hoá cho HV. Vì thế, khi dạy nói - nghe, GV không chỉ chú ý đến nội dung nói mà còn cần tập trung vào kỹ năng và thái độ khi nghe – nói của HV.

Việc tổ chức hoạt động nói và nghe trên lớp nên linh hoạt, khuyến khích HV chủ động, tự tin hơn khi trình bày, trao đổi thông tin. Nên tăng cường các hoạt động tương tác khi nói, nghe và tạo cơ hội cho nhiều HV được trình bày, trao đổi trong nhóm và trước lớp. Chú ý sử dụng thêm các phương tiện phi ngôn ngữ như số liệu, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh,... để hỗ trợ trong quá trình trình bày. GV chỉ nên dành nhiều thời gian hướng dẫn HV chuẩn bị cho hoạt động nói và nghe trong 1 - 2 bài đầu. Khi HV đã làm quen với thao tác chuẩn bị như lựa chọn đề tài, tìm ý và sắp xếp ý, các em có thể dựa vào hướng dẫn của SGK để tự chuẩn bị. Nhờ đó, thời gian cho hoạt động nói và nghe ở trên lớp có thể dành chủ yếu cho HV thực hành, GV không cần mất nhiều thời gian hướng dẫn HV chuẩn bị.

## **II. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

### **A. HƯỚNG DẪN CHUNG**

#### **1. Phân tích yêu cầu cần đạt của Chương trình**

- Trong quá trình phát triển Chương trình GDTX theo quan điểm tiếp cận năng lực, việc lựa chọn nội dung các môn học phải tập trung cho việc tạo cơ hội hình thành và phát triển các năng lực chung và đặc thù. Ngược lại, việc tập trung vào các thành tố của năng lực có thể giúp HV am hiểu sâu sắc hơn các kiến thức, kỹ năng môn học khi vận dụng chúng vào các bối cảnh thực tiễn. Do vậy, việc quá trình triển khai các hoạt động dạy học cũng là quá trình lồng ghép nội dung kiến thức với các thành tố của năng lực.

- Chương trình Ngữ văn đã xác định các nội dung dạy học của từng lớp theo hướng: Từ cấu trúc năng lực lựa chọn những nội dung dạy học phù hợp, bao gồm những kiến thức cơ bản, nền tảng được xác định theo từng lớp và những yêu cầu cần đạt về các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. Trong quá trình dạy học, các nội dung sẽ đảm bảo tạo cơ hội tốt cho việc phát triển năng lực. Ví dụ, ở mạch đọc hiểu, chương trình đã xác định một hệ thống ngữ liệu phong phú theo các kiểu loại văn bản: văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin; ở mạch nói

và nghe, chương trình có nhiều nội dung học tập mang tính giao tiếp, thực hành ứng dụng như: trình bày, thuyết trình, thảo luận tranh luận; ở mạch viết, chương trình xác định các kiểu bài viết như nghị luận xã hội, nghị luận văn học, văn bản thuyết minh, văn bản nhật dụng,... tạo ra nhiều cơ hội để HV được tham gia và trải nghiệm các tình huống đa dạng của cuộc sống. Những nội dung này đều có thể giúp HV hình thành và phát triển các năng lực đọc, viết, nói và nghe, từ đó HV sẽ thể hiện được năng lực cảm thụ thẩm mỹ, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp xã hội, năng lực tư duy sáng tạo,... đồng thời phát triển năng lực tự học và tự chủ.

- Khi thiết kế kế hoạch bài dạy, có thể sử dụng các yêu cầu cần đạt được xác định trong chương trình để xác định mục tiêu, sử dụng các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá khi tổ chức quá trình dạy học. Việc cụ thể hoá yêu cầu cần đạt có thể được trình bày theo mức mức độ khác nhau, hướng tới mục tiêu dạy học phát triển. Cách xác định mức độ yêu cầu cần đạt sẽ được trình bày ở nội dung tiếp theo.

## 2. Xác định mục tiêu dạy học

- Xác định mục tiêu dạy học là hoạt động cần thiết khi thiết kế kế hoạch dạy học. Mục tiêu của mỗi bài học là sự thể hiện yêu cầu cần đạt của chương trình. Trong môn học Ngữ văn, khi biên soạn SGK, mỗi bộ sách sẽ lựa chọn một phương án tổ chức nội dung dạy học để đáp ứng YCCĐ. Các mạch đọc, viết, nói và nghe được thiết kế theo một mối quan hệ logic để hướng tới YCCĐ đó. Khi tổ chức quá trình dạy học, GV sẽ căn cứ vào đối tượng HV và cách sắp xếp các bài học để khai thác nội dung bài học một cách hợp lí.

- Khi xác định mục tiêu dạy học, cần dựa trên đối tượng HV cụ thể và cấu trúc các nội dung dạy học của SGK để cụ thể hoá yêu cầu cần đạt phù hợp với từng nội dung dạy học. Sau khi đã thao tác hoá yêu cầu cần đạt của Chương trình, có thể xác định mục tiêu của từng nội dung trong bài học theo ý đồ dạy học của mỗi GV. Do YCCĐ được xác định cho cả mạch đọc hiểu nên có thể sử dụng các YCCĐ để kiểm soát quá trình dạy học theo yêu cầu phát triển năng lực theo các bước của quá trình đó. Mặt khác, có thể sử dụng chuẩn để tổ chức dạy học theo hướng phân hoá, đó là có thể xác định mục tiêu dạy học theo cả 3 mức cho cùng 1 văn bản, hướng tới các đối tượng HV có những mức độ tiếp nhận khác nhau. Chẳng hạn, mục tiêu dạy học được xác định tương ứng với nội dung dạy học đọc hiểu thể loại **Truyện** môn Ngữ văn lớp 11 (SGK Kết nối tri thức với cuộc sống – Bài 1) được xác định như sau:

<b>Mục tiêu năng lực</b>	
<p><b>1. Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 và người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</b></p>	<p>- <b>Mức 1 (1.1):</b> Nhận diện và nêu được đặc điểm của một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 và người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p> <p>- <b>Mức 2 (1.2):</b> Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 và người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p> <p>- <b>Mức 3 (1.3):</b> Đạt được mức 2 và đưa ra được dẫn chứng trong văn bản tự đọc để chứng minh hoặc có những phát hiện và trình bày bằng ngôn ngữ của cá nhân về những yếu tố trên.</p>
<p><b>2. Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</b></p>	<p>- <b>Mức 1 (2.1):</b> Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm; đưa ra được nhận xét về một số chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>- <b>Mức 2 (2.2):</b> Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đưa ra được nhận xét về vai trò, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>- <b>Mức 3 (2.3):</b> Đạt được mức 2, phát hiện được những chi tiết có ý nghĩa và đưa ra những nhận xét độc đáo, mới mẻ.</p>
<b>Mục tiêu phẩm chất</b>	
<p><b>3. Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá CN, đồng cảm với</b></p>	<p>- <b>Mức 1 (3.1):</b> Mức 1: Nhận ra được biểu hiện của tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người, đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không</p>

những hoàn cảnh, số phận không may mắn, trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương	may mắn, trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương trong các văn bản. - <b>Mức 2 (3.2):</b> Bày tỏ, chia sẻ được tình cảm, cảm xúc, thái độ về nội dung trên qua nói, viết. - <b>Mức 3 (3.3):</b> Thể hiện được tình cảm, cảm xúc, thái độ về nội dung trên qua hành vi cụ thể.
--	--

### 3. Xác định phương pháp và cách thức tổ chức dạy học

Phương pháp dạy học là cách thức tổ chức các nội dung dạy học để đạt được mục tiêu của bài học. Việc lựa chọn PPDH là linh hoạt, tùy vào sự sáng tạo và chủ động của GV phù hợp với đối tượng HV. Tuy nhiên, để việc dạy học đáp ứng mục tiêu, có thể căn cứ vào các mức độ của chuẩn đã xác định để lựa chọn một số PPDH. Chẳng hạn, để hướng dẫn đọc hiểu các văn bản Truyện (Bài 1 đã nêu trên), GV có thể lựa chọn một số PPDH gắn với mạch đọc như sau:

Văn bản	Mục tiêu	Tổ chức dạy học
<b>Bài đọc 1:</b> <b>Vợ nhặt</b>	<b>Mức 1 (1.1):</b> Nhận diện được bối cảnh, tình huống truyện, cách xây dựng nhân vật, không gian, thời gian, điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... <b>Mức 1 (2.1):</b> Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm; nhận xét được một số chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản; nêu được ý nghĩa và thông điệp của văn bản. <b>Mức 1 (3.1):</b> Nhận ra được biểu hiện của tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người, đồng	(1) Áp dụng PPDH phân tích mẫu và quy nạp: - GV hướng dẫn HV đọc văn bản, nhận diện một số yếu tố của truyện gắn với văn bản, tìm hiểu một số chi tiết, đề tài, nhân vật trong văn bản. - Từ đó, GV hướng dẫn HV nhận diện những yếu tố trong tri thức đọc hiểu. (2) Áp dụng PPDH phân tích mẫu và diễn dịch: - GV hướng dẫn HV tìm hiểu tri thức ngữ văn về câu chuyện và điểm nhìn. - Hướng dẫn HV đọc hiểu nội dung và hình thức của văn bản để nhận diện một số yếu tố đã rút ra từ tri thức ngữ văn.



	cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn, trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương trong các văn bản.	
<b>Bài đọc 2:</b> <b>Chí Phèo</b>	<p>- <b>Mức 2 (1.2):</b> Phân tích được tác dụng của một số yếu tố như: không gian, thời gian, nhân vật, người kể chuyện, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,... trong văn bản.</p> <p>- <b>Mức 2 (2.2):</b> Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, tuyến nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đưa ra được nhận xét về vai trò, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>- <b>Mức 3 (2.3):</b> Đạt được mức 2, phát hiện được những chi tiết có ý nghĩa và đưa ra những nhận xét độc đáo, mới mẻ.</p> <p>- <b>Mức 2 (3.2):</b> Nhận ra được biểu hiện của tinh thần nhân văn qua văn bản; bày tỏ, chia sẻ được tình cảm, cảm xúc, thái độ về cảm hứng nhân đạo của nhà văn qua nói, viết.</p>	<p>(1) Hướng dẫn HV thực hành phân tích văn bản theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế Phiếu học tập.</li> <li>- Xây dựng các nhiệm vụ học tập để hướng dẫn HV vận dụng những kiến thức về thể loại đã học ở văn bản 1 để tìm hiểu văn bản 2.</li> <li>- Chia nhóm HV để thực hành theo các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV.</li> <li>- GV nhận xét kết quả, khắc sâu kiến thức và kỹ năng đã thực hành.</li> </ul> <p>(2) Tiếp tục dạy học theo phân tích mẫu.</p>

<p><b>Thực hành đọc: Cải oir</b></p>	<p>- <b>Mức 2 (1.2):</b> Nhận ra và phân tích được tác dụng của một số yếu tố trong truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 và người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p> <p>- <b>Mức 3 (1.3):</b> Đạt được mức 2 và đưa ra được dẫn chứng trong văn bản tự đọc để chứng minh hoặc có những phát hiện và trình bày bằng ngôn ngữ của cá nhân về những yếu tố trên.</p> <p>- <b>Mức 1 (2.1):</b> Phân tích được một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm; đưa ra được nhận xét về một số chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p>	<p>(1) Hướng dẫn HV đọc mở rộng VB:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đưa ra một số định hướng đọc.</li> <li>- HV tự đọc văn bản (cá nhân hoặc nhóm).</li> <li>- GV xác định những sản phẩm học tập HV cần hoàn thành để kiểm tra kết quả đọc của HV.</li> <li>- HV thực hiện sản phẩm .</li> <li>- GV nhận xét, đánh giá .</li> </ul> <p>(2) XD câu hỏi để hướng dẫn đọc VB và ĐG kết quả đọc.</p>
--------------------------------------	--	---

- Từ việc xác định mục tiêu và cách thức tổ chức dạy học, đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình, sẽ thiết kế các hoạt động dạy học theo nội dung đã được xây dựng trong từng bộ SGK.

- Mặc dù, trong mỗi bài học có gợi ý về việc phân chia thời lượng cho từng nội dung học tập nhưng nhìn chung GV vẫn có toàn quyền quyết định trong việc phân bổ thời gian cho các nội dung và các phần trong mỗi bài cho phù hợp với đối tượng, điều kiện dạy học. Ví dụ nếu thấy phần nội dung đọc hiểu hay nội dung viết có thể rút ngắn 1-2 tiết mà vẫn đạt được yêu cầu, mục tiêu bài học thì

GV có thể chuyển sang nội dung phần khác, bài học khác. Các tiết dôi ra sẽ được dành cho những bài cần nhiều thời gian hơn, nhưng nội dung cần củng cố, ưu tiên thực hành rèn luyện ở lớp nhiều hơn. Tuy nhiên việc này nên trao đổi trong tổ khi thực hiện kế hoạch dạy học nhà trường.

- **Lưu ý:** Trong SGK thường có 3 - 4 văn bản đọc hiểu, GV hoàn toàn có thể chỉ chọn 1-2 văn bản để dạy HV đọc hiểu kỹ về thể loại và kiểu văn bản ấy, không nhất thiết phải dạy tất cả các văn bản. Nên tập trung vào các văn bản đọc chính để HV biết cách đọc hiểu thể loại và kiểu văn bản tiêu biểu. Đối với các văn bản còn lại, GV hướng dẫn HV thực hành đọc hiểu theo thể loại văn bản đã được học, hoặc có thể HV tự đọc ở nhà. Việc SGK cung cấp nhiều nhiều văn bản cùng thể loại và kiểu văn bản nhằm cung cấp ngữ liệu để HV tự đọc và rèn luyện cách đọc, không yêu cầu GV dạy hết các văn bản có trong SGK. Mặt khác, những văn bản có trong SGK nhưng không dạy trên lớp chính là nguồn ngữ liệu dùng để kiểm tra, đánh giá năng lực đọc của HV sau khi học bài học ấy.

## **B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA**

Kế hoạch dạy học được lựa chọn thiết kế cho 3 chủ đề/bài học lớn của 3 bộ SGK, bao gồm:

- (1) Bộ SGK Chân trời sáng tạo: Bài 9. Những chân trời ký ức (truyện, truyện kí)
- (2) Bộ SGK Kết nối tri thức với cuộc sống: Bài 2. Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình
- (3) Bộ SGK Cánh diều: Bài 4. Văn bản thông tin

Mỗi kế hoạch bài dạy bao quát tất cả các mạch nội dung trong bài học, hướng đến yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ và văn học được xác định trong SGK, đồng thời bổ sung các biểu hiện về năng lực chung và phẩm chất.

Kế hoạch bài dạy cụ thể như sau:

### **SÁCH GIÁO KHOA CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

#### **BÀI 9. NHỮNG CHÂN TRỜI KÝ ỨC**

**(Truyện – truyện ký)**

*Thời gian thực hiện: 11 tiết*

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Năng lực**

#### **1.1. Năng lực ngôn ngữ và văn học**

Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể về đọc, viết, nói và nghe nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt như sau:

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Nhận biết và sửa chữa một số kiểu lỗi về thành phần câu.

- Viết được bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận.

- Biết thảo luận, tranh luận một cách có hiệu quả và có văn hoá về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

## **1.2. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập; lựa chọn được nguồn tài liệu học tập và tiếp nhận thông tin có chủ đích; biết điều chỉnh thái độ, cảm xúc, hành vi của bản thân sau khi rút ra bài học nhận thức từ việc đọc hiểu văn bản.

- Giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được những tình huống có vấn đề đặt ra trong cuộc sống thông qua bài học; biết phân tích và đề xuất được các giải pháp một cách linh hoạt khi giải quyết vấn đề ấy.

## **2. Phẩm chất**

- Trân trọng những kỉ niệm và trải nghiệm tuổi thơ.

- Sống có trách nhiệm với bản thân và với mọi người.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Thiết bị:** máy vi tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ.

2. **Học liệu:** SGK Ngữ văn 11, Chân trời sáng tạo, tập 2; sách bài tập Ngữ văn 11, tập 2, đoạn video về Phan Bội Châu (<https://www.youtube.com/watch?v=bjAorhrD2ec>).

## **III. GỢI Ý TIỀN TRÌNH DẠY HỌC**

### **A. DẠY HỌC ĐỌC HIỂU**

**Văn bản 1. Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự**

**(Trích *Tuấn – chàng trai nước Việt*)**

***Thời gian thực hiện: 02 tiết***

### **TRƯỚC GIỜ HỌC**

Trước giờ học, GV yêu cầu HV đọc phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK (trang 77) và thực hiện phiếu học tập sau:

# PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Truyện ký là ..... ..... ..... .....	
Tác dụng của thành phần xác định ..... ..... ..... ..... .....	Tác dụng của thành phần không xác định ..... ..... ..... ..... .....

## TRÊN LỚP

### Hoạt động 1. Khởi động và xác định nhiệm vụ học tập

**1.1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập, thu hút sự chú ý của HV vào bài học, huy động kiến thức nền và trải nghiệm của HV, xác định vấn đề học tập.

### 1.2. Nội dung, sản phẩm và cách tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao nhiệm vụ học tập hoặc cũng có thể cho HV xem một đoạn video giới thiệu về Phan Bội Châu và trả lời câu hỏi: Em hãy chia sẻ những điều mình biết về cụ Phan Bội Châu, người được mệnh danh là “Ông Già Bến Ngự”.</li> <li>- GV ghi nhận và dẫn dắt vào bài mới: <i>Cụ Phan Bội Châu là người sáng lập phong trào Đông Du, kêu gọi thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập, chờ thời cơ giành lại độc lập cho nước nhà. Sau nhiều thập niên hoạt động cách mạng, tháng 6/1925 cụ bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải ( Trung Quốc) và kết án chung thân. Trước áp lực đấu tranh của quần chúng, người Pháp phải đưa cụ về giam</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV suy nghĩ/xem video và trả lời câu hỏi.</li> </ul>

<p><i>lông ở Huế. Với tình cảm thương mến và trân trọng cụ Phan, nhân dân cả nước và Thừa Thiên Huế đã tự nguyện quyên góp để mua khu vườn ở dốc Bến Ngự và làm nhà cho cụ ở.</i></p> <p><i>Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu các văn bản liên quan đến truyện kí, văn bản về cụ Phan Bội Châu.</i></p>	
--	--

## **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV khám phá và hình thành kiến thức về một số yếu tố hình thức, nội dung của văn bản “*Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở bến Ngự*”.

**2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt</b>
<b>1. Đọc và tìm hiểu chung</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV trình bày kết quả phiếu học tập số 1.</li> <li>- Nhận xét, chốt kiến thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày kết quả.</li> <li>- Sản phẩm:</li> <li><b>1. Truyện kí:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyện kí là thể loại trung gian giữa truyện và kí.</li> <li>- Truyện kí rất gần với kí ở yêu cầu về tính xác thực dựa trên việc ghi chép người thật, việc thật.</li> <li>- Truyện kí gần với truyện ở chỗ thường có cốt truyện hoàn chỉnh hoặc tương đối hoàn chỉnh.</li> </ul> </li> <li><b>2. Sự kết hợp giữa phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí.</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phi hư cấu là cách phản ánh hiện thực theo nguyên tắc đề cao tính xác thực bằng cách gọi thẳng tên và miêu tả chính xác những con người và sự kiện có thực (<i>tên tuổi, lai lịch, ngoại hình, nguồn gốc, gia đình, ngọn nguồn văn hoá, ...</i>)</li> <li>- Hư cấu là dùng trí tưởng tượng sáng tạo ra cái mới, những điều khác lạ không có hoặc chưa có trong thế giới thực nhằm mục đích nghệ thuật.</li> </ul> </li> </ul>
<b>2. Đọc hiểu văn bản</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HV đọc to toàn bộ văn bản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đọc to, rõ ràng.</li> </ul>

<p>- Yêu cầu một số HV chia sẻ những nội dung tiếp nhận được từ văn bản theo các chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.</p> <p>- Nhận xét về kết quả tự học và trả lời các câu hỏi chỉ dẫn đọc của HV.</p>	<p>- Trình bày kết quả đọc các chỉ dẫn một cách ngắn gọn.</p> <p>- Lắng nghe, tự rút kinh nghiệm.</p>
<p>- Yêu cầu HV làm việc nhóm, tóm tắt và nêu ý nghĩa của câu chuyện.</p> <p>- Gọi các nhóm trả lời, nhận xét và bổ sung (nếu có).</p>	<p>- Thảo luận nhóm, trình bày kết quả.</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p><b>+ Tóm tắt câu chuyện:</b></p> <p><i>Tuấn cùng với người bạn của mình là Quỳnh đã cùng nhau đến thăm nhà cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự. Cụ Phan là người được rất nhiều người yêu mến và kính trọng, Tuấn rất ngưỡng mộ những bài học và sách vở do cụ Phan chỉ dạy. Bất chấp việc đến thăm cụ Phan sẽ có mật thám theo, nhưng Tuấn vẫn rất muốn đến nhà cụ để gặp cụ. Căn nhà mà cụ Phan đang ở là một căn nhà tranh ba gian, giản dị và đơn sơ. Xung quanh ngôi nhà có rất nhiều cây cối và lúc nào cũng được mở ra cho mọi người vào. Căn nhà không có tiếng người mà rất yên bình và tĩnh lặng. Tuấn đến thì không dám vào trong mà ngó xem nhưng không gặp được cụ Phan Bội Châu. Thông qua một em bé trong nhà cụ Phan, thì Tuấn biết được cụ Phan đang bán gạo cho những người dân nghèo quanh đó. Khi gặp được cụ Phan Tuấn trở lên căng thẳng khi gặp người mà mình đã ngưỡng mộ từ lâu. Cụ Phan xuất hiện với dáng vẻ hiền từ, phong thái thư thả và giản dị. Cụ ung dung và thoải mái đến chỗ Tuấn và hỏi han về thông tin của hai cậu. Sau đó cụ còn chỉ dạy rất nhiều cho Tuấn về cuộc sống, về lòng yêu đất nước và biết yêu thương nhân dân. Cụ đừng nói chuyện với hai cậu nhưng vẫn không quên đi bán gạo cho bà con. Sau đó họ lại được chứng kiến rõ hơn căn nhà mà cụ Phan đang ở, qua sự chỉ dẫn của một em bé sống trong nhà của cụ. Cả cuộc đời cụ</i></p>

	<p><i>Phan sống với nước với dân, thanh bạch và chí dững. Chính vì thế không chỉ riêng Tuấn, mà các thế hệ thanh niên lúc bấy giờ đều vô cùng ngưỡng mộ cụ và luôn tuân theo những sự chỉ dạy của cụ.</i></p> <p><b>+ Ý nghĩa của câu chuyện trong việc thể hiện ý đồ mục đích viết của tác giả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp người đọc hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của cụ Phan Bội Châu đối với dân tộc Việt Nam, cũng như sự nỗ lực của ông trong việc giáo dục, truyền đạt tinh thần đấu tranh cho thế hệ sau.</li> <li>- Khơi dậy tinh thần đấu tranh, tự hào dân tộc và tình yêu quê hương cho nhân vật trong truyện, đồng thời nhấn mạnh sự quan trọng của sự hy sinh cho đất nước</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2</li> <li>- Gọi các nhóm trả lời, nhận xét và bổ sung (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm, trình bày kết quả.</li> <li>- Sản phẩm:</li> <li>+ Sự việc, chi tiết phi hư cấu: <i>Họ tên nhân vật Phan Bội Châu; Việc cụ Phan bị thực dân Pháp giam lỏng ở Huế; Việc nhân dân ba kì góp tiền dựng nhà. Chuyện mật thám theo dõi cụ Phan và những ai đến thăm cụ; Thời gian năm 1927; Địa điểm ngôi nhà ở Bến Ngự; Vật liệu dựng ngôi nhà tranh; Cấu trúc ngôi nhà ba gian; Cảnh quan, địa chi, vị trí, tên sông, tên cầu; Các bức tranh, câu đối,...; Các cuốn sách do cụ Phan viết.; Việc cụ Phan bán gạo; Giọng nói địa phương xứ Nghệ.</i></li> <li>+ Sự việc, chi tiết hư cấu: <i>Vậy chó tụi mày ở Huế thường ngày không đến thăm cụ sao?"; Tỉnh thoảng mới đến mà tao phải rủ nhau đi một lượt bốn, năm đũa để cho lính mã tà và bọn chỉ điểm ít nghi ngờ. Mày muốn tao rủ thêm vài ba thằng bạn nữa đi với tụi mình cho vui không?";</i>  <i>"– Nhà cụ Phan ở Bến Ngự gần đây Hai đũa mình đến thăm cụ thế nào cũng có mật thám theo dõi, rình mò. Mày dám đến không?"</i> <i>"– Thôi không cần, hai đũa mình đi đến thăm cụ, chó có</i></li> </ul>



*làm gì mà sợ.”; Trông cụ không khác nào một vị tiên lão da mặt hồng hào, đang bước thung dung ở dưới bóng cây.”; Tuấn được hoàn toàn thỏa mãn.; Những câu nói cụ thể của nhân vật.*

**\* Tác dụng của việc kết hợp các yếu tố phi hư cấu với hư cấu trong văn bản.**

- Tăng tính thuyết phục của văn bản.
- Giúp nâng cao tính thẩm mỹ của văn bản.
- Tạo ra những ý tưởng và cách tiếp cận mới, mang đến cho độc giả một trải nghiệm đọc khác biệt và độc đáo.
- Giúp tác giả đưa ra các suy nghĩ sâu sắc hơn về các vấn đề đặt ra trong tác phẩm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Chi tiết, sự việc hư cấu**

.....  
 .....  
 .....  
 .....

**Chi tiết, sự việc phi hư cấu**

.....  
 .....  
 .....  
 .....

**Tác dụng của việc kết hợp giữa phi hư cấu và hư cấu**

.....  
 .....  
 .....

- Yêu cầu HV thảo luận nhóm: Xác định ngôi kể, điểm nhìn, nhân vật trong văn bản.
- Gọi các nhóm trả lời, nhận xét và bổ sung (nếu có).

- Thảo luận nhóm, trình bày kết quả.
- Sản phẩm:
  - \* Ngôi kể : ngôi thứ ba.
  - + Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng bao quát hiện thực đời sống cao hơn so với người kể chuyện ngôi thứ nhất.
  - + Ngôi kể thứ ba có thể tạo ra cái nhìn khách quan, xác thực hơn so với việc sử dụng ngôi kể khác.
  - \* Điểm nhìn của nhân vật Tuấn:
    - + Là điểm nhìn của nhân chứng

	<p>+ Tuấn là đại diện tiếng nói cho cho HV, sinh viên đương thời về cụ Phan Bội Châu và ảnh hưởng của cụ đối với lớp trẻ Việt Nam lúc bấy giờ.</p> <p>* Nhân vật Phan Bội Châu và ngôi nhà tranh của cụ ở Bến Ngự đều có thể xem là “<i>chứng tích của thời đại</i>”, vì:</p> <p>+ Cụ là nhân vật có thật, gắn với bối cảnh sự vật có thật, mang tính xác thực cao (có thể dễ dàng kiểm chứng); cuộc đời của cụ là biên niên sử đáng tin cậy.</p> <p>+ Nhân vật Phan Bội Châu trong VB là chứng tích quan trọng gợi nhắc đời sống nhân cách của một nhân vật lịch sử, một giai đoạn lịch sử của đất nước.</p> <p>+ Phan Bội Châu được miêu tả qua cái nhìn của các nhân chứng Tuấn và Quỳnh – hai thanh niên đương thời.</p>
<p>- Yêu cầu HV làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:</p> <p>1) Có thể xem nhân vật Phan Bội Châu và ngôi nhà tranh của Cụ ở Bến Ngự được miêu tả trong văn bản là “chứng tích thời đại đầu thế kỷ XX” được không? Vì sao?</p> <p>2) Sau khi học xong văn bản em rút ra được những lưu ý gì khi đọc văn bản truyền kí?</p> <p>- Nhận xét, chốt ý.</p>	<p>- HV trả lời câu hỏi.</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p>1) Có thể coi nhân vật Phan Bội Châu và ngôi nhà tranh của Cụ ở Bến Ngự được miêu tả trong văn bản là “<i>chứng tích thời đại đầu thế kỷ XX</i>” vì:</p> <p>+ Cụ là nhân vật có thật, gắn với bối cảnh sự vật có thật, mang tính xác thực cao (có thể dễ dàng kiểm chứng); cuộc đời của cụ là biên niên sử đáng tin cậy.</p> <p>+ Nhân vật Phan Bội Châu trong văn bản là chứng tích quan trọng gợi nhắc đời sống nhân cách của một nhân vật lịch sử, một giai đoạn lịch sử của đất nước.</p> <p>+ Phan Bội Châu được miêu tả qua cái nhìn của các nhân vật Tuấn và Quỳnh – hai thanh niên đương thời.</p>

	<p>2) Một số lưu ý khi đọc truyện kí</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần tìm hiểu bối cảnh xã hội và hoàn cảnh sáng tác để hiểu sâu hơn nội dung và các tầng ý nghĩa của truyện.</li> <li>- Chú ý các yếu tố thuộc câu chuyện, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, điểm nhìn, ngôi kể, tình huống, sự kết hợp giữa phi hư cấu và hư cấu trong tác phẩm....</li> </ul>
<b>3. Tổng kết</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao nhiệm vụ thực hiện cá nhân.</li> <li>+ <i>Theo em, nội dung của văn bản là gì?</i></li> <li>+ <i>Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?</i></li> <li>- Nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Suy nghĩ, trình bày kết quả</li> <li>- Sản phẩm:</li> </ul> <p><b>1. Nội dung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- "<i>Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự</i>" là một câu chuyện lịch sử về một trong những nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam. Văn bản giúp người đọc hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của cụ Phan Bội Châu đối với dân tộc Việt Nam, cũng như sự nỗ lực của ông trong việc giáo dục, truyền đạt tinh thần đấu tranh cho thế hệ sau.</li> </ul> <p><b>2. Nghệ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bút pháp hiện thực sắc sảo.</li> <li>- Ghi chép những sự thật ở đời một cách chân thực =&gt; Giúp cho người đọc có cái nhìn toàn cảnh về hiện trạng xã hội đương thời.</li> </ul>

### Hoạt động 3. Luyện tập và vận dụng

**3.1. Mục tiêu:** Giúp HV luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức về truyện kí đã học vào đọc một văn bản truyện kí.

**3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
- Yêu cầu HV chọn đọc một chương tâm đắc trong tác	- Thực hiện nhiệm vụ (có thể ở lớp hoặc ở nhà) và hoàn thiện phiếu học tập.

phẩm “ <i>Tuấn – chàng trai nước Việt</i> ” và hoàn thiện vào phiếu học tập cá nhân. - Nhận xét, chốt ý.	<b>Vấn đề</b>	<b>Câu trả lời</b>
	Nhân vật	
	Ngôi kể	
	Điểm nhìn	
	Tóm tắt văn bản	
	Thành phần không được hư cấu	
	Thành phần có thể hư cấu	
	Tâm trạng/ Hành động/ Lời nói của nhân vật ....	

## SAU GIỜ HỌC

GV có thể hướng dẫn HV tìm đọc một số truyện ký để hiểu hơn về đặc điểm của truyện ký.

### Văn bản 2. Tôi đã học tập như thế nào?

(Trích)

*Thời gian thực hiện: 02 tiết*

## TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV nhắc lại khái niệm truyện ký và yếu tố phi hư cấu và hư cấu trong truyện ký đã học ở tiết học trước.

## TRÊN LỚP

### Hoạt động 1: Khởi động

1.1. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về đặc điểm và cách đọc văn bản truyện - truyện kí, tìm hiểu đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật của văn bản sẽ đọc.

1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức thực hiện

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt</b>
- Yêu cầu HV: hỏi tương và chia sẻ với mọi người một kỉ niệm (vui/buồn) về việc học tập của mình trong quãng thời gian học tập ở Tiểu học. - Quan sát, hỗ trợ HV.	- Suy nghĩ, trình bày - Sản phẩm: Những kỷ niệm buồn/vui của HV thời đi học Tiểu học được hỏi tương lại.

Nhận xét các câu trả lời của HV rồi nêu vấn đề: Mỗi người có một cách thức học tập khác nhau. Tuy nhiên việc hình thành thói quen tự học và đọc sách là một thói quen giúp việc học tập đạt được hiệu quả nhiều nhất.	Lắng nghe
---	-----------

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

2.1. Mục tiêu: Giúp HV khám phá và hình thành kiến thức về một số yếu tố hình thức, nội dung của văn bản *Tôi đã học tập như thế nào?*; Nhận biết được đặc điểm thể loại truyện ký qua văn bản.

2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<b>1. Đọc và tìm hiểu chung</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HV đọc to toàn bộ văn bản.</li> <li>- Yêu cầu một số HV chia sẻ những nội dung tiếp nhận được từ văn bản theo các chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.</li> <li>- Nhận xét về kết quả tự học và trả lời các câu hỏi chỉ dẫn đọc của HV.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đọc to, rõ ràng.</li> <li>- Trình bày kết quả đọc các chỉ dẫn một cách ngắn gọn.</li> <li>- Lắng nghe, tự rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<b>2. Đọc hiểu văn bản</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV làm việc nhóm:</li> <li>+ Nhóm 1: Tóm tắt nội dung văn bản (có thể dùng lời hoặc sơ đồ)</li> <li>+ Nhóm 2: Hoàn thành phiếu học tập số 1</li> <li>+ Nhóm 3: Hoàn thành phiếu học tập số 2</li> <li>+ Nhóm 4: Hoàn thành phiếu học tập số 3</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm, trình bày kết quả</li> <li>- Sản phẩm:</li> <li>+ Tóm tắt nội dung văn bản: Chuyện do nhân vật chính thuật lại quá trình học tập của mình ở hai trận đường đời nối tiếp nhau. Hồi 6 - 7 tuổi cậu bé Pê-xcốp mồ côi cha, được gửi đến học ở một ngôi trường của nhà thờ. Do chán học, lại bị một số thầy giáo có ác cảm, nên cậu thường bài nhiều trò nghịch ngợm, tinh quái. Đến khi gặp Đức Giám Mục Cri-xan-phơ, được đức cha khích lệ, cậu mới bắt đầu có ý thức học tập thì lại có tang</li> </ul>

<p>+ Nhóm 5: Phân tích điểm khác biệt trong nhận thức của tác giả tại thời điểm viết tác phẩm và nhận thức của nhân vật chính trong quá khứ.</p> <p>- Gọi các nhóm trả lời, nhận xét và bổ sung (nếu có).</p>	<p>mẹ, gia cảnh khôn khó, 10 tuổi cậu phải "vào đời" kiếm sống. Từ đây, nhất là năm 14 tuổi, nhờ không ngừng tự học hỏi trong cuộc sống và đam mê đọc sách, Pê-xcốp đã từng bước trưởng thành và về sau trở thành đại thi hào Nga M.Go-rơ-ki</p> <p>+ Phần "thú": Phần non nớt, bản năng, hoang dã, thậm chí "<i>man rợ</i>".... và phần „người“: Phần cao quý, có được nhờ quá trình học tập, tu dưỡng (phần "<i>Quan niệm về cuộc sống tốt đẹp và sự thèm khát về cuộc sống ấy</i>"). Ở đó có lẽ sống vươn tới tình thương yêu và khát vọng những gì tốt đẹp, xứng đáng với con người. Giữa hai phần này luôn có đấu tranh: Nhờ học qua trường đời, cuộc sống cần lao và qua sách. Pê-xcốp hiểu ra sự đối lập và cuộc đấu tranh không dễ dàng giữa phần "<i>thú</i>" và phần "<i>người</i>". Cậu luôn khao khát Chiến thắng phần "<i>con thú</i>" trong bản thân, khao khát "<i>tách khỏi con thú để lên tới gần con người tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp và về sự thèm khát cuộc sống ấy</i>". Con đường ấy được ví với việc bước dần lên những bậc thang như một quá trình rèn luyện lâu dài không mệt mỏi. mỗi thành công chỉ là "<i>một bậc thang nhỏ</i>" nên cần phải nỗ lực vươn lên không ngừng.</p> <p>+ Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể, điểm nhìn: Người kể chuyện không chỉ tường thuật một câu chuyện, mà còn thể hiện ý kiến của mình về việc đấu tranh giữa "thú" và "người"; Điểm nhìn của người kể có tác dụng: Giúp người đọc thông hiểu được những khó khăn, thử thách và bài học trong cuộc đấu tranh này. Ngoài ra, người kể cũng thể hiện quan điểm và giá trị của mình thông qua việc lựa chọn các chi tiết và tình huống trong câu chuyện.</p>
---	--

+ Điểm khác nhau về nội dung và hình thức nghệ thuật giữa hai phần văn bản trước và sau câu: “Tôi biết đọc một cách có ý thức từ năm lên mười bốn tuổi”:

<b>Nội dung/ Hình thức</b>	<b>Phần trước</b>	<b>Phần sau</b>
Nội dung	Thuật lại theo hồi ức về những ngày tháng cậu bé Pê-xcốp học tập tại ngôi trường của nhà thờ. Ban đầu, cậu bé bày ra bao nhiêu trò tinh quái, "man rợ". Chỉ đến khi có Đức Giám mục xuất hiện cậu mới chăm chỉ, chí thú với việc học hành.	Thuật lại những tháng năm Pê-xcốp tự kiếm sống vừa tự học trong sách vở và trong cuộc đời. Trải qua biết bao dẫn vật, bần khổ, cuối cùng nhờ có sách và những nỗ lực đọc, khám phá của bản thân, Pê-xcốp đã trưởng thành.
Hình thức nghệ thuật	Sử dụng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn gây ấn tượng mạnh: - Dùng nhiều mẫu chuyện sự việc kịch tính bất ngờ. - Sử dụng đối thoại, thủ pháp đối lập.	Sử dụng nghệ thuật kể chuyện tổng hợp: - Kết hợp kể chuyện với trữ tình biểu cảm luận bình (về vai trò, tác dụng của sách, của trải nghiệm cuộc sống).

	<p>- Tác giả vừa hóa thân vào nhân vật cậu bé mang điểm nhìn, giọng điệu của một cậu bé vừa giữ một khoảng cách, một thái độ tự phê phán, tự giễu mình.</p>	<p>- Kết hợp độc thoại (tự nói với mình) và trò chuyện với độc giả ("<i>chính các bạn cùng biết...</i>"; "Có thể rồi tôi sẽ không truyền đạt đủ rõ và đáng tin cậy để các bạn thấy...").</p> <p>- Sử dụng nhiều ẩn dụ, tỉ dụ sâu sắc từ trải nghiệm đời sống, từ đọc sách mà có.</p>
<p style="text-align: center;"><b>Tính thống nhất trong chỉnh thể của tác phẩm</b></p> <p>- Đọc kỹ sẽ thấy sự khác biệt trên không hề phá vỡ tính thống nhất chỉnh thể mà còn cho thấy sự đa dạng của các môi trường/ hoàn cảnh học tập.</p> <p>- Thấy rõ cuộc đấu tranh giữa phần "<i>thú</i>" và phần "<i>người</i>" ở các môi trường khác biệt.</p> <p>- Đặc biệt cho thấy việc học tập để đạt được thành công, vươn tới mục đích cao đẹp của đời người quả là quá trình không dễ dàng, nhưng hoàn toàn là có thể.</p> <p>- Đó cũng là sự linh hoạt, đa dạng trong bút pháp tự truyện của M.Go-rơ-ki.</p> <p>+ Điểm khác biệt trong nhận thức của tác giả tại thời điểm viết tác phẩm và nhận thức của nhân vật chính trong quá khứ:</p> <p>- Các câu chuyện được kể lại là hồi ức - những sự việc mẫu chuyện xảy ra đã lâu, vào khoảng từ những năm Pê-xcốp lên sáu bảy tuổi cho đến khi cậu trở thành một người lao động chín chắn, trưởng thành (ngoài 20 tuổi).</p>		



	<p>- Thời điểm tác giả M.Go-rơ-ki viết: <i>Tôi đã học tập như thế nào?</i> là khoảng năm 1917 - 1918. Trước đó ông đã viết: <i>Thời thơ ấu</i> (năm 1913 - 1914), <i>Kiểm sống</i> (năm 1915 - 1916). Tức là truyện: <i>Tôi đã học tập như thế nào?</i> được viết khi nhà văn đã ở tuổi 45 - 50 (ông sinh năm 1968). Khoảng cách giữa thời điểm xảy ra các sự việc với Pê-xcốp ở ngôi trường của nhà thờ (năm 6 - 7 tuổi) và thời điểm nhà văn viết truyện ngắn là gần nửa thế kỷ.</p> <p>- Nhận thức của tác giả ở thời điểm viết tác phẩm Tất nhiên sẽ khác nhiều so với nhận thức của nhân vật chính (tác giả hồi bé, thời trẻ). Muốn hiểu đúng cảm hứng, chủ đề, tư tưởng thông điệp của tác phẩm, không thể không lưu ý điều này.</p> <p>- Trong văn bản có không ít chi tiết cho thấy khoảng cách, thời gian, tuổi tác, nhận thức giữa người viết và nhân vật. Chẳng hạn ở phần đầu, từ thời điểm viết tác phẩm nhìn nhận sự việc, cách hành xử của cậu bé, Tuy nhập vai nhưng người kể chuyện vẫn hé mở khoảng cách.</p>
<b>3. Tổng kết</b>	
<p>- Giao nhiệm vụ thực hiện cá nhân.</p> <p>+ <i>Theo em, nội dung của văn bản là gì?</i></p> <p>+ <i>Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?</i></p> <p>- Nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	<p>- Suy nghĩ, trình bày kết quả</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p><b>1. Nội dung:</b></p> <p>Văn bản cho thấy tầm quan trọng của việc tự học, việc đọc sách. Có thể thấy, tác giả nhận thức rõ ràng và sâu sắc về vai trò và giá trị của việc đọc sách đối với sự thay đổi trong nhận thức, suy nghĩ mỗi người.</p> <p><b>2. Nghệ thuật:</b></p> <p>- Lập luận chặt chẽ xác đáng, dẫn chứng thuyết phục.</p> <p>- Các biện pháp tu từ được sử dụng linh hoạt làm nổi bật tâm trạng của nhân vật tôi khi đọc sách.</p>

## PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Sự xuất hiện của Đức Giám mục tác động đến Pê-xcốp như thế nào?

.....  
.....  
.....

Nhận xét cách tác giả thuật lại câu chuyện

.....  
.....  
.....

## PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

**Phần “thú” và phần “người”**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Cuộc đấu tranh giữa hai phần này trong quan niệm của Pê-xcốp**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể và điểm nhìn của người kể**

.....  
.....  
.....  
.....

## PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Chỉ ra điểm khác nhau về nội dung và hình thức nghệ thuật giữa hai phần văn bản trước và sau câu: "Tôi biết đọc một cách có ý thức từ năm lên mười bốn tuổi"

Nội dung/hình thức	Phần trước	Phần sau
Nội dung	..... ..... ..... ..... .....	..... ..... ..... ..... .....
Hình thức nghệ thuật	..... ..... ..... ..... .....	..... ..... ..... ..... .....
Tinh thống nhất trong chỉnh thể của tác phẩm		
..... ..... ..... .....		

### 3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

**3.1. Mục tiêu:** Nêu được trải nghiệm thực tế đời sống và tầm quan trọng của việc tự học qua sách đối với nhân vật Pê-xcốp.

**3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
- Yêu cầu HV làm việc cá nhân: tìm trong văn bản một số chi tiết để làm rõ ý nghĩa của những trải nghiệm thực tế đời sống và tầm quan trọng của việc tự học qua sách đối với nhân vật Pê-xcốp. - Nhận xét, đánh giá các sản phẩm của HV.	- Suy nghĩ, trình bày kết quả - Sản phẩm + "Như những con chim kỳ diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lý hơn và ngày càng ít để ý hơn đến vô số những chuyện

	<p>bực bội trong cuộc sống“; “Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để tiến gần tới con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất, và về sự thèm khát cuộc sống ấy...”</p> <p>=&gt; Sách mang lại tri thức, mở mang trí tuệ cho Pê-xcốp; sách bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm; giúp cuộc sống Pê-xcốp có ý nghĩa hơn trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Sách chứa đựng những tri thức, hiểu biết về tự nhiên, xã hội đã tích lũy từ ngàn đời. Sách bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống, vì vậy mà sách vở chính là những cuốn bách khoa toàn thư về thế giới, là một nguồn tài nguyên vô tận mà con người có thể thỏa sức tìm tòi, học hỏi, làm cơ sở cho mọi sáng tạo giúp Pê-xcốp tích lũy nâng cao vốn hiểu biết học vấn.</p>
--	---

### **SAU GIỜ HỌC**

GV hướng dẫn HV xây dựng nhật ký đọc sách, mỗi tuần/tháng đọc 1 quyển sách và ghi lại những nội dung chính của quyển sách đã đọc, cảm nhận của cá nhân về nhân vật/nội dung mình yêu thích/ấn tượng.

### **ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

#### **Văn bản 3. Nhớ con sông quê hương**

(Trích)

Té Hanh

*Thời gian thực hiện: 1 tiết/tự học*

Đây là văn bản thơ được sử dụng theo yêu cầu đọc kể nối với chủ điểm *Những chân trời ký ức*. GV hướng dẫn HV tự học bằng cách đọc văn bản và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa theo gợi ý của GV.

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.**

- Chủ thể trữ tình: nhân vật “tôi” hay chính là tác giả đối với quê hương và con sông.

- Tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong đoạn thơ là: sự yêu quý, sự tận tụy và kính trọng đối với con sông của quê hương mình. Đoạn thơ khắc họa cảnh quê hương với con sông xanh biếc, nước gương trong soi tóc những hàng tre, và tâm hồn của tác giả trong một buổi trưa hè. Tác giả cảm thấy mối tình mới mẻ giữa mình và con sông vốn dĩ đã tồn tại từ lâu và sẽ luôn giữ mãi. Tác giả không chỉ mô tả con sông mà còn miêu tả cả cuộc sống quanh sông với hình ảnh của những người dân sống bên bờ sông, kẻ chài lưới bên sông, kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng. Tác giả còn nhắc đến một phần quá khứ của mình khi cầm súng xa nhà đi kháng chiến, nhưng không quên trở về bên bờ sông với tình cảm lưu luyến.

### **Câu 2.**

- Hình ảnh con sông quê hương trong đoạn thơ này khiến em cảm thấy đầy cảm xúc và nhớ về quê hương mình. Con sông được miêu tả với màu xanh biếc và nước gương trong soi tóc những hàng tre, tạo nên một cảnh quan thanh bình và đẹp mắt. Em cảm nhận được sự yên tĩnh và bình yên của đất nước mình qua hình ảnh con sông trong đoạn thơ.

- Đoạn thơ cũng gợi lên trong bản thân mỗi người đọc nhiều kỷ niệm về thời thơ ấu của mình. Khi mặt nước chập chờn con cá nhảy và tiếng chim kêu vang lên, em lại nhớ về những ngày hè vui vẻ cùng bạn bè tắm sông, bắt cá, đu quay trên cây cầu. Ngoài ra, đoạn thơ cũng miêu tả sự đa dạng của cuộc sống bên sông, từ người chài lưới, người cuốc cày đến những người đi kháng chiến. Điều này cho thấy sự phong phú và đa dạng của văn hóa và con người Việt Nam.

- Từ đoạn thơ này, em cảm nhận được sự tương tác mạnh mẽ giữa con người và thiên nhiên, sự gắn bó mật thiết của người Việt với quê hương và con sông quê hương. Nó đã khơi gợi trong em nhiều cảm xúc và kỷ niệm về quê hương, đồng thời cũng thể hiện được giá trị văn hóa và sự đa dạng của Việt Nam.

### **Câu 3.**

- Trong đoạn thơ trên, yếu tố tự sự được sử dụng để tạo ra một hình ảnh chân thật, sống động về sông quê hương. Tác giả đã sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi với người đọc, tạo ra cảm giác như đang được đưa vào cảnh vật thực tế. Từ ngữ như "*bờ tre ríu rít tiếng chim kêu*", "*mặt nước chập chờn con cá nhảy*" hay "*chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngã*" đã giúp người đọc hình dung được cảnh vật và cảm nhận được sự sống động, quen thuộc của quê hương.

- Hơn nữa, yếu tố tự sự cũng giúp người đọc thấu hiểu tâm trạng, suy nghĩ của tác giả. Câu "*Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi! Tôi giữ mãi mối tình mới*

mê" thể hiện tình cảm sâu sắc, tình yêu mãnh liệt của tác giả dành cho sông quê hương. Từ đó, người đọc cảm nhận được sự kết nối giữa con người với đất nước, với mảnh đất quê hương, giúp mở mang tầm nhìn, thấu hiểu đời sống và văn hóa của các dân tộc.

#### **Câu 4.**

- Ký ức tuổi thơ là những trải nghiệm đầu tiên, những ấn tượng đầu tiên về quê hương mà mỗi người được trải qua. Nó giúp ta có những kết nối tinh thần đặc biệt với vùng đất, con người và văn hóa của quê hương mình. Những kí ức đó thường gắn liền với những hình ảnh đẹp, những cảm xúc ngọt ngào và ấm áp, và làm cho tình yêu quê hương trong ta trở nên mãnh liệt hơn.

- Bên cạnh đó, kí ức tuổi thơ còn giúp ta hiểu hơn về giá trị của quê hương và sự quan trọng của việc bảo vệ, phát triển quê hương. Chính những trải nghiệm và kí ức trong tuổi thơ đã giúp ta nhận ra rằng, quê hương không chỉ đơn giản là một địa điểm mà còn là một phần của bản thân mình, là nơi mình trưởng thành và hình thành nhân cách.

→ Do đó, việc nuôi dưỡng tình yêu quê hương của mỗi người cần phải dựa trên những kí ức đó và bảo tồn, phát triển quê hương là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Khi ta yêu quê hương của mình, ta sẽ tự hào về nó, quan tâm, hỗ trợ và đóng góp cho sự phát triển của nó.

## **B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

### **TRƯỚC GIỜ HỌC**

GV hướng dẫn HV chuẩn bị:

- Đọc lại mục Kiến thức ngữ văn của bài 9, SGK Ngữ văn 11 tập 2 để biết được một số kiểu lỗi về thành phần câu và cách sửa.

### **TRÊN LỚP**

#### **Hoạt động 1: Khởi động, xác định nhiệm vụ học tập**

1.1. Mục tiêu: Tạo tâm thế, hào hứng khi vào bài mới

1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức trò chơi: chia lớp thành các nhóm, mỗi dãy bàn làm thành một nhóm.</li> <li>- Nhiệm vụ: Tìm từ/cụm từ và đặt câu với từ tìm được và viết vào giấy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm dán từ/cụm từ và câu lên bảng.</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhóm 1, 3: Tên người hoặc con vật</li> <li>+ Nhóm 2, 4: Từ chỉ hoạt động</li> <li>+ Nhóm 5, 7: Tên đồ vật</li> <li>+ Nhóm 6, 8: Từ chỉ nơi chốn/thời gian</li> <li>- Hướng dẫn HV đọc và xác định các thành phần có trong các câu đã đặt.</li> <li>- Chốt đáp án, giới thiệu nội dung bài học, tri thức tiếng Việt.</li> </ul>	
---	--

## Hoạt động 2: Thực hành/Giải quyết vấn đề

2.1. Mục tiêu: Nhận biết được lỗi về thành phần câu trong những ngữ cảnh cụ thể và nêu được cách sửa chữa lỗi.

2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho HV thực hiện theo cặp đôi bài tập 1 và 2 trong SGK.</li> <li>- Gọi đại diện HV trình bày kết quả và chữa bài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm bài, trình bày và chữa bài.</li> <li>- Sản phẩm:</li> </ul> <p><b>Bài tập 1:</b></p> <p>a. Lỗi: Thiếu thành phần chủ ngữ.            Câu đúng: <i>Văn bản “Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự” cho thấy ngay cả khi bị thực dân Pháp giam lỏng ở Huế, cụ Phan Bội Châu vẫn luôn được thanh niên HV và các tầng lớp nhân dân ta rất mực yêu mến và ngưỡng mộ.</i>            Hoặc: <i>Qua văn bản “Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự”, Nguyễn Vỹ đã cho thấy ngay cả khi bị thực dân Pháp giam lỏng ở Huế, cụ Phan Bội Châu vẫn luôn được thanh niên HV và các tầng lớp nhân dân ta rất mực yêu mến và ngưỡng mộ.</i></p> <p>b. Lỗi: Thiếu thành phần vị ngữ.            Câu đúng: <i>Lòng tin của cụ Phan Bội Châu vào lớp thanh niên HV như Tuấn, Quỳnh sẽ khích lệ họ tiếp bước các chí sĩ ái quốc như cụ.</i></p> <p>c. Lỗi: Không phân định rõ các thành phần câu.            Câu đúng: <i>Bằng tình cảm yêu nước, khát vọng duy tân và sự bốn ba tranh đấu cho mục tiêu dân tộc tự cường, cụ Phan Bội Châu đã trở thành tấm</i></p>

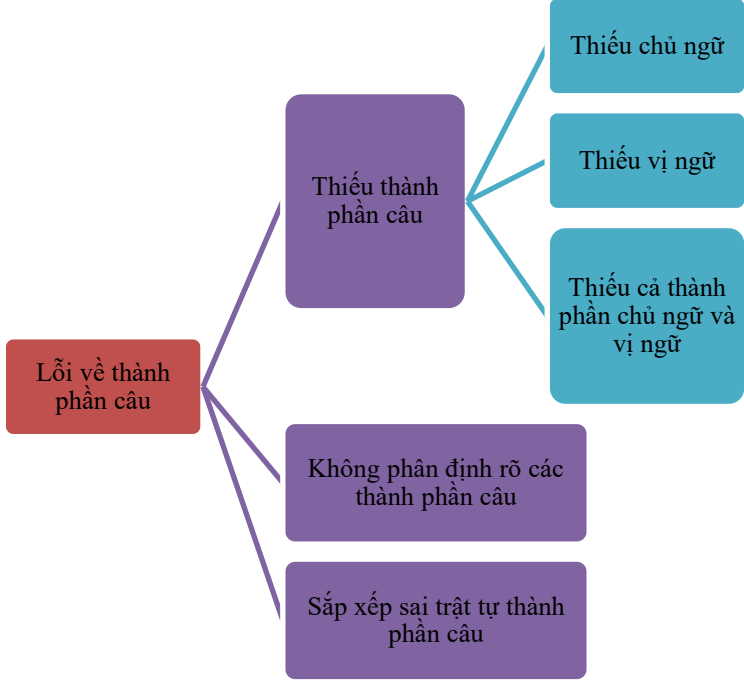
	<p><i>guong cao đẹp cho đồng bào khắp ba miền Bắc Trung Nam và thế hệ thanh niên HV đương thời noi theo.</i></p> <p><b>Bài tập 2:</b> GV cần lưu ý HV đối chiếu các ngữ liệu ở bài tập 2 với các thông tin trong văn bản 1, 2 để có thể chỉ ra lỗi và nêu cách sửa cho chính xác.</p> <p>a. Lỗi: Sắp xếp sai trật tự thành phần câu.          Câu đúng: <i>Vào đầu thập niên 70 thế kỉ trước, Nguyễn Vỹ đã viết “Tuấn – chàng trai nước Việt”, trong đó có thuật lại việc Tuấn và Quỳnh đến thăm ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự.</i></p> <p>b. Lỗi: Sắp xếp sai trật tự thành phần câu          Câu đúng: <i>“Tuấn – chàng trai nước Việt”, một tác phẩm văn xuôi tự sự cỡ lớn, đã ghi lại những chứng tích thời đại” trong khoảng 45 năm đầu thế kỉ XX.</i></p> <p>c. Lỗi: Sắp xếp sai trật tự thành phần câu.          Câu đúng: <i>Một số tài liệu cho rằng: theo gợi ý của V. Lê-nin, khoảng từ năm 1913 đến năm 1923, M. Go-rơ-ki đã viết các tác phẩm tự truyện về cuộc đời ông, trong đó có “Thời thơ ấu”, “Kiếm sống”, “Tôi đã học tập như thế nào?”.</i></p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV thực hiện yêu cầu từ đọc đến viết</li> <li>- Dựa trên sản phẩm đoạn văn, trao đổi với bạn học cùng nhóm và sửa lỗi thành phần câu trong đoạn văn (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện cá nhân.</li> <li>- Sản phẩm:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình thức đoạn văn có thể viết theo dạng diễn dịch, quy nạp hay phối hợp.</li> <li>+ Nội dung: có thể nhấn mạnh một số ý như: <i>Kí ức hình thành trên những trải nghiệm đời sống của cá nhân; kí ức tuổi thơ bao giờ cũng hồn nhiên, trong sáng, khó phai mờ theo thời gian, do vậy, thường có tầm quan trọng trong việc nuôi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách của mỗi người...</i></li> </ul> </li> </ul>

### Hoạt động 3: Luyện tập

3.1. Mục tiêu: Hệ thống lại kiến thức đã học

3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:



Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV vẽ sơ đồ tư duy hệ thống lại các lỗi về thành phần câu.</li> <li>- Tổng kết, chốt kiến thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ sơ đồ tư duy</li> <li>- Sản phẩm</li> </ul> 

## SAU GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HV thực hành củng cố và nâng cao qua việc làm các bài tập tiếng Việt trong Sách Bài tập Ngữ văn 11, tập 2.

## C. DẠY HỌC VIẾT

### VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH (VỀ MỘT ĐỐI TƯỢNG) CÓ LÒNG GHÉP MỘT HAY NHIỀU YẾU TỐ NHƯ MIÊU TẢ, TỰ SỰ, BIỂU CẢM, NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 3 tiết

## TRƯỚC GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HV chuẩn bị:

- Đọc phần tri thức về kiểu bài trong SGK và cho biết: Kiểu bài thuyết minh về một đối tượng có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận là gì?

## TRÊN LỚP

### Hoạt động 1: Xác định nhiệm vụ học tập

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức, trải nghiệm nền; xác định nhiệm vụ học tập.

## 1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu tình huống học tập: sắp tới nhà trường sẽ tổ chức một cuộc thi giới thiệu về cuốn sách mà mình đã đọc với các bạn. Theo các em:</li> <li>- <i>Chọn kiểu văn bản nào để viết bài giới thiệu?</i></li> <li>- <i>Có nên sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ để đưa vào văn bản không? Ngoài phương thức biểu đạt chính là thuyết minh thì chúng ta sẽ sử dụng những phương thức biểu đạt nào khác, vì sao?</i></li> <li>- Chốt đáp án, giới thiệu nội dung bài học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Suy nghĩ, trao đổi với bạn, trình bày kết quả.</li> <li>- Sản phẩm:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sử dụng kiểu văn bản thuyết minh.</li> <li>+ Kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.</li> <li>+ Nên sử dụng lồng ghép nhiều phương thức khác: miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận để bài viết hấp dẫn, sinh động hơn.</li> </ul> </li> </ul>

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV nhận biết các yêu cầu của kiểu bài thuyết minh về một đối tượng có lồng ghép một hay nhiều yếu tố (miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận..)

### 2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao nhiệm vụ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Thế nào là kiểu bài thuyết minh một đối tượng có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận?</i></li> <li>+ <i>Đối với kiểu bài này các em cần chú ý những yêu cầu nào?</i></li> </ul> </li> <li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huy động kiến thức; chia sẻ, trao đổi.</li> <li>- Sản phẩm:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểu bài: HV cần nhớ ý chính: Đây là kiểu bài sử dụng kết hợp nhiều yếu tố, phương tiện để miêu tả, giải thích làm rõ đặc điểm của một đối tượng.</li> <li>* Yêu cầu đối với kiểu bài:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được đối tượng thuyết minh.</li> <li>- Làm rõ các đặc điểm của đối tượng.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lồng ghép được một hay nhiều yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận.</li> <li>- Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí.</li> <li>- Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.</li> <li>- Bố cục đảm bảo 3 phần.</li> </ul>
<p>- Yêu cầu HV đọc ngữ liệu tham khảo trong SGK và cho biết:</p> <p>1) Nhận xét về cách mở đầu và kết thúc văn bản.</p> <p>2) Bài thuyết minh đã giải thích, trình bày những nội dung cụ thể nào? Các nội dung ấy đã làm rõ đặc điểm nào của đối tượng?</p> <p>3) Văn bản đã lồng ghép những yếu tố nào trong các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận? Cách người viết lồng ghép các yếu tố trên trong văn bản có gì cần lưu ý?</p> <p>4) Tác giả đã sắp xếp các nội dung cụ thể trong bài viết trên theo trật tự nào?</p> <p>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Suy nghĩ, trao đổi với bạn, trình bày kết quả.</li> <li>- Sản phẩm:</li> </ul> <p><b>Câu 1.</b> Mở bài và kết bài của văn bản đều theo cách trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở bài: Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật - đối tượng thuyết minh và các thông tin liên quan.</li> <li>- Kết bài: Khẳng định giá trị của tác phẩm nghệ thuật - đối tượng thuyết minh.</li> </ul> <p><b>Câu 2.</b> Bài thuyết minh đã giải thích, trình bày về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung câu chuyện được đề cập trong tác phẩm "Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh".</li> <li>- Những vẻ đẹp/thành công của tác phẩm "Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh".</li> <li>- Những tín hiệu từ công chúng và dư luận đối với tác phẩm.</li> <li>- Các nội dung ấy đã làm rõ được giá trị của tác phẩm, sức hấp dẫn của tác phẩm đối với người đọc.</li> </ul> <p><b>Câu 3.</b> Văn bản đã lồng ghép những yếu tố:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự sự khi nói về nội dung câu chuyện được đề cập trong tác phẩm.</li> <li>- Miêu tả khi nói về những vẻ đẹp của tác phẩm và sự đón nhận của công chúng với tác phẩm.</li> <li>- Biểu cảm khi bày tỏ cảm xúc về những thành công, vẻ đẹp của tác phẩm...</li> </ul>

	<p>- Nghị luận khi bày tỏ quan điểm của mình về những khía cạnh, những vấn đề trong tác phẩm.</p> <p>=&gt; Làm cho những thông tin của văn bản hiện lên rõ ràng, cụ thể; văn bản trở nên hấp dẫn, thuyết phục hơn và bộc lộ được tình cảm của người viết.</p> <p><b>Câu 4.</b> Tác giả đã sắp xếp các nội dung cụ thể trong bài viết theo trật tự: nội dung - hình thức nghệ thuật - giá trị của tác phẩm.</p>
--	--

### Hoạt động 3: Thực hành viết bài/Luyện tập

**3.1. Mục tiêu:** HV thực hành viết bài văn thuyết minh về một đối tượng có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận theo đúng quy trình bốn bước.

#### 3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<p>Gọi 1 HV đọc đề văn và yêu cầu HV trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ <i>Khi chọn đối tượng thuyết minh cần chú ý điều gì? (GV định hướng HV chọn đối tượng thuyết minh là 1 tác phẩm văn học)</i></p> <p>+ <i>VB này được viết nhằm mục đích gì? Cho ai đọc?</i></p> <p>+ <i>Cần thu thập tư liệu như thế nào? Ở đâu?</i></p> <p>- Chốt lại những điều cần lưu ý ở bước chuẩn bị.</p>	<p>Suy nghĩ trả lời câu hỏi..</p> <p>Sản phẩm:</p> <p>Chọn đề tài mình yêu thích để luyện tập viết bài.</p>
<p>Tổ chức HV tìm ý và lập dàn ý cho đề bài đã chọn.</p> <p>- Nhận xét, góp ý.</p>	<p>Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>Sản phẩm: Dàn ý của bài viết.</p>

<p>Tổ chức HV làm việc cá nhân: dựa theo dàn ý đã có viết bài.</p> <p>- Nhận xét góp ý kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>Viết bài</p> <p>Sản phẩm: bản thảo bài viết.</p>
<p>- Yêu cầu HV xem xét, chỉnh sửa lại bài viết</p>	<p>Chỉnh sửa.</p> <p>Sản phẩm: nội dung đã chỉnh sửa, đảm bảo các yêu cầu của bài thuyết minh như sau:</p> <p>- Hình thức: Bố cục đảm bảo 3 phần.</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Nêu được đối tượng TM.</p> <p>+ Làm rõ các đặc điểm của đối tượng.</p> <p>+ Lồng ghép được một hay nhiều yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận.</p> <p>+ Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí.</p> <p>+ Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.</p>
<p>- Gọi 1 số HV trình bày nội dung chỉnh sửa và rút kinh nghiệm chung.</p>	<p>Nghe và ghi chép thêm các lưu ý của thầy/cô giáo.</p>

## SAU GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV về nhà hoàn thiện lại bài viết và gợi ý HV luyện viết bài nghị luận thuyết minh về một tác phẩm âm nhạc, hội họa, nhân vật,... mà em yêu thích.

## D. DẠY NÓI VÀ NGHE

### THẢO LUẬN, TRANH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

Thời gian thực hiện: 1 tiết

## TRƯỚC GIỜ HỌC

- HV cần tìm hiểu:

- + Thảo luận, tranh luận là gì?
- + Các bước diễn ra một cuộc thảo luận, tranh luận?

+ Để thảo luận, tranh luận một vấn đề trong cuộc sống cần chú ý những gì?

## TRÊN LỚP

### Hoạt động 1: Khởi động và xác định nhiệm vụ học tập

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức, trải nghiệm nền; xác định nhiệm vụ học tập.

**1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
GV tổ chức cho HV chia sẻ: Theo em trong cuộc sống có cần thiết phải thảo luận, tranh luận không? Khi thảo luận, tranh luận cần chú ý đến những điều gì?	Chia sẻ.
Nêu vấn đề: <i>Trong cuộc sống cũng như trong học tập rất cần có những cuộc thảo luận, tranh luận để làm sáng tỏ một vấn đề, nhằm mục đích khẳng định đúng, sai. Tuy nhiên, tranh luận cũng cần có các bước, có lý lẽ, dẫn chứng đầy đủ, phù hợp.</i>	Nghe và xác định nhiệm vụ học tập.

### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV hình thành kiến thức, kỹ năng tranh luận về một vấn đề trong cuộc sống

**2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
- Tổ chức cho HV phân biệt giữa thảo luận và tranh luận; các bước diễn ra một cuộc thảo luận, tranh luận; khi thảo luận, tranh luận cần có những chú ý gì. - Chốt một số ý chính, giải đáp thêm (nếu có).	Trình bày. Sản phẩm: Thảo luận và tranh luận là hai dạng hoạt động tuy gần gũi nhau nhưng không phải là một. - Thảo luận: chủ yếu là để xem xét vấn đề từ nhiều phía, lắng nghe ý kiến của các thành viên, nhằm mang lại cho mọi người nhận thức chung, sáng rõ, đầy đủ, sâu sắc về vấn đề.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tranh luận: là hoạt động trao đổi phổ biến xảy ra khi có sự bất đồng, trái ngược nhau về quan điểm, ý kiến giữa hai hay nhiều người về một vấn đề nào đó hay khi cần thương lượng một vấn đề nào đó. Tranh luận nhằm mục đích phân định đúng sai, làm rõ chân lí, đưa ra những giải pháp khả thi hay những quyết định phù hợp.</li> <li>- Các bước diễn ra một cuộc thảo luận, tranh luận: (1) Nêu vấn đề cần thảo luận, tranh luận, (2) Mỗi cá nhân/nhóm nêu ý kiến của mình, (3) Mỗi cá nhân/nhóm thực hiện thảo luận, tranh luận, (4) Kết luận về vấn đề thảo luận, tranh luận.</li> <li>- Để thảo luận, tranh luận một vấn đề trong cuộc sống cần chú ý: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xác định vấn đề cần thảo luận, tranh luận, thu thập thông tin về vấn đề đó;</li> <li>+ Nêu quan điểm, ý kiến cá nhân; dự kiến những quan điểm, ý kiến đối lập với mình;</li> <li>+ Tìm những lý lẽ, bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình, bác bỏ quan điểm đối lập;</li> <li>+ Trình bày vấn đề rõ ràng, khách quan, thiện chí, tôn trọng người tranh luận.</li> <li>+ Kết luận về vấn đề phải hợp lý, thuyết phục.</li> </ul> </li> <li>- Một số nguyên tắc, khi tham gia thảo luận/tranh luận: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chấp hành sự phân công của người điều hành buổi thảo luận/ tranh luận (về thứ tự, thời điểm, thời gian mỗi thành viên được cho phép phát biểu).</li> <li>+ Lắng nghe, ghi chép, chuẩn bị ý kiến để phát biểu bổ sung, phát triển ý kiến; thể hiện sự đồng tình hay phản bác khi cần.</li> <li>+ Thể hiện thái độ lịch sự, cầu thị, hợp tác.</li> </ul> </li> </ul>
<p>Nhận xét và chốt kiến thức.</p>	<p>Ghi những nội dung cần lưu ý.</p>

### Hoạt động 3: Thực hành/Luyện tập

**3.1. Mục tiêu:** HV thực hành thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong cuộc sống.

**3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
Yêu cầu HV chuẩn bị bài nói	HV chuẩn bị bài nói.
<ul style="list-style-type: none"><li>- Tổ chức cuộc tranh luận .</li><li>- Chủ tọa cuộc tranh luận:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Nêu chủ đề cuộc tranh luận</li><li>+ Nêu quy tắc tranh luận: thời gian, nội dung, thái độ,...</li></ul></li><li>- Một số yêu cầu khi tranh luận:<ul style="list-style-type: none"><li>1) Nội dung: Đúng trọng tâm vấn đề đội mình đang bảo vệ.</li><li>2) Lý lẽ, dẫn chứng ngắn gọn, đúng trọng tâm, không lan man.</li><li>3) Sử dụng ngôn ngữ: phù hợp với người nghe.</li><li>4) Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ: ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ, có sự giao lưu với người nghe.</li><li>5) Cảm xúc, thái độ: thể hiện thái độ tôn trọng người nghe; không nói chen lời người khác.</li></ul></li><li>+ Đối với kỹ năng lắng nghe:<ul style="list-style-type: none"><li>1) Nắm bắt được nội dung do người khác nói; hiểu vấn đề đang được nói tới.</li><li>2) Biết đặt câu hỏi, trao đổi về nội dung bài nói;</li><li>3) Thái độ nghe: chăm chú, có giao lưu với người nói: ánh mắt, cử chỉ.</li></ul></li></ul>	Tranh luận: phân công các thành viên trong nhóm phụ trách một ý kiến tranh luận. Nói khi đến lượt mình.
<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết luận cuộc tranh luận.</li><li>- Nhận xét, góp ý chung cho 2 kỹ năng trình bày và lắng nghe.</li></ul>	Lắng nghe, tiếp thu phản hồi để rút kinh nghiệm.

### SAU GIỜ HỌC

GV yêu cầu cá nhân HV tự quay video clip để trình bày bài thảo luận, tranh luận về một vấn đề xã hội hoặc 2 HV quay clip cùng thảo luận tranh luận



về một vấn đề trong xã hội, mỗi bạn sẽ đưa ra ý kiến trên một góc nhìn bổ sung hoặc đối lập về vấn đề xã hội được bàn luận.

## ÔN TẬP

Trên cơ sở những kiến thức đã được học, HV hoàn thành các bài tập trong SGK.

Một số gợi ý trả lời:

### Câu 1.

Văn bản	Đề tài	Câu chuyện	Sự kiện	Nhân vật
Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự	Cuộc sống của những nhà chí sỹ cách mạng thời kỳ Pháp thuộc	Tuấn cùng Quỳnh đã cùng nhau đến thăm nhà cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự. Bất chấp việc đến thăm cụ Phan sẽ có mặt thám theo, nhưng Tuấn vẫn rất muốn đến nhà để gặp cụ. Cụ Phan là người được rất nhiều người yêu mến và kính trọng, Tuấn rất ngưỡng mộ những bài học và sách vở do cụ Phan chỉ dạy.	Tuấn và Quỳnh đến thăm nhà cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự	Cụ Phan Bội Châu, Tuấn, Quỳnh
Tôi đã học tập như thế nào?	Việc học tập để phát triển bản thân của con người	A-lếch-xây từ nhỏ đã ở với ông ngoại và ông chính là người đầu tiên dạy chữ cho cậu. Nhưng ông luôn nóng giận áp đặt lên cậu, còn ở trường thì bị bạn bè chế nhạo và thầy giáo thì luôn không ưa cậu. Dần dần cậu trở nên chán học và làm ra nhiều trò nghịch ngợm đáng trách. Nhưng có một giám mục đã xuất hiện, ông như vị cứu tinh đã cứu	Đức Giám mục xuất hiện Pê-xcốp biết đọc từ năm lên mười bốn tuổi	Pê-xcốp, Đức Giám mục, ông ngoại, bạn bè trong lớp, các thầy giáo trước đó

		vớt cuộc đời cậu và khiến cậu ngày một tốt hơn.		
Xà bông “Con Vịt”	Tình yêu quê hương, đất nước	Cai Tuất nổi tiếng khắp vùng nhờ tài chọn chó tốt. Ông thường chỉ cho mọi người cách chọn những con chó nào có thể thịt, con chó nào có thể nuôi. Nhưng ở đây họ không ăn thịt chó vì chó là người bạn trung thành của con người. Nhà ông cai có một con chó mực, nó rất tinh quái và lanh lợi. Sau khi Cai Tuất trả lại chức vụ đang làm của mình, quyết định cùng với một số nhân sĩ trí thức cùng nhau mở một cơ sở sản xuất xà bông hiệu “Con Vịt”.	- Cai Tuất cùng một số nhân sĩ mở một cơ sở sản xuất xà bông - trước khi bọn thực dân Pháp đến, ông đã đốt xương để tỏ rõ lòng trung với nước.	Cai Tuất, ông Giu-béc Chiếu, vợ Cai Tuất, ông Lê Văn Cừ, điền chủ Dương, vợ Điền chủ Dương, ông Trần Văn Thạnh...

## Câu 2.

Văn bản	Nhân vật	Yếu tố hư cấu	Tác dụng của yếu tố hư cấu trong việc khắc họa nhân vật
Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự	Cụ Phan Bội Châu	Các lời nói hành vi cụ thể của cụ Phan, biểu hiện tình cảm của Tuấn dành cho cụ Phan	Khắc họa được chân dung, phong thái của nhân vật lịch sử như một chứng tích, thể hiện được tầm ảnh hưởng của cụ Phan với thanh niên đương thời
Tôi đã học tập như thế nào?	Cậu bé Pê-xốp	Bối cảnh và tình huống xảy ra các sự việc, những cảm nhận cụ thể	Các trải nghiệm của nhân vật, tính cách, quá trình trưởng thành của nhân vật vừa sinh

		về sự yêu, ghét của các ông giáo, cuộc đấu tranh giữa con người và con thú, các câu nói hành vi cụ thể của nhân vật	động vừa mang tính khái quát cao những bài học của nhân vật để trở thành bài học chung thấm thía đối với nhiều người
Xà bông “Con Vịt”	Cai Tuất	Các suy nghĩ, động cơ lựa chọn hành động của Cai Tuất, tình cảm trung thành của con chó đối với Cai Tuất	Nhân vật trở nên chân thực, sinh động hơn.

### Câu 3.

Các lời thoại trên cho thấy giọng nói của Đức giám mục Cri-xan-phơ và Pê-xcốp về chuyện học tập của Pê-xcốp. Hiệu quả của các lời thoại này đến từ sự truyền tải chân thật và tự nhiên của câu hỏi, tạo cảm giác như đang đối thoại trực tiếp với nhân vật trong tác phẩm. Từ cách diễn đạt với những câu hỏi ngắn gọn, đơn giản và thân thiện, ta có thể cảm nhận được giọng nói của hai nhân vật, đặc biệt là giọng nói của Đức giám mục thể hiện sự hiểu biết và nhân ái. Các câu hỏi cũng tạo ra sự tò mò và thú vị, kích thích độc giả tìm hiểu và tiếp tục đọc tác phẩm.

### Câu 4.

- Nêu ý nghĩa của câu nói.
- Xác định vai trò của sách đối với con người.

Có thể theo hướng sau:

- + Câu nói đều cao vai trò, tầm quan trọng của sách đối với đời sống con người.
- + Sách giúp con người phát triển toàn diện và trở nên khác biệt, tiến bộ
- + Đọc sách giúp con người tiếp thu nguồn tri thức để hoàn thiện bản thân
- + Suy nghĩ đúng đắn hơn và đủ kiến thức để tìm kiếm công việc nuôi sống bản thân.
- + Từ đó rút ra nhận xét: tin hoặc không tin vào câu nói.

### Câu 5.

Lưu ý khi tranh luận, thảo luận:

- Tôn trọng quan điểm của người khác: lắng nghe và tôn trọng người khác, không nên phán xét hay bỏ qua quan điểm của người khác.

- Cung cấp bằng chứng: Cần có các bằng chứng và tài liệu rõ ràng, mang tính thuyết phục.

- Sử dụng lời nói lành mạnh và giữ sự cởi mở: cần sử dụng ngôn từ văn minh, tránh nói thô tục, phản cảm, không lịch sự. Biết đón nhận những góp ý tích cực từ người khác.

- Tập trung vào vấn đề chính: Luôn tập trung, không bàn đến các vấn đề vụn vặt hoặc không liên quan.

- Tôn trọng thời gian: Cuộc thảo luận cần diễn ra trong thời gian hợp lý và cần tôn trọng thời gian của mỗi người tham gia.

### Câu 6.

<b>Nội dung gợi ý</b>		
<b>Mở đoạn</b>	Nêu vấn đề: Hồi ức đáng nhớ	Nêu vấn đề: Tầm quan trọng của kí ức
<b>Thân đoạn</b>	Hoàn cảnh, thời gian, địa điểm	Ký ức hình thành những trải nghiệm đời sống của cá nhân
	Nhân vật chính trong ký ức	Ký ức tuổi thơ bao giờ cũng hồn nhiên trong sáng và khó phai mờ trong lòng người
	Các sự kiện diễn ra (có thể kể theo trình tự thời gian)	Ký ức có tầm quan trọng trong việc hình thành tính cách, nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người
	Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận về kí ức	
<b>Kết đoạn</b>	Đánh giá giá trị của các sự kiện, nhân vật trong kí ức tác động đến bản thân (lý do khiến ký ức đó in sâu mãi trong tâm trí)	Khẳng định tầm quan trọng của ký ức, mỗi người cần biết trân trọng những ký ức để sống ngày càng tốt đẹp hơn
<b>Kĩ năng trình bày, diễn đạt</b>	Sắp xếp luận điểm, lí lẽ và bằng chứng hợp lí.	
	Lập luận chặt chẽ, trình bày mạch lạc.	
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng đúng yêu cầu của kiểu bài.	
	Sử dụng được các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các ý, các sự kiện hoặc giữa lí lẽ và dẫn chứng...	

# SÁCH GIÁO KHOA KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## BÀI 2. CẤU TỬ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

*Thời gian thực hiện: 11 tiết*

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực

##### 1.1. Năng lực ngôn ngữ và văn học

Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể về đọc, viết, nói và nghe nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt như sau:

- Phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản;

- Phân tích được tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ;

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học;

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường;

- Viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm;

- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ) theo lựa chọn cá nhân.

##### 1.2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập; lựa chọn được nguồn tài liệu học tập và tiếp nhận thông tin có chủ đích; biết điều chỉnh thái độ, cảm xúc, hành vi của bản thân sau khi rút ra bài học nhận thức từ việc đọc hiểu văn bản.

- Giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được những tình huống có vấn đề đặt ra trong cuộc sống thông qua bài học; biết phân tích và đề xuất được các giải pháp một cách linh hoạt khi giải quyết vấn đề ấy.

#### 2. Phẩm chất

- Biết sống hoà đồng với con người và thiên nhiên;

- Biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** máy vi tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ.

2. **Học liệu:** SGK Ngữ văn 11 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 1; sách bài tập Ngữ văn 11, tập 1.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. DẠY HỌC ĐỌC HIỂU

#### Văn bản 1. Nhớ đồng – Tố Hữu

### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV đọc phần Tri thức Ngữ văn trong SGK (trang 77) và thực hiện phiếu học tập sau:

### PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Cấu tứ là gì? ..... .....
Mối quan hệ giữa cấu tứ và tứ thơ? ..... .....

Thể nào là yếu tố tượng trưng trong thơ? ..... .....
Vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ? ..... .....

Sự khác nhau giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ giao tiếp? ..... ..... .....
--

### TRÊN LỚP

#### Hoạt động 1. Khởi động và xác định nhiệm vụ học tập

1.1. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập, thu hút sự chú ý của HV vào bài học, huy động kiến thức nền và trải nghiệm của HV, xác định vấn đề học tập.

1.2. **Nội dung, sản phẩm và cách tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
- Tổ chức trò chơi điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống: Chiếu/phát cho HV một số đoạn thơ, câu thơ có	- HV suy nghĩ và trả lời câu hỏi. <b>1. Yêu – Xuân Diệu</b> Họ lạc lối giữa u sầu mù mịt, Những người si theo dõi dấu chân yêu;

một số từ bị khuyết, đưa ra các lựa chọn và HV chọn từ ngữ sao cho chính xác.

- Dẫn dắt vào bài mới: Một trong những thể loại văn học quan trọng là thơ ca. Với những đặc trưng về thể loại, thơ ca mang những vai trò riêng. Tác giả mượn thơ ca để gửi gắm tình cảm, tâm hồn của mình. Thơ ca ngắn gọn nhưng giàu hình ảnh, nhịp điệu bởi vậy mà thơ có khả năng truyền tải cảm xúc, đi thẳng vào tâm hồn của con người.

Hôm nay chúng ta cùng nhau tìm hiểu về những đặc trưng về thể loại thơ qua bài thơ Nhớ đồng của Tố Hữu.

Và cảnh đời là sa mạc cô liêu.

Và tình ái là sợi dây .....

Yêu, là chết ở trong lòng một ít.

**vấn vít/vấn vương/gắn kết/liên kết**

**Đáp án: Vấn vít**

## **2. Tự hát – Xuân Quỳnh**

Em trở về đúng nghĩa trái-tim-em

Là máu thịt, đời thường ai chẳng có

Cũng ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa

Nhưng biết yêu anh cả khi .....

**chết đi rồi/không còn nữa/được anh yêu/anh không yêu/**

**Đáp án: Chết đi rồi**

## **3. Bồng bênh cho tới mai sau – Trần Đăng Khoa**

Có con thuyền trong sương trắng

.....như một cánh chim

Có em chèo thuyền áo trắng

Xôn xao như trồn như tìm

Có vàng mặt trời rưng sáng

Bồi hồi như một trái tim

**Bênh bồng/Mênh mông/Lênh đênh**

**Đáp án: Bênh bồng**

## **4. Anh đừng khen em – Lâm Thị Mỹ Dạ**

Lần đầu khi mới làm quen

Anh khen cái nhìn em đẹp

Trời mưa .....con nắng đến

Anh khen đôi má em hồng

**òa/vụt/tỏa/lan**

**Đáp án: òa**

## **5. Những giọt lệ - Hàn Mặc Tử**

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?

Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?

Sao bông phượng nở trong màu .....

Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?

	<p><b>huyết/máu/đỏ/nắng</b>  <b>Đáp án: huyết</b></p>
--	---

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV khám phá và hình thành kiến thức về giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức thơ thể hiện qua bài thơ *Nhớ đồng* của Tố Hữu, qua đó nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.

**2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
	<b>1. Đọc và tìm hiểu chung</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV trình bày kết quả phiếu học tập số 1.</li> <li>- Nhận xét, chốt kiến thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày kết quả.</li> <li>- Sản phẩm:  <b>1. Cấu tứ trong thơ</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng. Trong lĩnh vực thơ, cấu tứ gắn liền với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.</li> <li>- Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường được gọi đơn giản là tứ). Tứ đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm.</li> <li>- Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng. Chú ý tìm hiểu vấn đề này là điều có ý nghĩa quan trọng trong việc đọc hiểu thơ, nhìn ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người,</li> </ul> </li> </ul>



cuộc sống và đánh giá đúng phẩm chất nghệ thuật của bài thơ.

- Vì mối liên hệ nhân quả tất yếu giữa câu tứ và tứ mà trong nhiều trường hợp, người ta đã đồng nhất hai khái niệm này. Lúc đó, có thể xem "tìm hiểu câu tứ của bài thơ" và "tìm hiểu tứ thơ của bài thơ" là hai hình thức diễn đạt khác nhau về cùng một ý (nội dung).

- Những kiểu câu tứ quen thuộc trong thơ:

+ **Câu tứ dựa trên mô hình cấu trúc phổ quát của bài thơ:** Cấu tứ dựa trên việc xây dựng, tạo lập các hình tượng trong thơ. Cách tổ chức tác phẩm dựa trên việc xây dựng và tổ chức hình tượng có sức khái quát cao luôn là khao khát và thách thức lớn đối với mỗi nhà thơ; Cấu tứ dựa trên việc tổ chức sắp xếp các nguồn cảm xúc sao cho chúng được bung nở, biểu hiện một cách tự nhiên nhất, cho thấy được trạng thái tâm hồn của nhà thơ; Cấu tứ dựa trên việc tạo lập và tổ chức bố cục của bài thơ trữ tình. Bố cục của một văn bản thơ hoàn chỉnh bao gồm có nhan đề, các câu thơ, khổ thơ tạo thành các đoạn thơ, các đoạn thơ đó hợp lại tạo thành một tác phẩm thơ trọn vẹn

+ **Câu tứ dựa trên đặc trưng cấu trúc của thể thơ và đặc trưng của một số biện pháp nghệ thuật trong thơ:** Cấu tứ dựa trên sự tôn trọng đặc trưng của các thể thơ: Thơ lục bát, thơ Đường luật, Thơ tự do, Thơ văn xuôi, ...

## **2. Yếu tố tượng trưng trong thơ**

- Trong lĩnh vực sáng tác văn học – nghệ thuật nói chung, sáng tác thơ ca nói riêng, thuật ngữ tượng trưng trước hết được dùng để chỉ **một loại hình ảnh, hình tượng mang tính đặc thù**. Ở đó, người nghệ sĩ thường sử dụng các hình ảnh, sự vật có thể tri giác được hay các câu chuyện cụ thể để diễn tả

hoặc gọi lên cảm nhận sâu xa về những vấn đề có ý nghĩa bao trùm và mang tính bản chất. Thuật ngữ này thường xuất hiện trong các kết hợp từ: hình ảnh, hình tượng tượng trưng; yếu tố tượng trưng; tính chất tượng trưng; chủ nghĩa tượng trưng...

- Trước một hình ảnh, **hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa** và **gọi lên những cảm nhận đa chiều**, người ta có căn cứ để nói đến sự hiện diện của yếu tố tượng trưng. Yếu tố tượng trưng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính chất tượng trưng của bài thơ.

- Mọi hình ảnh, hình tượng thơ, xét từ bản chất, đã có tính chất tượng trưng. Nhưng với những sáng tác thuộc trường phái thơ tượng trưng hoặc thuộc loại hình thơ tượng trưng, tính chất này đã đạt một chất lượng mới. Điều này liên quan đến sự ý thức sâu sắc của nhà thơ về các môi tương giao bí ẩn trong đời sống, nổi bật là tương giao giữa con người với tạo vật, vũ trụ.

- Ở bài thơ có yếu tố tượng trưng, các tác giả thường chú ý làm nổi bật tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc,.. bằng những cách thức khác nhau.

- Bên cạnh đó, việc phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ cũng rất được quan tâm. Với một số nhà thơ tượng trưng, trong số nhiều thủ pháp nghệ thuật được sử dụng không thể không nói đến việc hoà trộn cảm nhận của các giác quan, việc diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng,...

### **3. Sự khác nhau giữa ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ giao tiếp**

<b>Đặc điểm</b>	<b>Ngôn ngữ văn học</b>	<b>Ngôn ngữ giao tiếp</b>
-----------------	-------------------------	---------------------------

	Mục đích	Tạo tác phẩm nghệ thuật	Trao đổi thông tin
	Hình thức	Tinh tế, giàu hình ảnh	Trực tiếp, ngắn gọn
	Câu văn	Giàu biểu tượng cảm xúc	Linh hoạt, biến đổi
	Từ ngữ	Chọn lọc, giàu ý nghĩa	Chính xác
	Phong cách	Đa dạng, mang tính cá nhân	Phù hợp với hoàn cảnh

## 2. Đọc hiểu văn bản

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi 1 HV đọc to toàn bộ văn bản.</li> <li>- Yêu cầu một số HV chia sẻ những nội dung tiếp nhận được từ văn bản theo các chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.</li> <li>- Nhận xét về kết quả tự học và trả lời các câu hỏi chỉ dẫn đọc của HV.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu đọc to, rõ ràng.</li> <li>- Trình bày kết quả đọc các chỉ dẫn một cách ngắn gọn.</li> <li>- Lắng nghe, tự rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV làm việc nhóm, các nhóm thực hiện nhiệm vụ sau: <b>*Nhóm 1:</b></li> <li>+ Hãy liệt kê những khía cạnh phong phú của nội dung cảm xúc được thể hiện trong bài.</li> <li>+ Nhan đề <i>Nhớ đồng</i> đã bao quát được toàn bộ nội dung cảm xúc ấy chưa? Vì sao?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm, trình bày kết quả.</li> <li>- Sản phẩm: <b>1. Cấu tứ bài thơ</b></li> <li><b>a. Nhan đề</b></li> <li>- Những khía cạnh phong phú của nội dung cảm xúc</li> <li>+ Nhớ sắc màu, hương vị, cảnh quan đơn sơ mà quyen rũ của làng quê (khổ 2).</li> <li>+ Nhớ nhịp sống trì đọng, “không đổi” qua bao năm tháng của làng quê (khổ 3).</li> <li>+ Nhớ những con người cần cù lao động và luôn nuôi hi vọng trên những “luống cày” (khổ 5).</li> <li>+ Nhớ nỗi buồn cố hữu toả ra từ không gian làng quê (khổ 6).</li> </ul>

<p>+ Hãy nêu ý nghĩa của từ “đồng” trong nhan đề bài thơ.</p> <p><b>*Nhóm 2:</b></p> <p>+ Nhận xét về đặc điểm hình thức và nội dung của các khổ 1,4,7,13 của bài thơ.</p> <p>+ Các khổ thơ này phân bố theo quy luật nào?</p> <p>+ Nếu không có các khổ ấy cấu trúc của bài thơ sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?</p> <p>+ Các khổ thơ đó đã góp phần làm nổi bật mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình như thế nào?</p> <p><b>*Nhóm 3:</b></p> <p>+ Khái quát tính chất các cụm hình ảnh trong từng khổ thơ và nội dung được biểu hiện trong từng khổ.</p> <p>+ Ấn tượng về các cụm hình ảnh có đồng nhất không? Điều gì được lặp lại và điều gì được biến đổi trong các cụm hình ảnh đấy?</p> <p>+ Nhận xét cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh trong các khổ thơ.</p>	<p>+ Nhớ những người quê “thiệt thà” “chất phác” và những “dáng hình” ruột thịt (khổ 8, 9).</p> <p>+ Nhớ những ngày đi ra từ làng quê, bắt đầu dần thân vào con đường Cách mạng và vui say với lí tưởng (khổ 10, 11).</p> <p>+ Nhớ tất cả những gì thuộc về cuộc sống tự do bên ngoài nhà tù (khổ 12).</p> <p>→ Qua tất cả những gì nêu ở trên, có thể thấy toàn bộ cảm xúc của bài thơ đều hướng về nỗi nhớ “ruộng đồng quê” (cụm từ này được nhấn mạnh trong hai khổ thơ có nội dung và hình thức hoàn toàn giống nhau là khổ 4 và khổ 13). Như vậy, Nhớ đồng là một nhan đề hoàn toàn phù hợp với nội dung tác phẩm. Có thể xem đây là từ khoá chi phối việc tổ chức văn bản của nhà thơ.</p> <p>- Từ “đồng” trước hết chỉ một không gian cụ thể, là cánh đồng, “bãi đồng, nơi có những “ô mạ xanh mơn mớn, nơi xuất hiện hình ảnh người nông dân “Vãi giống tung trời những sớm mai”. Nhưng từ “đồng” còn mang nghĩa khái quát, chỉ chung làng quê với sự thống nhất giữa cảnh và người. Hơn nữa, trong suy nghĩ và cảm xúc của nhân vật trữ tình, “đồng” chính là điểm tựa tinh thần, là toàn bộ cuộc sống bên ngoài nhà tù mà anh luôn hướng về. Như vậy, trong ngữ cảnh của bài thơ, từ “đồng” quen thuộc đã được cấp thêm những nét nghĩa mới.</p> <p><b>b. Quy luật phân bố khổ thơ và sắp xếp hình ảnh thơ</b></p> <p><b>*Quy luật phân bố khổ thơ</b></p> <p>- <b>Quy luật chung:</b> Các khổ 1, 4, 7, 13 đều chỉ có hai câu, trong đó khổ 7 lặp lại hoàn toàn khổ 1; khổ 13 lặp lại hoàn toàn khổ 4. So sánh các khổ 1, 7 với các khổ 4, 13, thấy chỉ có khác biệt ở từ cuối cùng của câu đầu: một bên là “thương nhớ và một bên là “hiu quạnh” (tuy nhiên, ở khổ 4 và 13, từ thương nhớ lại</p>
--	--

<p><b>*Nhóm 4:</b></p> <p>+ Từ “đâu” hiện diện ở những vị trí nào trong các câu thơ?</p> <p>+ Vị trí này cho biết điều gì về ý nghĩa của nó?</p> <p>+ Từ “đâu” đưa lại ấn tượng gì về nhịp điệu bài thơ?</p> <p><b>*Nhóm 5:</b></p> <p>+ Việc sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm trong bài thơ có những tác dụng nghệ thuật nào?</p> <p>- Gọi các nhóm trả lời, nhận xét và bổ sung (nếu có).</p>	<p>xuất hiện ở câu thứ hai). Tất cả các khổ đều thể hiện nỗi nhớ đồng từ không gian lao tù, vào thời điểm buổi trưa. Rõ ràng, các khổ 1, 4, 7, 13 đã đóng vai trò bản lề để kết nối hai không gian (bên trong – bên ngoài) và hai thời gian (hiện tại – quá khứ).</p> <p>- <b>Tác dụng của kết cấu:</b> Bốn khổ thơ hai câu đảm nhiệm chức năng đánh dấu các giai đoạn phát triển của cảm xúc trong bài thơ. Mỗi khi những hình ảnh thân thương của đồng quê, của ngày qua được gọi lên, nhân vật trữ tình không nén nỗi cảm xúc, phải bật thốt tiếng kêu tự đáy lòng, và sau tiếng kêu ấy, cảm xúc chùng lẳng xuống để loạt hình ảnh từ quá khứ hiện ra, tiếp nối, dồn tụ, đợi phát triển đến đỉnh cao lần nữa. Tất cả như những đợt sóng gối nhau tạo thành một dòng chảy liên tục nhưng có biến đổi lên xuống nhịp nhàng. Cần lưu ý là câu sau của khổ 1 và khổ 7 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực thấp (“hờ”), còn câu sau của khổ 4 và khổ 13 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực cao (“oi”). Sự luân phiên này không chỉ phản ánh chân thực các cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình mà còn tạo cho bài thơ một nhạc tính hấp dẫn.</p> <p><b>* Quy luật sắp xếp hình ảnh</b></p> <p>- Tính chất của các cụm hình ảnh trong từng khổ thơ và nêu nhận xét về nội dung được biểu hiện:</p> <p>+ Khổ 2: “gió còn thơm”, “ruồng tre mát”, “ô mạ xanh mơn mớn”, “nương khoai ngọt sắn bùi” → phong vị đồng quê đầy thân thương khuấy động nỗi nhớ.</p> <p>+ Khổ 3: “đường con bước vạm đời”, “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi” → cuộc sống “âm u gợi nỗi cảm thương, day dứt.</p> <p>+ Khổ 5: “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai” → hoạt động của</p>
--	---

những người cần lao gieo niềm hi vọng vào một ngày mới.

+ Khổ 6: “chiều sương phủ bãi đồng” “lúa mềm xao xác ở ven sông” “tiếng xe lừa nước “giọng hò đưa hò nã nùng” — không khí ẩm đậm của đồng quê gợi nỗi niềm “xao xác”.

+ Khổ 9: “những hồn thân tự thưở xưa”, “những hồn chất phác hiển như đất” — sự hồn hậu của những người lao động nghèo khổ khơi dậy bao tình cảm ấm áp.

+ Khổ 11: “Tôi” “nhẹ nhàng như con chim cà lơi”, “say đồng hương nắng vui ca hát” → những ngày hoạt động trước đây (kiếm tìm lẽ sống và bắt gặp lí tưởng) làm dấy lên niềm khao khát cuộc đời tự do.

- Mỗi cụm hình ảnh gợi lên ở người đọc một ấn tượng riêng, có ngây ngất hân hoan, có u sầu trĩu nặng, tất cả đan bện vào nhau, tạo nên một trạng thái cảm xúc, tinh thần đặc biệt, cho thấy sự phức hợp của nỗi nhớ và đời sống nội tâm phong phú của nhân vật trữ tình. Nói chung, bài thơ đã thể hiện được nỗi “nhớ đồng” của nhân vật trữ tình một cách chân thực, sống động, có thể gợi lên được mỗi đồng cảm sâu xa ở độc giả.

### **c. Tính liên kết trong bài thơ**

- Từ “đâu” xuất hiện 10 lần trong bài thơ, thể hiện hoạt động ráo riết của kí ức nhằm làm sống dậy quá khứ, làm hiển hiện cả một không gian thân quen giờ đây đã trở thành cõi tách biệt.

- Từ “đâu” được đặt ở vị trí đầu tiên của các câu thơ, đóng vai trò thúc giục, khuấy động tâm trí của nhân vật trữ tình. Lần nào xuất hiện, từ này cũng kéo theo một loạt hình ảnh mới. Bên cạnh đó, từ “đâu” còn góp phần tạo cho bài thơ một nhịp điệu đầy biến hoá, khi hối thúc, gấp gáp, khi chậm rãi, lắng sâu, thể hiện

	<p>được đặc điểm tâm tư đầy xáo động của người tù trẻ tuổi đang khao khát tự do, khao khát hoạt động.</p> <p>+ Từ “đâu” góp phần quan trọng tạo nên mạch lạc và liên kết của văn bản, khiến cho việc bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình trở nên thuận lợi, đảm bảo cho bài thơ vừa có được sự phong phú của các loại hình ảnh, lại vừa có được sự chặt chẽ, phân minh về cấu trúc, phù hợp với sự tiến triển theo đúng quy luật tâm lí của mạch cảm xúc.</p> <p>→ Với ý nghĩa đó, từ “đâu” rõ ràng đóng vai trò then chốt trong việc làm nổi rõ cấu tứ độc đáo của bài thơ.</p> <p><b>d. Hình thức biểu hiện của bài thơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức nhịp điệu phong phú của bài thơ (ngắt nhịp, điệp ngữ, phân bố số câu khác nhau trong các khổ, dùng nhiều kiểu câu,...).</li> <li>- Cần lưu ý 1. Do cách tổ chức đặc thù của văn bản thơ không phải câu thơ nào cũng được kết thúc bằng một dấu chấm câu như trong các văn bản thuộc loại sáng tác khác; 2. Trong thơ hiện đại, có sự phân biệt giữa câu ngữ pháp và câu thơ theo âm luật. Có khi một câu ngữ pháp kéo dài chiếm trọn một khổ thơ (như các khổ 9, 10, 11).</li> <li>- Gắn với yêu cầu biểu hiện thế giới chủ quan của nhân vật trữ tình, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu trong văn bản cho thấy cảm xúc là một hiện tượng phức tạp, ít khi tồn tại ở dạng đơn nhất mà thường bao gồm nhiều sắc thái khác nhau. Gắn với yêu cầu tác động vào người đọc, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu giúp bài thơ thoát khỏi sự đơn điệu của cách diễn tả để luôn kích thích cảm giác và suy ngẫm, biến việc đọc bài thơ thành một quá trình đối thoại và tự đối thoại không dứt.</li> </ul>
<p>- Yêu cầu HV làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi: <i>Theo em hình ảnh nào</i></p>	<p>- HV trả lời câu hỏi. - Sản phẩm: <b>2. Hình ảnh tượng trưng trong bài thơ</b></p>

<p>trong bài thơ mang tính tượng trưng rõ nét hơn cả? Hãy làm rõ tính tượng trưng ở hình ảnh đó?</p> <p>- Nhận xét, chốt ý.</p>	<p>- Hình ảnh “<i>đường con bước vạn đời</i>” và “<i>xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi</i>”: Hai hình ảnh này bổ sung cho nhau tạo nên một hình tượng khái quát, không chỉ thể hiện con đường, mái nhà cụ thể mà còn ngụ ý về cuộc sống quần quanh, tù túng, đơn điệu, nhạt nhòa, cần thay đổi. Xét rộng ra trong nghệ thuật của Việt Nam và thế giới, hàm nghĩa triết lí gắn với hình tượng này đã được rất nhiều tác giả (nhất là các tác giả của chủ nghĩa lãng mạn) chú ý khai thác.</p> <p>- Hình ảnh “<i>lưng cong xuống luống cày</i>”, bàn tay “<i>vãi giống tung trời những sớm mai</i>”: Hai hình ảnh này phối hợp với nhau để tạo nên một hình tượng lớn về vẻ đẹp của lao động và về sự mạnh mẽ, lạc quan của tầng lớp cần lao. Khi xây dựng hình tượng này, Tố Hữu chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bài thơ Mùa gieo hạt, buổi chiều (Saison des semailles, le soir) của nhà thơ Pháp Vich-to Huy-gô (Victor Hugo). Đây cũng là hình tượng mang ý nghĩa khái quát triết lí, từng được thể hiện trong nhiều bức tranh của danh họa Pháp Giăng-Phrăng-xoa Min-lê (Jean-François Millet) cũng như trong sáng tác của một số họa sĩ nổi tiếng khác.</p>
<h3>3. Tổng kết</h3>	
<p>- Yêu cầu HV làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi:</p> <p><i>Bài thơ cho thấy điều gì về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình. Nếu cảm nhận của em về những cảm xúc, tâm tình được tác giả bộc lộ trong bài thơ</i></p> <p>- Nhận xét, chốt ý.</p>	<p>- HV trả lời câu hỏi.</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p>+ Tâm trạng của nhân vật trữ tình: nhớ đồng cày cào do tác động ban đầu của một tiếng hò văng lên trong không gian tù ngục hiu quạnh lúc buổi trưa.</p> <p>+ Phẩm chất của nhân vật trữ tình: chân thành, trung hậu, có tình cảm gắn bó sâu nặng với gia đình, quê hương, đặc biệt với những người lao khổ.</p> <p>+ Lí tưởng của nhân vật trữ tình: mong thay đổi cuộc sống mỗi mòn, tù đọng; luôn hướng về Cách mạng với niềm tin lớn.</p>



### Hoạt động 3. Luyện tập, vận dụng

**3.1. Mục tiêu:** Giúp HV luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức về thơ đã học để viết một đoạn văn về mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh với thế giới cảm xúc.

#### 3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
- Giáo viên giao nhiệm vụ: <i>Từ những nội dung đã học, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc “nhớ đồng” trong bài thơ.</i> - Kiểm tra, nhận xét.	- HV viết bài. - Sản phẩm: bài viết của HV Tùy thời gian có thể cho HV làm ở nhà hoặc tại lớp; GV chọn một số bài làm của HV để chữa bài.

### SAU GIỜ HỌC

GV có thể hướng dẫn HV tìm đọc thêm một số bài thơ của Tố Hữu trong tập thơ Từ ấy để hiểu thêm về hoàn cảnh sáng tác bài thơ hoặc các tác giả khác để hiểu hơn về đặc điểm của thơ Tố Hữu.

### Văn bản 2. TRÀNG GIANG

(Huy Cận)

### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV nhắc lại khái niệm về cấu tứ, tứ thơ và yếu tố tượng trưng trong thơ.

### TRÊN LỚP

#### Hoạt động 1: Khởi động và xác định nhiệm vụ học tập

**1.1. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về đặc điểm và cách đọc văn bản thơ để tìm hiểu về cấu tứ, yếu tố tượng trưng và đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua bài thơ *Tràng giang*.

#### 1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
------------------	--------------------------------------

<p>- Yêu cầu HV: Đọc một số câu thơ/bài thơ viết về sông/về quê hương mà em biết.</p> <p>- Nhận xét các câu trả lời của HV rồi nêu vấn đề: Ở tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu về cấu tứ, tứ thơ, yếu tố tượng trưng trong thơ. Tiết học này chúng ta tiếp tục tìm hiểu các yếu tố này trong bài thơ Tràng giang của Huy Cận.</p>	<p>- Suy nghĩ, trình bày.</p> <p>- Sản phẩm: Những câu thơ/bài thơ viết về sông/về quê hương</p>
---	--

## Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV khám phá và hình thành kiến thức về một số yếu tố hình thức, nội dung của bài thơ *Tràng giang*; Nhận biết được đặc điểm thể loại thơ trữ tình qua văn bản.

**2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<b>1. Đọc và tìm hiểu chung</b>	
<p>- Gọi 1 HV đọc to toàn bộ văn bản.</p> <p>- Yêu cầu một số HV chia sẻ những nội dung tiếp nhận được từ văn bản theo các chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.</p> <p>- Nhận xét về kết quả tự học và trả lời các câu hỏi chỉ dẫn đọc của HV.</p>	<p>- Yêu cầu đọc to, rõ ràng.</p> <p>- Trình bày kết quả đọc các chỉ dẫn một cách ngắn gọn.</p> <p>- Lắng nghe, tự rút kinh nghiệm.</p>
<b>2. Đọc hiểu văn bản</b>	
<p>- Giao nhiệm vụ thực hiện cá nhân.</p> <p>- <i>Nghĩa từ vịnh của “tràng giang” là gì? Có thể thay thế nhan đề đã có của bài thơ bằng một từ hoặc cụm từ thuần Việt mang nghĩa tương đương được không? Vì sao?</i></p> <p>- <i>Em hiểu như thế nào về nội dung lời đề từ (vốn là một câu thơ của</i></p>	<p><b>1. Tìm hiểu về cấu tứ của bài thơ</b></p> <p>- Suy nghĩ, trình bày kết quả</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p><b>a. Nhan đề:</b></p> <p>+ Tràng Giang – âm từ Hán Việt có nghĩa là sông dài</p> <p>+ Với cách dùng từ như vậy, thi nhân vừa tránh cho người đọc sự lầm tưởng là sông Trường Giang vạn dặm ở Trung Quốc, vừa</p>

<p><i>chính Huy Cận trong bài “Nhớ hờ” in ở tập “Lửa thiêng”)?</i></p> <p>- Có điểm gì chung về nội dung và hình thức giữa nhan đề và lời đề từ?</p> <p>- Ấn tượng mà nhan đề và lời đề từ gợi lên có sự tương hợp như thế nào với ấn tượng mà bốn khổ thơ sau đó có thể đưa lại cho người đọc?</p> <p>- Nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>tạo nên được một không khí cổ kính ngay ở nhan đề tác phẩm.</p> <p>+ Trong hai tiếng Tràng Giang, có sự tiếp nối của vần “ang” – vần mở, tạo dư âm vang xa gợi về một không gian sông nước bao la, đồng thời gợi âm hưởng trầm, buồn chung trong cả bài thơ này.</p> <p><b>*Lời đề từ</b></p> <p>+ Lời đề từ gợi cảm xúc sáng tác cho tác giả, cũng bao quát cảm xúc chủ đạo xuyên suốt bài thơ và là chìa khóa khơi gợi cho bạn đọc hưởng tiếp cận tác phẩm.</p> <p>+ Trong lời đề từ xuất hiện một loạt từ “bâng khuâng”, “nhớ” của con người trước không gian “trời rộng”, “sông dài”.</p> <p>+ Cả bài thơ là tâm sự của con người trước vũ trụ, là nỗi sầu nhân thế và ẩn sau đó là tình cảm của thi nhân với quê hương, đất nước.</p> <p>+ Thêm vào đó, còn là nỗi sầu của thời đại “trời rộng nhớ sông dài”.</p> <p><b>*Mối liên hệ:</b> Nhan đề và lời đề từ vừa báo hiệu trạng thái tinh thần bao trùm bài thơ vừa trực tiếp khai mở dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trước “trời rộng”, “sông dài” và trước cuộc đời (phần lớn các “chữ” trong nhan đề và lời đề từ sẽ được nhắc lại trong bài thơ như một sự tiếp nối, xoáy sâu, nhấn mạnh).</p>
<p>- Yêu cầu HV làm việc nhóm:</p> <p>+ Các hình ảnh trong bài thơ được sắp xếp theo trật tự nào? trật tự đó nói lên điều gì?</p> <p>+ Nhận xét sự khác biệt giữa nửa đầu và nửa sau của từng khổ thơ?</p>	<p><b>b. Mạch vận động cảm xúc của bài thơ</b></p> <p>- Thảo luận nhóm, trình bày kết quả</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p><b>*Cách sắp xếp hệ thống hình ảnh:</b></p> <p><b>Bài thơ Tràng Giang</b> của Huy Cận được xem là một bức tranh toàn cảnh về một tâm</p>

<p>+ <i>Chỉ ra những điểm khác lạ trong sử dụng ngôn ngữ của tác giả?</i></p> <p>+ <i>Nêu một số thi liệu truyền thống trong bài thơ và tác dụng sử dụng những tư liệu ấy?</i></p> <p>- Gọi các nhóm trả lời, nhận xét và bổ sung (nếu có).</p>	<p>hồn cô đơn, hoài niệm trước dòng sông bao la. Hệ thống hình ảnh trong bài thơ không chỉ vẽ nên một bức tranh thiên nhiên mà còn phản chiếu sâu sắc tâm trạng của nhà thơ.</p> <p><b>1) Không gian mở rộng:</b></p> <p>- <i>Từ cá nhân đến vũ trụ:</i> Bài thơ bắt đầu từ những cảm xúc cá nhân, nỗi buồn mang mác của tác giả trước dòng sông. Tuy nhiên, không gian tăng dần mở rộng ra, bao trùm lấy cả vũ trụ, thời gian và không gian.</p> <p>- <i>Từ gần đến xa:</i> Hình ảnh ban đầu tập trung vào những chi tiết gần như sóng cuộn cuộn, con thuyền, sau chuyển sang những hình ảnh xa hơn như bờ biển, chân trời, tạo cảm giác mênh mông, vô tận.</p> <p><b>2) Thời gian trôi chảy:</b></p> <p>- <i>Từ hiện tại đến quá khứ:</i> Dòng sông trôi không ngừng, mang theo những kỷ niệm, những nỗi buồn của quá khứ. Hình ảnh “cúi một cành khô lạc giữa dòng” nói lên cảm giác giác thời gian trôi qua nhanh, vô tình.</p> <p>- <i>Từ hữu hạn đến vô hạn:</i> Thời gian trong bài thơ không chỉ là thời gian hiện tại mà còn là thời gian vĩnh hằng, vô tận.</p> <p><b>3) Tâm trạng biến đổi:</b></p> <p>- <i>Từ buồn đến cô đơn:</i> Nỗi buồn ban đầu của tác giả trước dòng sông tăng dần chuyển thành nỗi cô đơn sâu sắc khi đối diện với sự vô tận của thời gian và không gian.</p> <p>- <i>Từ tĩnh lặng đến sôi động:</i> Mặc dù chủ đạo là không khí tĩnh lặng, nhưng bài viết cũng có những đoạn miêu tả sự chuyển</p>
---	--

động của sóng, của thuyền làm tăng thêm chiều sâu cho cảm xúc thơ.

#### **4) Sự tương tác giữa các hình ảnh:**

- **Tương phản:** Hình ảnh tĩnh lặng của dòng sông đối lập với sự chuyển động của con thuyền, hình ảnh nhỏ bé của con người đối lập với sự bao la của vũ trụ.

- **Bổ sung:** Các hình ảnh bổ sung cho nhau, tạo nên một bức tranh hoàn chỉnh về không gian, thời gian và tâm trạng.

- **Biến hóa:** Các hình ảnh không đứng yên mà liên tục biến đổi, tạo ra những liên tưởng mới mẻ.

#### **\*Ý nghĩa của sự vận động**

- Sự vận động của hệ thống hình ảnh ở bài thơ Tràng Giang không chỉ mang đến giá trị thẩm mỹ mà còn giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn những tâm trạng của tác giả. Đó là nỗi buồn mang mác trước sự vô thường của cuộc đời, là nỗi cô đơn của một cá nhân trước vũ trụ bao la, là sự trở về ý nghĩa của cuộc sống.

- Hệ thống hình ảnh ở Tràng Giang không chỉ đơn thuần là những hình ảnh thiên nhiên mà còn là những biểu tượng chứa đựng những ý nghĩa sâu xa. Sự hoạt động của các hình ảnh được tạo nên một dòng cảm xúc xúc động liên tục, đưa người đọc từ bất ngờ này đến điều bất ngờ khác.

#### **\*Sự tương phản trong từng khổ thơ:**

Từng khổ thơ trong "Tràng giang" đều tạo nên một bức tranh thiên nhiên rộng lớn, mênh mông và gợi lên những cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc. Sự tương phản

giữa hai nửa trong từng khổ thơ thường tập trung vào yếu tố sau:

- **Cảnh vật thiên nhiên:** Nửa đầu khổ thơ thường miêu tả những hình ảnh tĩnh lặng, bao la của thiên nhiên (trời, sông, mây, sóng...). Nửa sau khổ thơ lại miêu tả những chuyển động, những âm thanh nhẹ nhàng (chim bay, sáo diều, thuyền xuôi...) tạo nên một không gian sống động hơn.

- **Thời gian:** Nửa đầu khổ thơ thường mang cảm giác về thời gian trôi chậm, tĩnh tại, còn nửa sau lại nói lên cảm giác về thời gian trôi nhanh, sự biến đổi của vạn vật.

- **Cảm xúc của nhà thơ:** Nửa đầu khổ thơ thường hiện nỗi buồn mang mác, sự cô đơn trước thiên nhiên bao la. Nửa sau lại thể hiện những suy ngẫm sâu sắc về cuộc đời, về con người và mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

**\*Ý nghĩa của sự tương phản:**

- **Tạo nên vẻ đẹp thẩm mỹ:** Sự đối lập giữa các hình ảnh, cảm xúc tạo nên một cấu trúc nhịp nhàng, cân đối cho bài thơ.

- **Làm sâu sắc thêm nội dung:** Qua sự tương phản, nhà thơ bộc lộ những suy ngẫm sâu sắc về cuộc đời và con người.

- **Tạo ra hiệu ứng nghệ thuật:** Sự tương phản giữa các hình ảnh làm cho bài thơ trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.

**\*Sự khác lạ trong sử dụng ngôn ngữ:**

- Điệp từ, điệp ngữ:

+ **Điệp ngữ** : “*buồn điệp điệp*”, “*nước song song*”, “*sâu chót vót*”: nhấn mạnh cô đơn của con người trước thiên nhiên bao la.

+ **Từ láy:** "Lơ thơ", "đìu hiu", "lấp lánh", "chót vót",... tạo nên âm điệu buồn, mô tả không gian tĩnh lặng, hoang vắng.

- **Hình ảnh**

+ **Dòng sông:** Không chỉ là một hình ảnh cụ thể, mà còn là biểu tượng cho thời gian, cuộc sống trôi lướt, vô tận.

+ **Bèo dạt:** Biểu tượng cho những con người nhỏ bé giữa cuộc đời.

+ **Cánh chim:** Biểu tượng cho khát vọng tự do, bay cao nhưng cũng ẩn chứa nỗi buồn xa cách.

- Hoán dụ:

+ **Củ một cành khô:** Hoán đổi cho sự tàn phai, sự mất mát của thời gian.

+ **Lớp lớp mây cao:** Hoán dụ cho những lớp lang của cuộc đời, những thăng trầm của con người.

- So sánh: So sánh giữa con người và thiên nhiên, giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, tạo nên sự đối lập và tương phản.

- Biện pháp liệt kê: Liệt kê các hình ảnh thiên nhiên: Tạo nên một bức tranh toàn cảnh, sống động về dòng sông và không gian xung quanh.

\*Tác dụng của việc sử dụng ngôn ngữ khác lạ:

- **Tạo nên một bức tranh sông nước sống động, đa chiều:** Các biện pháp tu từ giúp người đọc hình dung rõ nét về không gian, thời gian và cảm xúc trong bài thơ.

- **Thúc đẩy trí tưởng tượng:** Các hình ảnh ẩn, mở rộng ý tưởng của người đọc, giúp họ khám phá những tầng ý nghĩa sâu sắc hơn.

- **Tạo nên âm trầm buồn, sâu lắng:** Các biện pháp tu từ như điệp ngữ, từ láy tạo nên một không khí trầm buồn, phù hợp với tâm trạng của nhà thơ.

- **Nhấn mạnh chủ đề cô đơn, hoài niệm:** Các biện pháp tu từ giúp khắc phục nỗi đau cô đơn, hoài niệm của tác giả trước sự vô tận của thời gian và không gian.

**\*Các thi liệu truyền thống có thể nhắc đến:**

- *Về hình ảnh*, có sông dài, thuyền – nước, bèo – nước, làng xa bên sông, núi mây bạc, cánh chim chiều,...

- *Về từ ngữ*, có “điều hiu” (mang chở tâm trạng từng được “đóng đinh” vào câu “Bến Phì gió thổi điều hiu mấy gò”), đùn (gợi cảm xúc vốn đã được vĩnh cửu hoá ở câu “Mặt đất mây đùn cửa ải xa”)

- *Về tứ thơ*, có “Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà” bắt nguồn từ Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu.

– Thủ pháp quen thuộc của thơ tượng trưng, đó là các nhà thơ thường chủ động làm nhoè mờ đối tượng miêu tả cụ thể, buộc độc giả phải vượt qua cái hữu hình để thấy được “những vô hình bao la” (mượn cách nói của Nguyễn Tuân).

**Tác dụng:** Việc sử dụng các thi liệu truyền thống nằm trong ý đồ cấu tứ và chiến lược tổ chức văn bản của nhà thơ. Với sự xuất hiện của các thi liệu này, hướng vận động của hệ thống hình ảnh trong bài thơ được xác định rõ: mỗi hình ảnh sẽ ám gợi về một điều gì đó vô hình hơn ở bên ngoài nó và dẫn người đọc hướng tới những suy



	<p>nghiệm sâu sắc về tình thế tồn tại của con người, về bản chất của cuộc sống.</p>
<p>- Yêu cầu HV thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2</p> <p>- Gọi các nhóm trả lời, nhận xét và bổ sung (nếu có).</p>	<p><b>c. Hình ảnh tượng trưng</b></p> <p>- Thảo luận nhóm, trình bày kết quả.</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p>Bài thơ “Tràng Giang” của Huy Cận không chỉ là một bức tranh phong cảnh sông nước mà còn là một tác phẩm giàu tính tượng trưng, chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa sâu sắc. Các hình ảnh trong bài thơ không chỉ đơn giản là mô tả khách quan mà còn mang ý nghĩa biểu tượng, phản ánh những trăn trở, suy tư của nhà thơ về cuộc đời, con người và vũ trụ.</p> <p>Các hình ảnh tượng trưng:</p> <p>+ <i>Dòng sông Tràng Giang</i>: Không chỉ đơn giản là một dòng sông, mà còn là biểu tượng cho thời gian, cuộc đời trôi lướt, vô tận. Dòng sông vừa mang đến vẻ đẹp bình yên, lại vừa nói lên nỗi buồn man man về sự vô thường của cuộc sống.</p> <p>+ <i>Bèo dạt</i>: Biểu tượng cho những con người nhỏ bé, cô đơn, lạc lõng trong cuộc sống.</p> <p>+ <i>Cánh chim</i>: Biểu tượng cho khát vọng tự do, bay cao nhưng cũng ẩn chứa nỗi buồn xa cách. Cánh chim bay đơn độc trên bầu trời bao nói lên hình ảnh con người cô đơn tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống.</p> <p>+ <i>Củ một cành khô lạc giữa dòng</i>: Biểu tượng cho sự tàn phai, sự mất mát của thời gian. Cành củi khô lạc lõng giữa dòng sông nói lên cảm giác giác về sự vô nghĩa của cuộc sống.</p>

+ *Bến cô liêu*: Biểu tượng cho sự cô đơn, nỗi buồn lạc lõng của con người. Bến hoang bờ vắng không một bóng người càng làm tăng thêm cảm giác giác cô đơn, trống trải.

+ *Khói hoàng hôn*: Biểu tượng cho sự tàn lụi, sự kết thúc của một ngày, cũng là ẩn dụ cho sự tàn phai của tuổi trẻ, của cuộc đời.

**\*Ý nghĩa của các hình ảnh tượng trưng**

- *Tượng trưng cho nỗi buồn, sự cô đơn*: Hầu hết các hình ảnh trong bài thơ đều mang màu sắc buồn, nỗi buồn cô đơn, trống vắng của con người trước sự bao la của thiên nhiên và thời gian.

- *Tượng trưng cho sự vô thường của cuộc sống*: Dòng sông chảy mãi, thời gian trôi qua không ngừng, tất cả đều thay đổi, chỉ có sự vô thường là vĩnh cửu.

- *Biểu tượng chim cho khát vọng tự do*: Hình ảnh cánh chim bay cao biểu tượng cho khát vọng tự do, vượt qua giới hạn của cuộc sống.

- *Tượng trưng cho ý nghĩa cuộc sống*: Bài thơ đặt ra những câu hỏi về cuộc đời, về con người và ý nghĩa của sự tồn tại.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

Các hình ảnh tượng trưng trong bài thơ:

- 1) .....
- 2) .....
- 3) .....
- 4) .....
- 5) .....
- 6) .....

Ý nghĩa của các hình ảnh tượng trưng

.....  
.....  
.....

<b>3. Tổng kết</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giao nhiệm vụ thực hiện cá nhân.</li> <li>+ <i>Nêu cảm nhận cá nhân về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên sau khi học xong bài thơ Tràng giang.</i></li> <li>- Nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Suy nghĩ, trình bày kết quả</li> <li>- Sản phẩm: Những cảm nhận của HV rút ra sau khi học bài thơ</li> </ul>

### **Hoạt động 3. Luyện tập, vận dụng**

**3.1. Mục tiêu:** Giúp HV luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức về thơ đã học để viết một đoạn văn về mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh với thế giới cảm xúc.

#### **3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao nhiệm vụ cho HV: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ sự tâm đắc về một phương diện nổi bật của bài thơ Tràng giang.</i></li> <li>- Kiểm tra, nhận xét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV viết bài.</li> <li>- Sản phẩm: bài viết của HV</li> <li>+ HV có thể lựa chọn một phương diện về nội dung (tâm trạng cô đơn, buồn mang mác; Cảnh vật thiên nhiên mênh mông, tĩnh lặng; Suy ngẫm về cuộc đời, về con người;...) hoặc nghệ thuật (Ngôn ngữ; biện pháp nghệ thuật; Cấu trúc bài thơ; ....) mà mình thấy tâm đắc nhất để viết.</li> <li>+ Tùy thời gian, GV cho HV làm ở lớp hoặc ở nhà và chọn một số bài làm của HV để chữa bài</li> </ul>

### **SAU GIỜ HỌC**

GV có thể yêu cầu HV tìm đọc tập thơ *Lửa thiêng* của Tố Hữu.

## VĂN BẢN 3. CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG

(A.X.Puskin)

### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV đọc trước bản dịch nghĩa, dịch thơ văn bản và những thông tin về tác giả Pu-skin trong SGK.

### TRÊN LỚP

#### Hoạt động 1. Xác định vấn đề

**1.1. Mục tiêu:** Giúp HV xác định được vấn đề cần lưu ý khi đọc những thông tin về tác giả, tác phẩm để hiểu bài thơ.

#### 1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<p>- Yêu cầu HV:</p> <p>+ Theo em, trong phần giới thiệu về tác giả và nêu xuất xứ của văn bản, đâu là những thông tin cần được chú ý nhất để hiểu bài thơ? Vì sao?</p> <p>- Nhận xét câu trả lời của HV.</p>	<p>- Suy nghĩ, trình bày</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p>- Đặc điểm phong cách nghệ thuật thơ trữ tình Pu-skin: ngôn từ trong thơ trữ tình của Pu-skin bao giờ cũng chính xác, giản dị, trong sáng, hàm súc; những sắc màu, hình ảnh, âm thanh trong thơ của ông không chỉ thể hiện tâm trạng mà còn chuyên chở những vận động ý thức của nhân vật trữ tình, hướng tới hoá giải những khúc mắc trong lòng người để cuối cùng đạt tới một xúc cảm cân bằng, hài hoà; thơ Pu-skin tràn ngập tinh thần nhân văn, vừa cao cả, vừa trần thế.</p> <p>- Tháng 12 năm 1825, một cuộc khởi nghĩa do đông đảo những người trí thức quý tộc tiến bộ lãnh đạo chống lại chế độ nông nô chuyên chế đã nổ ra rộng khắp trên nước Nga. Đầu năm 1826, cuộc khởi nghĩa bị Nga hoàng dập tắt. Vào mùa đông năm ấy, nỗi buồn riêng của nhà thơ ở nơi đày ải, nỗi buồn chung của nhân dân</p>

	sau thất bại của cuộc khởi nghĩa, cùng ý chí và khát vọng vượt qua những giây phút tủi buồn trong hành trình cuộc sống riêng tư, cũng như của dân tộc, đã trở thành nguồn cảm hứng để Pu-skin sáng tác nên bài thơ Con đường mùa đông.
--	--

## Hoạt động 2. Giải quyết vấn đề

**1.1. Mục tiêu:** Giúp HV vận dụng những kiến thức đã học về cấu tứ, về yếu tố tượng trưng trong thơ qua hai văn bản trước để đọc hiểu văn bản *Con đường mùa đông*.

### 1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV:</li> <li>+ <i>Con đường gợi ý niệm về điều gì và biểu trưng cho cái gì?</i></li> <li>+ <i>Ngoài việc xác định thời điểm mùa, mùa đông còn gợi liên tưởng cảm xúc gì?</i></li> <li>- Nhận xét câu trả lời của HV.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Suy nghĩ, trình bày</li> <li>- Sản phẩm:</li> <li>- Liên tưởng tới những khó khăn, trở ngại trong hành trình mùa đông cô đơn, lạnh giá và ý thức vượt qua trở ngại, lấy lại thăng bằng.</li> <li>+ Con đường: Sự vận động, hành trình cuộc đời</li> <li>+ Mùa đông: Cảm xúc giá lạnh – nỗi buồn</li> <li>- Nỗi buồn và vận động có hướng vừa đồng hành với nhau, vừa thể hiện xung đột – con đường duy trì vận động theo một hướng đi có thể mâu thuẫn với nỗi buồn lạnh giá của mùa đông dâng lên trong lòng như một trở ngại.</li> <li>- Gợi dẫn từ nhan đề câu hỏi: <i>Làm thế nào để nỗi buồn không còn là trở ngại trong hành trình trên con đường mùa đông lạnh vắng?</i></li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV làm việc nhóm:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm, trình bày kết quả</li> <li>- Sản phẩm:</li> </ul>

<p>+ Nhóm 1: Hoàn thành phiếu học tập số 1</p> <p>+ Nhóm 2: Hoàn thành phiếu học tập số 2</p> <p>+ Nhóm 3: Hoàn thành phiếu học tập số 3</p> <p>+ Nhóm 4: Hoàn thành phiếu học tập số 4</p> <p>- Gọi các nhóm trả lời, nhận xét và bổ sung (nếu có).</p>	<p><b>*Nhóm 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh “trăng” ở ngay khổ thơ đầu và xuất hiện lần nữa ở câu thơ cuối.</li> <li>- Trăng vốn là biểu tượng của ánh sáng trong đêm, lẽ ra nó có thể gợi niềm tin, hi vọng, nhưng trong khổ thơ đầu, khi “trăng” xuyên qua lớp lớp “sương mù, thì lại dội ánh sáng “buồn bã” từ trên cao xuống và toả ra rộng khắp những “khoảng trống u buồn” trên đường trong rừng khuya.</li> <li>- Ánh trăng, như vậy, thể hiện nỗi buồn cao độ tràn ngập không gian, dâng lên chất chứa trong lòng người cảm nhận – nhân vật trữ tình.</li> <li>- Song những từ ngữ thể hiện sự vận động vượt qua sức cản “xuyên qua”, “nhô ra”, “dội” lại tô đậm nỗ lực vượt qua khó khăn, trở ngại ở trong lòng nhân vật trữ tình.</li> <li>- Với nỗ lực ấy, nhân vật trữ tình tìm đến được với ý thức về quy luật vận động của cuộc sống: Cuộc sống luôn vận động về phía trước, xua đi nỗi buồn, để hạnh phúc, niềm vui còn đọng lại.</li> </ul> <p><b>*Nhóm 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trăng: Như đã phân tích ở phần (a), đoạn kết cũng nhắc đến hình ảnh trăng, tuy nhiên, trong câu thơ kết bài, nhân vật trữ tình có thể bình thản ghi nhận hình ảnh “sương mù” (bóng tối) che khuất “mảnh trăng” (ánh sáng): sương mù che phủ trăng, rồi trăng lại sẽ chiếu rọi mà không còn “buồn bã nữa.</li> <li>- Hình ảnh những “cột cây số” (“cột sọc chỉ đường”) xuất hiện trong khổ thơ 4</li> </ul>
--	---

nhấn mạnh tâm trạng buồn chán qua những từ ngữ “chỉ”, ”dài... sừng sững” (ch.... đơn độc...). Song nếu lưu ý đến hướng chuyển động của những cột cây số là “ngược chiều tôi”, thì có thể thấy ý thức của nhân vật trữ tình đồng thời ghi nhận vận động không ngừng của cỗ xe, cũng là của “tôi” về phía trước, bỏ lại sau lưng những “cột cây số đơn độc và buồn tẻ ấy.

- Tương tự như vậy đối với âm thanh: Tiếng “Nhạc ngựa đều đều buồn tẻ” (trong bản dịch nghĩa: “Lục lạc đơn điệu/ Mệt mỏi rung lên”) vừa nhấn mạnh nỗi buồn, vừa điểm bước vận động không ngừng của cỗ xe; tiếng “kim đồng hồ cũng là một âm thanh đơn điệu tẻ ngắt, song lại chính là tiếng điểm bước vận động không ngừng của thời gian.

- **Tương phản bên ngoài về ánh sáng và màu sắc** của những hình ảnh “ánh lửa” – “mái lều (thẫm đen)” “rừng sâu” – “tuyết (trắng)”, tương phản giữa cái không có và cái chỉ có, cái không có ấm áp, cái chỉ có lạnh lẽo.

+ Cái không có ở ngoài cảnh vật thực ra đã hiện hữu trong tâm can (có thể liên hệ với lời ca dân gian và bác xà ích ở khổ thơ trước gọi cho người lữ hành liên tưởng đến mái ấm cội nguồn) đối lại với cái chỉ có lạnh lẽo, u buồn ở bên ngoài cảnh vật.

- **Tương phản giữa tâm cảnh và ngoại cảnh** xác định vận động tâm tưởng của nhân vật trữ tình tách ra khỏi cảnh vật bên ngoài của thực tại. Nếu hình ảnh “cột cây số” đã được làm rõ ở câu hỏi trước thì đối

với nửa sau khổ thơ. Những “cột cây số” đơn độc, tẻ ngắt, sau khi “rơi vào tầm mắt” của người lữ hành, lập tức bị bỏ lại phía sau, bởi người lữ hành không ngừng chuyển động về phía trước. Tương phản trong chuyển động “ngược chiều” nhau giữa cảnh vật và người lữ hành ở đây không chỉ nhấn mạnh sự tách biệt tâm tưởng của người lữ hành ra khỏi cảnh vật bên ngoài, mà còn nhấn mạnh hướng vận động không ngừng về phía trước.

- Qua cụm từ “ngược chiều tôi” trong bản dịch nghĩa, có thể thấy cái “tôi” của nhân vật trữ tình không tình cờ xuất hiện trên bề mặt câu chữ ở chính khổ thơ “bản lẻ” của bài thơ có kết cấu đối xứng này. Cái “tôi” tâm tưởng của nhân vật trữ tình đã không còn chìm trong cảnh vật u buồn nữa vì nó không ngừng vận động “ngược chiều với cảnh vật, về phía trước, không ngừng bỏ lại nỗi buồn ở sau lưng.

- Biểu hiện của không gian, thời gian tâm tưởng này cũng cố ý thức của nhân vật trữ tình về quy luật vận động của cuộc sống: hình dung về mái ấm và hạnh phúc tình yêu mình sẽ được hưởng vào ngày mai, ở điểm đến của con đường giúp cho người lữ hành vững tâm trong hiện tại, song những biểu hiện của nỗi buồn chưa dứt ngay cả ở ngày mai, vì ở điểm đến đó người lữ hành vẫn chưa thể dừng lại, đắm chìm trong mộng tưởng, mà vẫn phải tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn.

- **Lời than “Ôi buồn đau, ôi cô lẻ..” (“Buồn tẻ, sầu đau..”).** Lời than nhấn



manh hai sắc thái bao quát nỗi buồn trong hiện tại, song đó không phải là lời than trời vô định, mà như lời tâm sự với “Nhi-na” ở thời gian, không gian khác – lời than kết nối thực tại với hình dung về người yêu thương ở ngày mai (qua bản dịch nghĩa có thể thấy từ “Nhi-na” ở giữa hai từ “ngày mai”), ở điểm đến của con đường. Bằng lời than ấy, tâm tưởng nhân vật trữ tình chuyển vào không gian và thời gian hình dung, chứ không còn ở trong thực tại hiện hữu.

**\*Nhóm 3:**

Nhân vật trữ tình được hưởng những gì và tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn ra sao:

Những gì nhân vật trữ tình được hưởng	Những biểu hiện của nỗi buồn chưa dứt	Ý thức về quy luật vận động của cuộc sống
Hạnh phúc mà nhân vật trữ tình hình dung được hưởng đọng lại mãi trong tâm tưởng: hơi ấm của mái ấm (“lò lửa đờ”), hơi ấm của tình yêu	Những biểu hiện của nỗi buồn chưa dứt hiện lên trong hình dung rồi cũng bị xua đi: tiếng “kim đồng hồ đơn điệu, “lữ người tẻ ngắt”.	Cuộc sống vận động không ngừng qua bước đi của thời gian, theo quy luật “sẽ hoàn tất vòng quay đều đặn của mình”, xua đi xa nỗi buồn (lữ người tẻ ngắt), để hạnh phúc tình yêu còn

(“ngắm em, ngắm mãi không thôi”, “bên nhau trong đêm”).		động lại (“Đề ta bên nhau trong đêm”).
<p><b>*Nhóm 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Xe tam mã:</b> là biểu tượng cho chuyển động nhanh “như bay lên, vượt qua trở ngại của nước Nga. Ghi nhận hình ảnh “xe tam mã lao nhanh” ở khổ 2 của bài thơ, tâm tưởng người lữ hành vừa ý thức về vận động nhanh vượt qua mọi trở ngại trên đường, vừa tìm đến với tinh thần dân tộc Nga như hành trang cho mình trên con đường mùa đông.</li> <li>- <b>“Bài ca của người xà ích”</b> – lời ca dân gian vang lên qua tiếng hát của người đánh xe bình dị ở khổ 3 cần được lí giải như tiếng vọng “thân thuộc” từ cội nguồn dân tộc nhắc nhở người lữ hành về quy luật luân chuyển nỗi buồn và niềm vui trong cuộc đời: “Như niềm vui mừng khôn xiết/ Như nỗi buồn nặng đìu hiu” (Lúc là trảy hội tung bừng,/ Lúc là nỗi buồn tâm tình”...). Qua cảm nhận về lời ca dân gian ấy, người lữ hành tìm đến với hành trang – ý thức cội nguồn, đồng thời ý thức rõ hơn về quy luật vận động của cuộc sống.</li> <li>- <b>“Mái lều, ánh lửa”</b> ở khổ 4 gợi ý niệm về nhà - chốn dừng chân có ánh sáng và hơi ấm hay mái ấm bình yên. Người lữ hành ghi nhận “ánh lửa”, “mái lều” không</li> </ul>		

có trong thực tại (thực tại chỉ có “rừng sâu và tuyết”...).

- Song sự xuất hiện của những hình ảnh này trong tâm tưởng người lữ hành, dù dưới dạng phủ định, lại ghi nhận và nhấn mạnh khát khao tìm kiếm những tín hiệu của mái ấm bình yên. Nỗi khát khao mái ấm được khéo léo nhấn mạnh ấy thể hiện nỗ lực của người lữ hành tạo dựng điểm tựa tinh thần cho mình để quyết tâm vượt qua nghịch cảnh.

- Người lữ hành ở khổ 5 gọi tên cô gái “Nhi-na”, cái tên gợi hình ảnh người yêu thương. Hướng tới Nhi-na – biểu tượng của hạnh phúc tình yêu – ở điểm đến của con đường, ở ngày mai, thực chất, người lữ hành không chỉ xác định tình yêu như một điểm tựa tinh thần, mà còn coi hạnh phúc tình yêu như mục đích hành trình của mình.

→ Chính người lữ hành – nhân vật trữ tình khi ghi nhận những hình ảnh nêu trên trong tâm tưởng, thực chất là đã chuyển những hình ảnh ấy thành biểu tượng, thành điểm tựa hành trang tinh thần cho mình để có thể vững vàng đi tiếp trên con đường mùa đông tràn ngập nỗi buồn lạnh giá.

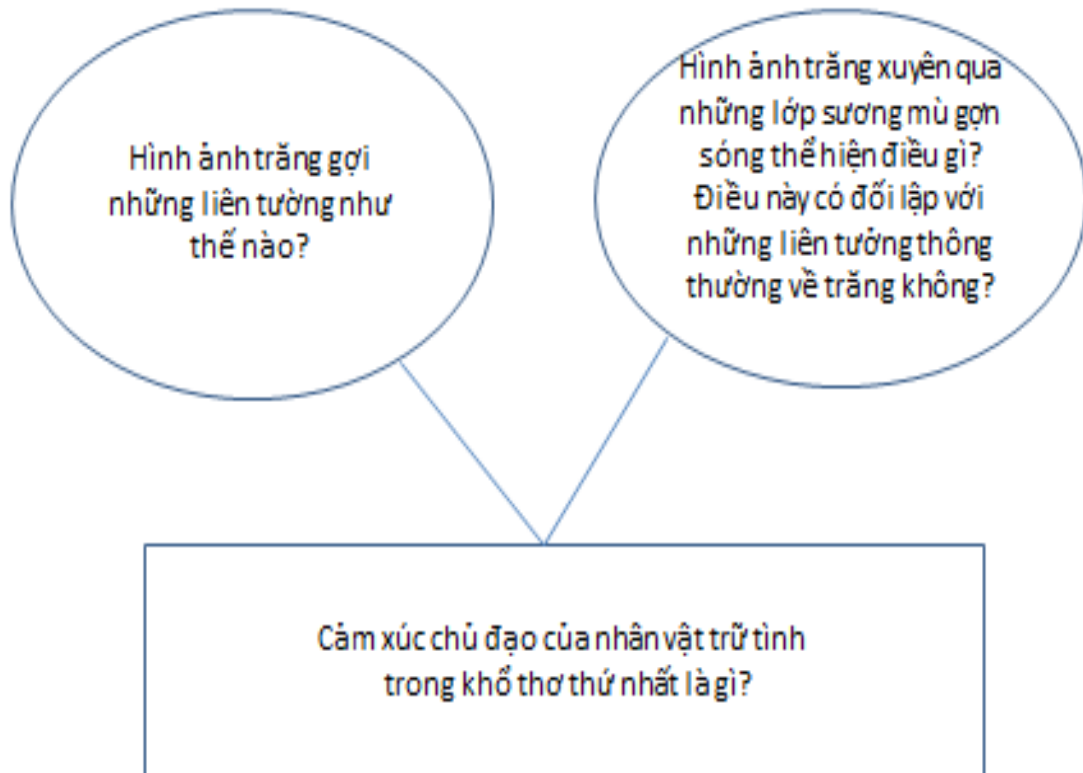
- Khổ 7 – khổ cuối của bài thơ chính là sự trở về với thực tại cùng hành trang tinh thần được ý thức từ tương lai.

- “Nhi-na” vẫn gắn với lời than, nhưng không còn bị ngăn cách với lời than bởi từ “ngày mai” nữa, nghĩa là “Nhi-na”, điểm tựa tình yêu, giờ đã thành hành trang,

đồng hành cùng nhân vật trữ tình. “Con đường” vẫn “tẻ ngắt” nhưng từ “của tôi” (“đường tôi đi”) được thêm vào thể hiện ý thức gắn bó mật thiết của nhân vật trữ tình với con đường như ý thức về sứ mệnh. Hình ảnh “bác xà ích” ở đây cũng được xác định là “của tôi” khẳng định ý thức gắn bó; bác xà ích “lặng yên thiu thiu ngủ” vừa gợi cảm giác bình yên, vừa ghi nhận lời ca dân gian không cất lên ngoài cảnh vật, nhưng vẫn vang lên trong tâm tưởng.

- Nhân vật trữ tình, như vậy, vững vàng tiếp tục hành trình trong ý thức gắn bó với những con người bình dị từ dân gian, với tinh thần cội nguồn dân tộc. Với những điểm tựa tinh thần trở thành hành trang cho người lữ hành như vậy, “tiếng nhạc ngựa” (“lục lạc”) dù vẫn vang lên đơn điệu, nhưng giờ đây nó đã được ý thức như âm thanh điểm bước vận động không ngừng của cỗ xe tam mã – nước Nga.
- Câu kết “khuôn trăng mờ sương” (“sương mờ che lấp ánh trăng nghiêng”), khép lại kết cấu đối xứng của bài thơ, tưởng như là kết lại ở đỉnh điểm của nỗi buồn – bóng tối che đi ánh sáng, song thực chất lại khẳng định quy luật luân chuyển của cuộc sống: “khuôn trăng mờ sương”, rồi ánh trăng lại sẽ “xuyên qua lớp lớp sương mù, rọi sáng. Rồi thế nào cũng tới lúc nỗi buồn bị xua đi, để hạnh phúc còn đọng lại.

# PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1



# PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Những hình ảnh (“trăng”, “cột sọc chỉ đường”) và âm thanh (“tiếng lục lạc”, “kim đồng hồ kêu tích tắc”) trong bài thơ đã diễn tả mâu thuẫn giữa nỗi buồn với ý thức vận động vượt qua trở ngại của nhân vật trữ tình trên con đường mùa đông như thế nào?

.....

.....

.....

.....

Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ thơ 4. Nhân vật trữ tình xuất hiện ở khổ thơ này có còn chìm trong cảnh vật u buồn nữa không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

## PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Xác định không gian, thời gian tâm tưởng của nhân vật trữ tình trong khổ thơ 5, 6. Hãy hình dung nhân vật trữ tình được tận hưởng những gì và tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn như thế nào

Những gì nhân vật trữ tình được tận hưởng	Những biểu hiện nỗi buồn chưa dứt	Ý thức về quy luật vận động của cuộc sống

## PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

"Xe tam mã", "bài ca của người xà ích", "mái lều, ánh lửa", "Nhi-na" có ý nghĩa tinh thần thế nào đối với hành trình của nhân vật trữ tình trên "con đường mùa đông"?

.....

.....

.....

Nhận xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối. Hãy chia sẻ suy nghĩ của bạn về cách lấy lại cảm giác bình yên trên những "con đường mùa đông" trong cuộc đời

.....

.....

.....

.....

### 3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

**3.1. Mục tiêu:** Nêu được những nhận xét về cấu tứ của bài thơ *Con đường mùa đông*.

**3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
- GV yêu cầu HV làm việc cá nhân: + <i>Nhận xét về cấu tứ bài thơ?</i> + <i>Liên hệ bài thơ khác có cùng kiểu cấu tứ.</i>	- Suy nghĩ, trình bày kết quả - Sản phẩm - Cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng nhân vật trữ tình, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ.

<p>- Quan sát, hỗ trợ và nhận xét, đánh giá qua các sản phẩm của HV.</p>	<p>+ Các hình ảnh về con đường mùa đông và những hình ảnh trong tâm tưởng nhà thơ “trăng, lò sưởi, mái lều, ánh lửa,...” đều lặp đi lặp lại</p> <p>+ Song hành với các hình ảnh và con đường mùa đông ấy là nỗi buồn của nhân vật trữ tình</p> <p>+ Nỗi buồn ngập tràn và nỗ lực vượt qua trở ngại → Nỗi buồn và tâm trạng của nhân vật trữ tình → Nỗi buồn và cố gắng hướng tới tương lai.</p> <p>- Cấu tứ hành trình hợp nhất dòng tâm tưởng của nhân vật trữ tình với hình tượng – hạt nhân xuyên suốt, mâu thuẫn tâm trạng được triển khai đồng thời qua từng khía cạnh của hình tượng, kết bài giải quyết mâu thuẫn, tạo xúc cảm hài hoà.</p> <p>- Bài thơ: <i>Ánh trăng</i> (Nguyễn Duy), <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> (Huy Cận)</p>
<p>- Giao nhiệm vụ cho HV viết ở nhà: <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ Con đường mùa đông.</i></p> <p>- Kiểm tra, nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- HV làm bài ở nhà</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p>HV có thể lựa chọn viết về một số hình ảnh: <i>con đường mùa đông, ánh trăng, xe tam mã, mái lều – ánh lửa, ....</i> hay âm thanh: <i>tiếng nhạc ngựa, bài ca của người xà ích, tiếng kim đồng hồ,...</i> Trong đoạn văn, HV cần nêu rõ ý nghĩa biểu trưng của hình tượng và gắn với ngữ cảnh tâm trạng của nhân vật trữ tình, đồng thời lý giải được vì sao mình coi hình tượng này là đặc sắc.</p>

## SAU GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HV đọc thêm một số bài thơ của các tác giả khác.

## B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THƯỜNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

#### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HV liệt kê một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường qua 3 bài thơ đã học ở phần Đọc hiểu.

#### TRÊN LỚP

##### Hoạt động 1: Khởi động và xác định nhiệm vụ học tập

1.1. Mục tiêu: Tạo tâm thế, hào hứng khi vào bài mới.

1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<p>- Tổ chức trò chơi: Đọc 4 câu thơ sau và chỉ ra nét độc đáo trong việc kết hợp từ: <i>Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa</i> <i>Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ</i> <i>Xanh om cổ thụ tròn xoe tán</i> <i>Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.</i></p> <p>(Hồ Xuân Hương)</p> <p>- Chốt đáp án, giới thiệu nội dung bài học: Trong sáng tác văn học, nhiều khi tác giả phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để đạt được hiệu quả thẩm mỹ cao nhất.</p>	<p>- Suy nghĩ và trình bày. - Sản phẩm: <i>xanh om, phẳng lặng tờ.</i></p>

##### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Mục tiêu: Nhận biết được những đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.

2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<p>- Yêu cầu HV làm việc cá nhân:</p>	<p>- Suy nghĩ, trình bày kết quả - Sản phẩm:</p>



<p>+ Cần làm gì để nhận biết hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường?</p> <p>+ Nêu một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong các sáng tác văn học?</p> <p>+ Nêu mục đích của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học</p> <p>+ Đánh giá hiện tượng phá vỡ các quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học theo những tiêu chí nào?</p> <p>- Quan sát, hỗ trợ và nhận xét, đánh giá qua các sản phẩm của HV.</p>	<p><b>*Cách nhận diện hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ trong sáng tác văn học</b></p> <p>- Phải nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của tiếng Việt.</p> <p>- Thực hiện đối chiếu, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.</p> <p><b>*Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học</b></p> <p>- Tạo ra những kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói đến</p> <p>- Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện</p> <p>- Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập. Đồng thời bổ sung chức năng mới cho dấu câu khi trình bày văn bản trên giấy</p> <p><b>*Mục đích:</b> Việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường có khả năng gây được ấn tượng thẩm mỹ tích cực cho độc giả, giúp học “đọc” được những tầng nghĩa phong phú của văn bản.</p> <p><b>*Tiêu chí đánh giá:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1) Có tính thẩm mỹ, khơi gợi được cảm xúc thẩm mỹ ở người đọc</li> <li>2) Thể hiện được nét độc đáo trong cách quan sát, miêu tả, thể hiện đối tượng của người viết</li> <li>3) Bổ sung, làm phong phú thêm các phương thức biểu đạt của ngôn ngữ chung</li> <li>4) Không làm rối loạn các quy ước ngôn ngữ đã được cộng đồng thực nhận hoặc chỉ thực hiện “phá vỡ” trong điều kiện được kiểm soát.</li> </ol>
<p>- Yêu cầu HV làm bài tập trong SGK.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- HV làm bài.</p> <p>- Sản phẩm:</p> <p><b>Câu 1.</b></p>

- “Buồn” chỉ tâm trạng của con người, “điệp điệp” là từ chỉ dòng chảy hoặc nói lem lem, nói lau láu. Ví dụ: Điệp điệp bất hưu (Nói luôn mồm không thôi).

- Vì thế, trong cụm từ “buồn điệp điệp” ở dòng mở đầu bài thơ Tràng giang tác giả đã tạo ra cách kết hợp từ trái với logic. Cách kết hợp như vậy gợi tả một nỗi buồn day dứt lòng người của tác giả.

### **Câu 2.**

- “Chót vót” là từ láy vốn chỉ được sử dụng để diễn tả độ cao, trong câu thơ của Huy Cận, nó lại đi với chiều sâu. Cảm giác sâu chót vót là có thật bởi tác giả nhìn dòng sông và thấy bầu trời dưới đáy sông sâu. Không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu).

=> Tác giả cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập.

### **Câu 3.**

- Tác giả sử dụng hình thức đảo ngữ:

“Lơ thơ cồn nhỏ, tiếng làng xa vãn chợ chiều.”

- Hình thức đảo ngữ giúp nhấn mạnh hình ảnh tràng giang một buổi chiều mênh mông, vắng vẻ. Cảnh vật bên cồn thưa thớt trống trải, âm thanh của tiếng chợ chiều đã vãn bao giờ cũng chứa chất nỗi buồn.

### **Câu 4.**

Giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ “Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa”: Tác giả đã bổ sung chức năng mới cho dấu câu, diễn tả hai hình ảnh đối lập nhau. Dấu hai chấm không chỉ đơn thuần để ngắt câu mà nó còn mang dụng ý nghệ thuật sâu sắc nhằm

	<p>nhấn mạnh hơn không gian bao la, bát ngát đến vô tận. Con chim lẻ loi đơn độc này dường như đang mang một gánh nặng, một bóng chiều trong mình, không chỉ trong cảm xúc, mà còn trong dòng chảy nghệ thuật đang tiến trên trang giấy.</p> <p><b>Câu 5.</b></p> <p>- Nguyên nhân của sự biến đổi: Ở bản in thơ năm 1939 có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường. Còn ở bản in năm 1988, không có hiện tượng này.</p> <p>- Ở bản in năm 1939, tác giả dùng dấu chấm than ở câu thơ thứ nhất “Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng”. Tác giả bỏ sung chức năng mới cho dấu câu. Thông thường dấu chấm than dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc kết thúc câu cầu khiến. Ở trong câu thơ này, dấu chấm than chia câu thơ làm hai vế, vừa để bộc lộ cảm xúc, vừa như có ý để hỏi.</p>
--	---

### Hoạt động 3. Luyện tập, vận dụng

3.1. Mục tiêu: HV vận dụng năng lực ngôn ngữ để nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.

3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<p>- Yêu cầu HV làm việc cá nhân: Lựa chọn 1 trong 3 đoạn thơ và tiến hành nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.</p> <p>1. Tôi đóng thêm mấy hao gầy Mở ngày tháng để chắt đầy tương tư (Khúc điệu êm - Đỗ Trung Lai)</p> <p>2. Đàn cừu đi giữa tung tăng</p>	<p>- Suy nghĩ, trình bày kết quả</p> <p>- Sản phẩm: Đáp án tham khảo</p> <p>1. Tính từ đặt vào vị trí của danh từ trong câu thơ thứ nhất. Tạo ra một kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa và gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc.</p> <p>2. Giữa thảo nguyên mênh mông, ngắm đàn cừu, nhà thơ vui như chính mình được chạy nhảy tung tăng với</p>

<p>Làm hương cỏ rối dây hăng núi đồi (Trên Cao Nguyên - Lê Đình Cánh)</p> <p>3. Ai tình tứ cho cả chiều bờ ngõ Liên chị xa biên biệt nỗi giăng mừng. (Một chút giăng mừng - Phan Quế)</p> <p>- Quan sát, hỗ trợ và nhận xét, đánh giá các sản phẩm của HV.</p>	<p>chúng, trẻ lại, hồn nhiên, ngây thơ như... con cừu. Trong tâm trạng ấy, nhà thơ có "đặt nhầm" vị trí từ loại thì cũng là cái "nhầm đáng yêu" làm cho câu thơ đẹp hơn, hay hơn.</p> <p>3. "xa biên biệt" thì chuyện "thương thâm" là quá hiển nhiên! Nhà thơ viết "nỗi giăng mừng" hình ảnh này gây ấn tượng, xao động tâm tư, gợi nhiều liên tưởng: giăng mừng, trải chiếu thương nghĩ đến chuyện lứa đôi, hạnh phúc, đằng này lại xa biên biệt.</p>
--	---

## SAU GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HV thực hành củng cố và nâng cao qua việc làm các bài tập tiếng Việt trong Sách Bài tập Ngữ văn 11, tập 1.

## C. DẠY VIẾT

### VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh trong tác phẩm)

## TRƯỚC GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HV chuẩn bị: Đọc lại phần tri thức trong SGK để ghi nhớ những kiến thức về cấu tứ và hình ảnh trong thơ.

## TRÊN LỚP

### Hoạt động 1: Khởi động và xác định nhiệm vụ học tập

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức, trải nghiệm nền; xác định nhiệm vụ học tập.

**1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HV: nhắc lại kiến thức về cấu tứ và hình ảnh thơ.</li> <li>- Bổ sung và chốt lại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV suy nghĩ, trình bày.</li> <li>- Sản phẩm: Nội dung kiến thức về cấu tứ và hình ảnh thơ ở phần Tri thức Ngữ văn.</li> </ul>

## Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV nhận biết được những yêu cầu cơ bản của việc viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ với nội dung trọng tâm là phân tích câu tứ và hình ảnh của tác phẩm.

### 2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV giao nhiệm vụ:</li><li>+ <i>Thế nào là kiểu nghị luận về một tác phẩm thơ?</i></li><li>+ <i>Đối với kiểu nghị luận về một tác phẩm thơ cần chú ý những yêu cầu nào?</i></li><li>- Nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Huy động kiến thức; chia sẻ, trao đổi.</li><li>- Sản phẩm:</li><li><b>*Yêu cầu bài viết:</b></li><li>- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ;...).</li><li>- Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh).</li><li>- Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng.</li><li>- Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống.</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu HV phân tích bài viết tham khảo:</li><li>1) Bài thơ đã được giới thiệu như thế nào?</li><li>2) Xác định trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết.</li><li>3) Cấu tứ và tính chất khái quát của hình ảnh trong bài thơ đã được người viết đề cập ở đoạn nào? Câu nào?</li><li>- Nhận xét, bổ sung.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Suy nghĩ, trình bày.</li><li>- Sản phẩm:</li><li>1) Bài thơ được giới thiệu bằng cách giải thích nhan đề.</li><li><b>2) Trình tự, logic triển khai hệ thống ý trong bài viết.</b></li><li>- Giới thiệu bài thơ.</li><li>- Nêu khái quát cấu tứ của bài thơ.</li><li>- Phân tích, đánh giá từng phần của bài thơ.</li><li>- Làm rõ tính khái quát của hình ảnh, chi tiết.</li><li>- Đánh giá chung.</li><li>- Kết luận.</li></ul>

	<p><b>3) Cấu tứ và tính chất khái quát của hình ảnh trong bài thơ đã được người viết đề cập:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tứ và tính chất khái quát của hình ảnh trong bài thơ được đề cập đến ở đoạn văn thứ hai.</li> <li>- Câu văn khái quát: Đêm yên tĩnh trên đường lữ khách, tình quê hương ngổn ngang muôn lối; nhà thơ chớp lấy một cảm giác sai lạc (thố giác), tức cảnh sinh tình, viết nên một bài thơ tuyệt diệu.</li> </ul>
--	--

### Hoạt động 3: Thực hành/Luyện tập

**3.1. Mục tiêu:** HV thực hành viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ theo đúng quy trình bốn bước.

#### 3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV tự nghiên cứu nội dung phần Thực hành viết trong SGK và nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung.</li> <li>- Thảo luận về những bài thơ có cấu tứ và hình ảnh độc đáo để chọn làm đối tượng phân tích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV tự chọn tác phẩm phù hợp.</li> <li>- Sản phẩm: Tác phẩm thơ được lựa chọn để phân tích</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức HV tìm ý và lập dàn ý cho đề bài đã chọn.</li> <li>- Nhận xét, góp ý.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV tự tìm ý và lập dàn ý.</li> <li>- Sản phẩm: Dàn ý của bài viết.</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức HV viết bài theo dàn ý đã có.</li> <li>- Nhận xét góp ý kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.</li> </ul> <p><i>Lưu ý: Tùy theo kế hoạch dạy học bộ môn và nhà trường xây dựng, bài viết có thể được thực hiện ở lớp hoặc ở nhà.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV viết bài</li> <li>- Sản phẩm: bản thảo bài viết.</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả bài:</li> <li>+ Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài</li> <li>+ Nhận xét kết quả bài viết và yêu cầu HV chỉnh sửa bài viết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV chỉnh sửa bài viết.</li> <li>- Sản phẩm:</li> </ul> <p>Bài viết đảm bảo các yêu cầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình thức: Bố cục đảm bảo 3 phần.</li> <li>+ Nội dung: đảm bảo yêu cầu của bài viết ở hoạt động 2.</li> </ul>
---	---

## SAU GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV về nhà hoàn thiện lại bài viết và gợi ý HV luyện viết bài nghị luận về một tác phẩm thơ,... mà em yêu thích.

## D. DẠY NÓI VÀ NGHE

### GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

## TRƯỚC GIỜ HỌC

HV cần chuẩn bị những thông tin về tác phẩm nghệ thuật như: tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,...

## TRÊN LỚP

### Hoạt động 1: Khởi động và xác định nhiệm vụ học tập

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức, trải nghiệm nền; xác định nhiệm vụ học tập.

**1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV tự nghiên cứu nội dung trong SGK và nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung.</li> <li>- Nhật xét, bổ sung.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV suy nghĩ, trình bày.</li> <li>- Sản phẩm:</li> </ul> <p><b>1. Yêu cầu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng với các nhà chuyên môn,...).</li> <li>- Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm.</li> <li>- Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với</li> </ul>

các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại.

- Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

## **2. Chuẩn bị nói**

### **a. Lựa chọn đề tài**

- Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ kết quả của hoạt động viết trước đó, nghĩa là có thể giới thiệu về chính bài thơ mà bạn đã chọn để viết bài phân tích, đánh giá. Cũng có thể giới thiệu về một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác như bài hát (hay bản nhạc), bộ phim, bức tranh, bức tượng...

- Để việc giới thiệu đạt hiệu quả tương tác tốt với người nghe, nên chọn tác phẩm nào từng được nhiều bạn trong lớp quan tâm; đặc biệt, về tác phẩm đó, người giới thiệu có thể tạo cho người nghe cơ hội được thấy, xem, nghe trực tiếp, dù chỉ qua các phiên bản, ảnh chụp hay qua các video clip sưu tầm được.

### **b. Tìm ý và sắp xếp ý**

- Nếu chọn giới thiệu về bài thơ được bàn tới trong bài viết trước đó, cần rút gọn bài viết thành một dàn ý cho bài nói, đánh dấu những ý quan trọng sẽ trình bày, những bằng chứng minh họa sẽ nêu lên và phân tích (có thể điều chỉnh trình tự các ý đã được trình bày trong bài viết, sao cho mạch triển khai của bài nói được thông suốt).

- Nếu chọn giới thiệu về một tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật khác, cần hình thành hệ thống ý dựa trên việc trả lời các câu hỏi như: Tên của tác phẩm là gì? Tác giả là ai? Có thể



	<p>thấy, xem, nghe tác phẩm ở đây? Tác phẩm có đặc điểm gì về nội dung và hình thức? Câu chuyện, vấn đề, thông điệp được nêu hoặc toát ra từ tác phẩm là gì, từng được đón nhận như thế nào và có ý nghĩa ra sao? Tác phẩm đã đóng góp được điều gì cho đời sống nghệ thuật và đời sống tinh thần của cộng đồng?</p> <p>- Toàn bộ những ý có được nhờ trả lời các câu hỏi trên nên được tổ chức theo bố cục: Nhận diện → Tìm hiểu → Đánh giá → Đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận phù hợp.</p> <p><b>3. Thực hành nói</b></p> <p>Bài nói phải đảm bảo kết cấu gồm ba phần với các yêu cầu chính về nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Mở đầu:</b> Nêu tên tác phẩm được giới thiệu và lý do chọn giới thiệu tác phẩm đó.</li> <li>- <b>Triển khai:</b> Miêu tả đặc điểm của tác phẩm (thể loại, tính chất, quy mô, dung lượng,...) và nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm theo các góc độ tiếp cận khác nhau.</li> <li>- <b>Kết luận:</b> Khẳng định giá trị chung và ý nghĩa của tác phẩm.</li> </ul>
--	--

**Hoạt động 2: Thực hành/Giải quyết vấn đề**

**2.1. Mục tiêu:** HV vận dụng các kiến thức đã thực hành nói về một tác phẩm nghệ thuật.

**2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV kiểm tra sự chuẩn bị cho hoạt động nói và nghe theo hướng dẫn trong SGK.</li> <li>- Nêu quy định về thời gian cho một lượt trình bày bài nói.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV đọc lướt nhanh đề cương bài nói đã chuẩn bị ở nhà.</li> <li>- Tham khảo nội dung gợi ý trong mẫu phiếu tự đánh giá và đánh giá về bài nói trong SGK để điều chỉnh bài nói.</li> <li>- Sản phẩm: Bài nói của HV</li> </ul>

- Tổ chức cho HV thực hành nói – nghe - Nhận xét, bổ sung.	- Lắng nghe bạn nói. - Dựa vào nội dung mục Trao đổi và phiếu đánh giá trong SGK để trao đổi với bạn về bài nói. - Sản phẩm: Bài nói đã hoàn thiện.
--	--

### Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

**3.1. Mục tiêu:** HV luyện tập nói về một tác phẩm nghệ thuật.

**3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
- Yêu cầu HV hoàn thiện bài nói theo những góp ý của GV và các bạn. <i>Lưu ý: Hoạt động này HV thực hiện ở nhà.</i>	- HV hoàn thiện bài nói. - Sản phẩm: Bài nói hoàn thiện của HV

## SAU GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV về nhà hoàn thiện lại bài nói và gợi ý HV luyện tập kỹ năng nói.

## SÁCH GIÁO KHOA CÁNH DIỀU

### BÀI 4. VĂN BẢN THÔNG TIN

*Thời gian thực hiện: 11 tiết*

## I. MỤC TIÊU

### 1. Năng lực

#### 1.1. Năng lực ngôn ngữ và văn học

Phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể về đọc, viết, nói và nghe nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt như sau:

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức như bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết,...

- Nhận biết, phân tích và sửa chữa được các lỗi về thành phần câu; từ đó, có ý thức viết câu đúng ngữ pháp.

- Viết được văn bản thuyết minh tổng hợp có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

- Xác định được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói: nhận xét, đánh giá được về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điều cần làm rõ.

## **1.2. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập; lựa chọn được nguồn tài liệu học tập và tiếp nhận thông tin có chủ đích; biết điều chỉnh thái độ, cảm xúc, hành vi của bản thân sau khi rút ra bài học nhận thức từ việc đọc hiểu văn bản.

- Giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: có tư duy độc lập, phát hiện được những tình huống có vấn đề đặt ra trong cuộc sống thông qua bài học; biết phân tích và đề xuất được các giải pháp một cách linh hoạt khi giải quyết vấn đề ấy.

## **2. Phẩm chất**

- Luôn có ý thức chấp hành, làm theo pháp luật; trân trọng giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng Việt.

- Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** máy vi tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ.

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 11 Cánh diều, tập 1; sách bài tập Ngữ văn 11, tập 1.

## **III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

### **A. DẠY HỌC ĐỌC HIỂU**

#### **VĂN BẢN 1. PHẢI COI LUẬT PHÁP NHƯ KHÍ TRỜI ĐỂ THỞ (Theo Lê Quang Dũng)**

### **TRƯỚC GIỜ HỌC**

Căn cứ năng lực, tinh thần chủ động, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ học tập của HV, GV có thể giao nhiệm vụ cho cá nhân/nhóm HV theo các phương án sau:

- Tìm hiểu và thiết lập hồ sơ đọc văn bản thông tin (VBTT) về luật pháp theo các chủ đề: Vai trò, đặc điểm của luật pháp trong cuộc sống, vấn đề tôn trọng, chấp hành luật pháp của thanh niên hiện nay.

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn (SGK tr102) để hoàn thành phiếu học tập sau:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  
**(Tìm hiểu về các thành tố của VBTT)**

Họ và tên:.....

Lớp: .....

TT	Thành tố	Đặc điểm
1	Nhan đề	..... .....
2	Bố cục, cách trình bày	..... .....
3	Thái độ, quan điểm của người viết	..... .....

## TRÊN LỚP

### Hoạt động 1. Khởi động và xác định nhiệm vụ học tập

**1.1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập, thu hút sự chú ý của HV vào bài học, huy động kiến thức nền và trải nghiệm của HV, xác định vấn đề học tập.

**1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

**Hoạt động của GV:** GV chiếu một số VB về pháp luật (bao gồm: tên, xuất xứ, cấu trúc), yêu cầu HV dự đoán nội dung của VB:

- Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội – Đ.D (t.h) Nguồn: baodaknong.org.vn

<https://baoquankhu7.vn/vai-tro-cua-phap-luat-trong-doi-song-xa-hoi-748705312-006322s38410gs>

- Thực trạng, giải pháp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của thanh, thiếu niên trong giai đoạn hiện nay – TS. Dương Xuân Khiêm.

<https://hcmussh.edu.vn/news/item/15402>

**Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:** HV căn cứ tên văn bản, xuất xứ văn bản, hệ thống đề mục, từ khoá trong văn bản,... để xác định nội dung chính và cấu trúc của văn bản:

- Văn bản 1: Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội: *Pháp luật không chỉ là một công cụ quản lý nhà nước hữu hiệu, mà còn tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của ý thức đạo đức, làm lành mạnh hóa đời sống xã hội và góp phần bồi đắp nên những giá trị mới; tạo môi trường thuận lợi cho sự hình thành và phát triển ý thức đạo đức; hệ thống pháp luật phục vụ cho việc thực thi các lợi ích cơ bản của con người, đặc biệt là lợi ích của người lao động.*

- Văn bản 2: Thực trạng (*xu hướng thiết lập các mối quan hệ qua mạng xã hội ngày càng tăng, tình hình vi phạm pháp luật trong thanh niên còn nhiều diễn biến phức tạp*) và giải pháp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của thanh,

thiếu niên trong giai đoạn hiện nay (*kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực, mở rộng lực lượng phổ biến, giáo dục pháp luật, ăng cường công tác chỉ đạo của tổ chức Đoàn, hội, đội các cấp về phổ biến, giáo dục pháp luật, xây dựng nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với thanh, thiếu niên, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật đối với thanh niên, tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua việc nêu gương điển hình người tốt, việc tốt, ăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù, có nguy cơ cao, nhóm đối tượng đặc thù như thanh niên dân tộc thiểu số, người dân ở vùng ngoại ô, ven biển, ngư dân; người lao động, người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp; nạn nhân bạo lực gia đình*).

## **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức như bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết; phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết.

### **2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

**Hoạt động của GV:** GV giao nhiệm vụ cho cá nhân/nhóm HV

Nhóm 1: Đọc và tìm hiểu nội dung chính của văn bản thể hiện qua nhan đề, sa pô, xuất xứ, bố cục văn bản.

Nhóm 2: Đọc và tìm hiểu mục đích, quan điểm, thái độ của tác giả thể hiện trong VB.

**Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:** HV đọc văn bản, thực hiện nhiệm vụ GV giao

#### **Nhóm 1:**

**\* Nội dung chính của văn bản:** Văn bản viết về hiện tượng vi phạm pháp luật, coi nhẹ pháp luật của người Việt. Đây là 1 trong những hạn chế và điểm yếu của người Việt. Qua đó góp phần giáo dục thế hệ trẻ tăng cường ý thức và hành vi tôn trọng luật pháp trong rất nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Đây là một vấn đề gần gũi, cần thiết trong cuộc sống.

- Nhan đề “*Phải coi luật pháp như khí trời để thở*”: Cách ví von cho thấy tầm quan trọng của việc chấp hành pháp luật như nhu cầu sinh tồn chính đáng, tất yếu của con người, giống như khí trời để thở, như nước uống hàng ngày.

- Sa pô: nội dung in đậm “**Năm 1996, tôi làm đốc công kiêm phiên dịch cho một công ti sửa chữa tàu biển và giàn khoan ở Vũng Tàu. Một sự cố hù hồn làm tôi nhớ mãi. Lần ấy, chúng tôi làm việc trên giàn khoan ÊKHABI**

ở mở **Bạch Hồ**”, nằm ngay dưới tiêu đề có vai trò mở đầu, khơi mở vấn đề, tóm tắt nội dung bài viết.

- Xuất xứ: Sách *Người Việt: Phẩm chất và thói hư tật xấu*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2009 gợi ý người đọc dự đoán nội dung chính của văn bản.

- Bố cục: văn bản được trình bày thành các đề mục lớn, rõ ràng, trình bày vấn đề theo cách lần lượt nêu lên các hiện tượng vi phạm pháp luật của người Việt rất cụ thể, sinh động và hậu quả của sự vi phạm đó. Cụ thể:

<b>Mục</b>	<b>Nội dung</b>
+ <b>Từ chuyện an toàn lao động</b>	Kể 2 câu chuyện về tai nạn lao động ở mỏ Bạch Hồ mà tác giả biết được, từ đó đưa ra đánh giá, nhận xét cá nhân và từ một kĩ sư người Nga.
+ <b>Đến tai nạn giao thông</b>	Kể về một vụ tai nạn giao thông mà tác giả thấy trong một lần về quê thăm bạn. Tác giả đưa ra số liệu các vụ tai nạn giao thông và rút ra ý kiến cá nhân.
+ <b>Và trò đùa tai hại</b>	Kể về trò đùa tai hại của một người khiến chuyên bay bị ảnh hưởng. Từ đó đặt các vấn đề về đạo đức, văn hóa ứng xử và pháp luật.
+ <b>Phải coi pháp luật quan trọng như khí trời để thở</b>	Tác giả kể về câu chuyện của giáo sư Phan Ngọc để từ đó rút ra kết luận về tầm quan trọng của pháp luật.

- Cách trình bày thông tin:

+ Nêu thông tin bằng cách kể chuyện, tăng tính khách quan, tính xác thực, thu hút sự chú ý của người đọc.

+ Kết hợp số liệu: tăng tính chính xác, khoa học, tăng độ tin cậy cho thông tin được đưa ra, thu hút người đọc.

**Nhóm 2:**

\* Mục đích của tác giả: Làm cho người đọc thấy được tầm quan trọng của pháp luật và từ đó nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của người đọc.

\* Quan điểm của tác giả: Tác giả phê phán nghiêm túc với các hành vi vi phạm pháp luật và khẩn thiết kêu gọi mọi người chấp hành luật pháp.

\* Thái độ của tác giả thể hiện trực tiếp qua từ ngữ trong VB: “*Hãy thử tưởng tượng... khủng khiếp biết chừng nào*”: phê phán nghiêm túc với các hành vi vi phạm pháp luật và khẩn thiết kêu gọi mọi người chấp hành luật pháp.

### **Hoạt động 3. Luyện tập, vận dụng**

**3.1. Mục tiêu:** Giúp HV luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức về VBTT đã học để nhận diện, xác định cách ứng xử, hành động cụ thể trong các tình huống liên quan đến pháp luật (ví dụ: an toàn giao thông, bạo lực học đường, ứng xử trên môi trường mạng,...)

#### **3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

##### **Hoạt động của GV:**

- GV yêu cầu HV thảo luận/ trình bày quan điểm cá nhân giải thích vì sao cần “*phải coi luật pháp như khí trời để thở*”.

+ Pháp luật được hiểu là một hệ thống các quy tắc xử sự chung được Nhà nước đề ra và mang tính bắt buộc thực hiện với mọi cá nhân trong xã hội.

+ Pháp luật là một phương thức hữu hiệu để định hướng và phân phối sự phát triển của các quan hệ xã hội.

+ Mọi chủ trương cải cách, đổi mới nếu không có pháp luật đảm bảo thì khó có thể thành công.

- GV nêu một số tình huống để HV nhận diện, đánh giá và lựa chọn cách ứng xử, hành động cụ thể:

(a) Hiện nay, có nhiều học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông đi xe máy có dung tích xi lanh từ 50cm<sup>3</sup> trở lên.

(b) HV chia sẻ, phát tán, đăng tải thông tin cá nhân của người khác trên mạng xã hội khi chưa được sự đồng ý.

**Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:** HV nhận diện được đó là hành vi vi phạm pháp luật, từ đó có ý thức tìm hiểu và thực thi các quy định hiện hành của pháp luật về vấn đề an toàn giao thông, an ninh mạng.

Trường hợp a: vi phạm theo quy định về độ tuổi lái xe tại khoản 1 Điều 60 Luật Giao thông đường bộ 2008. Do đó, học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông đi xe máy có dung tích xi lanh dưới 50cm<sup>3</sup>.

Trường hợp b: vi phạm theo quy định về phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật tại điểm a Khoản 1 Điều 18 Luật an ninh mạng 2018. Người vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, HV không được chia sẻ, phát tán, đăng tải thông tin cá nhân của người khác trên mạng xã hội khi chưa được sự đồng ý.

#### **SAU GIỜ HỌC**

GV có thể hướng dẫn HV tìm đọc thêm một số VBTT để hiểu thêm về luật pháp, vai trò của pháp luật trong đời sống và việc thực thi pháp luật của thanh thiếu niên hiện nay.

## Văn bản 2: TẠ QUANG BỬU - NGƯỜI THẦY THÔNG THÁI (Hàm Châu)

### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV sưu tầm, tổng hợp hồ sơ đọc về Giáo sư Tạ Quang Bửu hoặc về một nhân vật lịch sử, một con người cụ thể có phẩm chất tốt đẹp mà HV biết.

### TRÊN LỚP

#### Hoạt động 1: Khởi động

**1.1. Mục tiêu:** Khởi gợi cảm xúc, kích hoạt kiến thức nền của HV trước khi bắt đầu đọc hiểu VB.

**1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức thực hiện**

- **Hoạt động của GV:** GV sưu tầm và chuẩn bị một số slide/ tranh ảnh minh hoạ/ câu chuyện về một số người thầy nổi tiếng và hướng dẫn HV chơi trò chơi: Ai là ai?

- **Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:** HV nhìn slide/ tranh/ảnh và nghe các câu chuyện để ghép được với tên của người thầy tương ứng:

<b>Thông tin</b>	- 1726-1784 - Nhà bác học lớn của Việt Nam thời phong kiến - Người có đầu óc thông tuệ, vốn sống lịch lãm, nghị lực phi thường nhưng tự nhận mình là người “nông cạn” (Tựa Kiến văn tiểu lục) - Tác giả: Đại Việt thông sử, Vân Đài loại ngữ,...	- Nhà giáo, thầy thuốc, quan viên Đại Việt cuối thời Trần, danh nhân văn hoá thế giới. - Ông tổ của các nhà Nho nước Việt (Đại Việt sử ký toàn thư). - Quan điểm giáo dục của ông có những giá trị tiên bộ vượt thời đại.	- Nhà cách mạng, chính khách. - Anh hùng văn hoá dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất, chiến sỹ cách mạng kiên cường, vị lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân Việt Nam.
<b>Nhân vật</b>	Nhà bác học Lê Quý Đôn	Người thầy Chu Văn An	Chủ tịch Hồ Chí Minh

#### Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV đọc hiểu và nhận biết được đặc điểm của VBTT qua văn bản.

**2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**



- **Hoạt động của GV:** GV hướng dẫn HV đọc VB và trả lời cá nhân: Nội dung chính của VB? Cấu trúc của VB gồm mấy phần? Đặc điểm của VBTT thể hiện qua VB này qua các yếu tố nào?

Sau đó, GV chia HV thành 02 nhóm tìm hiểu nội dung, hình thức phần 1, phần 2 của VB.

- **Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:**

+ **HV đọc VB và trả lời cá nhân:**

\* **Nội dung chính:** Văn bản "Tạ Quang Bửu - người thầy thông thái" viết về phong cách, lối sống, quan điểm sống của Tạ Quang Bửu. Qua đó làm nổi bật lên con người tài năng và những bài học giá trị mà giáo sư Tạ Quang Bửu để lại đến ngày nay.

\* Đặc điểm VBTT thể hiện qua VB: Nhan đề, xuất xứ, cấu trúc 02 phần, chữ in nghiêng, số liệu, minh chứng, chú thích.

**Đại diện 02 nhóm trình bày sản phẩm trên Ao:**

*Nhóm 1: Phần 1: Nói về nghệ thuật sống và lối sống của Tạ Quang Bửu*



- Nhận định của mọi người về Tạ Quang Bửu. Các lĩnh vực mà Giáo sư Bửu hiểu biết:

+ Toán học.

+ Thể thao.

+ Âm nhạc, hội họa, kiến trúc.

+ Ngoại ngữ: Giáo sư Bửu học ba tháng đã đọc được tiếng Nga sau đó dịch ngay ra tiếng Pháp. Giáo sư đọc hẵn tiếng Ba Lan và thuyết trình cho mọi người về nghiên cứu toán cho thầy giáo dạy toán ở các trường đại học Hà Nội. Giáo sư giúp Bác soạn những bức công hàm gửi nước ngoài bằng Tiếng Anh.

+ Chữ Hán: Tạ Quang Bửu tìm học chữ Hán vì ông muốn hiểu sâu sắc về văn hóa Việt Nam và phương Đông.

+ Đọc sách: Giáo sư Lê Văn Thiêm kính ngạc vì thấy Tạ Quang Bửu dù bận rộn với công việc vẫn dành ra thời gian để đọc sách.

- Việc dẫn ra ý kiến của Chom-xki có ý nghĩa khẳng định ông Tạ Quang Bửu là một người thông minh. Sự thông minh của ông được cả người ngoại quốc khẳng định.

- Tác giả Hàm Châu đã nêu lên những nhân vật liên quan đến Tạ Quang Bửu. Đặc điểm chung họ đều là người có học thức, tài cao, biết nhìn xa trông rộng:

+ Nô-am Chom-xki - nhà Ngôn ngữ - Toán học, được tạp chí Mỹ Newsweek vinh danh là "một trong những nhà bác học lớn nhất của thế kỉ XX".

+ Người từng công tác cùng đơn vị với Tạ Quang Bửu - ông Nguyễn Xuân Huy.

+ Nhà toán học người Nga - Mi-ku-xin-xki.

+ Nhà hoạt động chính trị gia Nguyễn Xiển, ông còn là người thầy dạy Toán kì cựu.

+ Tiên sĩ Toán học đầu tiên của Việt Nam - Giáo sư Lê Văn Thiêm. Ông còn là một trong số các nhà khoa học tiêu biểu nhất của Việt Nam thế kỷ XX.

+ Giáo sư, Tiên sĩ khoa học Phan Đình Diêu.

***- Nhóm 2: Phần 2: Những giá trị tốt đẹp được gìn giữ và phát huy đến tận ngày nay của Tạ Quang Bửu***

***Những giá trị tốt đẹp được gìn giữ và phát huy đến tận ngày nay của Giáo sư Tạ Quang Bửu***

nhà thông thái, sống hết mình, đẹp một cuộc đời, đẹp một con người và nhận được yêu quý, kính trọng của nhiều người

+ Đoạn thơ dẫn ra trong phần cuối có tác dụng thể hiện sự tôn trọng, cũng như một lần nữa khẳng định Tạ Quang Bửu là một nhà thông thái, sống hết mình và nhận được yêu quý, kính trọng của nhiều người.

\* ***Cách trình bày văn bản:*** Văn bản tập trung làm sáng tỏ vấn đề Giáo sư Tạ Quang Bửu là một người tài giỏi, thông thái. Tác giả triển khai bài viết bằng cách liệt kê những câu chuyện có liên quan đến Tạ Quang Bửu. Đó là những hồi tưởng, những câu chuyện và đánh giá của người khác về ông làm căn cứ chứng minh vấn đề.

Việc trích dẫn ý kiến của nhiều nhân vật giúp cho người đọc có cái nhìn đa chiều về vấn đề được đề cập. Nhằm tăng tính khách quan, thuyết phục người đọc tin vào vấn đề mà tác giả đề cập đến.

**\* Thái độ, tình cảm của người viết với Giáo sư Tạ Quang Bửu:** tôn kính những giá trị tốt đẹp và những thành tựu mà Giáo sư tạo ra. Đồng thời thể hiện niềm tiếc thương vô bờ bến với sự ra đi của Giáo sư Tạ Quang Bửu thể hiện trực tiếp qua từ ngữ trong VB:

- “nhà thông thái của chúng ta...”: tác giả gọi Tạ Quang Bửu là nhà thông thái thể hiện sự kính trọng của ông với bậc hiền tài.

- “Giáo sư Tạ Quang Bửu đột ngột ngừng làm việc”: Tác giả sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh bằng từ “ngừng làm việc” thay cho từ “đô bệnh”.

- GV yêu cầu các thành viên của 02 nhóm nhận xét, bổ sung ý kiến đối với sản phẩm của 02 nhóm; GV đánh giá, nhận xét và kết luận về các nội dung cần ghi nhớ.

### **Hoạt động 3. Luyện tập, vận dụng**

**3.1. Mục tiêu:** Giúp HV luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức về VB đã học để trình bày/ viết một đoạn văn về suy nghĩ, cảm nhận và bài học đối với cá nhân.

#### **3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

- **Hoạt động của GV:** GV giao nhiệm vụ cho HV

- **Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:** HV trình bày/ viết đoạn văn thể hiện cảm nhận/ bài học của bản thân sau khi đọc VB hoặc GV yêu cầu HV trình bày/ viết về một phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam.

+ Văn bản đem lại thông tin bổ ích và suy nghĩ tích cực, nhận thức đúng đắn về lối sống, cống hiến và làm việc của Giáo sư Tạ Quang Bửu. Ông không ngừng nỗ lực, dốc toàn tâm toàn lực của mình để tạo ra những bài học, những giá trị thiêng liêng cho muôn đời sau. Từ đó, HV rút ra được nhiều bài học quý giá trong cuộc sống như phương pháp học tập và làm việc có hiệu quả, sống có ích với cuộc đời. Để có thể gìn giữ và phát huy giá trị thiêng liêng đó, HV cần cố gắng học hỏi và rèn luyện, luôn trang bị cho mình ý chí vững vàng, để khó khăn không thể cản bước thành công.

+ HV trình bày/ viết về một phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam như yêu nước, liêm khiết, trung thực, cần cù chăm chỉ, tinh thần đoàn kết tốt, kỉ luật tốt, ham học hỏi,...

### **SAU GIỜ HỌC**

GV có thể yêu cầu HV tìm hiểu, tổng hợp hồ sơ đọc về tác giả Hàm Châu.

## Văn bản 3. TIẾNG VIỆT LỚP TRẺ BẦY GIỜ

(Phạm Văn Tình)

### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV đọc trước bản, tìm hiểu các VB viết về Tiếng Việt (nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, các đặc điểm cơ bản của tiếng Việt) và việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

### TRÊN LỚP

#### Hoạt động 1: Khởi động

**1.1. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, hào hứng khi vào bài mới.

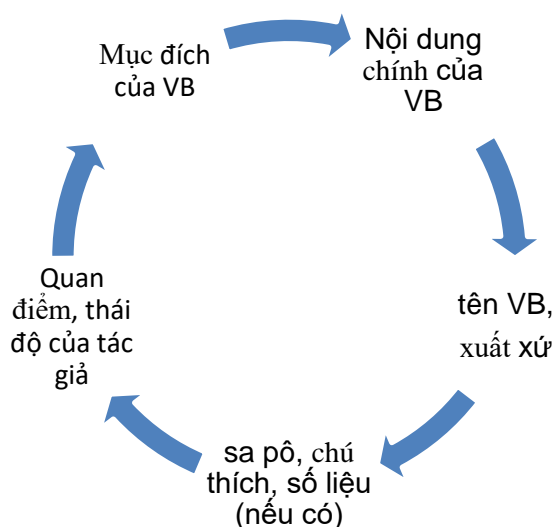
**1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV khơi gợi để HV trình bày sản phẩm đã sưu tầm, hệ thống được về tiếng Việt.</li><li>- GV nhận xét, bổ sung về các phương án trả lời của HV, giới thiệu nội dung bài học.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Suy nghĩ và trình bày.</li><li>- Sản phẩm: Văn bản <i>Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt</i> trong SGK Ngữ văn 12.</li><li>+ Hội thảo khoa học Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng</li></ul>

#### Hoạt động 2: Giao nhiệm vụ

**2.1. Mục tiêu:** HV nhận biết được những đặc điểm của VBTT thông qua VB.

**2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:** GV yêu cầu HV đọc VB và trình bày được các nội dung sau theo hình thức sơ đồ hoá:



Đại diện HV trình bày sản phẩm, sau đó GV yêu cầu các HV khác nhận xét, bổ sung. GV kết luận các nội dung cơ bản:

## HỘP THÔNG TIN

\* **Nội dung chính:** Văn bản cung cấp những thông tin về thực trạng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt của một bộ phận không nhỏ giới trẻ hiện nay. Họ đang không ngừng tạo ra những ngôn ngữ mới để thỏa mãn sự vui thích nhất thời nhưng có thể gây ảnh hưởng tới người khác, gây ra sự hỗn loạn cho người sử dụng.

\* **Sa pô:** Thể hiện thái độ bất bình, khó chịu với lối nói, lối viết của giới trẻ hiện nay.

\* **Tiểu mục:** Từ việc phá vỡ các chuẩn mực chính tả ... đến thay đổi và lệch chuẩn ngôn từ. Tiểu mục được cấu trúc là một câu văn nhưng được tách ra làm hai vế để ngăn cách hai đoạn mang hai nội dung tương ứng.

\* **Trích dẫn:** Trích dẫn bài viết của Giâu để chứng minh cho vấn đề tác giả đang đề cập đến, đó là một bộ phận giới trẻ đang phá vỡ các chuẩn mực chính tả.

\* **Tranh minh họa:** nêu cao khẩu hiệu "giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt" nhưng chính chữ viết khẩu hiệu lại bị viết tắt, viết sai. Ý nghĩa tranh minh họa liên quan đến nội dung của bài viết: Giới trẻ đang phá vỡ chuẩn mực chính tả.

\* **Cách trình bày:** gồm 4 phần:

+ Phần 1: đoạn sa pô (đặt ra vấn đề và khái quát nội dung chính).

+ Phần 2: từ việc phá vỡ các chuẩn mực chính tả (chỉ ra những biểu hiện của hành động viết tắt, viết phá cách, viết sai chính tả của giới trẻ).

+ Phần 3: tiếp đến thay đổi lệch chuẩn ngôn từ (việc sáng tạo ra những ngôn ngữ lệch chuẩn của giới trẻ).

+ Phần 4: Quan niệm về sáng tạo ngôn ngữ. Trên cơ sở phân biệt “đa dạng” và “hỗn tạp” (Đa dạng là sự phong phú của nhiều cá thể khác nhau trong một tập thể. Hỗn tạp là không thuần nhất, gồm có nhiều thứ rất khác nhau lẫn lộn vào với nhau), tác giả đã xác định các loại sáng tạo “lệch chuẩn” ngôn từ, bao gồm:

+ Sáng tạo ra nhiều kiểu nói, dựa trên hiện tượng đồng âm nói từ: a-kay với chim cú -) cay cú...

+ Sử dụng “tiếng lóng”

+ Sử dụng teencode.

+ Kết hợp “teencode” và “tiếng lóng” tạo ra ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chung. Đây là điều đáng nói vì cách nói này là do tự sáng tạo theo ý thích của nhiều nhóm học đường tạo nên teencode khác nhau. Mỗi nhóm một kiểu

không giống với ngôn ngữ toàn dân. Nó gây ra nhiều sự hỗn loạn khó kiểm soát.

\* **Quan niệm của người viết:** Chuyện giới trẻ tạo ra một số từ ngữ, một số cách nói riêng cũng là bình thường, có lợi cho sự sáng tạo của giới trẻ.

\* **Thái độ của người viết** thể hiện trong văn bản được thể hiện qua một số từ ngữ sau:

+ “thâu tóm” => thể hiện thái độ mỉa mai

+ “cậu ấm cô chiêu” => tác giả muốn nói kháy những bạn trẻ đang sáng tạo ra những ngôn ngữ lệch chuẩn tự cho mình là giỏi

+ Tiếng Việt của giới trẻ đang là một Tiếng Việt rất đa dạng, nếu không nói là hỗn tạp” => tác giả đang muốn nói rằng việc sử dụng những từ ngữ sáng tạo do các bạn trẻ sáng tạo ra gây lên sự hỗn tạp trong Tiếng Việt, nhắc nhở người sử dụng cần phải cân nhắc.

+ “một trò chơi nhất thời” => ngôn ngữ của giới trẻ chỉ được coi là một trò chơi sử dụng một thời gian rồi sẽ mất đi không có giá trị.

\* **Ý nghĩa của VB:** nhắc nhở, cảnh tỉnh những bộ phận giới trẻ đang sáng tạo, sử dụng những ngôn ngữ cho riêng mình mà quên việc học tập trau dồi, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

+ “quên mất việc học tập và trau dồi tiếng mẹ đẻ” => nhiều bạn trẻ mãi mê sáng tạo ngôn ngữ riêng mà quên đi việc cần phải học và trau dồi tiếng mẹ đẻ, tác giả phê bình việc làm gây ảnh hưởng tiêu cực tới xã hội.

### **Hoạt động 3. Luyện tập, vận dụng**

**3.1. Mục tiêu:** HV vận dụng năng lực ngôn ngữ để trình bày/ viết đoạn văn lí giải vì sao phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

#### **3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

- **Hoạt động của GV:** GV giao nhiệm vụ cho HV trình bày/ viết đoạn văn lí giải vì sao phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- **Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:** HV trình bày được một số nội dung cơ bản: Tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ, là một thứ tiếng vô cùng trong sáng và giàu đẹp của dân tộc Việt Nam. Thanh niên nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung phải có trách nhiệm gìn giữ sự trong sáng của thứ tiếng cao quý ấy. Cần tích cực nâng cao nhận thức, tuyên truyền và hành động thiết thực để gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

### **SAU GIỜ HỌC**

GV hướng dẫn HV thực hành củng cố và nâng cao qua việc làm các bài tập tiếng Việt trong Sách Bài tập Ngữ văn 11, tập 1.

## B. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

### LỖI VỀ THÀNH PHẦN CÂU VÀ CÁCH SỬA

#### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn 02 nhóm HV đọc hiểu phần Kiến thức Ngữ

văn (SGK tr.102) và hoàn thiện 2 phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:  
 Một số lỗi về câu thường gặp

TT	Câu	Đặc điểm
1	Câu thiếu CN	..... ..... ..... .....
2	Câu thiếu VN	..... ..... ..... .....
3	Câu thiếu CN và VN	..... ..... ..... .....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:  
 Phát hiện và sửa lỗi về thành phần câu

Bước 1: Phát hiện  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

←—————→  
 ↓—————→

Bước 2: Tìm biện pháp sửa lỗi  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

#### TRÊN LỚP

##### Hoạt động 1. Xác định vấn đề/ Giao nhiệm vụ

**1.1. Mục tiêu:** Giúp HV củng cố, hệ thống vận dụng những kiến thức Ngữ văn đã được trang bị về lỗi thành phần câu.

##### 1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức thực hiện

- **Hoạt động của GV:** GV giao nhiệm vụ để HV làm việc cá nhân, yêu cầu đại diện HV trình bày, các HV khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

- **Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:** HV chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ GV giao.

##### Hoạt động 2. Giải quyết vấn đề/ Thực hiện nhiệm vụ

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV vận dụng những kiến thức Ngữ văn đã được trang bị để nhận diện, phát hiện, tìm hiểu nguyên nhân các lỗi thường gặp về thành phần câu và biết cách sửa lỗi.

**2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức thực hiện**

- **Hoạt động của GV:** GV quan sát HV thực hiện nhiệm vụ, giải thích, hỗ trợ nếu có HV gặp khó khăn, nhắc nhở, khuyến khích sự tích cực của HV khi thực hiện nhiệm vụ.

- **Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:**

**3. Hoạt động 3: Củng cố, mở rộng**

**3.1. Mục tiêu:** HV chủ động phát hiện các trường hợp mắc lỗi về thành phần câu, nhận diện, biết cách sửa lỗi về thành phần câu.

**3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

**Hoạt động của GV:** GV định hướng, gợi ý để HV tìm kiếm, phát hiện, hệ thống các trường hợp mắc lỗi về thành phần câu, chủ động phân tích nhận diện, và đề xuất phương án sửa lỗi về thành phần câu.

**Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt**

## C. DẠY VIẾT

### VIẾT BÀI THUYẾT MINH TỔNG HỢP

#### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV hướng dẫn HV chuẩn bị: Đọc lại phần Kiến thức Ngữ văn trong SGK để hệ thống những kiến thức về văn bản thông tin, đặc biệt là loại văn bản thuyết minh tổng hợp.

#### TRÊN LỚP

**Hoạt động 1: Khởi động**

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức, trải nghiệm nền; xác định nhiệm vụ học tập.

**1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt</b>
- Yêu cầu HV: Hồi tưởng, hệ thống kiến thức về văn bản thông tin, văn bản thuyết minh tổng hợp. - Bổ sung và chốt lại.	- HV suy nghĩ, trình bày. - Sản phẩm: Nội dung kiến thức về văn bản thông tin ở phần Kiến thức Ngữ văn.



## Hoạt động 2: Phân tích văn bản mẫu

**2.1. Mục tiêu:** Giúp HV nhận biết được những đặc điểm, yêu cầu cơ bản của việc viết văn bản thuyết minh tổng hợp qua việc xem xét, tìm hiểu, phân tích văn bản mẫu.

### 2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

- **Hoạt động của GV:** GV hướng dẫn HV xem xét, phân tích các văn bản mẫu ở phần đọc hiểu: Phải coi luật pháp như khi trời đổ thờ”, Tạ Quang Bửu – “Người thầy thông thái”, “Tiếng Việt lớp trẻ bây giờ” (Chú ý xác định các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh,...)

- **Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt:** HV xác định được các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh,... trong văn bản, ví dụ, trong văn bản Phải coi luật pháp như khi trời đổ thờ, có sự kết hợp các yếu tố sau:

Yếu tố	Ví dụ
Tự sự	- “Sáng hôm đó, giờ giải lao, một nhóm công nhân vào phòng ở của họ hút thuốc.” - “Năm ngoái có dịp về quê, ghé thăm người bạn cũ, tôi được nghe một chuyện đau lòng.”
Miêu tả	- Vừa mở cửa, khỏi trong phòng mù mịt, lửa cháy mấy bộ quần áo bảo hộ lao động để dưới sàn nhà và leo lên cả chăn nệm của cái giường tầng dưới.” - “Hai công nhân Việt Nam áo quần ướt sũng, mặt xanh như tàu lá ...”
Nghị luận	- “Thử hỏi nếu những hành khách kia thực sự có văn hoá, hiểu biết luật pháp và việc xử phạt của nhà nước nghiêm minh thì có ai dám đùa theo kiểu đó?”
Thuyết minh	- Việt Nam là một trong những nước có số vụ tai nạn giao thông nhiều nhất thế giới. 276 873 vụ tai nạn giao thông làm 113 754 người chết và 296 592 người bị thương tật trong 15 năm gần đây (1990 – 2005). Chỉ tính riêng năm 2005 có tới 12 048 người chết.”
Biểu cảm	- “Hãy thử tưởng tượng, mỗi năm tai nạn giao thông xoá số dân số của hai xã cổ trung bình thì mới thấy nó khủng khiếp biết chừng nào!”

### Hoạt động 3: Thực hành viết

**3.1. Mục tiêu:** HV thực hành viết văn bản thuyết minh tổng hợp theo đúng quy trình bốn bước.

**3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức:** GV hướng dẫn HV xác định đề tài cho bài viết; xem xét cách thức triển khai, trình bày nội dung thông tin cho phù hợp và có hiệu quả; suy nghĩ cách kết hợp hợp lý các yếu tố (miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận; kênh chữ, kênh hình) trong bài viết lí, tìm hiểu nội dung các yêu cầu thực hành viết qua bốn bước:

Quy trình	Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
Bước 1	- Yêu cầu HV tự nghiên cứu nội dung phần Thực hành viết trong SGK và nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung. - Thảo luận.	- HV tự chọn tác phẩm phù hợp. - Sản phẩm: Tác phẩm thơ được lựa chọn để phân tích
Bước 2	- Tổ chức HV tìm ý và lập dàn ý cho đề bài đã chọn. - Nhận xét, góp ý.	- HV tự tìm ý và lập dàn ý. - Sản phẩm: Dàn ý của bài viết.
Bước 3	- Tổ chức HV viết bài theo dàn ý đã có. - Nhận xét góp ý kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức. <i>Lưu ý: Tùy theo kế hoạch dạy học bộ môn và nhà trường xây dựng, bài viết có thể được thực hiện ở lớp hoặc ở nhà.</i>	- HV viết bài - Sản phẩm: bản thảo bài viết.
Bước 4	- Trả bài: + Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài + Nhận xét kết quả bài viết và yêu cầu HV chỉnh sửa bài viết	- HV chỉnh sửa bài viết. - Sản phẩm: Bài viết đảm bảo các yêu cầu như sau: + Hình thức: Bố cục đảm bảo 3 phần. + Nội dung: đảm bảo yêu cầu của bài viết ở hoạt động 2.

**Ví dụ:** HV lựa chọn viết bài thuyết minh tổng hợp giới thiệu về phẩm chất tiêu biểu của con người Việt Nam.

Khi **chuẩn bị**, HV cần xác định rõ:

- Trọng tâm bài viết là giới thiệu về phẩm chất tiêu biểu của con người Việt Nam; kiểu văn bản chính là thuyết minh tổng hợp.
- Kiểu văn bản chính: thuyết minh tổng hợp.
- Phạm vi dẫn chứng: dẫn chứng thực tế, kiến thức lịch sử và thơ văn liên quan.

Trên cơ sở đó, HV xem lại phần Kiến thức Ngữ văn và phần Đọc hiểu các văn bản thông tin tổng hợp trong Bài 4; đọc kỹ các nội dung nêu ở mục 1. Định hướng; tìm các tư liệu liên quan đến đề tài đã xác định (các bài viết, tranh, ảnh và thông tin, những câu chuyện về phẩm chất con người Việt Nam....)

Khi **tìm ý và lập dàn ý**, HV đặt và trả lời các câu hỏi sau:

- + Người Việt Nam có những phẩm chất tiêu biểu nào?
- + Phẩm chất truyền thống và những phẩm chất mới là gì?
- + Những biểu hiện cụ thể về phẩm chất của con người Việt Nam?
- + Nguồn gốc, vai trò, ý nghĩa của phẩm chất người Việt trong cuộc sống và lịch sử dân tộc?

Sau đó, HV lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

Mở bài	Nêu khái quát vấn đề: giới thiệu một số phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam.
Thân bài	+ Nêu một số phẩm chất tiêu biểu của con người Việt Nam: giàu lòng nhân ái; dũng cảm, bất khuất; cần cù, sáng tạo; lạc quan, yêu đời..... + Phân tích các phẩm chất ấy qua các ví dụ cụ thể (con người, sự việc, suy nghĩ, hành động...) trong chiến đấu, lao động, học tập và nghiên cứu khoa học,.... + Phân tích và lí giải nguồn gốc của các phẩm chất cao đẹp, chỉ ra sự kế thừa và phát triển về phẩm chất của người Việt ngày nay. + Phát biểu những suy nghĩ của em về phẩm chất của người Việt Nam.
Kết bài	Nêu khái quát về vai trò, ý nghĩa các phẩm chất của con người Việt Nam trong cuộc sống ngày nay và trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc.

Sau đó, HV dựa vào dàn ý để viết bài thuyết minh giới thiệu một số phẩm chất con người Việt Nam. Trong khi viết, chú ý kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận, kênh chữ, kênh hình,...

### SAU GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV về nhà hoàn thiện lại bài viết và gợi ý HV luyện viết VB thuyết minh tổng hợp về 1 vấn đề mà em quan tâm/ yêu thích.

## D. DẠY NÓI VÀ NGHE NGHE BÀI THUYẾT MINH TỔNG HỢP

### TRƯỚC GIỜ HỌC

GV yêu cầu HV xem xét các bài thuyết minh tổng hợp đã viết, xác định rõ các yêu cầu để rèn luyện kỹ năng nghe nội dung bài thuyết minh tổng hợp:

- (1) Xác định được nội dung thuyết minh và quan điểm của người nói.
- (2) Nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết minh
- (3) Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

GV lưu ý HV một số vấn đề để nghe hiệu quả:

- Tập trung chú ý khi người nói trình bày, ghi lại các nội dung chính, chú ý cách thức và kỹ thuật trình bày của người nói
- Nêu câu hỏi về đề tài được nghe/ những điểm người nói nêu chưa rõ.

### TRÊN LỚP

#### Hoạt động 1: Khởi động, nêu vấn đề

**1.1. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức, trải nghiệm nền; xác định nhiệm vụ học tập.

#### 1.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

HV cần chuẩn bị tâm thế, lựa chọn nội dung bài viết thuyết minh tổng hợp đã chuẩn bị, xác định cách trình bày VB/ thuyết trình trước lớp.

#### Hoạt động 2: Thực hành/Giải quyết vấn đề

**2.1. Mục tiêu:** HV vận dụng các kiến thức đã thực hành nói và nghe văn bản thuyết minh tổng hợp

#### 2.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HV kiểm tra sự chuẩn bị cho hoạt động nói và nghe theo hướng dẫn trong SGK.</li> <li>- Nêu quy định về thời gian cho một lượt trình bày bài nói.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HV đọc lướt nhanh đề cương bài nói đã chuẩn bị.</li> <li>- Tham khảo nội dung gợi ý trong mẫu phiếu tự đánh giá và đánh giá về bài nói trong SGK để điều chỉnh bài nói.</li> </ul>

	- Sản phẩm: Bài nói của HV
- Tổ chức cho HV thực hành nói – nghe - Nhận xét, bổ sung.	- Lắng nghe bạn nói. - Dựa vào nội dung mục Trao đổi và phiếu đánh giá trong SGK để trao đổi với bạn về bài nói. - Sản phẩm: Bài nói đã hoàn thiện.

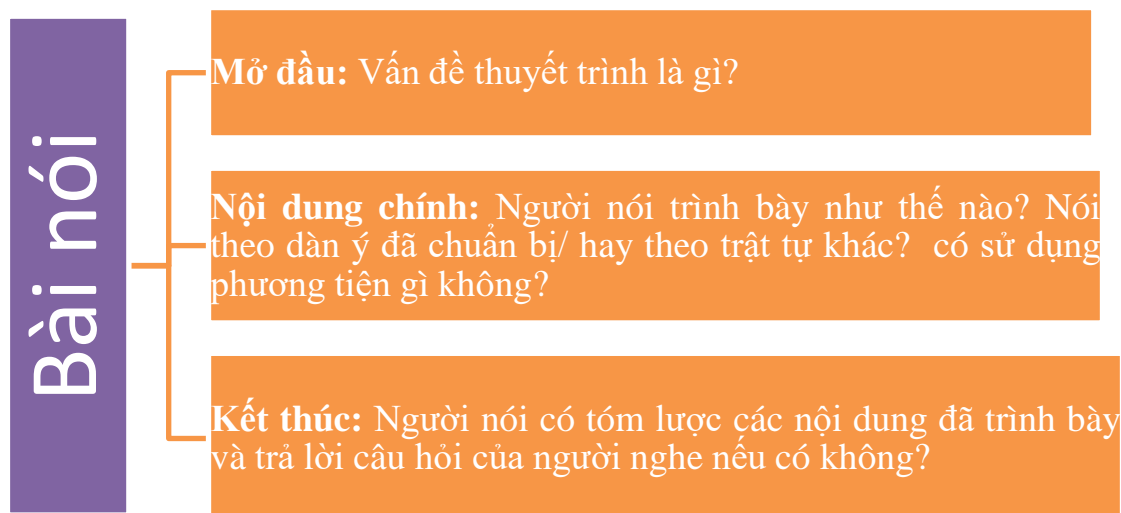
### Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng

**3.1. Mục tiêu:** HV luyện tập nói và nghe văn bản thuyết minh tổng hợp về một vấn đề HV quan tâm/yêu thích.

**3.2. Nội dung, sản phẩm và cách thức tổ chức**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HV và sản phẩm cần đạt
- Yêu cầu HV hoàn thiện bài nói theo những góp ý của GV và các bạn. <i>Lưu ý: Hoạt động này HV thực hiện ở nhà.</i>	- HV hoàn thiện bài nói. - Sản phẩm: Bài nói hoàn thiện của HV

Người nghe theo dõi và đối chiếu bố cục của bài nói theo ba phần sau:



Sau khi HV trình bày bài thuyết trình, GV dành thời gian để trao đổi về nội dung bài nói. Nội dung trao đổi, những yêu cầu đối với người nói và người nghe khi trao đổi tương tự các bài thực hành nói và nghe đã được giới thiệu trong SGK.

- GV nhận xét, đánh giá về nội dung thuyết trình (lựa chọn đánh giá cả người nói và người nghe).

- Tham khảo một số mẫu phiếu sau:

<b>PHIẾU NGHE</b>	
Họ và tên người thuyết trình:.....	
Vấn đề được người thuyết trình chọn: .....	
Họ và tên người nghe: .....	
Nội dung nghe:	
– Những nội dung chính được người nói trình bày:	
.....	
.....	
– Những nội dung cần hỏi, trao đổi thêm:	
.....	
.....	
– Ấn tượng, nhận xét về bài trình bày của người nói:	
+ Về nội dung: .....	
.....	
+ Về cách trình bày: .....	
.....	

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN THUYẾT TRÌNH CỦA CÁ NHÂN</b>				
<b>Nội dung đánh giá</b>		<b>Mức độ</b>		
		<b>Tốt</b>	<b>Đạt</b>	<b>Chưa đạt</b>
Nội dung	Thể hiện mục đích giới thiệu			
	Giới thiệu thông tin chính			
Cách trình bày	Phong thái chủ động, tự tin			
	Sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp			
	Tương tác với người nghe			

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGƯỜI NGHE</b>	
<b>Nội dung đánh giá</b>	<b>Mức độ</b>

	Tốt	Đạt	Chưa đạt
Thể hiện sự quan tâm với phần trình bày của người nói			
Ghi chép được những ý chính bài trình bày của người nói			
Đặt ra được những câu hỏi hoặc nêu được những nhận xét về bài thuyết trình			
Chia sẻ những ý kiến với người nói bằng thái độ đối thoại			
Tương tác với người nói trong quá trình nghe			

**SAU GIỜ HỌC:** GV yêu cầu HV về nhà hoàn thiện lại bài nói và gợi ý HV luyện tập kỹ năng nói.

### E. TỰ ĐÁNH GIÁ

GV giao nhiệm vụ cho HV tự thực hiện nhiệm vụ trong phần Tự đánh giá (Tr.122) ở nhà, sau đó mang sản phẩm tới lớp, HV thực hiện đánh giá đồng đẳng, báo cáo kết quả với GV. GV nhận xét, đánh giá và điều chỉnh, rút kinh nghiệm (nếu cần).

Câu hỏi	Gợi ý trả lời
1	D
2	A
3	A
4	B
5	C
6	Để làm sáng tỏ nhận xét: “Số từ ngữ chỉ những sự vật, hiện tượng liên quan đến sông nước vì vậy vô cùng phong phú [...]”, tác giả đã dẫn ra một số từ ngữ như: rạch, xẻo, con lươn, bùng binh, tắt, rỗng, vòm, lung, lảng, bung, bầu, cù lao, cồn, giồng...; nước lớn, nước ròng, nước rong, nước nổi, nước kém, nước đứng, nước nhúng, nước ương,...; ghe, tam bản, xuồng, vỏ lãi, tắc rặng,...
7	- Mục đích của người viết văn bản Sông nước trong tiếng miền Nam là: muốn nhấn mạnh tác động của thiên nhiên đến môi trường sống, tính cách, tâm lý của con người và tính cách, tâm lý đó sẽ ảnh hưởng đến cách sử dụng ngôn từ đặc trưng của mỗi vùng, miền. - Câu văn, đoạn văn nào liên quan đến mục đích đó là:

	<p>+ Đoạn sa pô "Nam Bộ là vùng đất sông nước, ruộng vườn. Sông rạch chằng chịt gắn bó bao đời với sinh hoạt, chi phối đời sống kinh tế cũng như đời sống tinh thần của con người. Bài viết này muốn nhấn mạnh tác động của thiên nhiên đến môi trường sống, tính cách, tâm lý của con người và tính cách, tâm lý đó sẽ ảnh hưởng đến cách sử dụng ngôn từ đặc trưng của mỗi vùng, miền."</p> <p>+ Những từ ngữ này không chỉ đi vào lời ăn tiếng nói hằng ngày của người dân vùng đất này, là yếu tố cấu tạo của nhiều địa danh mà còn phản ánh bối cảnh sáng tác của nhiều câu hò, điệu hát dân gian và là mảnh đất tốt để nhà văn, nhờ thơ khai thác.</p> <p>+ Ngoài những ý nghĩa..... dùng theo nghĩa phái sinh để gọi tên những sự vật, hiện tượng khác theo cách mở rộng nghĩa</p>
8	Theo tác giả, các tỉnh miền Nam hay đặt địa danh gắn liền với sông nước vì phần lớn làng xã ở Nam Bộ đều nằm hai bên bờ sông rạch. Từ đây dẫn đến một đặc điểm là đặt địa danh gắn liền với sông nước.
9	Hình ảnh minh họa trong văn bản giúp cụ thể hóa lời thuyết minh trong văn bản, qua đó giúp văn bản trở nên hấp dẫn và thuyết phục hơn.
10	Văn bản cung cấp thông tin bổ ích về phương ngữ địa phương của người dân miền Nam Bộ. Nguồn gốc và lí do vì sao mà các tỉnh miền Nam lại hay đặt địa danh gắn liền với sông nước. Qua những thông tin đó mà người đọc hiểu hơn về sự phong phú của tiếng Việt nói chung và ngôn ngữ vùng miền nói riêng.

### III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

#### A. HƯỚNG DẪN CHUNG

##### 1. Đặc trưng của dạy học chuyên đề học tập

- Dạy học chuyên đề học tập khác với việc dạy theo bài học thông thường nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình. Tuy vậy cần chú ý đến tính vừa sức của chuyên đề, cân đối giữa khối lượng và mức độ, chiều rộng và chiều sâu của các kiến thức trong chuyên đề; cân đối việc hình thành, phát triển cho HV 4 kĩ năng nghe - nói - đọc - viết sau mỗi chuyên đề.

- Nội dung chuyên đề học tập cần đảm bảo tính toàn diện, tính hệ thống, giúp HV không những hiểu, lý giải, xâu chuỗi tìm ra các mối quan hệ, tác động, ảnh hưởng của các nội dung; tăng cường khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề khác trong học tập và thực tiễn...mà còn chú trọng giáo dục HV về thái độ, tình cảm, tư tưởng.



## 2. Tiến trình dạy học chuyên đề học tập

- GV chủ động thiết kế kế hoạch dạy học, xây dựng và tổ chức thực hiện tiến trình dạy học chuyên đề học tập phù hợp với đối tượng HV; việc ghi số đầu bài theo thứ tự tiết trong kế hoạch dạy học của nhà trường/trung tâm; số tiết của mỗi chuyên đề nằm trong tổng số tiết của phân phối chương trình/kế hoạch dạy học.

- Tiến trình dạy học chuyên đề học tập có thể được thiết kế thành các hoạt động: (1) khởi động, (2) hình thành kiến thức mới, (3) luyện tập, (4) vận dụng, (5) tìm tòi, mở rộng. Mỗi hoạt động có thể thực hiện ở trên lớp hoặc ở ngoài nhà trường, mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ thực hiện một số hoạt động trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học. Kết hợp các PPDH truyền thống và PPDH tích cực trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập.

Trong hoạt động hình thành kiến thức mới, GV có thể tổ chức hoạt động học cho HV theo các bước như sau:

+ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HV, gợi ý tư liệu sử dụng; yêu cầu về sản phẩm mà HV phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú nhận thức của HV; đảm bảo cho tất cả HV tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ;

+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: Khuyến khích HV hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; GV phát hiện kịp thời những khó khăn của HV và có biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả (không có HV bị "bỏ quên");

+ Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận: Hình thức báo cáo phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HV trao đổi, thảo luận, phản biện với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý;

+ Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập: Nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HV; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HV; chính xác hóa các kiến thức mà HV đã học được thông qua hoạt động (chốt kiến thức sau mỗi hoạt động).

- Thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học.

- Với mỗi chuyên đề đã xây dựng, xác định và mô tả 4 cấp độ tư duy (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao), trên cơ sở đó biên soạn các câu hỏi/bài tập để sử dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động học và kiểm tra, đánh giá;

- Trong bài kiểm tra định kỳ, nội dung chuyên đề có thể được đưa vào nội dung kiểm tra như nội dung khác trong chương trình hiện hành; xây dựng câu hỏi, bài tập theo hướng mở, liên môn, xác định năng lực, phẩm chất cần đánh giá HV ở mỗi bài kiểm tra; coi trọng việc đánh giá quá trình để thấy được sự tiến bộ của từng HV, kiểm tra các hoạt động học, đánh giá chất lượng sản phẩm, độ chính xác, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HV trên lớp, ở nhà.

### **3. Một số lưu ý khi tổ chức dạy học chuyên đề học tập**

- GV đầu tư hợp lí Hoạt động giới thiệu bài mới nhằm tạo tâm thế, hứng thú học tập, giúp HV ý thức được nhiệm vụ học tập, kết nối kiến thức nền với các kiến thức mới sắp được tìm hiểu, học tập.

- Căn cứ yêu cầu cần đạt của Chương trình, trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, GV vận dụng linh hoạt các hình thức hoạt động trong dạy học:

+ *Hoạt động cá nhân*: tăng cường khả năng khám phá, sáng tạo, thực hiện độc lập các bài tập/nhiệm vụ của HV; giúp nhận thức của HV sâu sắc và chắc chắn.

+ *Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm* (thể hiện qua các hoạt động: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đánh giá đồng đẳng,...; ): giúp HV phát triển NL hợp tác, thảo luận, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng.

+ *Hoạt động chung của cả lớp*: thường được vận dụng trong các tình huống: giải quyết những vấn đề mà các nhóm không giải quyết được, nghe GV hướng dẫn, nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; HV luyện tập thuyết trình trước tập thể lớp...

- GV hướng dẫn HV lựa chọn nội dung trong chuyên đề và kết quả thảo luận để ghi tóm tắt vào vở theo cách diễn đạt của HV. Căn cứ nội dung của chuyên đề học tập, GV thực hiện chốt kiến thức khi thấy cần thiết cho việc tiến hành các hoạt động tiếp theo. GV nên hỗ trợ, hướng dẫn để HV tự chốt kiến thức.

- GV khuyến khích HV tích cực tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. HV tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống bằng những cách khác nhau.

- Khai thác và sử dụng tối đa, hiệu quả các tư liệu tham khảo, phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học, đặc biệt là thư viện nhà trường, tránh tình trạng

dạy chay, dạy học nặng về lí thuyết hàn lâm, ít kỹ năng thực hành, không gắn với thực tiễn.

## **B. HƯỚNG DẪN MINH HỌA**

Trong Chương trình Ngữ văn 11, sách Chân trời sáng tạo, phần chuyên đề học tập, HV tiếp tục nghiên cứu một số vấn đề Ngữ văn, đồng thời rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe theo yêu cầu các chuyên đề học tập:

- Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một số vấn đề văn học trung đại Việt Nam

- Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại

- Đọc, viết và giới thiệu về một tác giả văn học

Trong phạm vi tài liệu, các tác giả biên soạn minh họa kế hoạch dạy học 01 chuyên đề trong chương trình:

### **CHUYÊN ĐỀ 1.**

## **ĐỌC, VIẾT VÀ GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC**

**(Thời gian thực hiện: 10 tiết)**

### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của một tác giả lớn.

- Biết cách đọc một tác giả văn học lớn.

- Biết viết bài giới thiệu về một tác giả văn học đã đọc.

- Vận dụng được những hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về những tác giả văn học khác.

- Biết thuyết trình về một tác giả văn học.

### **II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HỌC VIÊN**

– Về phía HV: hồ sơ tài liệu, sách tham khảo, tranh, ảnh, bảng biểu, video clip liên quan đến bài học,...

– Về phía GV:

+ Phiếu học tập để HV chuẩn bị nội dung cho bài học.

+ Bút màu, giấy để trình bày sản phẩm.

+ Tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí,...), máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối internet.

### III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### PHẦN 1

### ĐỌC HIỂU MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC (TÌM HIỂU SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG VÀ PHONG CÁCH CỦA MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC)

*Trước khi tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu trên lớp*, GV có thể giao nhiệm vụ cá nhân/ nhóm HV thực hiện ở nhà: Xây dựng hồ sơ đọc về các tác giả lớn có tác phẩm được giới thiệu trong Chương trình Ngữ văn cấp THPT (ví dụ: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh, Nam Cao, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Huy Thiệp,...) hoặc một tác giả văn học (trong nước/ nước ngoài) mà các em yêu thích để phát triển kỹ năng đọc mở rộng của HV. GV có thể cung cấp cho HV các nguồn tài liệu liên quan đến tác giả hoặc hướng dẫn HV tra cứu trên internet các thông tin đáng tin cậy về tác giả, làm căn cứ để HV lập danh mục tài liệu về tác giả. GV hướng dẫn HV hoàn thiện phiếu đọc bao gồm các nội dung: (a) Đọc và ghi chép thông tin về tiểu sử tác giả; (b) Đọc và ghi chép thông tin về tác phẩm của tác giả; (c) Đọc và ghi chép những nghiên cứu, nhận định về tác giả; (d) Tổng hợp các nội dung đã đọc và ghi chép.

**Văn bản 1: SỰ NGHIỆP THƠ CA CỦA XUÂN DIỆU (Nguyễn Văn Long)**

#### Hoạt động 1: Khởi động

- **GV yêu cầu** HV thảo luận, mô tả cách thức xây dựng hồ sơ đọc, kết quả đạt được và xác định ý nghĩa của việc tìm hiểu sự nghiệp văn chương, phong cách của một tác giả văn học.

- **GV kết luận** ý nghĩa của việc tìm hiểu sự nghiệp văn chương, phong cách của một tác giả văn học đối với mỗi cá nhân HV:

- + Biết thêm về tác phẩm văn học.
- + Ghi nhớ những điểm đặc biệt trong cuộc đời của tác giả.
- + Hiểu thêm nội dung và ý nghĩa các bài viết của các nhà phê bình, nghiên cứu, giới thiệu về tác giả.
- + Có thêm nhiều kiến thức khi đọc và trải nghiệm về tác giả – tác phẩm.
- + Nuôi dưỡng hứng thú và kỹ năng tự đọc và đọc suốt đời.

#### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Thông qua hồ sơ đọc và kết quả đọc hiểu của HV, GV kết luận:

## 1. Một số lưu ý khi đọc hiểu tác giả văn học

- **Sự nghiệp văn chương:** những thành tựu trong quá trình sáng tác của một tác giả được đánh dấu bằng những tác phẩm có giá trị về nội dung và hình thức nghệ thuật, có đóng góp cho sự phát triển của lịch sử, xã hội và cho nền văn học (tác phẩm tiêu biểu, thời kỳ, giai đoạn sáng tác, giá trị của các tác phẩm).

- **Phong cách nghệ thuật:** sự tổng hoà những dấu ấn riêng trong sáng tác của một tác giả (cái nhìn có tính phát hiện đối với hiện thực và đề tài, hệ thống hình tượng đặc trưng, giọng điệu riêng, những nét riêng trong ngôn từ nghệ thuật, các thủ pháp đặc trưng,...), được lặp lại một cách có hệ thống, có tính quy luật, xuyên suốt trong sự nghiệp văn chương của tác giả ấy.

## 2. Một số yêu cầu và cách đọc một tác giả văn học

### 2.1. Yêu cầu chung

- Chọn được tác giả phù hợp, có tầm, có phong cách nghệ thuật độc đáo và sự nghiệp văn chương nổi bật.

- Căn cứ chủ yếu để tìm hiểu về tác giả là những tác phẩm tiêu biểu. Khi tìm hiểu về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của một tác giả, cần lưu ý đến cả phương diện nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm tiêu biểu.

- Tránh đồng nhất đời tư của tác giả với hình ảnh tác giả trong tác phẩm. Các dữ kiện về cuộc đời, thời đại, hoàn cảnh sáng tác có thể là căn cứ để giải mã tác phẩm, từ đó giúp tìm hiểu về tác giả văn học.

- Kết quả tìm hiểu về sự nghiệp văn chương và phong cách của một tác giả cần được tổng hợp, khái quát và ghi chép một cách có hệ thống dưới dạng sườn bài, sơ đồ tư duy, đồ hoạ thông tin,...

### 2.2. Quy trình, cách thức đọc hiểu một tác giả

- Xác định đề tài cần tìm hiểu.
- Thu thập tư liệu.
- Đọc và xử lý tư liệu.
- Tìm hiểu về sự nghiệp văn chương của tác giả.
- Tìm hiểu phong cách nghệ thuật của tác giả..

### Hoạt động 3: Thực hành

- GV hướng dẫn HV đọc VB, xác định nội dung chính được trình bày trong VB dựa trên: tên VB, bố cục của VB, chữ viết hoa, chữ in đậm, in nghiêng và các thông tin, hình ảnh được sử dụng trong VB.

- HV đọc và hoàn thiện bảng **tóm tắt sự nghiệp thơ ca** của Xuân Diệu:

Giai đoạn sáng tác	Tác phẩm	Thể loại	Năm sáng tác	Ý nghĩa của tác phẩm đối với các nhà thơ/ thời đại
Trước Cách mạng tháng Tám	Thơ thơ	Thơ	1938	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tiếng vang trong tầng lớp thanh niên thành thị.</li> <li>- Đem đến cho thơ ca lãng mạn đương thời tiếng nói mới.</li> <li>- Xuân Diệu được gọi là “mới nhất trong các nhà thơ mới”.</li> </ul>
	Gửi hương cho gió	Thơ	1945	Thể hiện cái rạo rức tha thiết của tập thơ đầu, nhưng đã nhuốm vị đắng cay và nỗi cô đơn rợn ngợp => Tính kế thừa và đổi mới.
Sau Cách mạng tháng Tám	Ngọn quốc kì	Thơ	1945	Tráng khúc nồng nhiệt ngợi ca lá cờ đỏ sao vàng, khẳng định chế độ mới và niềm tin vào thắng lợi của cách mạng.
	Hội nghị non sông	Thơ	1946	Bài thơ dài ca ngợi Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, khẳng định ý chí thống nhất, độc lập của dân tộc.
	Dưới sao vàng	Thơ	1949	Tiếp tục mạch thơ sôi nổi, lãng mạn hồi đầu cách mạng.
	Mẹ con	Thơ	1953	Thể hiện đề tài mới của Xuân Diệu: cuộc sống lao khổ và sức mạnh vùng dậy của gia cấp nông dân.
	Ngôi sao	Thơ	1954	
	Riêng chung	Thơ	1960	Đánh dấu sự thay đổi về bút pháp của nhà thơ.

	Mũi Cà Mau – Cầm tay	Thơ	1962	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện nỗ lực bám sát đời sống của Xuân Diệu, cho thấy thể nghiệm thơ ca mới của ông: mô tả con người lao động và khung cảnh lao động hùng tráng ở nhiều miền đất nước.</li> <li>- Góp phần thúc đẩy phương hướng tăng cường chất liệu hiện thực cho thơ giai đoạn này.</li> </ul>
	Một khối hồng	Thơ	1964	
	Hai đợt sóng	Thơ	1967	
	Tôi giàu đôi mắt	Thơ	1970	
	Hồn tôi đôi cánh	Thơ	1976	
	Thanh ca	Thơ	1982	

- GV hướng dẫn HV  **nghiên cứu, nhận định về những đóng góp** của Xuân Diệu đối với nền văn học và với xã hội qua các giai đoạn sáng tác.

<b>Giai đoạn sáng tác</b>	<b>Đóng góp của Xuân Diệu với nền văn học và với dân tộc</b>
Trước Cách mạng tháng Tám	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần thể hiện tiếng lòng của tầng lớp thanh niên thành thị đương thời.</li> <li>- Đóng góp cách tân về giá trị nội dung và nghệ thuật cho phong trào Thơ mới nói riêng và thơ ca nói chung: một cảm xúc mới, dào dạt, sôi nổi, trẻ trung; quan niệm nhân sinh mới mẻ; cái tôi tìm nguồn cảm hứng ở cuộc đời trần thế, khát khao tận hưởng hạnh phúc, tình yêu, giao cảm với cuộc đời, thể hiện sự thức tỉnh ý thức cá nhân của thời đại.</li> </ul>
Sau Cách mạng tháng Tám	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng và kháng chiến của dân tộc.</li> <li>- Nói lên tiếng lòng, ca ngợi sức mạnh vùng dậy của giai cấp nông dân lao khổ.</li> <li>- Ca ngợi con người lao động trong công cuộc xây dựng miền Bắc và chống Mỹ cứu nước.</li> <li>- Cách tân thơ ca với quan niệm “mở rộng cánh cửa cho cuộc sống vào thơ, cho thơ vào cuộc sống”, thúc đẩy phương hướng tăng cường chất hiện thực cho thơ trong giai đoạn này.</li> </ul>

- GV hướng dẫn HV **khái quát các thao tác** để tìm hiểu về sự nghiệp văn chương của Xuân Diệu:

+ Tìm đọc các tác phẩm tiêu biểu của Xuân Diệu.

+ Thống kê các tác phẩm theo năm sáng tác, theo từng giai đoạn sáng tác của Xuân Diệu, đánh giá ý nghĩa của tác phẩm đối với nhà thơ, với thời đại.

+ Khái quát những đóng góp của nhà thơ với xã hội theo từng giai đoạn sáng tác cũng như toàn bộ sự nghiệp văn học.

#### **Hoạt động 4: Vận dụng**

#### **Văn bản 2: Một số đặc điểm phong cách thơ Xuân Diệu trong phong trào thơ mới (theo Lê Quang Hưng)**

- GV yêu cầu HV đọc VB và **xác định nội dung chính** của VB dựa trên: tên VB, bố cục của VB, chữ viết hoa, chữ in đậm, in nghiêng và các thông tin, hình ảnh được sử dụng trong VB.

- Từ nội dung văn bản (trích), HV **tóm tắt một số đặc điểm phong cách** thơ Xuân Diệu trong phong trào Thơ mới:

Một số đặc điểm phong cách thơ Xuân Diệu trong phong trào Thơ mới	Nhà thơ của trần gian và hiện tại	- Ngay từ khi viết Lời tựa cho tập Thơ thơ đầu tay của Xuân Diệu, Thế Lữ đã chỉ ra rất đúng “con người ấy”: Xuân Diệu là một người của đời, một người giữa loài người. - Trong lúc các thi sĩ Thơ mới mỗi người tìm một ngã đường trốn chạy khác nhau khỏi chợ đời, kịch đời, thì Xuân Diệu chủ trương chẳng thoát li đi đâu cả mà đứng vững trên cõi trần này, bám chặt lấy phút giây hiện tại mình đang được sống để hưởng hạnh phúc.	
	Thi sĩ của Xuân và Tình	Đề tài mùa xuân	- Mùa xuân qua đôi mắt xanh non, tâm hồn rạo rực của Xuân Diệu là thời điểm thế giới thiên nhiên trẻ trung, tươi thắm phát lộ. - Làm nên cái “mới nhất” của Xuân Diệu có lẽ là cảm xúc ái ân [...] Cái ái tình muôn hình vạn trạng quả là nguồn thơ lớn nhất tưới mát tâm hồn đem lại nhiều hạnh phúc cho hầu hết thi sĩ Thơ mới lãng mạn.



		<p style="text-align: center;">Đề tài tình yêu</p>	<p>- Xem tình yêu và tuổi trẻ là phần ngon nhất của cuộc đời, Xuân Diệu thấy ở đây dồn kết ý nghĩa của cuộc sống, hạnh phúc trên cõi trần gian.</p> <p>- Với Xuân Diệu, yêu là một hành động sống, là cách để làm rộn ràng ấm nóng lên cái cuộc đời đìu hiu như dặm khách này, khi yêu con người ta được sống nhất, được là người nhất.</p>
--	--	--	---

- HV **tìm hiểu mục đích của tác giả** khi so sánh đặc điểm thơ Xuân Diệu với sáng tác của các nhà Thơ mới khác, với thơ cổ điển:

+ So sánh Xuân Diệu với các nhà Thơ mới khác để thấy: trong khi các nhà Thơ mới thoát ly thực tại, Xuân Diệu tìm kiếm đề tài và cảm hứng ngay trên chính cuộc sống nơi trần thế, đề cao sự giao hoà giữa con người và vạn vật đề tài tình yêu của Xuân Diệu có ý nghĩa rộng lớn hơn, không chỉ là tình yêu lứa đôi mà còn là tình yêu sự sống.

+ So sánh với thơ cổ điển để thấy: nếu thơ cổ điển đi vào những ước lệ khuôn sáo, Xuân Diệu có những cách diễn đạt mới mẻ, sinh động, thể hiện trọn vẹn và chân thực sức sống tràn trề, thịnh đạt của cuộc sống.

Qua đó khẳng định phong cách độc đáo, đóng góp riêng của Xuân Diệu đối với Thơ mới nói riêng và thơ ca dân tộc nói chung.

- HV **xác định** những thao tác giúp tác giả khái quát đặc điểm phong cách thơ Xuân Diệu như trong bài viết:

+ Đọc các tác phẩm tiêu biểu của Xuân Diệu.

+ Nhận ra những nét riêng đặc trưng xuyên suốt trong các tác phẩm đó.

+ So sánh với những tác giả, tác phẩm khác để thấy được nét độc đáo trong sáng tác của Xuân Diệu.

### **Hoạt động 5: Mở rộng**

- GV yêu cầu HV lựa chọn, đọc và báo cáo kết quả đọc về một tác giả văn học.

Ví dụ: **Tổng hợp các nội dung đã đọc về Nguyễn Huy Thiệp** (hướng đọc về đề tài nông thôn)

## PHIẾU ĐỌC VỀ TÁC GIẢ: NGUYỄN HUY THIỆP

<p>Khái quát về tiểu sử và đặc điểm con người của tác giả</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiểu sử: tóm tắt theo bảng trên.</li> <li>- Đặc điểm con người: từng có nhiều thời gian lưu lạc khắp các vùng quê Bắc Bộ nên rất hiểu về đời sống nông thôn Việt Nam, đặc biệt là miền Bắc.</li> </ul>
<p>Những tác phẩm tiêu biểu của tác giả về đề tài nông thôn</p>	<p>Ghi tên 5 tác phẩm và tóm tắt nội dung đọc về 5 tác phẩm nổi tiếng của tác giả (có thể chọn đọc sâu 2 – 3 tác phẩm):</p> <p><i>Chạy đi sông ơi</i> (1985), <i>Những bài học nông thôn</i> (1988), <i>Thương nhớ đồng quê</i> (1992), <i>Chăn trâu cắt cỏ</i> (1996), <i>Chú Hoạ tôi</i> (2001).</p>
<p>Những vấn đề nổi bật về đề tài nông thôn được đề cập đến trong sáng tác của tác giả</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làng quê nghèo, xác xơ và số phận những người dân quê chân lấm tay bùn (phụ nữ, trẻ em, trai làng); những con người lam lũ, sống buồn tẻ, nhàm chán, an phận.</li> <li>- Không gian sống của làng quê: thiên nhiên nguyên sơ, thanh bình; môi trường tự nhiên đang bị huỷ hoại.</li> <li>- Các giá trị văn hoá của làng quê: đặc trưng văn hoá làng xã; sự biến đổi các giá trị văn hoá truyền thống trong xã hội nhiều biến động.</li> </ul>
<p>Phân tích một số vấn đề nổi bật trong sáng tác về đề tài nông thôn của tác giả</p>	<p>Chọn 1, 2 vấn đề nêu trên để phân tích, minh hoạ bằng một số tác phẩm đã đọc.</p>
<p>Đánh giá chung về những giá trị đặc sắc của tác giả về đề tài nông thôn</p>	<p>Qua những trang viết về nông thôn, Nguyễn Huy Thiệp đã thể hiện một số nét đặc sắc trong cảm hứng và nghệ thuật như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xót thương và trăn trở về một nông thôn đang dần thay đổi, đặc biệt là sự phai nhạt dần các đặc trưng văn hoá làng xã.</li> <li>- Khẳng định chất thơ và những giá trị vật chất và tinh thần của một nông thôn Việt Nam vẫn luôn tiềm ẩn, bền vững.</li> <li>- Tái hiện một bức tranh nông thôn vừa gần gũi, chân thực vừa ma mị, ám ảnh, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng.</li> </ul>
<p>Ý nghĩa các sáng tác của tác giả trong bối cảnh hiện nay</p>	<p>Khẳng định vẻ đẹp và những giá trị vĩnh hằng của nông thôn Việt Nam.</p>

## PHẦN 2

### VIẾT BÀI GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

#### 1. MỤC ĐÍCH

Hoạt động này giúp HV hiểu được các mục đích viết khác nhau về một tác giả văn học (giới thiệu quảng bá, nghiên cứu văn học, hay là thưởng thức, tri âm, ...), trên cơ sở đó, HV xác định được kiểu văn bản phải thực hiện (ví dụ, về cùng một tác giả, GV có thể yêu cầu HV viết bài theo hướng nghị luận hoặc theo hướng cung cấp thông tin).

#### 2. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

##### Hoạt động 1: Khởi động

GV hướng dẫn HV truy cập một số trang web, đường dẫn thông tin tin cậy giới thiệu một số bài viết của một số nhà phê bình văn học uy tín về một số tác giả tiêu biểu: Hồ Chí Minh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du,... để khơi gợi hứng thú và tri thức nền của HV về các tác giả văn học.

##### Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

#### 1. Tìm hiểu một số hướng viết bài về một tác giả văn học

GV hướng dẫn HV tìm hiểu về các hướng viết qua các văn bản:

GV chia lớp thành các nhóm tìm hiểu các văn bản:

#### Văn bản 1: Bàn về đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

- GV hướng dẫn HV xác định câu hỏi nghiên cứu trong VB: Nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có đặc điểm gì nổi bật? Đặc điểm ấy thể hiện như thế nào qua các sáng tác thuộc thể thơ Đường luật, văn tế, truyện thơ và qua quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu.

- GV yêu cầu HV tóm tắt nội dung chính của bài viết bằng sơ đồ, từ đó nhận xét về bố cục của bài viết.

Đặc điểm nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu	Luận điểm 1: Thơ Đường luật của ông có lời lẽ trang nhã, trau chuốt, mang vẻ đẹp cổ điển của văn chương bác học.	- Văn tế của ông giàu hình ảnh, chi tiết điển hình để gây dựng nên hình tượng các nghĩa sĩ sống mãi trong tâm trí người đọc.
	Luận điểm 2: Truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu là những sáng tác trường	- Tuy nội dung đạo lý Nho gia rất sâu sắc và uyên bác, nhiều điển tích, điển cố lấy trong kinh sử

	thiên, số lượng câu thơ trong một tác phẩm lớn.	nhưng hình thức nghệ thuật lại đậm chất dân gian.
		- Truyện thơ có sự kết hợp khá hài hòa giữa tính cổ điển bác học với tính dân gian bình dị; giữa bút pháp lí tưởng hóa khi xây dựng nhân vật chính diện với bút pháp tả thực khi miêu tả nhân vật phản diện.
	Luận điểm 3: Sức hấp dẫn và tính truyền cảm mạnh mẽ xuất phát từ tấm lòng tha thiết của nhà thơ với đất nước, con người và quan điểm sáng tác văn chương.	- Về tư tưởng, đạo lí ông chủ trương dùng văn chương để chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa. - Cũng từ quan điểm sáng tác nhất quán mà hình thức nghệ thuật trong sáng tác thơ văn của ông thường đa dạng và phóng khoáng.

- Nhận xét: Bộ cục mạch lạc, logic giúp cho người đọc, người nghe dễ dàng hình dung.

- GV hướng dẫn HV xác định các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng trong bài viết: Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp, thể hiện ở chỗ phân tích những bằng chứng là các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu để khái quát lên đặc điểm thơ văn của tác giả.

- GV hướng dẫn HV rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài giới thiệu một tác giả văn học:

+ Cần làm rõ vấn đề và câu hỏi nghiên cứu khi viết

+ Cần phân tích các bằng chứng để làm sáng tỏ đặc điểm nghệ thuật của tác giả.

+ Với tác giả sáng tác ở nhiều thể loại, có thể tìm hiểu điểm đặc sắc trong từng thể loại.

+ Có thể làm rõ đặc điểm sáng tác thông qua quan niệm nghệ thuật của tác giả.

### **Văn bản 2: Đọc lại truyện ngắn trào phúng của Nguyễn Công Hoan**

- GV hướng dẫn HV tìm hiểu ý nghĩa nhan đề của VB: người viết muốn nhấn mạnh những đặc điểm mà đối với bản thân là mới mẻ, đặc sắc về truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan (không có mong muốn thực hiện một công

trình khái quát đầy đủ, trọn vẹn các đặc điểm về truyện ngắn trào phúng của tác giả).

- GV hướng dẫn HV tìm hiểu các câu hỏi nghiên cứu trong bài viết bàn về đặc điểm truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan: Truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan có đặc điểm gì tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật?

- HV tóm tắt ý chính của bài viết. Từ đó, nêu nhận xét về bố cục của bài viết.

Đọc lại truyện ngắn trào phúng của Nguyễn Công Hoan	- Phong cách của Nguyễn Công Hoan không thiên về lối thâm trầm kín đáo, mà ông thích bóp chát đánh võng ngay vào mặt đối phương.	
	- Những vấn đề chỉ có ý nghĩa khi nhà văn nhằm trúng đối tượng cần đánh, nghĩa là kẻ thù thật sự của nhân dân, cách mạng.	- Sự đối chọi giữa kẻ giàu và người nghèo. Một đảng thì vất vả kiếm ăn còn một đảng thì ăn ngáp mày, ngáp mặt không hết tiền.
	- Trong truyện dài, truyện ngắn Nguyễn Công Hoan, bọn thống trị chỉ là lũ ăn cắp, ăn cướp. Ông phản ánh chính xác một khía cạnh bản chất của hiện thực.	- Có một đề tài cứ trở đi trở lại luôn trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan: chuyện ăn cắp, thói ăn cắp. Viết về đề tài này Nguyễn Công Hoan có dịp thuận tiện để đem công lí của người nghèo chọi lại một cách thú vị “công lí” của nhà giàu”.
	- Đối với nhà văn trào phúng việc tìm ra mâu thuẫn trào phúng cũng có ý quyết định hết như việc tìm ra tứ thơ đối với một nhà thơ.	- Ở những nhà thơ khác, tính cách là trung tâm, tính cách chi phối cốt truyện, nhưng ở Nguyễn Công Hoan thì cốt truyện là điều quan trọng nhất.  - Sự thực có nhiều người thuộc xu hướng thẩm mỹ khác không tán thành quan điểm này, thậm chí cho những điều ông nói là bịa đặt vô lí...

- Nhận xét: Bố cục mạch lạc, logic giúp cho người đọc, người nghe dễ dàng hình dung. Tác giả đã trình bày hai phương diện chính trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan: đề tài mâu thuẫn giàu nghèo và bút pháp xây dựng cốt truyện trào phúng.

- GV hướng dẫn HV tìm hiểu cách thức trình bày của tác giả:

+ Cách thứ nhất là dẫn nguyên văn bằng chứng từ các truyện ngắn để phân tích. Cách này sẽ giúp các bằng chứng được cụ thể, sinh động, dễ dàng phân tích sâu giá trị nội dung và nghệ thuật của bằng chứng.

+ Cách thứ hai là, tóm lược nội dung các truyện ngắn để phân tích. Cách này giúp bằng chứng đưa ra được ngắn gọn, dễ dàng so sánh, đối chiếu, tổng hợp nhiều bằng chứng khác nhau.

+ Phương pháp phân tích – tổng hợp thể hiện ở chỗ phân tích những bằng chứng cụ thể là truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan để khái quát lên những đặc điểm về nội dung và thủ pháp nghệ thuật.

+ Phương pháp so sánh thể hiện ở chỗ: so sánh các truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan để thấy nét trong đồng, từ đó khái quát đặc điểm phong cách nghệ thuật tác giả so sánh Nguyễn Công Hoan với các nhà văn khác (Hoàng Tích Chu, Tự lực văn đoàn) để thấy nét riêng của Nguyễn Công Hoan trong bút pháp sáng tác.

Trên cơ sở kết quả làm việc của các nhóm, GV kết luận các hướng viết bài về một tác giả văn học:

## **2. Viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả**

Đây cũng là một kiểu bài viết khá phổ biến, thiên về cung cấp thông tin tiểu sử, cuộc đời, quá trình sáng tác, những tác phẩm tiêu biểu, những hoạt động có ý nghĩa trong đời sống văn học, vị trí và những đóng góp cho nền văn học của tác giả.

GV hướng dẫn HV chốt lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng giới thiệu sự nghiệp văn học của một tác giả:

- Trình bày được các thông tin về tiểu sử, quá trình hoạt động văn học, các thành tựu chính,... của nhà văn.

- Cung cấp thông tin cụ thể, đầy đủ, rõ ràng, chính xác.

- Chỉ rõ những đóng góp của nhà văn cho văn học Việt Nam.

- Văn phong khoa học.

\*Sơ đồ dàn ý:

<b>Mở bài</b>	Giới thiệu tác giả văn học: - Tên tác giả. - Nêu khái quát những đóng góp chủ yếu của tác giả với nền văn học.
---------------	--

<b>Thân bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu về cuộc đời của tác giả văn học: Những nét chính trong cuộc đời có ảnh hưởng đến sự nghiệp văn học.</li> <li>- Giới thiệu về sự nghiệp của tác giả văn học:</li> <li>+ Giai đoạn 1: Đặc điểm sáng tác, tác phẩm tiêu biểu, đóng góp của tác giả với xã hội và với nền văn học.</li> <li>+ Giai đoạn 2: ...</li> <li>+ Giai đoạn ...:</li> </ul>
<b>Kết bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẳng định ý kiến đã nêu ở mở bài về đóng góp của tác giả với nền văn học hoặc giai đoạn văn học mà tác giả đó sống.</li> <li>- Có thể nêu ý nghĩa của tác giả đối với bản thân/ người đọc.</li> </ul>

### 3. Viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật của tác giả

GV hướng dẫn HV chốt lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng nghiên cứu phong cách nghệ thuật:

- Nhận xét khái quát về phong cách nghệ thuật của tác giả văn học.
- Phân tích những biểu hiện của phong cách đó qua một số bình diện như: cách lựa chọn đề tài (nhân vật, sự kiện, sự việc,...); quan niệm thẩm mỹ; đối tượng, nhân vật; thể loại nổi bật; nghệ thuật sử dụng ngôn từ;...
- Thể hiện cái nhìn bao quát của người viết về những giá trị nổi bật, xuyên suốt làm nên sức hấp dẫn của phong cách nghệ thuật của tác giả.
- Thể hiện quan điểm đánh giá khách quan với những bằng chứng phong phú, sát hợp.
- Ngôn ngữ đảm bảo tính khoa học.

#### \*Sơ đồ dàn ý:

<b>Mở bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giới thiệu tác giả văn học:</li> <li>- Tên tác giả;</li> <li>- Nêu khái quát những đóng góp chủ yếu của tác giả đối với nền văn học hoặc những điểm đặc sắc so với các tác giả khác.</li> </ul>
<b>Thân bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lần lượt trình bày từng điểm đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của tác giả:</li> <li>- Đề tài, chủ đề chính;</li> <li>- Tư tưởng, cảm hứng chủ đạo;</li> <li>- Kiểu/ loại nhân vật, hình tượng cơ bản;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghệ thuật sử dụng hình ảnh;</li> <li>- Các phương thức, phương tiện nghệ thuật đặc trưng;</li> <li>- ...</li> </ul>
<b>Kết bài</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khẳng định ý kiến đã nêu ở mở bài về những đóng góp của tác giả đối với nền văn học hoặc với giai đoạn văn học mà tác giả đó sống;</li> <li>- Có thể nêu ý nghĩa của tác giả đối với bản thân/ người đọc.</li> </ul>

#### 4. Viết theo hướng dựng chân dung tác giả văn học

GV hướng dẫn HV chốt lại đặc điểm và yêu cầu của bài viết theo hướng dựng chân dung tác giả văn học:

- Đây là cách giới thiệu tác giả theo cảm nhận cá nhân của người đọc. Người viết cần lựa chọn một vài điểm nổi bật trong cuộc đời và tác phẩm của tác giả để trình bày cảm nghĩ, nhận xét, diễn giải.

- Bày tỏ ý kiến và cảm nghĩ cá nhân một cách khách quan.
- Văn phong linh hoạt, biểu cảm.
- Có thể sử dụng tranh, ảnh để minh họa.

#### **Hoạt động 3: Thực hành**

GV hướng dẫn quy trình viết

##### **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**

- Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc:

Đề tài bài giới thiệu chính là đề tài về sự nghiệp và phong cách tác giả mà HV đã lựa chọn để thực hiện ở phần trước. Mục đích của bài giới thiệu là để công bố với bạn đọc kết quả tìm hiểu của bạn về những đóng góp của tác giả đó đối với nền văn học.

Thông thường một bài giới thiệu có thể công bố bằng nhiều cách, với nhiều đối tượng bạn đọc khác nhau như đăng trên báo tường chuyên đề học tập của lớp, tập san của trường, tạp chí khoa học... Mỗi phương thức công bố sẽ có những yêu cầu khác nhau đối với bài giới thiệu, hướng đến những đối tượng bạn đọc khác nhau.

- Thu thập tài liệu: HV tiến hành thu thập, xử lý tài liệu trong quá trình tìm hiểu về tác giả. Ở bước này, HV lập danh mục tài liệu tham khảo cho bài viết bằng cách chọn lọc những tài liệu liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu sẽ trình bày trong bài viết.



## Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Để tìm ý, HV có thể thực hiện phiếu thông tin tác giả dựa vào mẫu sau:

Tên tác giả: .....	
Giai đoạn lịch sử hoặc giai đoạn văn học	?
Các tác phẩm nổi bật	?
Các đề tài, chủ đề thường gặp trong tác phẩm của tác giả đó.	?
Các thủ pháp nghệ thuật thường gặp trong tác phẩm của tác giả đó.	?
Đóng góp chính của tác giả đó đối với nền văn học.	?

Trên cơ sở kết quả tìm hiểu, khảo sát về tác giả, HV tiến hành làm ý cho bài giới thiệu. Cụ thể như sau:

### Hướng 1: Giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả văn học

HV có thể tìm những ý chính về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả văn học bằng cách tự đặt ra những câu hỏi:

- Vì sao bạn quan tâm đến tác giả này?
- Tác giả sống ở giai đoạn lịch sử nào? Những đặc điểm nào trong cuộc đời tác giả ảnh hưởng đến sự nghiệp văn học?
- Sự nghiệp văn học của tác giả chia làm mấy giai đoạn? Đặc điểm sáng tác và những tác phẩm tiêu biểu ở từng giai đoạn là gì?
- Ở từng giai đoạn sáng tác, đóng góp của tác giả với nền văn học và với xã hội.

### Hướng 2: Giới thiệu về phong cách nghệ thuật của tác giả văn học

HV có thể tìm những ý chính về phong cách nghệ thuật của tác giả văn học bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Tác giả sáng tác những thể loại nào? Tác giả có đóng góp quan trọng nhất ở thể loại nào?
- Tác giả sáng tác theo những đề tài, chủ đề, cảm hứng nào? Đây là những đề tài, chủ đề, cảm hứng độc đáo nhất?

Khi sáng tác, tác giả có những kiểu hình lượng, kiểu nhân vật nào đặc trưng Tác giả thường thành công khi sử dụng những thủ pháp nghệ thuật nào (về kết cấu, cốt truyện; cách xây dựng nhân vật; về từ ngữ, hình ảnh; các biện pháp tu từ...)?

- Các tác giả khác có viết về những đề tài, chủ đề tương tự hay không? Có sử dụng những thủ pháp nghệ thuật tương tự hay không? Nếu có, cách viết của tác giả này so với các tác giả khác có gì độc đáo, khác biệt?

- Trước khi tác giả đó xuất hiện, nền văn học đang có những đặc điểm gì nổi bật? Khi xuất hiện, tác giả đã mang đến điều gì mới mẻ cho văn học?

Lập dàn ý: HV sắp xếp các ý tìm được vào dàn ý của bài giới thiệu, thường gồm các phần sau:

- Giới thiệu về tác giả và đóng góp chính yếu của tác giả đó đối với nền văn học.

- Lần lượt nêu từng luận điểm (ít nhất là hai luận điểm) theo sơ đồ dàn ý kiểu bài.

- Mỗi luận điểm được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và bằng chứng kèm phân tích.

- Khái quát và khẳng định lại đóng góp, ý nghĩa và vai trò của tác giả đó trong lịch sử văn học.

- Dự kiến các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu...) để tăng sự sinh động, trực quan cho bài viết. Chú ý đến sự liên kết giữa các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ với nội dung bài viết.

**Bước 3: Viết bài:** Từ dàn ý đã lập, HV tiến hành viết bài giới thiệu hoàn chỉnh. Cần đảm bảo:

- Có những câu văn nêu rõ luận điểm, nhấn mạnh chủ đề của từng đoạn.

- Ngôn ngữ khách quan, trung tính, không ca ngợi thái quá, không nặng cảm xúc. Sử dụng lớp từ ngữ chung, không dùng từ địa phương, biệt ngữ xã hội.

- Nhan đề ngắn gọn, súc tích, nêu tên tác giả và có thể nêu đặc điểm quan trọng nhất của sự nghiệp/ phong cách tác giả đó.

- Có thể trích dẫn một số ý kiến đánh giá về tác giả đó của các nhà phê bình văn học có uy tín nhằm tăng sức thuyết phục cho bài giới thiệu.

#### **Bước 4: Kiểm tra lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

Sau khi viết xong, HV đọc lại bài viết của mình và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

#### **Bảng kiểm bài giới thiệu về một tác giả văn học**

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Tiêu đề	Nêu được tên tác giả và khái quát được nội dung chính của bài viết.		
	Nêu đánh giá, nhận định khái quát về tác giả.		

Mở bài	Nhận xét chung về đóng góp của tác giả với nền văn học.		
Thân bài	Nêu được ít nhất hai luận điểm về cuộc đời và sự nghiệp văn học/ phong cách nghệ thuật của tác giả.		
	Lập luận, lí giải để làm rõ các đặc điểm về cuộc đời và sự nghiệp văn học/ phong cách nghệ thuật của tác giả.		
	Đưa ra bằng chứng và phân tích để chứng minh những đặc điểm về cuộc đời và sự nghiệp văn học/ phong cách nghệ thuật của tác giả.		
Kết bài	Khẳng định lại quan điểm của người viết về đóng góp của tác giả với nền văn học, với xã hội và lịch sử.		
Kĩ năng lập luận, diễn đạt	Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí, có sử dụng các phép liên kết và câu chủ đề phù hợp.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, từ ngữ khách quan, trung tính, đảm bảo về chính tả, ngữ pháp.		
	Trích dẫn đúng cách, sử dụng được các phương tiện phi ngôn ngữ, các cước chủ đề làm rõ nội dung bài viết.		

Rút kinh nghiệm: Từ bài viết của mình, nêu một số kinh nghiệm khi viết bài giới thiệu về một tác giả văn học.

### III. Thực hành

Tóm tắt quy trình viết bài giới thiệu về tác giả văn học:

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Điều cần lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	- Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc. - Thu thập tài liệu	- Đề tài là đề tài về sự nghiệp và phong cách tác giả mà bạn lựa chọn. - Thu thập tài liệu bằng cách lập bảng danh mục tài liệu tham khảo cho mạch lạc và logic.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	- Tìm ý - Lập dàn ý	- Dựa vào bảng tìm ý (SGK/77)
Bước 3: Viết bài	- Tiến hành viết bài hoàn chỉnh theo dàn ý đã chuẩn bị.	- Câu văn nêu rõ luận điểm, nhấn nhá chủ đề của từng đoạn. - Ngôn ngữ khách quan, trung thực. - Nhan đề ngắn gọn, súc tích.
		- Trích dẫn một số ý kiến đánh giá về tác giả.
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	- Xem lại bài và chỉnh sửa nếu có lỗi.	- Dựa vào bảng kiểm bài (SGK/79)

- HV viết bài và đại diện HV báo cáo kết quả trước lớp.

### PHẦN 3

## THUYẾT TRÌNH GIỚI THIỆU MỘT TÁC GIẢ VĂN HỌC

### 1. Những lưu ý về yêu cầu của việc thuyết trình về một tác giả văn học

- Bài thuyết trình phải đáp ứng mục đích của hoạt động Nói và nghe và cần đảm bảo quy trình thực hành nói – nghe (chuẩn bị, trình bày, trao đổi).

- Bám sát nội dung và các bước thực hành đọc và viết, nhằm trình bày được những thông tin cơ bản, giúp người nghe hiểu về cuộc đời và sáng tác của tác giả văn học theo hướng tiếp cận riêng của cá nhân hoặc nhóm.

- Bài thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học cần có sức hấp dẫn, lôi cuốn, tác động tích cực đến người nghe.

### 2. Gợi ý tổ chức hoạt động thuyết trình

Tùy theo điều kiện cụ thể, GV có thể tổ chức hoạt động thuyết trình theo một trong hai hình thức: thuyết trình cá nhân hoặc tổ chức diễn đàn giới thiệu về tác giả văn học.

- Với hình thức thuyết trình cá nhân, tiến trình tổ chức tương tự hình thức tổ chức hoạt động Nói và nghe với mỗi bài học trong SGK. Với hình thức diễn đàn, quy mô và không gian tổ chức mở rộng hơn, do vậy GV và HV cần xây dựng kế hoạch từ trước để chủ động bố trí thời gian phù hợp.

## **2.1. Cách thức thuyết trình cá nhân giới thiệu về một tác giả văn học**

### **Bước 1: Chuẩn bị thuyết trình**

#### **Xác định đề tài vấn đề, không gian, thời gian thuyết trình:**

- Đề tài của bài thuyết trình đã được xác định ở bài giới thiệu về tác giả văn học. Mục đích của bài thuyết trình là trình bày nội dung cho người nghe, sao cho thuyết phục được người nghe về những đóng góp và những điểm đặc sắc của tác giả đó trong nền văn học.

- Do đó, bạn cần đặt các câu hỏi: Ai sẽ là người nghe bạn trình bày? Bạn sẽ nói ở đâu? Bài thuyết trình có thời gian bao lâu? Bạn sẽ dành bao nhiêu thời gian cho phần trao đổi với người nghe? ...

#### **Tìm ý, lập dàn ý**

Nội dung trình bày đã được bạn chuẩn bị trong bài giới thiệu. Lúc này bạn sẽ chuyển dàn ý đó thành dàn ý bài thuyết trình. Do đó, bạn nên chuẩn bị thêm:

- Sơ đồ tóm tắt nội dung bài giới thiệu để có thể thuyết trình một cách rõ ràng và hiệu quả, giúp người nghe nắm được các ý chính.

- Một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để phần thuyết trình thêm rõ ràng và thu hút: tranh hoặc ảnh chân dung tác giả, hình ảnh bút tích của tác giả, hình ảnh các địa danh liên quan đến cuộc đời tác giả, ảnh bìa các tác phẩm đã in của tác giả...

- Thiết kế tập tin trình chiếu để hỗ trợ cho bài thuyết trình.

- Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phần phản hồi. Chẳng hạn, với bài thuyết trình giới thiệu về tác giả văn học, người nghe có thể sẽ muốn biết thêm về:

+ Những sự kiện lịch sử diễn ra trong thời gian hoạt động nghệ thuật của tác giả và tác động của chúng đến tác giả.

+ Những điểm tương đồng và khác biệt về phong cách giữa tác giả với các tác giả khác thuộc cùng giai đoạn văn học (hoặc khác giai đoạn nhưng cùng sáng tác ở một thể loại, một đề tài...).

+ Những thay đổi về cảm hứng hoặc bút pháp của tác giả qua từng giai đoạn hoặc từng thể loại, từng mảng đề tài.

+ Những ảnh hưởng của các tác giả đi trước đến quan niệm sáng tác và bút pháp của tác giả đó.

### **Bước 2: Luyện tập và trình bày**

Khi luyện tập, HV cần:

- Lựa chọn cách mở đầu hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người nghe.
- Lựa chọn từ ngữ sao cho đơn giản, dễ hiểu, khách quan, trung tính.
- Trích dẫn các bằng chứng một cách hợp lí, làm sáng tỏ được luận điểm.
- Chú ý chuyển tiếp giữa các phần, các ý để người nghe dễ theo dõi.

Khi trình bày, bạn cần:

- Dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị từ trước.
- Kết hợp ngôn ngữ nói với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Tương tác với người nghe bằng ánh mắt và sử dụng cử chỉ vừa phải.
- Đảm bảo thời gian cho phép.

### ***Bước 3: Trao đổi và đánh giá***

Trao đổi:

Khi trao đổi, HV cần:

- Thể hiện thái độ cầu thị, cảm ơn ý kiến đóng góp của người nghe. Lắng nghe câu hỏi, hỏi lại nếu chưa hiểu rõ câu hỏi.

- Trả lời câu hỏi một cách nhẹ nhàng, lịch sự, tôn trọng quan điểm của người khác.

Đánh giá:

Dùng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá bài giới thiệu của HV:

**Bảng kiểm thuyết trình giới thiệu về một tác giả văn học**

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Chào hỏi và tự giới thiệu.		
	Giới thiệu về tác giả và nhận định khái quát về đóng góp của tác giả đối với nền văn học.		
Nội dung chính	Giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp và các điểm đặc sắc - trong phong cách nghệ thuật của tác giả.		
	Đưa bằng chứng và phân tích để chứng minh về đóng góp của tác giả.		
	Lí giải, đánh giá về những đóng góp của tác giả đối với nền văn học.		

Kết thúc	Tóm tắt và khẳng định được nội dung trình bày về tác giả.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, từ ngữ khách quan, trung tính.		
	Kết hợp sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. Đảm bảo thời gian quy định.		
	Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói.		

- Sau khi HV trình bày bài thuyết trình, GV dành thời gian để trao đổi về nội dung bài nói. Nội dung trao đổi, những yêu cầu đối với người nói và người nghe khi trao đổi tương tự các bài thực hành nói và nghe đã được giới thiệu trong SGK.

- GV nhận xét, đánh giá về nội dung thuyết trình (lựa chọn đánh giá cả người nói và người nghe).

- Tham khảo một số mẫu phiếu sau:

<p><b>PHIẾU NGHE</b></p> <p>Họ và tên người thuyết trình:.....</p> <p>Tác giả văn học được người thuyết trình chọn: .....</p> <p>Họ và tên người nghe: .....</p> <p>Nội dung nghe:</p> <p>– Những ý chính về tác giả văn học được người nói trình bày:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>– Những nội dung cần hỏi, trao đổi thêm:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>– Ấn tượng, nhận xét về bài trình bày của người nói:</p> <p>+ Về nội dung: .....</p> <p>.....</p> <p>+ Về cách trình bày: .....</p> <p>.....</p>
--

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ PHẦN THUYẾT TRÌNH CỦA CÁ NHÂN</b>				
<b>Nội dung đánh giá</b>		<b>Mức độ</b>		
		<b>Tốt</b>	<b>Đạt</b>	<b>Chưa đạt</b>
Nội dung	Thể hiện mục đích giới thiệu			
	Giới thiệu những thông tin chung về tác giả			
	Giới thiệu những nội dung nổi bật về tác phẩm của tác giả			
	Đánh giá về vị trí, đóng góp của tác giả			
Cách trình bày	Phong thái chủ động, tự tin			
	Sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp			
	Tương tác với người nghe			

<b>PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGƯỜI NGHE</b>				
<b>Nội dung đánh giá</b>		<b>Mức độ</b>		
		<b>Tốt</b>	<b>Đạt</b>	<b>Chưa đạt</b>
Thể hiện sự quan tâm với phần trình bày của người nói				
Ghi chép được những ý chính bài trình bày của người nói				
Đặt ra được những câu hỏi hoặc nêu được những nhận xét về bài thuyết trình				
Chia sẻ những ý kiến với người nói bằng thái độ đối thoại				
Tương tác với người nói trong quá trình nghe				

## **2.2. Tổ chức diễn đàn giới thiệu về tác giả văn học**

- Để tổ chức diễn đàn hấp dẫn và hiệu quả, GV có thể định hướng để HV lựa chọn một tác giả lớn đang thu hút sự quan tâm của độc giả hoặc bàn về một hay một số tác giả được học trong chương trình (tiêu biểu cho một xu hướng,



trào lưu, thời đại văn học, phong cách nghệ thuật), đồng thời xây dựng kế hoạch chi tiết cho các nội dung/ hoạt động.

- GV cùng HV thực hiện theo từng bước Tổ chức diễn đàn: Chuẩn bị – Tổ chức diễn đàn – Đánh giá kết quả diễn đàn. Cần theo dõi, giám sát từng bước của quy trình tổ chức diễn đàn để có sự hướng dẫn, điều chỉnh phù hợp với thực tế.

- GV lưu ý việc lựa chọn ban tham vấn để hỗ trợ HV. Trong phạm vi một CD học tập, việc tổ chức diễn đàn giúp HV vừa được trình bày các kết quả tìm hiểu về tác giả văn học, vừa có dịp tìm hiểu sâu hơn về tác giả khi có sự tham gia của ban tham vấn là các thầy cô giáo, các chuyên gia,... những người có uy tín, có chuyên môn có thể trả lời, trao đổi về những vấn đề mà HV muốn tìm hiểu thêm về tác giả văn học.

**\*Đánh giá kết quả diễn đàn:**

- GV kết hợp đánh giá sự tham gia của HV trong mỗi hoạt động, đặc biệt cần khích lệ để HV nhận thức được việc tổ chức diễn đàn là một hoạt động cần thiết khi HV lựa chọn chuyên đề Ngữ văn theo định hướng nghề nghiệp.

Có thể đánh giá việc tổ chức diễn đàn theo phiếu đánh giá sau:

Nội dung đánh giá	Mức độ		
	Tốt	Đạt	Chưa đạt
Chọn được tác giả hoặc một số tác giả để xây dựng chủ đề diễn đàn			
Xây dựng được kế hoạch tổ chức diễn đàn			
Thực hiện các hoạt động chuẩn bị: thành lập được Ban tổ chức, Ban tham vấn, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, chuẩn bị cơ sở vật chất,...			
Người dẫn chương trình điều khiển và kết nối được các hoạt động của chương trình diễn đàn			
Diễn giả trình bày vấn đề được lựa chọn về tác giả, có sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ			
Sự tương tác giữa diễn giả và Ban tham vấn trong quá trình giao lưu, trao đổi, thảo luận			
Không khí diễn đàn cởi mở, hợp tác			
Rút ra được thông điệp của diễn đàn			

**- Ví dụ:**

\* *Chủ đề diễn đàn: Nguyễn Huy Thiệp – Như những ngọn gió*

(1) Mục tiêu của diễn đàn:

- Tìm hiểu và chia sẻ ý kiến, quan điểm của cá nhân hoặc nhóm về những điểm nổi bật trong cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả Nguyễn Huy Thiệp.

- Phát triển kỹ năng thuyết trình cá nhân và kỹ năng giao tiếp, hợp tác nhóm thông qua các hoạt động tổ chức diễn đàn.

(2) Đối tượng và quy mô diễn đàn:

- Toàn khối lớp 11.

- HV, các thầy cô giáo, chuyên gia.

(3) Tài liệu và phương tiện:

- Hội trường đủ rộng cho số lượng HV tham gia diễn đàn.

- Micro và loa đài.

- Ghế ngồi cho khách mời, ban tham vấn.

- Những nội dung, câu hỏi thu thập được trước diễn đàn.

- Một vài hình ảnh về tác giả Nguyễn Huy Thiệp, băng rôn.

(4) Các bước tiến hành

***Chuẩn bị:***

- *Thành lập Ban tổ chức diễn đàn* gồm: đại diện Ban Giám đốc hoặc tổ trưởng chuyên môn, GV dạy môn Ngữ văn, nhóm HV nòng cốt. Ban tổ chức diễn đàn thống nhất mục tiêu, nội dung, cách tiến hành hoạt động và thời gian, địa điểm tổ chức diễn đàn.

- *Thành lập tổ tham vấn:* có thể mời một giáo viên giỏi dạy môn học Ngữ văn; một chuyên gia nghiên cứu hoặc có hiểu biết về tác giả Nguyễn Huy Thiệp.

- Ban tổ chức thông báo cho HV về mục tiêu, nội dung, thời gian và địa điểm tổ chức diễn đàn để học sinh chuẩn bị các ý kiến trình bày, trao đổi trong diễn đàn.

Ban tổ chức có thể định hướng về một số nội dung có liên quan đến chủ đề của diễn đàn:

+ *Những đặc điểm nào trong cuộc đời Nguyễn Huy Thiệp có liên quan đến sáng tác của ông?*

+ *Tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp bao gồm những mảng đề tài nào? Mảng đề tài hoặc tác phẩm nào bạn tâm đắc nhất?*

+ *Phong cách sáng tác nổi bật của Nguyễn Huy Thiệp? Điểm độc đáo trong văn chương của Nguyễn Huy Thiệp?*

+ *Những giá trị và đóng góp của Nguyễn Huy Thiệp đối với văn học Việt Nam hiện đại?*

- HV các lớp trao đổi, phân công chuẩn bị và đăng kí nội dung trình bày trong diễn đàn. Có thể giao cho một cá nhân nòng cốt hoặc một nhóm HV chuẩn bị; có thể chuẩn bị thêm những tranh ảnh, phương tiện hỗ trợ bài trình bày. Trong quá trình HV chuẩn bị, GV cần quan tâm, giúp đỡ để bổ sung, điều chỉnh nội dung diễn đàn cho hoàn thiện hơn.

- Ban tổ chức diễn đàn tập hợp, thu thập nội dung đăng kí của các lớp để lựa chọn diễn giả trình bày, dự kiến trước những vấn đề sẽ trao đổi và mời chuyên gia tham vấn cho diễn đàn. Ban tổ chức diễn đàn kiểm tra việc chuẩn bị các phương tiện và điều kiện tổ chức khác. Gửi giấy mời đến tổ tham vấn và khách mời. Cử 1 hoặc 2 HV dẫn chương trình.

Có thể chuẩn bị một số tiết mục văn nghệ chào mừng và tạo không khí cho diễn đàn..

### **Tổ chức diễn đàn**

#### **- Mở đầu:**

+ Ôn định tổ chức, đón tiếp đại biểu.

+ Người dẫn chương trình tuyên bố lý do tổ chức diễn đàn và giới thiệu đại biểu.

+ Người dẫn chương trình giới thiệu chủ đề của diễn đàn, mục tiêu, chương trình diễn đàn, khách mời, diễn giả, các thành phần tham gia khác.

+ Văn nghệ chào mừng (nếu có)

#### **- Nội dung Diễn đàn:**

+ Dẫn chương trình giới thiệu nội dung trình bày và diễn giả.

+ Diễn giả thuyết trình vấn đề đã chuẩn bị về tác giả Nguyễn Huy Thiệp.

+ Dẫn chương trình kết nối diễn giả với cử tọa để hỏi, trao đổi về một số khía cạnh liên quan đến tác giả và vấn đề vừa được diễn giả trình bày. Diễn giả có thể giải đáp nhanh gọn một số câu hỏi do người nghe nêu lên.

+ Dẫn chương trình mời tổ tham vấn cho ý kiến về các vấn đề mà học sinh đã trao đổi.

+ Có thể trình bày tiếp các nội dung đã được chuẩn bị về Nguyễn Huy Thiệp (tiến trình như trình bày nội dung thứ nhất).

- **Bế mạc Diễn đàn:** Dẫn chương trình kết thúc diễn đàn bằng việc khẳng định vị trí của tác giả Nguyễn Huy Thiệp, gắn với chủ đề diễn đàn, nêu một thông điệp hoặc bài học rút ra từ nội dung trao đổi tại diễn đàn.

### 3. Một số đề thực hành

- Những đóng góp của Nam Cao đối với đề tài người nông dân trong văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

- Những đóng góp của Vũ Trọng Phụng đối với văn học trào phúng Việt Nam.

- Thơ Tố Hữu trong dòng chảy thơ ca dân tộc.

- Hoàng Nhuận Cầm và những bài thơ về tuổi học trò.

- Một số đặc điểm tính nữ trong thơ Xuân Quỳnh

## IV. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

### 1. Xây dựng chuẩn đánh giá theo yêu cầu cần đạt của Chương trình Ngữ văn 11 GDTX

Đánh giá định kì diễn ra vào giữa và cuối học kì hoặc cuối khóa học nhằm cung cấp thông tin về kết quả học tập của HV so với mục tiêu giáo dục của mỗi giai đoạn. Nó là cơ sở để phân loại, lựa chọn HV, phân phối HV vào các chương trình kiểm tra thích hợp, được lên lớp hay thi lại, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp cho HV và đưa ra những nhận xét tổng hợp về toàn bộ quá trình học tập của HV... Đánh giá định kì góp phần vào việc cải thiện kết quả học tập của HV trong giai đoạn học tập được đánh giá và cung cấp thông tin làm cơ sở cho việc cải tiến giai đoạn học tập này trong tương lai, cho những lớp HV kế tiếp.

Trong ĐGDK, việc sử dụng chuẩn đánh giá là cực kỳ quan trọng. Đây là cách để đảm bảo tính khách quan và công bằng trong đánh giá, tránh những đánh giá chủ quan hoặc thiên vị.

Có thể sử dụng chuẩn đánh giá theo mức độ hoàn thành các mục tiêu giáo dục, theo các tiêu chí như kiến thức, kỹ năng, thái độ, cũng như các chỉ số định lượng. Đảm bảo chuẩn đánh giá được công bố và thông báo cho HV trước khi thực hiện, để HV biết được tiêu chí và cách thức đánh giá của mình.

Ngoài ra, cần đảm bảo việc tiếp cận, thu thập thông tin và đánh giá được khách quan và đáng tin cậy. Có thể sử dụng các phương pháp như đánh giá tổng hợp của nhiều GV, bài kiểm tra, đồng thời sử dụng các đánh giá của HV và cha mẹ HV để tăng tính khách quan.

Cuối cùng, đánh giá HV không chỉ là phân loại hay xếp hạng học lực, mà cần quan tâm đến sự tiến bộ và phát triển của HV, từ đó giúp HV nâng cao năng lực và đạt được mục tiêu giáo dục.

Ví dụ: chuẩn đánh giá năng lực đọc văn bản truyện lớp 11 được xác định như sau:

<b>NL đặc thù</b>	<b>NL thành phần</b>	<b>NL thành phần</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>	<b>Chuẩn đánh giá</b>
<b>NL1 Đọc</b>	<b>NL1.1 Đọc VB truyện</b>	NL1.1.1 Đọc hiểu nội dung VB truyện	YCCĐ 1.1.1.1 – Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	<p>- Mức 1: Phân tích được một số chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đưa ra được nhận xét về một số chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>- Mức 2: Phân tích được đầy đủ các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đưa ra được nhận xét về vai trò, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.</p> <p>Mức 3: Đạt được mức 2, đưa ra những nhận xét độc đáo, mới mẻ.</p>
<b>NL1 Đọc</b>	<b>NL1.1 Đọc VB truyện</b>	NL1.1.1 Đọc hiểu nội dung VB truyện	YCCĐ 1.1.1.2 - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông	- Mức 1: Bước đầu phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật

			qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.	của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề. - Mức 2: Phân tích đầy đủ chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề. - Mức 3: Đạt được mức 2 và đưa ra được ý kiến phân tích sâu sắc, thuyết phục, mới mẻ.
<b>NL1</b> <b>Đọc</b>	<b>NL1.1</b> <b>Đọc</b> <b>VB</b> <b>truyện</b>	NL1.1.1 Đọc hiểu nội dung VB truyện	YCCĐ 1.1.1.3 Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh từ văn bản.	- Mức 1: Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh từ văn bản nhưng chưa đầy đủ. - Mức 2: Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh từ văn bản. - Mức 3: Đạt được mức 2 và đưa ra một số phân tích thể hiện sự am hiểu sâu sắc, có quan điểm riêng.

<p><b>NL1</b> <b>Đọc</b></p>	<p><b>NL1.1</b> <b>Đọc</b> <b>VB</b> <b>truyện</b></p>	<p>NL 1.1.2 Đọc hiểu hình thức VB truyện</p>	<p>YCCĐ 1.1.2.1 - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p>	<p>- Mức 1: Nhận diện và nêu được đặc điểm của một số yếu tố trong truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p> <p>- Mức 2: Nhận ra và phân tích được tác dụng của một số yếu tố trong truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...</p> <p>- Mức 3: Đạt được mức 2 và đưa ra được dẫn chứng tiêu biểu, trình bày bằng ngôn ngữ của cá nhân.</p>
		<p>NL 1.1.3</p>	<p>YCCĐ 1.1.3.1 Vận dụng được kinh nghiệm đọc,</p>	<p>- Mức 1: Bước đầu vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc</p>

		Liên hệ, so sánh, kết nối	trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.	<p>sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.</p> <p>- Mức 2: Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.</p> <p>- Mức 3: Đạt được mức 2 và có những nhận xét, đánh giá đa chiều, khả năng tổng hợp cao</p>
			<p>YCCĐ 1.1.3.4</p> <p>Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.</p>	<p>- Mức 1: Bước đầu phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.</p> <p>- Mức 2: Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.</p> <p>- Mức 3: Đạt được mức 2 và đưa ra được đánh giá mới mẻ, độc đáo.</p>



Chuẩn đánh giá năng lực viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội của lớp 11 được xác định như sau:

NL đặc thù	NL thành phần	NL thành phần	Yêu cầu cần đạt	Chuẩn đánh giá
NL2 VIẾT	NL2.1 Viết văn bản nghị luận	NL2.1.1 Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	YCCĐ 2.1.1.1 Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội, trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.	<p>Mức 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu của kiểu bài: Bước đầu đưa ra được luận điểm rõ ràng, thể hiện được thái độ của người viết về vấn đề xã hội, đưa ra hệ thống lí lẽ và bằng chứng chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.</li> <li>- Bố cục: đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần thân bài còn thiếu từ 1 – 2 ý cần triển khai;</li> <li>- Trình bày: Mắc từ 2 -3 lỗi diễn đạt và chính tả trở lên, thiếu sự liên kết trong bài viết.</li> </ul> <p>Mức 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu của kiểu bài: đưa ra được hệ thống luận điểm rõ ràng, chặt chẽ, thể hiện được quan điểm, thái độ của người viết về vấn đề xã hội, đưa ra hệ thống lí lẽ và bằng chứng chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ, làm sáng tỏ được luận điểm; Nêu và phân tích, trao đổi được về các ý kiến đặt ra.</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố cục: đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài); đảm bảo các ý cần triển khai.</li> <li>- Trình bày: đúng ngữ pháp tiếng Việt, mắc 1 - 2 lỗi chính tả, đảm bảo sự liên kết.</li> </ul> <p>Mức 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Yêu cầu của kiểu bài: đạt được mức 2 và phân tích, trao đổi được các ý kiến trái chiều một cách thuyết phục.</li> <li>- Bố cục: Phần thân bài sắp xếp các luận điểm phù hợp, logic, thể hiện quan điểm người viết.</li> <li>- Trình bày: mạch lạc, trong sáng; chặt chẽ, thuyết thuyết phục, không mắc lỗi chính tả.</li> </ul>
--	--	--	--	---

## 2. Thiết kế bộ đề đánh giá định kì (bài test) dựa trên chuẩn năng lực

Chuẩn đánh giá năng lực được thực hiện trong các giai đoạn đánh giá (cuối kì, cuối năm, cuối cấp), thường được áp dụng trong đánh giá ở phạm vi trung tâm và đánh giá trên diện rộng.

Theo chuẩn đánh giá năng lực môn Ngữ văn, ĐGĐK cần bao quát đầy đủ 4 mạch nội dung là đọc, viết, nói và nghe. Công cụ ĐGĐK có thể là đề kiểm tra, bài nghiên cứu, bài tập dự án,... Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế hiện nay, nội dung ĐGĐK thường tập trung vào hai mạch đọc và viết (mạch nói và nghe được tăng cường trong đánh giá quá trình), công cụ đánh giá được sử dụng phổ biến là đề kiểm tra.

Sau đây là định hướng về thiết kế đề kiểm tra trong đánh giá tổng kết, bao gồm: thiết kế bản đặc tả/ma trận tổng thể; xây dựng đề kiểm tra; thu thập và xử lí thông tin.

Bản đặc tả tổng thể các bài test được xây dựng cần bao quát được các mạch nội dung của chương trình môn học theo từng lớp. Bản đặc tả gồm hai chiều: chiều dọc là các năng lực và thành tố của năng lực đọc và viết; chiều ngang là các mức độ phát triển dự kiến (nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận

dung cao). Trong các ô sẽ đặc tả các tiêu chí và các chỉ số hành vi tương ứng với dòng và cột. Sau đây là bảng tổng hợp đặc tả nội dung đánh giá định kì môn Ngữ văn lớp 11 (bảng khái quát).

Dựa trên bản đặc tả sẽ thiết kế ma trận đề và đề kiểm tra định kì với mục đích và thời lượng khác nhau. Ma trận và các đề kiểm tra minh họa (có tính chất tham khảo) sẽ được đưa vào **Phụ lục 1** của tài liệu.

TT	KN	Nội dung					Tổng
			Nhận biết (1)	Thông hiểu (2)	Vận dụng (3)	Vận dụng cao (4)	
1	Đọc	Truyện ngắn hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện nội dung khái quát của văn bản theo kiểu loại</li> <li>- Xác định một số yếu tố về hình thức và nội dung liên quan đến đặc điểm của loại, thể loại văn bản</li> <li>- Nhận diện một số biện pháp tu từ trong văn bản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, lí giải các chi tiết, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, các yếu tố nghệ thuật,... phù hợp với thể loại</li> <li>- Phân tích, lí giải cách trình bày luận điểm, lí lẽ, bằng chứng; cách trình thông tin, kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ</li> <li>- Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được chủ đề, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, tác động của văn bản đối với cuộc sống; ý nghĩa, tác động của văn bản đối với cá nhân</li> <li>- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích, đánh giá các giá trị của văn bản theo tiếp cận cá nhân</li> <li>- Liên hệ, kết nối các yếu tố liên văn bản, vận dụng vào giải quyết tình huống thực tiễn</li> </ul>	
		Truyện thơ					
		Thơ trữ tình					
		Truyện kí					
		Tuỳ bút, tản văn					
		Kịch bản văn học					
		Văn bản nghị luận (xã hội)					
		Văn bản nghị luận (văn học)					
		Văn bản thông tin					
		Tác gia Nguyễn Du					
Thực hành tiếng Việt							
2	Viết	Viết văn bản NL về một vấn đề xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện đối tượng, vấn đề</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc hình thức bài viết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích các yếu tố, chi tiết liên quan đến đối tượng, vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát các phương diện của vấn đề</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phát hiện, ý tưởng riêng, mới mẻ</li> <li>- Có cách diễn đạt, trình bày độc đáo</li> </ul>	
		Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc					

	một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng	- Chính tả, chữ viết	- Lí giải các khía cạnh của đối tượng, vấn đề	- Dùng từ, đặt câu đúng	- Đánh giá ý nghĩa của vấn đề		
	Viết văn bản nghị luận về một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng						
	Viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.						
	Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội						

**PHỤ LỤC 1**  
**THIẾT KẾ MA TRẬN VÀ ĐỀ KIỂM TRA**  
**DỰA TRÊN CHUẨN ĐÁNH GIÁ**

Dựa trên bảng tổng hợp trên sẽ tiến hành xây dựng các đề kiểm tra định kì với thời gian làm bài khác nhau (từ 90-120 phút).

**ĐỀ SỐ 1**

a) Ma trận đề

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc (tích hợp Thực hành tiếng Việt)	Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm	4	0	3	1	1	0	1	10	
		Truyện ngắn / tiểu thuyết hiện đại									
		Bi kịch									
		Kí, tùy bút hoặc tản văn									
		Thơ									
		Văn bản thông tin									
		Văn nghị luận									
		Tác gia Nguyễn Du									
		Thực hành tiếng Việt									
	Tỉ lệ (%)	16% (0.4)		12% (0.3)	4% (0.1)		8% (0.8)		10% (1.0)	50%	
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	1 (TL)								1
		Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng.									

	Viết bài thuyết minh có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận									
	Viết báo cáo nghiên cứu.									
	Tỉ lệ (%)		10%		15%		15%		10%	50%
	<b>Tổng</b>	<b>16</b>	<b>10</b>	<b>12</b>	<b>19</b>		<b>23</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>100</b>
	<b>Tỉ lệ %</b>	<b>26%</b>		<b>31%</b>		<b>23%</b>		<b>15%</b>		
	<b>Tỉ lệ chung</b>	<b>57%</b>			<b>43%</b>					

b) Thiết kế đề kiểm tra (90 phút)

### Phần 1. Đọc hiểu

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.

#### MÂY TRẮNG CÒN BAY

**Bảo Ninh**

Máy bay cất cánh trong mưa. Tiếng còi bánh xe gấp lại có vẻ mạnh hơn bình thường dội độ rung vào thân máy bay. Tôi tiếc là đã không nghe lời vợ. Đáng lý nên trả vé, đừng theo chuyến này. Ngày xấu, giờ xấu, thời tiết xấu.

Máy bay hẫng một cái như hụt bước. Tay vận complet ngồi bên cạnh tôi mặt nhợt đi, mắt nhắm nghiền, cặp môi run run. Tôi bấu chặt các ngón tay vào thành ghế. Con người tôi bé tí hìn treo trên vực sâu đang càng lúc càng sâu thẳm.

- Mây ngay ngoài, các bác kia! - bà cụ ngồi ở ghế trong cùng, kê cửa sổ, thốt kêu lên.

Chiếc TU đã lấy được độ cao cần thiết, bắt đầu bay bằng. Hàng chữ điện “Cài thắt lưng an toàn” đã được tắt đi. Nhưng ngoài cửa sổ vẫn cuộn cuộn mây.

- Mây cận quá, bác nhi, với tay ra là với được - Bà cụ nói - Y thể cây lá ngoài vườn.

Tay vận complet nhấc mi mắt lên. Môi y mím chặt, vẻ căng thẳng đổi thành quàu quạu.

- Vậy mà sao nhiều người họ kháo là tàu bay trời cao được hơn mây bác nhi? Tay nọ làm thình.

- Chả biết đâu trời đâu đất thế này biết lối nào mà về bến, thưa các bác?

Không được trả lời, bà cụ chẳng dám hỏi han gì thêm. Bà ngồi im, ôm chặt trong lòng một chiếc làn mây. Hình vóc bé nhỏ, teo tóp của bà như chìm lấp vào thân ghế. Khi cô tiếp viên đẩy xe đưa bữa điểm tâm đến, bà không muốn nhận khay đồ ăn. Bà bảo com nước lạ kiểu chẳng đũa bát gì chẳng quen, mấy lại đã ăn no bụng hồi sớm, mấy lại cũng thực tình là già chẳng có lắm tiền. Cô gái ân cần giải thích để bà cụ yên tâm rằng giá của suất ăn này đã được tính gộp trong tiền vé.

- Thảo nào hai lượt tàu bay những triệu bạc - bà cụ nói - Vậy mà lúc biểu già tằm vé các chú không quên cùng đơn vị với con trai già ngày nọ bảo là tốn có trăm ngàn. Các chú ấy cho già thì có, chứ còn tính ở quê đừng nói triệu với trăm ngàn, ngàn với trăm cũng khó.

Bà cụ hạ chiếc bàn gấp xuống song không bày bữa ăn lên đấy. Tất cả các thứ hộp thứ gói trên khay bà dồn hết vào chiếc làn mây. Bà chẳng ăn chút gì. Lúc người ta mang đồ uống đến, bà cũng chỉ xin một cốc nước lọc. Bà hỏi cô tiếp viên:

- Đã sắp đến sông Bến Hải chưa con?

- Dạ thưa - Cô gái nhìn đồng hồ đeo tay - Còn chừng dăm phút nữa ạ. Nhưng thưa cụ vì chúng ta bay trên biển nên không ngang qua sông mà sẽ chỉ ngang qua vùng trời vĩ tuyến 17.

- Lát qua đây con bật dùm già cái cửa tròn này con nhé, cho thoáng.

- Ấy chết, mở thế nào được ạ. Cô gái bật cười.

Ngoài cửa sổ nắng loé lên, cánh máy bay lấp lánh, nhưng chỉ trong chốc lát. Trên rất cao này, trời vẫn còn mây. Người tôi nôn nao như ngồi trên đu quay. Chưa chuyến nào thấy mệt như chuyến này. Có lẽ vì con bão đang hoành hành ở miền trung nên không trung đầy rẫy ổ gà. Máy bay chòng chành, dòi lắc, bên thân và dưới sàn khe khẽ phát ra những tiếng răng rắc như sắp rạn.

Tay vận complet xoè diêm châm thuốc. Là dân nghiện nhưng lúc này tôi thấy gai với khói. Lẽ ra y nên xuống phía dưới mà thả khí chứ chẳng nên phốt lò hàng chữ “không hút thuốc” sáng nay trước mũi y như vậy, tôi sẽ uể oải thảm nghĩ, đập tờ báo lên mặt và nhắm mắt lại. Giấc ngủ thiu thiu chậm chậm trườn tới.

- Làm cái gì vậy? Hả! Cái bà già này!

Tôi giật bản mình. Tôi bị giàng khỏi giấc ngủ không phải vì tiếng quát, tay ngồi cạnh tôi không quát to tiếng, chỉ nạt, nạt khẽ thôi, đủ nghe. Nhưng âm hưởng của nỗi hoảng hốt và sự cục cằn trong giọng y như tát vào mặt người ta. Thận trọng, tôi liếc nhìn. Khói thuốc và cặp vai to đùng của y che khuất cả bà cụ già, cả ô cửa sổ.

- Này, cô kia, cô nhân viên! - Y sang trọng đứng dậy mắng - Tới mà nhìn! Đây là hàng không hay là cái xô bếp? Là phi cơ hay là cái miếu thờ thế này, hả?



- Van bác... - Bà cụ sợ sệt - Bác ơi, van bác... Chẳng là, bác ạ, bữa nay giỗ thằng cả nhà tôi. Non ba chục năm rồi, bác ơi, tôi mới lên được đến miền cháu khuất.

Tay nọ gần như bước xéo lên đùi tôi, xắn ra lổ đi. Bộ mặt hồng hào bùng bùng giận dữ và khinh miệt.

Bà cụ ngồi, lặng phất, lưng còng xuống, hai bàn tay chắp lại, gầy guộc. Trên chiếc bàn gấp bày đĩa hoa cúng, nải chuối xanh, mấy cái phẩm oản và ba cây nhang cắm trong chiếc cốc thủy tinh đựng gạo. Một bức ảnh ép trong tấm kính cỡ bàn tay để dựng vào thành cốc.

Cô tiếp viên vội đi tới. Cô đứng sững bên cạnh tôi. Không hề kêu lên, không thốt một lời, cô lặng nhìn.

Máy bay vươn mình nâng độ cao vượt qua trần mây. Sàn khoang dốc lên. Cái bàn thờ nhỏ bé bóng của bà cụ già hơi nghiêng đi. Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một tờ báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.

Khói nhang nhả nhẹ, bốc lên du dương, mờ mỏng trong bầu không khí lành lạnh của khoang máy bay. Những cây nhang trên trời thả tỏa hương thơm ngát. Ngoài cửa sổ đại dương khí quyển ngời sáng.

(Bảo Ninh, *Mây trắng còn bay*,

[https://isach.info/story.php?story=may\\_trang\\_con\\_bay\\_bao\\_ninh](https://isach.info/story.php?story=may_trang_con_bay_bao_ninh))

**Câu 1.** Chủ đề của truyện *Mây trắng còn bay* là gì?

- A. Lòng biết ơn của con người với những người lính hy sinh vì Tổ quốc thân yêu.
- B. Tâm trạng của người mẹ có con hy sinh trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước.
- C. Những ảnh hưởng của chiến tranh đến số phận, cuộc sống của con người trong quá khứ.
- D. Những ảnh hưởng của chiến tranh đến số phận, cuộc sống con người thời hậu chiến.

**Câu 2.** Việc bà cụ lại hỏi cô tiếp viên sắp đến sông Bến Hải cho thấy cụ có mục đích gì?

- A. Cụ muốn biết khi nào máy bay hạ cánh
- B. Cụ muốn biết mình đang ở vùng địa lý nào
- C. Cụ muốn đến thăm con trai đã hy sinh
- D. Cụ muốn biết mình đã đi đúng chuyến bay chưa.

**Câu 3.** Bức ảnh bà cụ còn lại của con trai biểu tượng cho **những** điều gì?

- A. Sự hy sinh anh dũng của những người lính
- B. Tình mẫu tử cao đẹp và thiêng liêng
- C. Lòng biết ơn của thế hệ đi sau với những người lính
- D. Sự hy sinh của những bà mẹ Việt Nam anh hùng
- E. Lòng cảm thông của những người cùng chuyến bay với bà cụ

**Câu 4.** Chi tiết nào đẩy truyện *Mây trắng còn bay* đến cao trào?

- A. Tay vận compe khó chịu với bà cụ
- B. Bà cụ hỏi về những đám mây
- C. Bà cụ khấn con mình trên máy bay
- D. Cô tiếp viên hàng không kiên nhẫn trả lời bà cụ

**Câu 5.** Dưới đây là những nhận định về thái độ của các nhân vật trên máy bay đối với bà cụ. Hãy tích chữ Đ vào nhận định đúng, chữ S vào nhận định sai.

STT	Nhận định	Đúng/Sai
1	Gã mặc vest comle cảm thông với nỗi lòng của bà cụ	
2	Gã mặc vest comle ích kỷ, vì những lợi ích của bản thân mà bỏ lơ người khác	
3	Cô tiếp viên hàng không dường như đã thấu hiểu nỗi lòng của bà cụ	
4	Nhân vật “tôi” trân trọng và cảm phục trước sự hy sinh của bà cụ	
5	Cô tiếp viên hàng không cảm thấy băn khoăn không hiểu hành động của cụ	

**Câu 6.** Nhận xét về cách sử dụng điểm nhìn trong truyện.

**Câu 7.** Bạn có nhận xét gì về chi tiết ở cuối truyện: “Tôi xoay người sang giữ lấy cái khung ảnh. Tấm ảnh được cắt ra từ một mảnh báo, đã cũ xưa, nhưng người phi công trong ảnh còn rất trẻ.”?

**Câu 8.** Ý nghĩa nhan đề *Mây trắng còn bay* là gì?

**Câu 9.** Lời người kể chuyện và lời nhân vật cho thấy thái độ của tác giả với nhân vật bà cụ thế nào?

**Câu 10.** Bạn nhận được thông điệp gì từ truyện *Mây trắng còn bay*? Viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày, lí giải về thông điệp đó.

## Phần 2. Viết

Nhận định về tác phẩm *Mây trắng còn bay*, có người viết: “Mây trắng còn bay là một áng văn nhẹ nhàng nhưng sâu sắc và chuyển tải được nhiều thông điệp ý nghĩa”. Bạn hãy làm rõ nhận định trên.

### ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

#### Phần 1. Đọc hiểu

Câu 1. D

Câu 2. C

Câu 3. B, D

Câu 4. C

Câu 5.

STT	Nhận định	Đúng/Sai
1	Gã mặc vest comle cảm thông với nỗi lòng của bà cụ	S
2	Gã mặc vest comle ích kỷ, vì những lợi ích của bản thân mà bỏ lơ người khác	Đ
3	Cô tiếp viên hàng không dường như đã thấu hiểu nỗi lòng của bà cụ	Đ
4	Nhân vật “tôi” trân trọng và cảm phục trước sự hy sinh của bà cụ	Đ
5	Cô tiếp viên hàng không cảm thấy băn khoăn không hiểu hành động của cụ	S

Câu 6.

Điểm nhìn được di chuyển từ nhân vật “tôi” (tác giả) sang các nhân vật khác trong câu chuyện. Tôi là nhân vật chứng kiến mọi chuyện và kể lại, đảm bảo tính khách quan, chân thực và tăng tính thuyết phục cho câu chuyện và trực tiếp bày tỏ tình cảm của mình. Điểm nhìn được di chuyển sang các nhân vật khác khi bà cụ bày đồ cúng cho con trên máy bay: điểm nhìn của cô tiếp viên, của tay vận áo comle và tác giả để tạo ra cái nhìn đa chiều, giúp độc giả suy nghĩ, cảm nhận được về ý nghĩa của truyện.

Câu 7.

Đây là một chi tiết rất đắt giá, vừa có giá trị hiện thực, vừa có giá trị nhân đạo. Trong suốt tác phẩm, nhân vật “tôi” chủ yếu là người đứng ngoài, quan sát kể lại câu chuyện thì đến đây nhân vật tôi đã trực tiếp tham gia vào câu chuyện bằng hành động cụ thể “xoài người ra giữ lấy cái khung ảnh”. Đây không chỉ là việc

“tôi” giúp đỡ cụ đơn thuần mà còn khẳng định sự cảm thông, quý trọng đối với bà mẹ có con y sinh trong chiến đấu và lòng biết ơn những người lính đã hy sinh vì Tổ quốc của tác giả. Hình ảnh anh phi công còn rất trẻ, tờ báo thì đã xưa cũ cho thấy hiện thực khốc liệt của chiến tranh đã cướp đi tuổi trẻ, sự sống của những người lính quả cảm.

### **Câu 8.**

Mây trắng: không gian bồng bềnh, hư ảo; mặt khác còn gợi sự thanh thản, bình yên.

Còn bay: trạng thái động.

Ý nghĩa: sự chảy trôi của cuộc đời, quá khứ không ngủ yên.

### **Câu 9.**

Lời người kể chuyện và lời nhân vật cho thấy thái độ tôn trọng, biết ơn của tác giả đối với bà cụ. Qua lời nhân vật “tôi” và cô tiếp viên hàng không, tác giả thể hiện niềm cảm thông, lòng biết ơn với những bà mẹ đã có con hy sinh vì Tổ quốc.

### **Câu 10.**

HV đưa ra thông điệp phù hợp.

Một số gợi ý:

- Cần trân trọng, biết ơn những người lính đã hy sinh trong chiến tranh.
- Cần biết ơn, chăm sóc những người thân của các liệt sĩ đã hy sinh trong chiến tranh.
- Cần phê phán lối sống ích kỉ của những người lãng quên công lao của thế hệ cha ông đã hy sinh để có được độc lập ngày hôm nay.
- Cần phát huy lối sống uống nước nhớ nguồn.

### **Phần 2. Viết**

Có thể tham khảo dàn ý sau:

Dàn ý cần đảm bảo 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài, trong đó:

- Mở bài:
  - + Giới thiệu ngắn gọn về truyện ngắn Mây trắng còn bay và tác giả Bảo Ninh.
  - + Nêu ý kiến khái quát về nhận định được đưa ra trong đề bài.
- Thân bài:

Làm rõ nhận định trong tác phẩm *Mây trắng còn bay* thông qua việc phân tích 2 luận điểm:

  - + Áng văn nhẹ nhàng: cách đặt tiêu đề, giọng văn, điểm nhìn,...

+ Sâu sắc, chuyên tải được nhiều thông điệp ý nghĩa: thông điệp về lòng biết ơn đối với những người có công với Tổ quốc, cách ứng xử của những người trên cùng một chuyến bay,...

- Kết bài: khẳng định lại ý kiến của bản thân về nhận định và liên hệ thực tiễn.

## ĐỀ SỐ 2

### a) Ma trận đề

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết (TL)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	Đọc (tích hợp Thực hành tiếng Việt)	Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm	2	2	1-2	1	6-7
		Truyện ngắn / tiểu thuyết hiện đại					
		Bi kịch					
		Kí, tùy bút hoặc tản văn					
		Thơ					
		Văn bản thông tin					
		Văn nghị luận					
		Tác gia Nguyễn Du					
		Thực hành tiếng Việt					
		<b>Tỉ lệ (%)</b>	<b>15%</b>	<b>15%</b>	<b>10%</b>	<b>10%</b>	<b>50%</b>
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	1	1	1	1	
		Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng.					
		Viết bài thuyết minh có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận					
		Viết báo cáo nghiên cứu.					
		<b>Tỉ lệ (%)</b>	<b>10%</b>	<b>17%</b>	<b>15%</b>	<b>8%</b>	<b>50%</b>
<b>Tổng %</b>			<b>25</b>	<b>27</b>	<b>25</b>	<b>15</b>	<b>100</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>57%</b>		<b>43%</b>		

### b) Thiết kế đề kiểm tra (90 phút)

#### Phần 1. Đọc hiểu (5.0 đ)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Trong ý nghĩ của công chúng, hoạt động khoa học thường được coi là một việc làm hoàn toàn duy lý, chỉ dựa trên logic thuần túy và tước bỏ mọi cảm xúc, và vật lý cũng là một môn khoa học nên hoàn toàn không biết đến thưởng ngoạn cái đẹp. Nó không có quyền đưa ra những đánh giá tốt, xấu, mà chỉ tính đến những sự kiện chính xác, lạnh lùng và khách quan. Tuy nhiên, dù là một nhà khoa học nhưng tôi vẫn nhạy cảm với cái đẹp và sự hài hòa của thiên nhiên như một nhà thơ hay một họa sĩ. Trong công việc, ngoài những suy ngẫm, cân nhắc ở cấp độ lí trí ra, tôi vẫn thường để mình bị dẫn dắt bởi những suy ngẫm mỹ học.

(2) Ý nghĩ cho rằng công việc của một nhà khoa học hoàn toàn không có xúc cảm là hết sức sai lầm. Con người luôn có lí trí và tình cảm, và nhà khoa học cũng như bất kì ai, không thể tách rời những cảm xúc của mình ra khỏi lí trí khi đi tìm cách đối thoại với tự nhiên. Các nhà bác học vĩ đại nhất cũng đều đưa ra ý kiến rõ ràng về vai trò của cái đẹp đối với khoa học. Chẳng hạn nhà toán người Pháp Henri Poincaré đã nói: “Nhà khoa học không nghiên cứu tự nhiên vì mục đích vụ lợi. Anh ta nghiên cứu nó vì tìm thấy ở đó niềm vui sướng; và anh ta tìm thấy niềm vui sướng bởi tự nhiên rất đẹp. Nếu tự nhiên không đẹp, nó sẽ không đáng để nghiên cứu và cuộc đời cũng sẽ không đáng sống”. Tôi hoàn toàn tán thành ý kiến này. Đối với tôi niềm đam mê nghiên cứu thực tại, không nghi ngờ gì nữa được thúc đẩy trước tiên bởi cái đẹp của thế giới.

(3) Vậy cái đẹp trong khoa học là gì? Trước hết đó chính là vẻ đẹp vật chất của thế giới, nó đập ngay vào mắt chúng ta và làm chúng ta choáng ngợp. Như Mặt Trời không phải chỉ là nguồn sống, là ánh sáng và năng lượng; nó còn là nguồn của sự lộng lẫy và kinh ngạc. Khi đùa giỡn với bụi nước, với các phân tử khí và các tinh thể băng, khi phản xạ trên bề mặt các hạt bụi, cây cối, núi non, khi soi mình trên mặt nước đại dương và ao hồ, hay khi luồn lách giữa các đám mây, trong sương mù, Mặt Trời của chúng ta đã tạo ra những khung cảnh thiên nhiên tuyệt vời, làm dịu trái tim và an ủi tâm hồn. Một vẻ đẹp thường xuyên an ủi và đôi khi thậm chí còn cứu rỗi chúng ta.

(4) Thế giới không “bắt buộc” phải đẹp, nhưng nó thực sự là như thế. Chúng ta sống trong một thế giới đầy những kì quan quang học, và bầu trời là một bức tranh hoành tráng nơi màu sắc và ánh sáng tác động và phô diễn một cách bất ngờ nhất. Bạn không thể không ấn tượng với cầu vồng - cái vòng cung đa sắc khổng lồ xuất hiện giữa những giọt nước mưa ở cuối một trận mưa dông, sự hài hòa về sắc màu và sự hoàn hảo của các cung tròn đã tạo nên cây cầu nối giữa hai bờ thơ ca và khoa học, khiến người ta phải khâm phục và sùng kính. Rồi cảnh hoàng hôn, một

lễ hội của sắc vàng, cam và đỏ chiếu rọi bầu trời ngay trước khi vầng dương biến mất dưới chân trời. Khi chúng ta buồn, đôi khi chỉ cần nhìn bầu trời xanh, đầy nắng không một gợn mây cũng đủ để vui bớt nỗi muộn phiền. Những cảnh cực quang, khi ánh sáng bị khúc tán với những sắc màu, hình dạng và chuyển động biến hóa dường như vô tận, mà chúng ta chỉ quan sát thấy ở những vùng vĩ độ cao, quả là một cảnh tượng thần kì khiến ta phải nghẹt thở. Chúng ta sống trong một thế giới cực kì phong phú và đa dạng, với một thiên nhiên không ngừng tự do sáng tạo và đổi mới. Trong các chuyến đi thường xuyên tới các đài thiên văn ở khắp nơi trên thế giới, tôi luôn kinh ngạc trước những rừng xương rồng trong môi trường khô cằn hoang dã và uy nghi của sa mạc Arizona, nơi có đài thiên văn Kitt Peak, hay sự hùng vĩ của dãy Andes ở Chilê nơi đặt đài thiên văn Nam Âu. Do không thể cạn kiệt, sự tráng lệ của tự nhiên không bao giờ làm tôi hò hững.

(*Thế giới tuyệt đẹp*, trích *Vũ trụ và hoa sen*, Trịnh Xuân Thuận, NXB Tri thức, 2018)

**Câu 1.** Nội dung chính của văn bản là gì?

**Câu 2.** Tác giả đưa ra bằng chứng nào để làm sáng tỏ nhận định “thế giới đầy những kì quan quang học”?

**Câu 3.** Việc trích dẫn ý kiến của Henri Poincaré có tác dụng gì với mạch lập luận của tác giả?

**Câu 4.** Nhận xét về mối quan hệ giữa các đoạn văn trong văn bản.

**Câu 5.** Nêu nhận xét về cách tác giả sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm, thái độ của con người trước cái đẹp của thế giới tự nhiên.

**Câu 6.** Chúng ta sống trong một thế giới cực kì phong phú và đa dạng, với một thiên nhiên không ngừng tự do sáng tạo và đổi mới”. Bằng trải nghiệm của mình, anh/chị hãy bổ sung thêm một dẫn chứng để làm sáng tỏ nhận định của tác giả.

**Câu 7.** Anh/chị có đồng tình với quan điểm cái đẹp của tự nhiên có thể làm dịu trái tim, an ủi tâm hồn, đôi khi thậm chí còn cứu rỗi chúng ta không? Vì sao (trả lời bằng một đoạn văn khoảng 5-7 câu)?

## **Phần 2. Viết**

Xu hướng giáo dục trực tuyến thay thế các lớp học truyền thống là xu hướng nhất thời hay tương lai của nền giáo dục? Viết một văn bản nghị luận trình bày quan điểm của anh/chị về vấn đề trên.

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>5,0</b>
	<b>1</b>	Nội dung chính: Thể hiện quan điểm của tác giả về cái đẹp trong khoa học	0,5
	<b>2</b>	Tác giả chứng minh qua những ví dụ về vẻ đẹp của màu sắc, ánh sáng trên bầu trời	0,5
	<b>3</b>	Trích dẫn để tăng sức thuyết phục cho luận điểm về vai trò của cái đẹp với khoa học	0,5
	<b>4</b>	Đoạn (1) nêu quan điểm: khoa học cũng gắn với mỹ học; đoạn (2) khẳng định quan điểm; đoạn (3) giải thích về cái đẹp trong khoa học; đoạn (4) chứng minh thế giới luôn chứa đựng cái đẹp. Các đoạn văn kết nối logic làm nổi bật vấn đề.	0,75
	<b>5</b>	- Hệ thống các từ ngữ tác giả sử dụng để diễn tả tình cảm, thái độ của con người trước cái đẹp của thế giới tự nhiên: choáng ngợp, khâm phục, vui bất nổi muện phiền sùng kính, nghệt thờ, kinh ngạc,... - Nhận xét: cách sử dụng từ ngữ phong phú, sinh động, tinh tế, gợi hình ảnh, giàu sức biểu cảm.	0,75
	<b>6</b>	HV nêu dẫn chứng phù hợp trong thực tiễn để làm sáng tỏ vẻ đẹp phong phú và đa dạng của thế giới, một “thiên nhiên không ngừng tự do sáng tạo và đổi mới”, ngoài dẫn chứng của tác giả về vẻ đẹp của màu sắc, ánh sáng trên bầu trời.	1,0
	<b>7</b>	- HV cần nêu thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần - HV lựa chọn lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, hợp lí để giải thích, chứng minh cho ý kiến của mình; lập luận logic, chặt chẽ	1,0
<b>II</b>		<b>VIẾT</b>	<b>5,0</b>
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Bài viết đầy đủ 3 phần, chặt chẽ, logic. Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25



	<i>Trình bày quan điểm cho biết giáo dục trực tuyến thay thế các lớp học truyền thống là xu hướng nhất thời hay xu thế tương lai của nền giáo dục</i>	
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HV có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận; trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ. Phần triển khai đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	3.0
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực trạng giáo dục trực tuyến đang thay thế giáo dục truyền thống do sự phát triển của khoa học công nghệ, do tình hình dịch bệnh trên toàn thế giới nói chung, do những ưu thế của giáo dục trực tuyến.</li> <li>- Khẳng định giáo dục trực tuyến là xu thế tương lai do những lợi ích mà nó mang lại như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự thuận tiện và linh hoạt về thời gian, địa điểm học tập</li> <li>+ Khả năng tương tác cao giữa GV và HV</li> <li>+ Khả năng quay trở lại để ôn luyện theo nhịp độ học tập của người học</li> </ul> </li> <li>- Đưa ra được dẫn chứng về những lợi ích của giáo dục trực tuyến so với giáo dục truyền thống</li> <li>- Liên hệ thực tiễn đến bản thân.</li> </ul>	
	<p><i>d. Diễn đạt và trình bày</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp</li> <li>- Vốn từ ngữ phong phú, có từ ngữ, biểu cảm; kiểu câu đa dạng;</li> <li>- Sử dụng phép liên kết đa dạng, linh hoạt để liên kết các đoạn, các câu với nhau.</li> <li>- Trình bày chữ viết cẩn thận, rõ ràng, sạch sẽ.</li> </ul>	1,0
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Một số chỗ thể hiện quan điểm (cách nhìn) mới và diễn đạt độc đáo, mới mẻ.</p>	0,5

### ĐỀ SỐ 3

#### a) Ma trận đề

- Dạng 1: Đọc hiểu văn bản văn học, nghị luận văn học; viết đoạn văn nghị luận văn học, bài văn nghị luận xã hội.

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu (Đọc hiểu văn bản văn học, Văn bản nghị luận văn học)	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
		Nghị luận văn học (viết đoạn văn)	1	5%		5%		10%		20%
II	Năng lực Viết	Nghị luận xã hội (viết bài văn)	1	7.5%		10%		22,5%		40%
		<b>Tỉ lệ %</b>			22,5%		35%		42,5%	
<b>Tổng</b>			7	100%						

- Dạng 2: Đọc hiểu văn bản thông tin, nghị luận xã hội, viết đoạn văn nghị luận xã hội, bài văn nghị luận văn học

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu (Đọc hiểu văn bản thông tin, văn bản nghị luận xã hội)	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
		Nghị luận xã hội (viết đoạn văn)	1	5%		5%		10%		20%
II	Năng lực Viết	Nghị luận văn học (viết bài văn)	1	7.5%		10%		22,5%		40%
		<b>Tỉ lệ %</b>			22,5%		35%		42,5%	
<b>Tổng</b>			7	100%						

b) *Thiết kế đề kiểm tra (120 phút)*

### **Phần 1. Đọc hiểu (4,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

#### **Nghe tiếng hành tinh thầm thì**

*Tất cả thanh âm của một hệ sinh thái, từ tiếng suối chảy róc rách đến tiếng riu rít chim ca, hòa phối với nhau tạo thành một “khung cảnh âm thanh” (soundscape) độc nhất, như một thứ “vân tay” của môi trường sống đó ở một trạng thái nhất định. Thế nhưng, loài người đã mang đến sự tuyệt chủng và biến đổi khí hậu - những sự ồn ã làm thay đổi cách thiên nhiên thầm thì.*

Các nhà khoa học đã chia thế giới âm thanh thành hai nhóm. “Giao hưởng địa lý” (geophony) gắn với các hoạt động tự nhiên như thác nước đổ hay tiếng âm âm của động đất. Còn lại là “giao hưởng sinh học” (biophony) được tạo ra bởi các sinh vật sống. Và rồi tiếng ồn của con người vang lên khắp quả đất, đến nỗi chúng ta đã phải gọi tên nhóm âm thanh thứ ba: “ồn ã nhân gian” (anthropophony).

#### **Sự tĩnh lặng đáng lo của rừng già**

Khi Eddie Game gắn một vài thiết bị ghi âm nhỏ bằng chiếc ví lên những thân cây ở Papua New Guinea, anh ấy đã ở sâu trong dãy núi Adelbert, cách con đường gần nhất khoảng ba ngày đi bộ băng rừng. Một loại máy sẽ ghi nhận siêu âm - âm thanh mà tai ta không thể nghe thấy; loại máy còn lại dành cho những âm thanh trong ngưỡng nghe của tai người. [...]

Mặc dù rừng mưa nhiệt đới chỉ che phủ khoảng 6% bề mặt Trái đất, chúng là nơi sinh sống của hơn một nửa số loài động thực vật. Trong khung giờ sôi động nhất, những cánh rừng thật sự rung động bởi âm thanh: khí kêu, vượn hú, chim hót líu lo, côn trùng rả rích, ếch kêu ồm ộp, mèo rừng gầm gừ, và còn nào là dơi và các loài gặm nhấm, bò sát... Sức sống của một hệ sinh thái rừng thường biểu hiện qua lượng tiếng ồn bên trong nó. Vì thế, âm thanh sinh học (bioacoustic) lâu nay đã được sử dụng trong nghiên cứu và bảo tồn.

“Có một tín hiệu rất rõ ràng mỗi khi một môi trường bị suy thoái, đó là nó trở nên yên tĩnh hơn” - tác giả Livie Campbell dẫn lời Game trong một bài viết trên trang OneZero hồi tháng 2-2020. Game, nhà khoa học phụ trách khu vực châu Á - Thái Bình Dương thuộc Tổ chức The Nature Conservancy, cho biết đã đến 6 quốc gia và chứng kiến điều tương tự: sự biến mất của những điệp khúc lúc bình minh.

[...] Một dịp khác, khi so sánh mức độ đa dạng của khu rừng đã bị khai thác và chưa bị khai thác ở Borneo (Indonesia), nhóm của Game đã bố trí một mạng lưới các micro cách nhau khoảng 1km trong cả hai loại rừng. Họ phát hiện một xu

hướng đáng lo ngại: sự đồng hóa. “Trong những khu rừng không bị chặt phá, mỗi kilômet âm thanh nghe hoàn toàn khác nhau. Ở những nơi đã bị can thiệp, tất cả đều nghe có vẻ giống nhau” - Game giải thích.[...]

### **Sự ồn ào nguy hiểm của đại dương**

Rõ ràng chúng ta có thể nghe thấy khí hậu đang thay đổi. Nhưng buồn thay, những gì nghe được ở các đại dương lại là những ồn ào hỗn loạn có hại cho sinh vật. Ở Bắc Cực, lớp băng trên mặt biển đã giảm đáng kể do nhiệt độ tăng, tạo ra những vùng nước “lộ thiên” rộng lớn và tồn tại trong thời gian dài. Khi gió thổi qua vùng nước này, nó tạo ra hàng triệu bong bóng khí tí hon và những con sóng, hợp thành tiếng ồn xa lạ. Và hệ sinh thái tại đây “không tiến hóa để đối phó với sự xáo trộn như vậy”, theo nhà hải dương học Kate Stafford (ĐH Washington, Mỹ).

Các loài động vật như cá voi đầu cong (*Balaena mysticetus*) vốn sống ở những vùng nước tương đối yên tĩnh, nay lại phải đối mặt với nhiều tiếng ồn hơn do lượng băng biển - vốn là một lớp “cách âm” của thế giới dưới nước tránh khỏi những âm thanh ngoài môi trường - suy giảm, cũng như sự bùng nổ của tàu vận chuyển và thăm dò dầu mỏ. “Tại một số thời điểm, khi tiếng ồn của máy khoan trở nên lớn hơn, tất cả chúng (cá voi) ngừng kêu, chúng chẳng buồn nói chuyện nữa” - Stafford kể trên Wired.

Hệ sinh thái đại dương vốn đang đối mặt với ô nhiễm, hiện tượng axit hóa, và giới nghiên cứu lo ngại rằng tiếng ồn sẽ là “nhát dao cuối cùng” lên các loài có nguy cơ tuyệt chủng, theo tạp chí khoa học *Nature*.

Bức tranh có vẻ u ám, song tin tốt là chúng ta có thể cắt giảm “tiếng động nhân sinh” dễ dàng và nhanh chóng hơn so với việc giải quyết hiện tượng axit hóa đại dương hay ngành công nghiệp nhiên liệu hóa thạch, theo *Nature*.

Chẳng hạn, năm 2017 cảng Vancouver (Canada) bắt đầu chính sách chiết khấu cho những con tàu chạy... êm, khiến Canada trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới áp dụng sáng kiến khuyến khích tài chính để giảm tiếng ồn đại dương và khí thải. Tháng 11-2018, trong nghị quyết bảo tồn sức khỏe đại dương, Liên Hiệp Quốc cũng ghi nhận “nhu cầu cấp thiết” về nghiên cứu và hợp tác để giải quyết các tác động của anthropophony.

(Lê My, *Tuổi trẻ cuối tuần*, ngày 5/12/2020)

### **Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:**

**Câu 1.** Văn bản *Nghe tiếng hành tinh thì thầm* đề cập đến vấn đề gì?

**Câu 2.** Tác giả đã tiếp cận vấn đề từ những phương diện nào và theo quan điểm như thế nào?

**Câu 3.** “Sự biến mất của những điệp khúc lúc bình minh” cho thấy điều gì đang diễn ra trong đời sống?

**Câu 4.** Nhận xét về cách trình bày và vai trò của các dữ liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

**Câu 5.** Theo bạn, việc nhận thức đầy đủ về vấn đề được đề cập có ý nghĩa thế nào đối với mỗi chúng ta?

## **Phần 2. Viết (6,0 điểm)**

### **Câu 1 (2,0 điểm)**

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: “Tiếng vọng của đại ngàn và hành động của chúng ta”.

### **Câu 2 (4,0 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật được thể hiện trong đoạn trích sau:

Ai có thể đếm được đã bao năm tháng, bao đời người đã đi qua mà cái Tết về đại thể vẫn là một?

Tết gia đình.

Tết dân tộc.

Tết đậm đà phong vị cộng đồng, quăng giải lao giữa hai chặng đường vất vả, gian nan.

Vẫn là ngày hăm ba cúng ông Táo, đêm ba mươi cúng tất niên, hái cành lộc. Vẫn là ngày mùng một he hé cửa đón đợi người xông nhà, dặn dò nhau ý tứ giữ gìn kiêng cử cho khỏi đông cả năm dài. Ngày đầu xuân, cơm nguội không rang để cho đời khỏi khô kháo, nhà không quét cho tài lộc khỏi thất tán. Vẫn là mùi hương hoa ngan ngát nơi bàn thờ ấy. Vẫn là làn không khí mới mẻ, hơi簸ngõ, trịnh trọng ấy. Vẫn những gương mặt cười mở, chan hoà giữa khung cảnh trời đất tươi đẹp vì được niềm phấn chấn của con người thâm nhập giao hoà. Lời chúc mừng tựu trung vẫn mang sắc thái tinh hoa của nền văn hoá dân tộc, phản chiếu những khát vọng hài hoà của con người về một đời sống no đủ, ấm áp và cao đẹp giữa các quan hệ gia đình, đồng bào, bè bạn, thầy trò.

Tết thoát khỏi cái xuất xứ từ làng quê cổ truyền ứng với thời gian nông nhàn, nhưng vẫn còn đầy đủ những nhân tố văn hoá truyền thống và trong sâu xa vẫn là điểm hội tụ sáng đẹp triết lí nhân sinh cao cả về sự chan hoà của con người với tự

nhiên, vẫn là cái biểu trưng về một cuộc khởi hành mới, dấu biết còn gian khó mà vẫn lạc quan, hi vọng.

Ba ngày Tết, gia đình ông Bằng gần như là một khối đơn nhất. Ngày mồng một, họ ở nhà đón khách. Ngày mồng hai, tất cả kéo về làng. Thuận phong mĩ tục hội tụ mọi người trong một cảm quan nhất quán "Mồng một thì ở nhà cha. Mồng hai nhà mẹ, mồng ba nhà thầy", ngày mồng ba, ông Bằng, Đông, Luận đến thăm các thầy giáo cũ của mình.

Ông Bằng qua cơn xúc động bất thường đêm trừ tịch vốn tràn đầy nghị lực, đã trở lại thẳng bằng, với bộ mặt tinh thần thật hào hứng, từ sớm mồng một Tết đón ông thợ mộc hàng xóm đến xông nhà, bà lang Chí và các cụ trong tổ hưu đến chúc Tết. Ông cũng đến chúc Tết họ, ở lại nhà bà lang Chí gần một giờ đồng hồ. Và ngày mồng ba, ông già bảy năm tuổi khép nép như một chú học trò nhỏ cùng bạn đồng khoa đến thăm ông thầy đã gần chín chục tuổi, cung kính chúc Tết thầy, xin thầy mấy chữ làm kỉ vật. Ba ngày Tết, Đông cũng tạm rời bàn tổ tôm, đóng vai ông con trưởng khá thành thực. Chị Hoài tham dự mọi hoạt động như một thành viên chính thức của gia đình. Phượng ngoan ngoãn hiền từ, hoà làm một với sinh hoạt của cả nhà.

(Trích *Mùa lá rụng trong vườn*, Ma Văn Kháng, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1985, tr.86-87)

### Gợi ý trả lời

#### I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm).

**Câu 1. (0,5 điểm).** Văn bản *Nghe tiếng hành tinh thì thầm* đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu biểu hiện qua sự thay đổi những thanh âm của cuộc sống.

**Câu 2. (0,5 điểm).** Tác giả đã tiếp cận vấn đề từ các phương diện: âm thanh từ các hoạt động tự nhiên (“giao hưởng địa lý”); âm thanh được tạo ra bởi các sinh vật sống (“giao hưởng sinh học”); âm thanh của con người (“ồn ã nhân gian”)

**Câu 3. (1,0 điểm).** Trong văn bản, tác giả đã chỉ ra: sức sống của một hệ sinh thái rừng thường biểu hiện qua lượng tiếng ồn bên trong nó. Do vậy, “sự biến mất của những điệp khúc lúc bình minh” cho thấy một môi trường đang bị suy thoái, không còn sự sôi động, không còn những thanh âm đa dạng tạo nên bản hoà ca của núi rừng.

**Câu 4. (1,0 điểm).** Trong văn bản, tác giả đã đưa ra nhiều dữ liệu tin cậy trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. Đó là những công bố từ kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, từ các con số, các biểu hiện cụ thể đến những

nhận xét, kết luận logic, khách quan. Đây chính là yếu tố tạo nên sức thuyết phục của văn bản.

**Câu 5. (1,0 điểm).** Việc nhận thức đầy đủ về vấn đề được đề cập giúp cho mỗi chúng ta có hiểu biết đầy đủ hơn về những biểu hiện đa dạng của biến đổi khí hậu và những hậu quả của nó. Đồng thời, tác giả đã chỉ ra mối quan hệ giữa “tiếng động nhân sinh” với “sự tĩnh lặng đáng lo của rừng già”, “sự ồn ào nguy hiểm của đại dương”. Từ đó mỗi chúng ta có thể xác định những suy nghĩ và hành động thiết thực từ góc nhìn cá nhân để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cụ thể là giảm tiếng ồn và khí thải ở đại dương, giữ lại những thanh âm vang động của rừng già.

## **II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)**

### **Câu 1. (2,0 điểm)**

Đoạn văn có thể được triển khai theo nhiều cách khác nhau (diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp,...), song cần đảm bảo yêu cầu về hình thức, dung lượng (đoạn văn, khoảng 200 chữ) và các ý chính sau:

a) **Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề “Tiếng vọng của đại ngàn và hành động của chúng ta”

b) **Thân đoạn:** Làm rõ vấn đề nghị luận bằng lí lẽ và minh chứng.

- Tiếng vọng của đại ngàn là thông điệp về sự tồn tại và sức sống của thiên nhiên xung quanh chúng ta, đồng thời cũng là lời kêu cứu và tiếng nói cảnh tỉnh về sự suy thoái môi trường thiên nhiên đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ; trong đó chính con người đang góp phần vào sự suy thoái đó.

- Chúng ta cần có “tiếng nói đồng vọng” với đại ngàn bằng những hành động thiết thực, bằng sự hợp tác giữa các quốc gia để bản hoà ca của đại ngàn mãi là những thanh âm đẹp, sôi động vang lên từ bình minh đến hoàng hôn. Đó cũng chính là những hành động vì cuộc sống thanh bình của chính chúng ta.

c) **Kết đoạn:** Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

### **Câu 2. (4,0 điểm)**

Bài viết có thể triển khai theo các cách khác nhau song cần đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát, khẳng định lại vấn đề; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt; thể hiện được suy nghĩ, quan điểm của cá nhân về vấn đề nghị luận, diễn đạt mạch lạc.

#### **a) Mở bài**

Dẫn dắt, giới thiệu khái quát vấn đề nghị luận: đoạn trích đem đến cho người đọc những cảm nhận sâu sắc về ý nghĩa Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam.

## **b) Thân bài**

### **b1. Phân tích chủ đề của đoạn trích**

- Miêu tả không khí Tết cổ truyền của dân tộc với những nét đáng đặc trưng mang đầy đủ phong vị Tết, thể hiện rõ “những nhân tố văn hoá truyền thống” và “là cái biểu trưng về một cuộc khởi hành mới”.

- Miêu tả những hoạt động của một gia đình trí thức trong ngày Tết, những hoạt động thường diễn ra trong tất cả những dịp tết đến xuân về, đó cũng chính là những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, kết nối các thành viên trong gia đình ông Bằng thành “một khối đơn nhất”, gắn kết, yêu thương.

### **b2. Phân tích đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích**

- Sự kết hợp giữa các yếu tố tả, kể, bình luận đem đến giọng điệu và màu sắc riêng cho đoạn trích, tác động sâu sắc đến nhận thức và cảm xúc của người đọc.

- Cách kể chuyện, dùng từ, đặt câu tạo nên giọng điệu và sức hấp dẫn đối với người đọc khi tiếp nhận văn bản.

### **b3. Bàn luận, đánh giá**

- Ý nghĩa của đoạn trích: khẳng định những giá trị văn hoá truyền thống bền vững của dân tộc; lí giải vai trò to lớn của gia đình đối với quá trình hình thành nhân cách con người.

- Thể hiện phong cách viết của nhà văn Ma Văn Kháng: kết hợp giữa tự sự và trữ tình, giàu tính triết lí, văn phong tinh tế.

## **c. Kết luận**

Khẳng định lại vấn đề nghị luận; nêu cảm nhận và bài học cho cá nhân.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT* ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT*, ngày 30 tháng 12 năm 2021 ban hành Quy định về đánh giá học viên theo học chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH (21/07/22) hướng dẫn tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực HV các môn học*, Vụ Giáo dục Trung học.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, Mô đun 2: Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực HV THPT môn Ngữ văn*, Trường ĐHV TP HCM, Chương trình ETEP.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn GV cốt cán thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Ngữ văn*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn GV cốt cán về xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá học viên theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực Chương trình GDTX cấp THPT môn Ngữ văn*.
9. Sách giáo khoa môn Ngữ văn lớp 11 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống và bộ Chân trời sáng tạo.
10. Sách Chuyên đề học tập môn Ngữ văn lớp 11 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống và bộ Chân trời sáng tạo.
11. Tài liệu bồi dưỡng GV sử dụng sách giáo khoa Ngữ văn lớp 11 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống và bộ Chân trời sáng tạo.